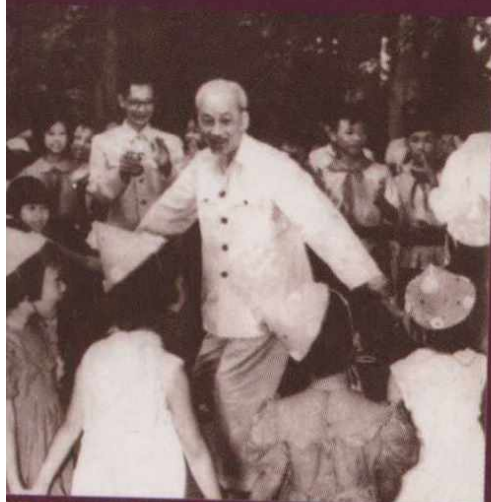


NHIỀU TÁC GIẢ

Tủ sách
Danh Nhân
HỒ CHÍ MINH

NHỮNG NĂM THÁNG BÊN BÁC HỒ KÍNH YÊU



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NHỮNG NĂM THÁNG
BÊN
BÁC HỒ KÍNH YÊU

NHIỀU TÁC GIẢ

NHỮNG NĂM THÁNG
BÊN
ÁC HỒ KINH YÊU

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Bác Hồ đã dành trọn cả cuộc đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân.

Tấm gương phấn đấu, hy sinh của Người đã để lại cho chúng ta lòng cảm phục, kính trọng, lòng biết ơn sâu sắc.

Bác đề tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch chẳng vàng son
Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.

(Tố Hữu)

*Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 118 ngày sinh của Bác (19-5-1890 - 19-5-2008) Nhà xuất bản Thanh Niên tái bản cuốn sách “**Những kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ**” và đổi tên thành “**Những năm tháng bên Bác Hồ kính yêu**”. Ở lần tái bản này, chúng tôi đã bổ sung thêm một số tư liệu mới về Bác.*

Đây là tập hồi ký của những chiến sĩ cảnh vệ - Những người đã may mắn được sống và làm việc bên Bác. Những câu chuyện chân thực và cảm động đã nêu bật được tình cảm sâu nặng của các chiến sĩ cận vệ đối với Bác. Sức cảm hoá kỳ diệu ở Người được toát

ra từ chính tấm gương sáng ngời đạo đức cách mạng và từ những lời khuyên bảo nhẹ nhàng mà vô cùng sâu sắc của Người.

Cuốn sách còn cung cấp cho chúng ta những tư liệu quý về cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, nhất là giai đoạn từ 1941 đến 1969.

Đây là món quà quý của các chiến sĩ cảnh vệ kính dâng Người nhân dịp sinh nhật Bác.

Nhà xuất bản Thanh Niên rất mong sự góp ý của bạn đọc xa gần để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HỎI CHUYỆN NGƯỜI LÁI XE CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Một người bạn cho tôi biết người lái xe riêng của Bác ở số 5A phố Hoàng Hoa Thám. Nhưng đến nơi, tất cả các số nhà đều lộn xộn, không theo một trật tự nào. “Dạ, bà làm ơn cho cháu hỏi thăm nhà ông cụ lái xe cho Bác Hồ ở đâu ạ?”. Ngay lập tức, giữa những cửa hàng, quán xá ồn ào, mọi người chỉ ngay cho chúng tôi lối cần vào.

Đã bước vào tuổi 86 nhưng cụ Nguyễn Tiến Khiếu vẫn còn rắn rỏi, minh mẫn. Cụ chậm rãi kể cho chúng tôi nghe về những kỷ niệm năm tháng được lái xe cho Bác. Trước cách mạng, anh thanh niên Nguyễn Tiến Khiếu làm “lơ” xe đường Hà Nội - Thái Bình, do đó có ít nhiều kinh nghiệm về ô tô. Trong kháng chiến chống Pháp, anh gia nhập quân đội và sau đó được điều về lái xe riêng cho Bác. Như vậy, cụ Khiếu là lái xe riêng của Hồ Chủ tịch từ những ngày đầu tiên Bác dùng ô tô cho đến khi Bác đi xa.

Sau chiến thắng Biên giới 1950, Đại tướng Võ Nguyên Giáp biểu lên Bác một chiếc xe Jeep Mỹ chiến lợi phẩm, nhưng Bác từ chối và bảo:

- Chú là chỉ huy quân sự, chú cần hơn Bác, nên lấy mà dùng.

Thời gian sau, chính phủ Liên Xô có tặng chúng ta 10 chiếc xe Jeep loại 2 cầu và Hồ Chủ tịch bắt đầu có xe riêng từ dạo đó (năm 1952). Sau này, về Hà Nội, Người chuyển sang đi loại xe Pô-bê-đa cho đến khi vĩnh biệt chúng ta. Nhiều lần, các đồng chí trong Bộ Chính trị đề nghị Bác nên dùng loại xe tốt hơn nhưng Bác gạt đi:

- Các chú cứ rườm rà, xe mà cũng có cấp à?

Cụ Khiếu trầm ngâm kể: Bác sống rất cần kiệm, ăn uống thường chỉ có gà rim, tương, rau luộc, cà pháo và một chén rượu nhỏ. Ớt là món không thể thiếu. Hôm nào không có ớt, Bác cười bảo:

- Các chú cắt suất ớt của Bác à?

Trong nhiều năm, mọi quà bánh, thuốc bổ được biếu, Hồ Chủ tịch đều đề nghị chuyển lại cho bộ đội, thương binh. Người hầu như không có khách riêng. Hình như chỉ có một lần duy nhất vào khoảng những năm 60. Đó là lần hai vợ chồng luật sư Lô-dơ-bai và con gái sang thăm Bác. Hồ Chủ tịch giao cho tôi trách nhiệm lái xe đưa hai ông bà đi chơi thăm phố phường và dạo dò:

- Đây là ân nhân của Bác, chú lái xe cho họ phải hết sức cẩn thận.

Qua lời kể của cụ Khiếu, chúng tôi được biết loại thuốc lá Bác hay hút là thuốc Hoa Lư. Thời kỳ nghiện nặng, Bác hút mỗi ngày hết một bao. Thời gian sau, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch khám cho Bác đề nghị Bác thôi hút thuốc. Bác chấp hành và bảo:

- Bác chỉ có mỗi điều thuốc là vui mà các chú tước mất.

Trả lời tôi câu hỏi về công tác bảo vệ lãnh tụ như thế nào, cụ Khiếu kể: “Tất cả đội bảo vệ đều mang súng, kể cả tôi. Nhưng Hồ Chủ tịch thường hay cười nói: “Các chú bắn được một phát thì địch nó đã bắn được cả trăm phát. Bác dựa vào dân là chính””.

Anh bạn tôi vui miệng hỏi:

- Thế có bao giờ các cụ đề nghị Bác Hồ lập gia đình không ạ?

- Cũng có các cô bên Hội Phụ nữ đề nghị Bác chuyện đó, nhưng Người thường nói vui: “Bác lấy ai bây giờ. Cả nước gọi Bác bằng Bác...”.

Sợ nói chuyện lâu làm cụ già mệt, chúng tôi hỏi câu cuối cùng:

- Ngày Tết, Bác Hồ có hay tặng quà riêng cho cụ không?

Người lái xe năm xưa mỉm cười, nét mặt rạng rỡ:

- Chiều ba mươi, tôi hay đưa Bác vào Ủy ban Hành chính Hà Nội dự lễ và chúc Tết đồng chí Trần Duy Hưng. Dự lễ xong, quay ra, Bác cháu đi xe vòng quanh hồ Hoàn Kiếm, cũng có năm đi lên Yên Phụ. Người ngồi ở phía đằng sau, rút trong túi ra hai điếu thuốc lá, đưa vòng cho tôi qua đầu và bảo: “Đây là quà dành cho chú, Bác lấy trong tiệc”, rồi Người tiếp: “Nhân dân ta còn nghèo, năm nay ăn Tết như vậy thật là tốt.”

N.T.V

NGƯỜI CHỤP ẢNH LINH CỬU BÁC KỂ CHUYỆN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Đã có khá nhiều ảnh chụp Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời, nhưng ảnh chụp khi Bác mất, thường chỉ thấy bức duy nhất: Bác đang nằm yên nghỉ trong hòm kính, hai tay đặt thư thái trước ngực, bên phải linh cửu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, bên trái là cụ Tôn Đức Thắng, phía sau là đồng chí Trường Chinh và Phạm Văn Đồng. Tác giả bức ảnh, ông Vũ Tín, kể...

“...19h ngày 1 tháng 9 năm 1969, chúng tôi được lệnh triệu tập gấp đến số 2 Hùng Vương nhận nhiệm vụ. Đến nơi, chỉ có vài anh em phóng viên của Thông tấn xã, bên quân đội, tôi và một người khác. Cấp trên không nói gì, nhưng chúng tôi không ai bảo ai, tất cả đều ngờ ngợ. Cái điều toàn dân không ai mong chờ đã đến sớm như vậy sao?... Sáng ngày 3-9, báo đài đồng loạt đưa tin: Bác của chúng ta đã vĩnh viễn ra đi.

Trời mưa tầm tã. Từ sáng sớm, chúng tôi được đưa vào Phủ Chủ tịch để tham gia công việc tang lễ Bác. Những phóng viên báo chí có mặt đầu tiên, phải đến ba, bốn chục người. Đây là những giây phút cực kỳ quan trọng. Ngoài lễ tang theo nghi thức quốc gia, đây cũng là lần đầu tiên toàn dân được thấy thi hài Bác đặt trong hòm kính sau khi hoàn tất quá trình ướp. Mọi phóng viên đều tự hiểu mệnh

lệnh từ trái tim mình: “Chụp ảnh không tốt là có tội với đồng bào miền Nam”.

- Đã có nhiều lần chụp ảnh Bác, nhưng riêng lần này, cảm tưởng của ông như thế nào? - Tôi hỏi.

- Tôi run lảo. - Người phóng viên già trầm ngâm nhìn xa xăm, nhớ lại:

- Trông Bác vẫn vậy, chỉ có hơi gầy đi một chút. Người như là vừa chợp mắt.

Nét xúc động, ông Tín kể tiếp:

- Có bốn vị lãnh đạo quốc gia: Cụ Tôn Đức Thắng, Tổng Bí thư Lê Duẩn, các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng đến bên linh cữu của Bác, tất cả các máy ảnh thi nhau bấm. Do vị trí được sắp xếp, khu vực các nhà báo ở phía bên phải linh cữu, bên trái là lối đi dành cho đại biểu vào viếng, ở giữa, phía trước là nơi đặt vòng hoa, tôi nhận thấy, nếu đứng đúng vị trí thì sẽ không chụp được phía có đồng chí Lê Duẩn. Tôi sẽ phải đi vòng ra phía sau hậu trường, sang phía bên trái linh cữu Bác. Nhưng việc đi lại trong Hội trường Ba Đình lúc này thật không đơn giản. Anh Vũ Kỳ - thư ký riêng của Bác bảo tôi đến gặp tướng Phùng Thế Tài mà đề nghị. Nhưng biết ông ở đâu giữa mênh mông biển người? Tôi quyết tâm năn nỉ anh Kỳ: “Thời gian không còn nhiều, anh phải giúp tôi thôi”. Anh Kỳ nghĩ vài giây, rồi khoát tay: “Anh đi đi”. Sang bên trái linh cữu Bác, để khỏi ảnh hưởng đến lối đi của các đại biểu, tôi chui vào giữa các vòng hoa. Đây là vị trí thích hợp nhất. Từ chỗ này, nhô đầu lên, thấy rõ linh cữu Bác và xung quanh là bốn vị lãnh đạo cao cấp của Đảng. Có một sự ngẫu nhiên, các đồng nghiệp phía bên kia đều ngừng tay khi tôi bấm máy.

Có lẽ họ thấy vị trí của tôi thuận lợi hơn và cho rằng, bức ảnh của tôi chắc đạt nhất. Về sau, tôi mới chắc chắn đó là bức ảnh duy nhất có hình bốn vị lãnh đạo cao cấp của Đảng bên linh cữu Bác. Ngày hôm sau, trên tất cả các báo trong và ngoài nước, kèm theo tin tang lễ Bác là bức ảnh của tôi. Ngay lập tức, hàng chục triệu tấm ảnh phóng lại để đặt trên bàn thờ Bác trong các gia đình. Đảng ủy các xã, huyện lên Thông tấn xã đặt ảnh liên tục, bao nhiêu cũng không đủ... Kể sao xiết tình cảm của đồng bào với Bác...”

- Nhuận bút ảnh của ông được bao nhiêu? - Tôi không nén nổi tò mò.

- 37 đồng, bằng một tháng lương lúc đó. - Lão nghệ sĩ già mỉm cười.

Nghệ sĩ Vũ Tín đến với nhiếp ảnh khá sớm và cũng thành công sớm. Năm 1960, khi mới 27 tuổi, ông đã đoạt liền hai giải, hạng 2 và hạng 3 tại cuộc thi ảnh của Tổ chức các nhà báo quốc tế (OIJ) với hai sáng tác: *“Ngày mùa trên sân hợp tác xã”* và *“Xóa nạn mù chữ”*. Hồi ấy, ông làm việc tại Hải Phòng. Cùng với chiếc xe đạp cà tàng không phanh, không chuông, người nghệ sĩ đã lang thang đây đó khắp hang cùng ngõ tẽ của thành phố Cảng, của Hải Dương, nhiều vùng quê nghèo để ghi lại hình ảnh quê hương đang hồi sinh ngay sau bom đạn chiến tranh. Một kỷ niệm thú vị là sau khi đoạt giải quốc tế, bạn bè tìm gặp ông để chúc mừng. Nhưng giải thưởng không phải là tiền, mà chỉ là chiếc cúp phalê, khắc hình một phụ nữ. Ông Tạ Đình Đề, lúc đó phụ trách lĩnh vực thể dục thể thao của Tổng Cục Đường sắt đưa ra sáng kiến:

- Bán cho tổ để làm cúp thể thao luân lưu của ngành đường sắt.

Hai bên thoả thuận giá 150 đồng. Bữa liên hoan được chi hết 35 đồng, còn bao nhiêu, bác Tín gái giữ.

Năm 1972, ông vào chiến trường với chức danh Phó Trưởng ban Nhiếp ảnh - Thông tấn xã Việt Nam. Ông có nhiệm vụ nhận phim đã chụp của các phóng viên mặt trận, tổ chức tráng rửa, làm ảnh, duyệt ảnh rồi phát telephoto, chuyển ảnh về trụ sở ở Hà Nội. Một lần, bom rơi trúng hầm trú ẩn làm ông ngất đi. Tỉnh dậy, thấy mình đang trong quân y viện, một bên chân không còn nữa, toàn thân đau xé. Ông không biết rằng mình vừa trải qua một ca mổ không thuốc tê.

Hoà bình, ông trở về Hà Nội với đôi nặng và chiếc máy ảnh cũ. Ông có một niềm vui là được Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh CHDC Đức khi đó mời ông sang Thủ đô Berlin lắp chân giả. Ông là thương binh hạng 2/4. Ông vừa được nhận Huân chương Lao động hạng Hai vì công lao đóng góp cho ngành nhiếp ảnh nước nhà.

Có những chiều ven đô Hà Nội, người ta thường thấy hai ông bà tóc lốm đốm bạc, chở nhau bằng xe máy. Đến đoạn nào có khung cảnh nên thơ, họ dừng xe. Bà lắp chân máy ảnh, ông loay hoay ngắm nghía, bên cạnh là đôi nặng gỗ.

N.T.V

THẨM ĐÂM LÒNG YÊU THƯƠNG CỦA NGƯỜI

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Mỗi lần gặp khó khăn là cảm thấy Bác ở bên cạnh

Bảo tàng Hồ Chí Minh có khoảng 300 hiện vật được trân trọng đón nhận. Một trong những kỷ niệm có giá trị là chiếc đồng hồ có hình ảnh Hồ Chí Minh được Bác tặng ông Vũ Đình Hoè - nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên của Chính phủ lâm thời. Đây là loại đồng hồ kiểu cổ, có nắp mở, được đặt làm ở Thụy Sĩ trong thời gian phái đoàn Hồ Chủ tịch đi dự hội nghị ở Phôngtennơbolô năm 1946. Sau này, chiếc đồng hồ đã được một họa sĩ khắc lên đó hình ảnh Hồ Chí Minh và Bác dùng nó để tặng những người có thành tích hoặc công trạng. Ông Vũ Đình Hoè thường hay để kỷ vật quý giá này ở túi ngực. Ông nói: “Mỗi lần gặp khó khăn trong công tác, trong cuộc sống tôi thường sờ tay lên nơi có chiếc đồng hồ, cảm như thấy có Bác ở bên cạnh chỉ bảo, động viên vượt qua khó khăn”. Cũng tại lễ tiếp nhận này còn có bộ quần áo lụa màu nâu Hồ Chủ tịch tặng Nhà giáo nhân dân Nguyễn Lân do ông đã có đóng góp lớn trong phong trào bình dân học vụ...

“Hôm nay Bác và các chú liên hoan”.

Một bức ảnh tư liệu cổ được công bố trong dịp này là ảnh Bác đang ngồi trên một chiếc chiếu trải ở ngay sân Bắc Bộ phủ, xung quanh là bà con, nhân sĩ, bô lão và cán bộ chiến sĩ quây quần chúc Tết. Đó là cái Tết độc lập đầu tiên vào năm 1946 của dân tộc. Cụ Phan Xuân Thuý - chủ nhân hiệu ảnh Quốc tế nổi tiếng năm nay 86 tuổi, tác giả của bức ảnh nhớ lại: Lúc đó gia đình cụ mở hiệu ảnh ở gần Bắc Bộ phủ, nơi Chính phủ lâm thời đóng. Trong gia đình cụ có một người em trai ruột là Phan Đức Sử - chiến sĩ bảo vệ Bắc Bộ phủ. Vào những ngày tất niên của Tết Độc lập đầu tiên, Hồ Chủ tịch đã gặp các anh em cán bộ chiến sĩ làm công tác ở đây và nói: “Hôm nay, Bác và các chú sẽ liên hoan mừng năm mới, nhà chú nào gần đây thì có thể chạy về nhà mời họ hàng, gia đình cho thêm vui vẻ, đầm ấm”. Sau khi ông Sử chạy về nhà báo, gia đình cụ Thuý gồm ông thân sinh cụ - ông Phạm Xuân Trang và một bà chị cùng cụ Thuý vội vàng đi vào Bắc Bộ phủ. Do gia đình làm nghề ảnh nên cụ Thuý mang theo luôn cái máy ảnh RETINA. Khi đến nơi, chỉ ít phút sau, cụ Thuý đã thấy Bác Hồ từ nơi làm việc đến ngay chỗ các vị khách đang chờ đón Người. Vãn bộ quần áo ka ki giản dị, Người tươi cười đến bên các cụ, dang rộng đôi cánh tay, cất tiếng: “Xin chào các cụ, chúng ta cùng nhau đón Tết”. Chiếu được trải ngay ở sân Bắc Bộ phủ. Họ - những người dân bình thường của Thủ đô và Hồ Chủ tịch - đã cùng nhau đón Tết, một cái Tết độc lập đầu tiên tuy còn khó khăn nhưng tràn đầy tình cảm và hạnh phúc của đất nước từ nay

có chủ quyền. Và cụ Thuý không bỏ lỡ cơ hội, ghi vào máy khoan khắc ấy...

Chúng tôi làm được là nhờ nông hội

Tới dự cuộc gặp gỡ lần này, còn có một đại biểu của kiều bào: đó là ông Nguyễn Văn Ngân, thay mặt chi hội những người Việt Nam ở Tân Đảo (Tân Calêđônê) và Tân thế giới (Vanuatu) đến trao những kỷ vật về Bác, trong đó có bản gốc bức điện ngày 13-7-1946. Bác Hồ cảm ơn Việt kiều ở Tân Đảo đã đóng góp gần 2 triệu frăng giúp nhân dân Việt Nam bảo vệ nền độc lập non trẻ. Trong những ngày đầu tiên của cách mạng, số tiền này quả là một sự giúp đỡ rất lớn cho đồng bào ta. Bên cạnh bức chân dung Hồ Chủ tịch được họa sĩ Trịnh Văn Vỹ gửi từ Pháp về (làm từ những mẫu báo ghép lại) toát lên vẻ dung dị của Bác, còn có một bức tranh lưu niệm mà bảo tàng nhận được hôm nay với yêu cầu không công bố tên tác giả. Bức tranh vẽ chân dung Bác bằng máu, được bảo quản khá cẩn thận, với những lời thơ đề tựa bên cạnh và ghi ngày 9-9-1969, tức là một tuần sau khi Hồ Chủ tịch mất.

Cuối buổi gặp mặt thân tình, nhà thơ Cù Huy Cận đã kể một kỷ niệm về Bác. Sau ngày 9-9-1945, nhà thơ được giao chức trách Bộ trưởng Bộ Canh nông, năm đó ông vừa tròn 26 tuổi. Một bữa, Hồ Chủ tịch cho gọi ông lên và nói: “Tôi muốn giao cho chú thêm một việc nữa. Đó là làm trong Ban thanh tra đặc biệt gồm có 2 người: Chú và cụ Bùi Bằng Đoàn”. Ông Cù Huy Cận nói: “Cụ Bùi Bằng Đoàn là một vị quan có tiếng thanh liêm trong triều đình cũ, còn tôi trẻ quá

nên một hai từ chối”. Bác ôn tồn giải thích: “Chú sợ trẻ quá không đủ sức để làm thanh tra chứ gì. Vậy thì chiều nay chú mang bút lông và mực tàu đến đây. Chú mài mực và tôi sẽ vẽ râu cho chú. Thế là chú sẽ thành thanh tra thôi...” Trước những lời chân tình và vui đùa thân mật của Bác như vậy, nhà thơ đã nhận lời với Người. Cho đến hôm nay, ông Cù Huy Cận vẫn nhớ như in: “Tuy chỉ tồn tại có 5 tháng (từ tháng 11-1945 đến tháng 3-1946) nhưng chúng tôi đã làm được nhiều việc xứng đáng với lòng tin của Bác. Ban thanh tra đặc biệt đã cách chức 2 vị Chủ tịch tỉnh tham ô vài nghìn đồng. Vài nghìn đồng thời ấy là rất to. Mà chúng tôi làm được việc đó do hoàn toàn nhờ vào Nông hội tức Hội Nông dân, mà ngày đó gọi là Nông hội”.

N.T.V

CÂU CHUYỆN

VỀ CHIẾC ÁO CỦA BÁC NGÀY 2-9-1945

NGUYỄN THIÊN VIỆT

(Ghi theo lời kể của bà TRỊNH VĂN BÔ
và nhà văn SƠN TÙNG)

Hiện nay, Viện Bảo tàng Cách mạng vẫn còn trưng bày một chuyên đề đặc biệt gồm những hiện vật liên quan đến thời gian lịch sử 2-9-1945: Chiếc Micro Hồ Chủ tịch sử dụng trong lễ Tuyên ngôn độc lập, một số kèn đồng mà đội quân nhạc cử Quốc ca tại Quảng trường Ba Đình... Và đặc biệt, có bộ quần áo Bác Hồ đã mặc trong ngày lễ khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bộ quần áo bạc màu, cổ sờn tã và ve áo hơi tù.

Như chúng ta đã biết, ngày 23 tháng 8, Hồ Chủ tịch đã về đến thôn Gạ (Phú Thượng, Hà Nội), nghỉ ở đây một ngày. Hôm sau, Người được Trung ương và Thành ủy bố trí đến ở tại gác hai, số nhà 48 Hàng Ngang (là của ông Trịnh Văn Bô - một thương gia yêu nước, cơ sở tin cậy của cách mạng). Về đến Hà Nội, Bác rất gầy yếu, sau những trận ốm và phải đi xa, tuy vậy, các cán bộ xung quanh Bác vẫn thấy đôi mắt của Người luôn tỏa sáng rực. Bà Trịnh Văn Bô, nữ chủ nhân của ngôi nhà 48 Hàng Ngang lịch sử kể lại: Bác từ chiến khu về chỉ có một đôi dép cao su nhãn hiệu Con hổ trắng, chiếc quần soóc nâu, chiếc áo sơ mi ngắn tay, một chiếc can và chiếc mũ phớt bạc màu.

Đêm đêm, Bác thức rất khuya đánh máy chữ. Chuông đồng hồ điểm 12 tiếng, đèn bàn của Ông Cụ mới tắt, nhưng 5 giờ sáng đã thấy Ông Cụ tập thể dục ngoài ban công. Hàng ngày, lúc 7 giờ, ông Vũ Đình Huỳnh đón Bác ra Bắc Bộ phủ làm việc đến chiều mới về 48 Hàng Ngang. Buổi tối, Bác thường xuyên bận vì phải hội kiến làm việc với ông Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt... Sau này, bà Bô mới biết rằng khi tiếng máy chữ vang lên trong đêm khuya ấy chính là lúc Bác Hồ đang thảo bản hùng văn vô giá - Bản Tuyên ngôn lịch sử khai sinh cho Tổ quốc. Thời gian này, Hà Nội đang chuẩn bị cờ hoa và cả vũ khí cho ngày trọng đại sắp tới. Tuy đã 91 tuổi, nhưng bà Bô vẫn còn nhớ rõ những năm tháng đẹp đẽ hào hùng đó, vào khoảng những ngày 26, 27 tức là khi đã ấn định Lễ tuyên ngôn vào ngày 2-9-1945, anh em cán bộ mới sức nhớ ra cần phải trang bị mỗi người một bộ quần áo thật tươi lúc ra mắt trên lễ đài, đặc biệt là Hồ Chủ tịch. Đa số anh em từ chiến khu trở về và kể cả Bác cũng đều ăn mặc những đồ đã cũ sờn hoặc chấp vá tạm bợ. Bà Bô bồi hồi nhớ lại: “Lúc bấy giờ trong tủ của nhà chúng tôi có rất nhiều vải (vì nhà buôn vải vóc), tôi lấy ra mấy súc kaki để may cho anh em. Ngoài ra, trong tủ cũng có hàng chục bộ quần áo khá sang trọng may sẵn mà ông Bô chưa dùng, nên tôi lấy ra cho các anh mặc tạm trước, anh nào mặc vừa bộ nào thì dùng bộ nấy, ông Phạm Văn Đồng, rồi ông Võ Nguyên Giáp... nhưng tầm người như Ông Cụ không hợp bộ nào cả...”. Gần sát ngày lễ, ông bà Trịnh Văn Bô đã chọn riêng loại vải kaki cốtlê của Anh và ông Vũ Đình Huỳnh - nguyên là thư ký lễ tân mang đến xin ý kiến Bác. Bác nói:

- Tôi mặc xuyên xoàng thôi. Không len, dạ đất tiền làm gì, cốt tươm tất giản dị, không phải cà vạt cổ cồn là tốt...

Ông Vũ Đình Huỳnh chợt nhớ tới một bức ảnh của Xtalin nên ướm thử với Bác may theo kiểu áo đó, cũng không có cà vạt mà oai vệ. Bác mỉm cười nói: “Nhưng mình có phải Xtalin đâu”. Bác luôn học hỏi tinh hoa nhưng không chấp nhận bắt chước khuôn mẫu sẵn. Cuối cùng, ông Vũ Đình Huỳnh mời ông Phú Thịnh chủ hiệu may có tiếng ở phố Hàng Quạt tới và trình bày:

- Tôi có người nhà là cụ lý ở quê ra thăm Thủ đô, tôi muốn cắt vài bộ đồ cho cụ, nhờ anh cắt may kiểu áo bốn túi, mặc kín cổ khi có việc quan trọng, lúc thường nhật thì mở khuy áo thoải mái, đi giày, đi dép đều hợp với cụ lý nhà tôi.

Ông Phú Thịnh ngẫm nghĩ một lúc, rồi dè dặt nói:

- Tôi mừng tượng ra kiểu áo ấy rồi. Chỉ cần tính toán cái ve áo nhọn hay tù? - Rồi ông Phú Thịnh ngẫm nghĩ tấm ảnh Xtalin nói: - Kiểu tướng soái này oách lắm, nhưng không hợp với các cụ người nhà mình. Thôi được, tôi sẽ lo liệu để có bộ áo hợp ý với cụ lý.

Hai hôm sau, ông Phú Thịnh đem hai bộ quần áo đến, cười ý nhị nói:

- Tôi trộm nghĩ cụ lý này không phải là lý trưởng mà có lẽ là một cụ lý... khác thường.

Ông Vũ Đình Huỳnh cười đáp lại tình cảm tinh tế của ông thợ may.

Hôm sau, lựa lúc Bác tập thể dục, tắm sáng xong, ông Vũ Đình Huỳnh đem bộ quần áo mới vào. Bác

ướm thử, ngắm kỹ cổ áo và mỉm cười: “Được, thế này là hợp với mình”. Ông Vũ Đình Huỳnh lúc đó đã rất vui và thậm chí mỉm cười nghĩ, chỉ trong vài ngày nữa, ông Phú Thịnh sẽ vô cùng sung sướng và ngạc nhiên vinh dự khi “cụ lý” mà mình may quần áo cho lại chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đọc Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình để khai sinh ra một quốc gia mới - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

N.T.V

CUỘC GẶP GỠ LỊCH SỬ

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Ngay sau ngày đọc Tuyên ngôn độc lập 2-9, với viễn kiến của nhà chính trị thiên tài, Chủ tịch đã cho mời Hoàng thân Xuphanuvông đang làm việc ở Vinh ra Hà Nội để trao đổi về những vấn đề có liên quan đến vận mệnh hai nước và khu vực. Có một điều ngẫu nhiên thú vị là xe đón bị hỏng dọc đường và vào thời điểm này cựu hoàng Bảo Đại cũng từ Huế được mời ra để nhận chức cố vấn Chính phủ, nên hai ông hoàng đã ngồi chung một xe. Hoàng thân Xuphanuvông năm đó 36 tuổi, đã tốt nghiệp trường Đại học Quốc gia Cầu đường Pari và làm kỹ sư trong chế độ bảo hộ thực dân Pháp. Trong hoàng tộc, ông được coi là người trí thức yêu nước và có trình độ học vấn cao. Ông Hoàng không ngờ rằng đây là chuyến đi sẽ làm thay đổi hẳn cuộc đời mình.

Ngày 4-9, xe đến Hà Nội, trời mưa rất to, hai bên đường vẫn còn tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Được tin, 15 giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra thăm Bảo Đại và Xuphanuvông. Buổi tối, tại phòng khách lớn của Bắc Bộ phủ, Tổng bộ Việt Minh và Ủy ban Nhân dân Cách mạng thành phố mở tiệc chiêu đãi cựu hoàng và Hoàng thân. Nhân dân và cách mạng sẵn sàng mở rộng vòng tay với những người Hoàng tộc vào đội ngũ của mình.

Hoàng thân Xuphanuvông ngạc nhiên và khâm phục cách xử sự thân ái, khiêm tốn, giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ đã ở bên nhau, một già, một trẻ, để cùng bàn về tương lai vận mệnh của hai dân tộc trong những ngày đầu tiên của cách mạng.

Trong hồi kí của mình về lần gặp gỡ đầu tiên, bà BuaKhăm Xuphanuvông kể: “Những người tiếp đón đưa tôi vào Bắc Bộ phủ. Cụ Hồ và ông Hoàng thân đang ngồi ăn cơm trong phòng bếp. Thấy tôi, cả hai người đều buông đũa... Cụ Hồ đỡ tôi ngồi xuống ghế, bảo: “Cô ăn cơm luôn”. Cơm nước xong, ông Hoàng đưa tôi về chỗ nghỉ... giữa sàn nhà là một chiếc chiếu rộng và một cái gối mây... Ông Hoàng chỉ chiếc chiếu giữa sàn và nói: “Anh và Cụ Chủ tịch gối chung một cái gối mây này...”

Trong những năm kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng thân Xuphanuvông đã nhiều lần gặp nhau để bàn và trao đổi việc nước. Bác luôn dành cho ông Hoàng và cả gia đình một tình cảm thân ái, ruột thịt, quan tâm săn sóc. Có một câu chuyện nhỏ như sau: Ông Hoàng có 8 người con trai là: Quang, Minh, Chính, Đại, Trung, Thành, Thắng, Lợi. Anh con trai đầu tiên tên Quang cưới vợ. Biết tin Bác Hồ gửi quà tặng một chiếc bút máy Hồng Hà, được đặt làm đặc biệt, với mực xanh Cửu Long. Nhận được quà cưới, anh Quang lại nhắn sang xin thêm một cái bút nữa cho vợ mình. Bác nhắc các đồng chí trong Ban tổ chức Trung ương và một chiếc bút được đặt làm đặc biệt lại được gửi sang. Có điều lần này, bút tặng gửi là bút Cửu Long. Phải chăng, Bác muốn nhắc đến đến hai câu thơ đã từng viết:

*“Việt Lào hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long”*

Bức ảnh trên được chụp vào những ngày tháng 9 năm 1945 khi hai dân tộc Việt - Lào đang đứng trước một vận hội mới của mình. Đó cũng là thời khắc Hoàng thân Xuphanuvông quyết định bước chân vào con đường mới trở thành ngọn cờ lãnh đạo của phong trào kháng chiến yêu nước Lào như người ta vẫn gọi là: “Ông hoàng đỏ” và đưa nó đến ngày toàn thắng. Một ông Hoàng khác trong ảnh - Cựu hoàng Bảo Đại - như chúng ta đã biết không vượt qua được chính mình và tự từ bỏ con đường đi với nhân dân. Sau này nhớ lại lần đầu tiên gặp Bác, Hoàng thân Xuphanuvông đã viết những lời trân trọng: “Nhờ có dịp được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, tôi đã học được rất nhiều điều bổ ích... Mọi vấn đề đã sáng tỏ và trở nên dễ hiểu đối với tôi. Sau đó tôi đã trở về nước để lãnh đạo đấu tranh giải phóng nhân dân Lào”.

N.T.V

MUÔN NGÀN

TÌNH THƯƠNG YÊU CHO NÔNG DÂN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Xuất thân từ nhà nho ở nông thôn nên Hồ Chủ tịch rất thông cảm với cuộc sống gian khó một nắng hai sương của người nông dân. Hiểu rõ vai trò và sức mạnh của nông dân trong cách mạng, Bác luôn quan tâm đặc biệt đến nông nghiệp và dành một tấm lòng ưu ái cho nông dân.

Bác thường xuyên về thăm những đơn vị địa phương có thành tích.

Hồ Chủ tịch đã nhiều lần về thăm những hợp tác xã có năng suất lao động cao, tiêu biểu như xã Xuân La, huyện Từ Liêm (nay là phường Xuân La, quận Tây Hồ) được đón Hồ Chủ tịch về liên tục 2 lần vào năm 1958 và năm 1964.

Lần đầu Bác về vào vụ mùa năm 1958 và không báo trước cho địa phương biết. Lý do chuyến thăm là vì Xuân La có năng suất cao trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Thời gian này, đây là một trong những nơi thí điểm thành công phong trào tổ đổi công mới. Xóm làng hừng hực một khí thế thi đua sản xuất trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đến nơi Bác không vào trụ sở của xã mà đi thẳng ngay ra cánh đồng có năng suất cao, được xã đánh dấu bằng một lá cờ đỏ to. Trên đường ra ruộng,

đi ngang qua trước nhà một nông dân đang có thóc phơi ở sân, Bác tạt vào, rồi cúi xuống cầm những hạt thóc trên tay, ngấm ngấm, kiểm tra xem độ mẩy chắc của hạt... Thăm đồng xong trở về gặp gỡ nông dân, Hồ Chủ tịch căn dặn ân cần: “Năm nay chúng ta được mùa lớn, nhưng bà con vẫn phải chú ý thực hành tiết kiệm. Vụ tới là vụ chiêm phải thi đua tăng gia sản xuất tốt hơn nữa...”. Người dặn dò các em học sinh Hà Nội về tham gia giúp nông dân thu hoạch vụ mùa: “Các cháu là học trò, việc chính là học nhưng tuổi nhỏ làm việc nhỏ, giúp đỡ bà con, nếu chưa quen thì học hỏi đồng bào sẽ quen...”. Bác đứng cạnh bà con nông dân trông như một lão nông già hiền hậu, râu tóc bạc phơ óng ánh. Buổi chiều đầm ấm chan hoà tình cảm giữa vị lãnh đạo đất nước với người nông dân một nắng hai sương vẫn còn đọng trong ký ức của người dân xã Xuân La.

Lần thứ hai, Hồ Chủ tịch về thăm Xuân La, vì nơi đây có thành tích chuyển đổi từ tổ đổi công sang hợp tác xã, đạt tỷ lệ cao nhất ở miền Bắc: 100% số hộ nông dân tự nguyện vào hợp tác xã. Đặc biệt, lần này Bác đến cùng với Chủ tịch Kim Nhật Thành để giới thiệu với Chủ tịch mô hình xã điển hình tiên tiến về nông nghiệp ở Việt Nam, đồng thời kết nghĩa Xuân La với một xã nông nghiệp của Bắc Triều Tiên. Bác đưa Chủ tịch Kim thăm lớp mẫu giáo, thăm đồng và trại chăn nuôi, khu chế biến thức ăn cho lợn... Những người nông dân ở xã đã vô cùng vui mừng hạnh phúc khi thấy hai Chủ tịch cùng nhau sánh bước trên đường làng của họ, cùng xắn quần đi trên những cánh đồng cao sản và trò chuyện về thành tích của xã. Nhiều nông dân trong xã đã chạy ra tặng Bác và Chủ tịch Kim những nông sản cây nhà lá vườn như: Hoa quả, bí đao... Sau khi tiễn Chủ tịch Kim lên xe, Bác ghé

vào thăm trụ sở hợp tác xã. Trụ sở đã được trang hoàng rất đẹp, cán bộ quần áo tề chỉnh, qua cửa sổ thấy có nhiều nông dân đang gầy rơm, phơi thóc, Bác nói: “cán bộ thì phải ra làm cùng dân, chỗ nên để dân làm còn mình thì đứng xem...”. Nói rồi Bác đi ra ngoài sân, bà con biết tin Hồ Chủ tịch nên đang kéo đến rất đông. Cán bộ xã mang bàn ra sân và kê một miếng thảm để lấy chỗ cho Bác đứng nói chuyện, nhưng Hồ Chủ tịch không đứng ở vị trí có bàn, trải thảm mà tiến đến góc xa nơi bà con nông dân đang túm tụm. Bác ưu tiên cho các cháu thiếu nhi ngồi trước, rồi cụ già thanh niên. Hồ Chủ tịch hỏi chuyện những người nông dân về đồng áng, những khó khăn thuận lợi. Người đặc biệt chú ý đến công tác thủy lợi, thứ đến là phân xanh... Bác cũng rất mong các cán bộ xã phải quan tâm chăm sóc nâng cao đời sống cho bà con. Hồ Chủ tịch quay sang một cán bộ xã hỏi:

- Khi bà con ra đồng thì các chú lo cho trẻ nhi đồng thế nào.

Đồng chí cán bộ trả lời:

- Dạ, thưa Bác, các cháu đi học mẫu giáo.

Hồ Chủ tịch hỏi lại:

- Thế sao lúc đi vào cổng làng, Bác vẫn thấy có trẻ lê la chơi nghịch bẩn. Như vậy là các cháu chưa phải hầu hết đều đi học...?

Luôn quan tâm đến người nông dân bết vất vả

Năm 1958, Bác về Nam Định dự hội nghị bàn về “Sản xuất nông nghiệp”. Bác chăm chú lắng nghe các bản báo cáo thành tích của các đơn vị. Bác chú ý bản báo cáo nói về cách làm các loại phân bón. Bác đứng lên nhìn khắp hội trường và hỏi to: “Chú nào gánh

bùn đổ cho hai sào lúa có đây không?” Không có ai đứng dậy. Một đồng chí cán bộ Tỉnh ủy báo cáo là người nông dân đó không thuộc diện tham dự hội nghị này. Bác phê bình và yêu cầu cho người đó đến dự hội nghị ngay. Bác hỏi tiếp, chị em phụ nữ ở đây có còn đội phân nữa không? Các đồng chí cán bộ tỉnh chưa dám báo cáo ngay, may có đại biểu nữ đỡ lời: “Thưa Bác, chị em ở đây không quen gánh nên cái gì cũng đội ạ”. Bác dặn: “Nên tìm cách cải tiến vận chuyển bằng xe để đỡ cho chị em về lâu dài”.

Họp dự thảo điều lệ hợp tác xã đến câu: “Xã viên phải góp ruộng đất, trâu bò, các công cụ chủ yếu”, Bác sửa cho chặt chẽ hơn: “Xã viên phải góp ruộng đất, góp cổ phần, để lại trâu bò và các công cụ chủ yếu”, chữ “để lại” vừa có tình vừa có nghĩa giữa xã viên và hợp tác xã. Trong cuộc họp Bộ Chính trị bàn về nông nghiệp, Bác đề nghị: “Quỹ tích lũy để khoảng 7-10% thu nhập hợp tác xã là quá cao, đời sống dân còn thấp nên tập trung nâng mức sống của dân”. Bộ Chính trị nhất trí, sau đó chỉ để quỹ tích lũy là 5-10%. Bác yêu cầu chuyển nội dung bản điều lệ sang diễn ca phát triển Đài phát thanh cho dân dễ thuộc, dễ nhớ.

Hồ Chủ tịch xây dựng cho mình một hệ quan điểm về vấn đề nông dân trong hệ thống tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Bác đứng về nông dân, bênh vực quyền lợi của nông dân nhưng không sa vào nông dân chủ nghĩa, không quá tải, không xô bồ khi phân tích mặt tốt, mặt phải hoàn thiện của nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ nông thôn.

N.T.V

NGƯỜI PHIÊN DỊCH LUẬT SƯ LÔĐƠBAI KỂ CHUYỆN

Ông Trịnh Ngọc Thái, là một cán bộ lâu năm và có thời gian làm Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, nguyên Đại sứ Việt Nam tại Pháp nay đã nghỉ hưu, có may mắn được phiên dịch cho luật sư Lô- Đơ- Bai vào năm 1960 khi vợ chồng luật sư sang thăm Bác. Chúng tôi có dịp gặp ông để cùng hồi tưởng lại câu chuyện của những ngày giáp Tết năm 1960.

“Vào một ngày rét mướt cuối năm như thế này, Bác triệu tập chúng tôi - lúc ấy là các cán bộ tại Ban Liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng và một số cơ quan khác đến gặp, Bác nói: “Bác sắp đón mọi vị khách đặc biệt sang thăm nước ta, đó là ân nhân của Bác. Các cô, các chú giúp Bác trong thời gian khách ở thăm Hà Nội...” Tôi, anh Cao Hồng Lãnh lúc đó là Phó Trưởng Ban Liên lạc đối ngoại Trung ương, anh Hoàng Đức Nở - Vụ trưởng Vụ Lễ tân), chị Nguyễn Thị Cúc, một số anh em khác được đi cùng Bác ra sân bay Gia Lâm đón vị khách đặc biệt: Vợ chồng luật sư Lôđơbai và con gái. Hồ Chủ tịch chờ ở phòng khách sân bay đã trao cho khách những bó hoa tươi thắm. Ôm hôn - Hai mái đầu tóc bạc bên nhau. Ở lần gặp trước, cách đây 28 năm, họ: luật sư Lôđơbai và nhà yêu nước Nguyễn Tất Thành (lúc ở Hồng Kông Bác lấy tên là Tống Văn Sơ) hãy còn trẻ.

Xe đưa ông bà luật sư về nhà khách Chính phủ, một biệt thự rất đẹp ở số 58, Nguyễn Du. Hai ông bà

ở thăm Hà Nội từ ngày 26-1 đến 3-2-1960. Những lúc rỗi, Hồ Chủ tịch đến thăm khách, cùng ăn cơm và đưa họ đi thăm một số nơi ở Thủ đô. Bác đưa ông bà luật sư đi thăm Nhà máy Cơ khí Trung Qui Mô Hà Nội, xem buổi biểu diễn của các cháu thiếu nhi, thăm trường các cháu miền Nam... Sau đó đoàn có đi thăm vịnh Hạ Long, mỏ Cẩm Phả, Bảo tàng Lịch sử và một số danh lam khác. Trong cuộc mít tinh với công nhân tại Nhà máy Trung Qui Mô, Bác mời hai ông bà luật sư, cô con gái đứng lên bục danh dự và nói: “Bác giới thiệu với các cô các chú đây là luật sư Lôđobai, người đã cứu sống Bác ở Hồng Kông. Nếu không có luật sư thì Bác không biết sống chết ra sao...”

Ông luật sư vui vẻ đứng lên nói chỉ ngắn gọn: “Tôi rất vinh dự được gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh, là người mà tôi đã gặp tại Hồng Kông cách đây gần 30 năm. Đây là vợ tôi và con gái tôi...” và ông nhường lời cho phu nhân.

Tôi phải nói rằng, mọi điều cần trao đổi, Bác nói chuyện trực tiếp với ông Lôđobai bằng vốn tiếng Anh rất tốt của mình, còn tôi dịch cho luật sư khi Bác phát biểu trước công chúng, hoặc giữa luật sư và những người Việt Nam khác. Tại cuộc viếng thăm Viện Bảo tàng lịch sử, nhân lúc nhắc tới bộ quần áo bà luật sư đã may cho Tổng Văn Sơ mặc để thoát hiểm khi đóng vai thương gia xuống tàu đi Hạ Môn vào năm 1933, bộ quần áo đó nay không còn, bà Lôđobai hứa rằng khi về Hồng Kông sẽ may gửi tặng Viện Bảo tàng một bộ quần áo đúng như thế. Bộ quần áo hiện nay để tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh chính là chiếc áo sau này bà luật sư may lại và gửi tặng chúng ta.

- Trong thời gian ở đây, hai ông bà có đi mua sắm và mong muốn điều gì không, thưa ông? - Chúng tôi hỏi.

- Hầu như không, - ông Trịnh Ngọc Thái trả lời - họ là những trí thức chân chính, suốt đời làm việc vì chính nghĩa và công lý, không hề yêu cầu đòi hỏi chúng ta một chút gì, gọi là trả ơn. Ngày đó, ông bà luật sư Lôđobai đã dám giấu “tù nhân” Tống Văn Sơ (tức Nguyễn Ái Quốc) trong nhà rồi giúp Bác đi thoát khỏi Hồng Kông là một điều khá nguy hiểm. Tuy mới chỉ gặp nhau vài lần trong nhà tù, nhưng sức cảm hoá của Bác thật lớn. Luật sư Lôđobai đã thấy, đã tin ở hành động của mình khi giúp đỡ người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc. Ấy vậy mà khi làm khách quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hai ông bà không hề muốn mua sắm cái gì cho mình khi đi thăm các cửa hàng,... Quà tặng chính lúc ông bà ra về chỉ là một quyển album chụp những tấm ảnh gia đình luật sư trong thời gian ở Hà Nội. Có một chi tiết rất cảm động: Lúc tiễn các vị khách quý tại sân bay Gia Lâm, bất ngờ bà Lôđobai quay lại đưa cho tôi một tập tiền đô la Hồng Kông như có ý thanh toán tiền ăn khi ở Hà Nội. Tôi ngạc nhiên quá và nhất quyết không nhận. Nhưng rồi cả hai ông bà cùng nằng nặc bắt tôi phải cầm và để làm vui lòng họ tôi đành nhận rồi chuyển lại cho Vụ trưởng Vụ Lễ tân.

- Thưa ông, trước cuộc gặp gỡ với hai ông bà luật sư, Bác đã có liên hệ nào với ân nhân của mình chưa và do đâu biết được địa chỉ của họ?

- Những lần gặp ông Lôđobai, tôi được biết sau vụ thoát hiểm tại Hồng Kông, Bác có hai lần viết thư cho ông luật sư nhưng vì sợ Bác bị cảnh sát biết địa chỉ và theo dõi, nên luật sư không trả lời. Đến năm 1956, họ mới chính thức liên lạc được với nhau. Tôi cũng được biết những năm quân Nhật chiếm Hồng Kông, ông bà đã bị phát xít Nhật bắt giam và nhà cửa bị tàn phá.

- Gần đây trong phim “Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông” khởi chiếu năm 2003 có đoạn mô tả Bác trong vai một thương gia được vợ chồng luật sư giúp xuống tàu đi Hạ Môn, điều đó có đúng với sự thực không, thưa ông?

- Phim đã mô tả khá chính xác một phần đời của người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc. Tuy nhiên, thực ra khi Bác rời Hồng Kông, Bác mặc bộ quần áo giống như bộ trưng bày ở Bảo tàng Hồ Chí Minh, Người và một thư ký của Luật sư Lôđơbai, trong vai một thương gia và giúp việc, bí mật xuống một chiếc xuồng chạy ra ngoài hải phận Hồng Kông nhằm tránh sự theo dõi của mật thám Pháp rồi lên chiếc tàu An Huy đợi sẵn ở đó như hai người khách đến chậm, tàu đi Hạ Môn. Bác đến Hạ Môn vừa đúng giao thừa, ở trọ trong nhà một người bạn của luật sư, một tháng sau đó đi Thượng Hải và qua Vơ-la-di-vô-stoc (Nga).

- Sau này, chúng ta còn nhận được tin tức gì của ông bà luật sư không, thưa ông?

- Năm 1967, ông Lôđơbai mất, mấy năm sau bà vợ, rồi cô con gái cũng qua đời. Đến năm 2002, một người cháu của ông bà, anh Paul Tagg, từ Anh sang Việt Nam, mới thực hiện được di chúc của ông luật sư: chuyển lại cho Viện Bảo tàng những quà tặng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời: trong đó có bức tranh thêu Chùa Một Cột... Hiện tại những di vật được trưng bày ở Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Trầm ngâm nhớ lại những kỷ niệm cũ, ông Trịnh Ngọc Thái cảm động kể: “Sau khi về, ông Lôđơbai có viết thư cho Bác, có đoạn viết: “Ngài nói tôi là người đã cứu sống ngài, nếu điều đó đúng như vậy, thì đó là việc làm tốt nhất trong cuộc đời sự nghiệp của tôi đã làm được”.

N.T.V

BÁC VIẾT BẢO

VÀ QUAN TÂM PHONG TRÀO TIẾT KIỆM

NGUYỄN THIÊN VIỆT

(Theo lời kể của nhà văn SƠN TÙNG)

Vào cuối năm 1964, tại hợp tác xã Lỗ Khê, huyện Đông Anh (Hà Nội) xuất hiện một phong trào sôi nổi và độc đáo. Đó là cuộc vận động toàn thể nhân dân tích cực tham gia “Cần - kiệm xây dựng hợp tác xã”.

Độc đáo vì mỗi gia đình, mỗi cá nhân đều lên kế hoạch cụ thể về chi tiêu. Cả hợp tác xã chỉ có 240 đồng tiền vốn, làm thế nào đây? Chi bộ họp và quyết định dựa vào dân để vay vốn, chứ không ỷ lại Nhà nước. Các đảng viên phân công nhau về từng tổ để vận động bà con. Các đoàn viên bàn nhau bỏ những việc chi tiêu chưa cần thiết để góp vốn cho hợp tác xã, thậm chí có vài người còn hoãn đám cưới... nhiều cô gái bỏ vốn riêng ra góp. Noi gương các anh chị, thiếu nhi cũng rủ nhau đi bắt cua, hái rau, bán gà vịt do mình tặng gia để giúp cha anh. Đặc biệt ở đây, các cụ già xung phong đi đầu đóng góp được 400 đồng cho xã.

Cuộc vận động tiết kiệm này đã mang lại số vốn “khổng lồ” là 15 nghìn đồng so với 240 đồng khởi điểm. Bằng số tiền tiết kiệm này, xã đã mua được 10 con trâu, 350 con lợn giống và 3.000 đồng giống khoai tây thời vụ, công trình thủy lợi hoàn thành trong 5 tháng (chứ không phải là 3 năm). Biến 200 mẫu (chứ không phải là 48 mẫu), một vụ bắp bênh thành 2 vụ...

Nhưng quan trọng hơn là Lỗ Khê đã nêu một tấm gương điển hình cho cả nước về phong trào tiết kiệm, từng người dân bằng sức của mình đều có thể tích tiểu thành đại, góp gió thành bão cùng nhau chung sức xây nên đại công trường xã hội chủ nghĩa - thế giới mới cho những người áo vải. Báo chí đã đưa tin về cuộc vận động này.

Ngày 18 tháng 1 năm 1964, trên báo Nhân dân, Hồ Chủ tịch đã trang trọng viết một bài báo tên là *“Gương tốt của thanh niên Lỗ Khê. Tết tươi vui và tiết kiệm”*, ca ngợi phong trào của nhân dân trong xã. Bài báo được ký dưới bút danh “Trần Lực”, là bút danh hay dùng của Bác. Hồ Chủ tịch đánh giá cao sáng kiến của nhân dân Lỗ Khê và mong muốn cả nước noi theo tinh thần đó. Người viết rằng: “Những việc tốt mà thanh niên Lỗ Khê làm được, thì chắc thanh niên các nơi khác làm được, và mọi công dân chúng ta làm được...”. Bài báo có đoạn viết: “Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, xã Lỗ Khê (ngoại thành Hà Nội) đã đặt kế hoạch làm cho Tết năm nay tươi vui và tiết kiệm. Các chi đoàn Hà Nội và nhiều tỉnh khác như Hải Phòng, Sơn Tây, Nghĩa Lộ, Thái Nguyên, v.v... đều hăng hái nhận thi đua với Lỗ Khê... Hoan hô sáng kiến tốt của thanh niên! Chúng ta - những người cha mẹ, cô bác - cũng cần phải thiết thực ủng hộ phong trào đó... Vì sao thanh niên Lỗ Khê là người đề xướng phong trào tiết kiệm này? Bởi vì họ có kinh nghiệm mới mẻ và thiết thực”. Trong bài báo, Hồ Chủ tịch đã nêu lên những khó khăn của làng quê Lỗ Khê, cách khắc phục và những thành tựu đạt được của nhân

dân trong xã. Hồ Chủ tịch gửi đến nhân dân trong xã lời khen ngợi và chúc mừng.

Tuy nhiên, tình cảm của Bác dành cho người dân Lỗ Khê không chỉ dừng lại ở đó. Một món quà bất ngờ đến với họ nhân dịp Xuân Giáp Thìn. Hai tuần sau khi bài báo ra đời, Lỗ Khê đón Tết trong một không khí ấm áp, vui mừng, hừng khởi của người dân trước những thành tựu nông nghiệp vừa đạt được. Mồng một Tết, vừa hừng sáng, các gia đình đang sửa soạn cỗ bàn, bỗng từ nhà bà Nga, ở đầu làng có tiếng reo: “B...á...c về! Bác... Hồ... về!”. Cái tin Hồ Chủ tịch về thoáng cái được cả làng biết đến bởi những tiếng reo hò náo nức. Tất cả xã viên, từng nhà đều bỏ dở công việc chạy đổ xô ra đường đón Bác.

Thật kỳ diệu, thật ngạc nhiên Bác trong bộ áo ka ki quen thuộc, đôi mắt rất sáng, chòm râu hiền từ, đội chiếc mũ vải mùa đông, chậm rãi đi bộ trong làng. Nông dân Lỗ Khê cuộn cuộn như một con sông lớn theo chân Người. Vang vang tiếng: Hoan hô Bác về! Hoan hô Bác về!

Bác đi thăm một số gia đình, mừng tuổi các cụ, các cháu rồi mời toàn thể xã viên cùng Bác ra sân đình, để Người chúc Tết và nói chuyện. Hàng nghìn đôi mắt dán vào Hồ Chủ tịch, nuốt lấy từng lời của Người. Bác chào và hỏi thăm sức khỏe của các cụ rồi nói:

- Các cụ, các cô, chú, các cháu có biết vì sao Bác về đây không?

- Thưa Bác, có ạ. Vì xã thực hành tiết kiệm ạ.

- Thế tiết kiệm là gì?

- Thưa Bác, là không lãng phí ạ.

Bác Hồ cười vui rồi nói:

- Bà con Lỗ Khê ta thực hành cần kiệm như vậy là tốt. Cần là xã viên bỏ nhiều công sức ra để làm thủy lợi, khoanh vùng chống úng, cấy tăng vụ, thâm canh tăng năng suất, có nhiều lương thực vừa nâng cao đời sống, vừa đóng góp đầy đủ cho Nhà nước, chi viện cho miền Nam. Kiệm là chống lãng phí trong ăn tiêu, để dành vốn cho sản xuất, xây dựng hợp tác xã. Có tiết kiệm thì đời sống mới cao lên được, mới đóng góp cho miền Nam được nhiều hơn. Đồng bào có đồng ý thế không?

- Thưa Bác, có ạ!

Bác nhắc nhở nhân dân: ở hợp tác xã ta năng suất chưa cao vì thủy lợi làm chưa tốt, việc đắp đê khoanh vùng không nên kéo dài, phải dứt điểm trong 6 tháng nữa, chăn nuôi chưa tốt. Bác vào làng thấy còn ít lợn và lợn rất nhỏ. Phải chăn nuôi nhiều hơn, tốt hơn. Trồng cây còn kém, phải tích cực hưởng ứng Tết trồng cây làm cho làng xóm xanh tươi mát mẻ. Trong cây trồng, vẫn độc canh cây lúa, như thế chưa tốt. Nên trồng thêm màu, chế biến màu. Những việc ấy bà con có làm được không?

Mọi người cùng đáp:

- Thưa Bác, làm được ạ!

Bác chỉ hai câu thơ kẻ trên tường đình và khen hay:

Đón xuân mở hội làm giàu

Mừng xuân cần kiệm lúa màu tốt tươi

Bác Hồ hỏi tiếp:

- Năm nay đồng bào ăn Tết tiết kiệm nhưng có vui không?

- Thưa Bác, vui lắm ạ!

Bác cười chúc đồng bào ăn Tết thật tươi vui rồi đề nghị tất cả cùng hát bài Kết đoàn. Bác giơ tay bắt nhịp, từ sân đình, tiếng hát của hàng trăm trái tim bốc lên vang động làm không khí ấm lại, xua tan giá rét. Mùa xuân đang về. Làng xóm Lỗ Khê chưa bao giờ có một mùa xuân vui như thế.

Noi gương Lỗ Khê, hàng chục Đảng bộ, hàng trăm chi đoàn HTX, xí nghiệp, nhà máy, cơ quan đoàn thể trên miền Bắc đã tổ chức các cuộc vận động người dân thi đua cần, kiệm theo tinh thần Bác dạy. Lỗ Khê trở thành lá cờ đầu của phong trào tiết kiệm. Khắp nơi đâu đâu người ta đều nhắc đến tinh thần đó. Bốn mươi hai năm trôi qua, làng xóm đã thay đổi nhiều kể từ ngày Bác về thăm. Con đường xưa Bác đi, nay đã thành đại lộ, hai bên rợp bóng cây xanh. Năng suất và sản lượng, rồi đời sống bà con ở xã đã thay đổi nhiều. Nhưng bài học Cần Kiệm của Hồ Chủ tịch dạy vẫn định ninh trong lòng mỗi người dân...

Vâng, Người đã viết như vậy ngay từ những ngày đầu của phong trào không chỉ cho thanh niên Lỗ Khê mà còn cho thanh niên cả nước trong bài báo mùa xuân Giáp Thìn: *“Có kế hoạch làm cho cần kiệm thành một nền nếp thường xuyên trong đời sống mới, đạo đức mới”* (Trần Lực).

N.T.V

NÔNG DÂN QUẢNG AN HAI LẦN ĐÓN BÁC

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Vào tháng 8-1962, nhân dân Quảng An (Từ Liêm, Hà Nội) được vinh dự đón Bác về thăm. Câu chuyện vị Chủ tịch nước hai lần về thăm một xã nghèo ở ngoại thành Hà Nội, lần trước cách lần sau một tháng rưỡi, hiện vẫn còn lưu truyền trong các cụ già ở làng như một câu chuyện thời sự.

Ngày 14-8-1962 đến như bình thường, ở trường Mẫu giáo Quảng An. 8 giờ sáng, cô giáo Nguyễn Thị Vân cho các cháu ra sân Phủ Tây Hồ chơi. Trong lúc các cháu đang xếp hàng tập thể dục thì một tổp cán bộ quần áo đại cán đi tới. Cô giáo Vân, năm nay đã là một bà giáo về hưu, tóc bạc trắng, kể: “Năm ấy, tôi vừa tròn 20 tuổi. Trước kia, tôi chỉ được nhìn thấy Bác một lần, từ xa, trong Cung thiếu nhi, khi còn là học sinh đi dự Hội nghị. Thoạt tiên, tôi nghĩ đó là những cán bộ cao cấp của Nhà nước tới khu nhà nghỉ Hồ Tây để nghỉ như thường lệ. Bỗng nhiên, có một vài cán bộ trẻ chạy tới chỗ tôi, xua tay rồi rít và nói: “Bác tới thăm lớp mẫu giáo. Cô cho các cháu vào lớp ngay!”. Năm đó, đất nước vừa thoát khỏi khó khăn gian khổ sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các cháu đều là con xã viên, ăn mặc còn lôi thôi, nhem nhuốc. Bản thân tôi cũng mặc áo vá đi dạy mẫu giáo hưởng

công điểm. Bác vào lớp. Tôi bảo các cháu: “Các cháu chào Bác Hồ đi!”. Tôi thấy Bác xúc động, lặng ngắm từng gương mặt trẻ thơ vô tư và nghịch ngợm trong phòng học vẫn còn ố bẩn với bàn ghế đơn sơ, xộc xệch, chưa đủ tiện nghi. Bác hỏi: “Lớp có bao nhiêu cháu?”. Tôi thưa: “Dạ, thưa Bác có 24 cháu tất cả ạ.” Người ân cần hỏi: “Các cháu là con em của ai?”. Tôi đáp: “Thưa Bác, các cháu là con em của các xã viên hợp tác xã Quảng An ạ”. Bác gật đầu, dịu dàng mỉm cười hỏi: “Thế cô giáo có biết hát không? Cô dạy các cháu bài gì?”. Tôi bắt nhịp các cháu đồng thanh hát hai bài. Bác vỗ tay, hoà theo bài hát của lớp. Bác tiếp tục hỏi chuyện về lớp, cách dạy dỗ các cháu, những khó khăn hiện tại.

Lúc này, bà con nông dân ở lân cận biết tin Hồ Chủ tịch tới, đã kéo đến vây quanh lớp học khá đông. Bác hỏi: “Các cháu có thích ăn kẹo không?”. Các cháu đồng thanh: “Có ạ”. Hồ Chủ tịch mỉm cười. Người đến xoa đầu từng cháu học sinh và chia đều cho mỗi cháu hai chiếc kẹo. Bất ngờ, Hồ Chủ tịch nhìn thấy trong số các cháu có một bé mắt bị sưng, tấy đỏ. Đó là cháu Đỗ Thị Phúc. Bác tiến lại, bế cháu lên và quay sang hỏi: “Làm sao mà cháu lại bị đau mắt thế này?”. Tôi thưa: “Dạ, thưa Bác, cháu bé theo gia đình tản cư hồi chống Pháp lên Phú Thọ trở về, có lẽ do dùng nước bẩn”. Bác ân cần dặn: “Nhớ phải thường xuyên rửa thuốc đau mắt cho cháu và dùng nước sạch”.

Khoảng nửa tháng sau, toàn trường Quảng An nhận được món quà trích từ tiền lương của Hồ Chủ tịch: mỗi lớp được một tủ gỗ đựng đồ chơi và tiền cho các cháu. Ngoài ra, Bác còn đề nghị trích từ tiền của

Bác để xây một giếng sạch cho nhân dân xã Quảng An và yêu cầu y tế xã phải thường xuyên rửa thuốc đau mắt cho các cháu.

Chị Đỗ Thị Phúc - cháu bé 6 tuổi đau mắt năm xưa, nay đã là chủ của một đại gia đình khá giả ở Quảng Bá với 3 trai 1 gái. Các con chị hiện là những vận động viên bơi lội chuyên nghiệp, đã đoạt nhiều giải quốc tế trong năm qua. Chị cho biết thêm: “Ngày hôm sau, Bác đã cử một bác sĩ của Viện mắt Trung ương đến tận nhà khám và chữa cho tôi”.

Trần trở về tình trạng thiếu nước sạch vùng ven Hồ Tây, chiều ngày 29-9-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh quay trở lại xã Quảng An. Người đến thăm gia đình các cán bộ xã - trong đó có gia đình ông Huấn - Chủ nhiệm HTX. Sau đó Người ra đình Quảng Bá nói chuyện với các đại biểu dự hội nghị tổng kết phong trào thể dục vệ sinh mùa hè. Bác nhấn mạnh: “Muốn có sức khỏe, phải ăn ở vệ sinh. Muốn có vệ sinh phải có nước sạch. Muốn có nước sạch phải đào giếng”. Hồ Chủ tịch căn dặn nhân dân Quảng An phải quyết tâm phấn đấu trở thành xã điển hình về vệ sinh phòng bệnh.

Những con đường Bác đã đi qua, gốc cây nơi Bác ngồi nghỉ, các giếng nước sạch của Hồ Chủ tịch vẫn còn đến ngày hôm nay. Ở Quảng Bá, tượng đài có khắc những lời dạy của Người trong chuyến về thăm xã Quảng An năm 1962 trang trọng nằm cạnh đình như một kỷ niệm quý báu về sự quan tâm, chăm sóc của Bác kính yêu dành cho người dân xã Quảng An.

N.T.V

BÌNH RƯỢU QUÝ CỦA BÁC HỒ

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Năm 1967, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bắt đầu bước vào thời kỳ ác liệt. Giữa cảnh bom rơi, đạn nổ có một người châu Âu, đầu đội mũ cối, vừa quay phim vừa khóc.

Thế giới biết đến một nước Việt Nam dũng cảm và bất khuất qua những bộ phim của ông như *“Phóng sự từ miền Bắc Việt Nam”*, *“Mê Kông trong lửa”*, *“Trong rừng xem phim Sapaep”*... Xin nói thêm, chính vào năm 1966, Arseulov Ôlêch Côngxtantinôvich cùng với Comarov (đã mất) là hai nhà quay phim Nga đầu tiên theo các chiến sĩ Việt Nam vào tận ngoại ô Sài Gòn, đến Bến Tre.

*

* *

Ôlêch Côngxtantinôvich mở rộng cánh cửa, tươi cười đón khách. Trước mặt chúng tôi là một ông già ngoại 70, ánh mắt vẫn trẻ thơ, nhân hậu và long lanh một ngọn lửa bí ẩn. Vâng, đã gần 30 năm trôi qua từ ngày ấy. Nghệ sĩ công huân, nhà quay phim nổi tiếng của Liên Xô đã đi qua nhiều cuộc chiến tranh và bây giờ cùng với vợ cũng là nhà quay phim - bà Xvetlân Nhicôlaevna, cả hai ông bà về dạy ở trường Đại học Điện ảnh toàn Nga VGIK (trước là Trường Điện ảnh Liên bang Xô Viết). Nhân dân Nga yêu mến hai ông

bà và gọi họ là “Người Việt Nam”. Bên ấm trà thoang thoang mùi hương hoa, sau khung cửa là bầu trời Nga xanh biếc trầm lắng, ông kể cho chúng tôi nghe những kỷ niệm của một thời trai trẻ hào hùng, oanh liệt.

- Một trong những kỷ niệm mà tôi nhớ là khi quay phim “Phóng sự từ miền Bắc Việt Nam”. Kết thúc bằng cảnh lớp học mẫu giáo tại nơi sơ tán. Tôi đưa các cháu giấy bút và bảo các cháu muốn vẽ gì thì vẽ nấy. Các cháu gái vẽ cảnh thanh bình: Bố, mẹ, nhà cửa, làng mạc, cây cối... Các cháu trai vẽ máy bay Mỹ cháy, súng bắn, chiến tranh. Riêng có một cháu trai ngồi im không vẽ gì cả. Tôi lại gần, hỏi cô giáo:

- Tại sao cháu này không vẽ gì?

Cô giáo đáp:

- Bố mẹ cháu vừa bị bom Mỹ giết hại hôm qua.

Tôi quay nguyên cả tờ giấy trắng đó lên màn ảnh. Nó là loại giấy thô, có dòng kẻ màu tím xiên xiên và mép đã hơi bị quăn. Ba mươi năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn nhớ tên em bé đó. Nó tên là Hải Tùng. Bộ phim được kết thúc bằng trang giấy trắng trẻ thơ với câu thơ của K. Ximônốp: *“Nỗi đau này không của riêng ai”*. Ôlêch Côngxtantinnôvich kể, có lần ông định xin một cháu bé có bố mẹ chết vì bom Mỹ làm con nuôi như bà Blaga Dimitrova (Bungari) nhưng đại sứ không đồng ý. Lại có lần đang quay, ông phải vớt máy quay để xông vào cứu người bị thương sập hầm, rồi lại tiếp tục công việc. Những người lính Việt Nam rất lo cho ông...

Khi bà vợ giáo sư khệ nệ mang ra một mâm những món ăn nấu theo kiểu Nga thì chúng tôi được Ôlêch Côngxtantinnôvich trịnh trọng mời thăm kho rượu

quý của ông. Giữa ngồn ngang những chai Vodka trong suốt, Kônhắc vàng óng là một bình thủy tinh tròn khá to, được đập nút kỹ càng và trong là những con rắn cuộn khoanh tròn. Một bình ngũ xà chính công! Ôlêch Côngxtantinôvich khẽ e hèm, xoa xoa hai bàn tay, liếc mắt tùm tùm cười thú vị trước sự ngạc nhiên của các vị khách.

- Hôm nay, nhân dịp có các vị khách Việt Nam mà tôi rất quý đến chơi, tôi mời các bạn nếm thử loại rượu đặc biệt này. Đây là bình rượu quý của Bác Hồ. Thỉnh thoảng tôi mới uống vào những dịp đặc biệt.

Tất cả vào bàn. Vị giáo sư già loay hoay dùng thìa nhỏ ghé vào miệng bình, múc từng thìa nhỏ và rỏ cái chất nước ónh ánh, sền sệt ấy vào từng cốc của chúng tôi. Chúng tôi, người thì vội vàng lấy máy ảnh, người thì nhìn chăm chăm vào thứ chất lỏng sóng sánh như bị thôi miên, hít hít mũi, thưởng thức hương vị của rượu quê hương đã được cất kỹ 30 năm trong hầm rượu của ông Ôlêch Côngxtantinôvich.

Qua câu chuyện, chúng tôi được biết đây là bình rượu Bác Hồ tặng cho Rôman Cacmen, nhà điện ảnh Xô viết lừng danh, người đã từng làm phim: *“Điện Biên Phủ”*, *“Ánh sáng trong rừng”* và một số phim khác về Việt Nam. Rôman Cacmen coi đây là phần thưởng luân lưu đặc biệt quý nên tặng lại cho bà Pompenxcai, một nhà điện ảnh người Acmênia. Pompenxcai nâng niu, giữ gìn bình rượu quý mãi và trong một dịp sinh nhật Ôlêch Côngxtantinnôvich, bà mang đến tặng lại cho giáo sư và nói: “Chính anh mới là người xứng đáng được nhận món quà quý này của Bác Hồ”. Bình rượu quý này đã nằm trong kho rượu

của Ôlêch Côngxtantinôvich gần 30 năm và chỉ được dùng trong những dịp trọng đại.

Một mùa xuân nữa đang đến gần. Khi những dòng này đến tay ông thì Matxcơva chắc là đang rất lạnh. Nhiệt độ chỉ -40o C.

Chúng tôi nhớ mãi buổi uống rượu rắn năm ấy, những giọt rượu được gìn giữ từ bình rượu quý của Bác Hồ. Chúng tôi nhớ mãi người thầy, người bạn, đồng chí đã ở bên cạnh chúng tôi trong những năm tháng khó khăn, gian lao của đất nước. Nhân dịp một năm mới, xin chúc ông và gia đình mọi điều tốt đẹp nhất, hy vọng trong tương lai, được gặp lại ông, được uống với thầy Arseulêv Ôlêch Côngxtantinôvich- “Người Việt Nam” một chén rượu rắn nhỏ, quà tặng của Bác Hồ, cùng ông hồi tưởng lại một thời đã qua - thời con người sống không chỉ cho bản thân mình.

N.T.V

NGHÌN THU NHỚ BÁC

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Những mẩu chuyện về Bác, những bài học Bác dạy thật đơn giản nhưng bao giờ cũng sâu sắc và có ý nghĩa đặc biệt với các thế hệ Việt Nam. Đó là bài học làm người, bài học về lòng nhân ái... nhưng cho đến hôm nay những bài học ấy vẫn rất thời sự và quý giá với chúng ta.

Dân là người bảo vệ tin cẩn nhất

Đạo còn ở ATK, Bác đi công tác cùng với nhóm bảo vệ. Ông Đinh Công Quyên, người lái xe cho Bác nhớ rõ: Hôm đó, xe đang chạy trên đường thì bất ngờ gặp con suối có cây cầu gỗ nhỏ bắc qua. Cầu mới dựng, trông không chắc chắn. Mọi người xuống xe quan sát, tính toán khả năng chịu lực của cầu. Bỗng từ đâu xuất hiện một ông Ké người Mường. Ông ta tò mò đến bên chiếc ô tô sờ mó, ngắm nghía. Giữa những cán bộ trẻ người Kinh, ông Ké thấy một cụ già áo chàm, chòm râu dài, đôi mắt sáng ngời. Ông tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên, nhìn mãi và lẩm bẩm điều gì đó cho riêng mình. Các chiến sĩ trong đội bảo vệ đoán chắc ông Ké đã nhận ra Bác Hồ, liền đến bên ông yêu cầu đi chỗ khác. Ông Ké có vẻ sợ hãi, vừa đi giật lùi vừa nhìn Bác dăm dăm. Thấy vậy, Bác yêu cầu một chiến sĩ cảnh vệ đưa ông Ké lại gặp Bác. Bác dùng tiếng

Mường trao đổi hồi lâu. Rồi ông Ké mỉm cười, gạt đầu chào Bác và các chiến sĩ ra về. Lát sau, Bác nói với anh em bảo vệ: “Họ đã biết mình là ai rồi, mình bảo người ta đi chỗ khác, lại càng bị lộ. Người dân tộc rất chân thật. Bác đã dặn ông Ké: chúng tôi đi qua đây vì việc nước. Chuyện ông thấy vừa rồi không nên nói cho ai biết, ngay cả với vợ con. Ông Ké hứa sẽ giữ bí mật. Các chú không phải lo gì nữa. Bác đã hỏi ông Ké về khả năng chịu lực của cây cầu. Ông Ké cho biết cây cầu này chính do bà con dân bản của ông làm, rất yếu, nếu ô tô đi qua, có thể sẽ rơi xuống vực. Ông nói, nếu đi dọc theo con suối một đoạn nữa sẽ có một chiếc cầu to hơn, ô tô đi qua dễ dàng, chắc chắn”.

Việc tuy đơn giản nhưng anh em chiến sĩ hôm đó cũng nhận được rõ sự suy nghĩ sâu sắc và cái nhìn rất nhân bản của Bác. Với Bác kính yêu, nhân dân chính là người bảo vệ tin cẩn nhất.

“Ra vào chú nhớ khép chặt cửa”.

Năm 1960, Bác mời cơm một vị khách đặc biệt từ Trung Quốc sang: bà Đặng Dĩnh Siêu, vợ cố Thủ tướng Chu Ân Lai, nhân dịp phái đoàn phụ nữ Trung Quốc sang Việt Nam dự Đại hội Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Bữa cơm trưa hôm ấy tại Phủ Chủ tịch chỉ có 3 người: Bác, bà Đặng Dĩnh Siêu và một nữ phiên dịch người Trung Quốc. Đồng chí Thái Hữu Khang hồi đó làm công tác lễ tân trong Phủ Chủ tịch kể lại: Bác Hồ nói chuyện rất vui bằng tiếng Trung Quốc và hầu như không cần đến phiên dịch bạn. Bác và cố Thủ tướng Chu Ân Lai ngay từ khi còn ở Pa ri vốn đã có quan hệ thân thiết. Tôi đứng gần để phục vụ, chạy ra

chạy vào tiếp các món ăn nóng mang lên từ bếp. Bữa ăn đang vui, chợt Bác quay về phía tôi, ra hiệu lại gần và bảo: “Chú lại đây tôi bảo”. Tôi ngạc nhiên tưởng có chuyện gì sơ suất thì Bác nhắc khẽ: “Ra, vào chú nhớ khép chặt cửa kéo muỗi nó bay vào”. Thì ra căn phòng này có 3 lớp cửa: chớp, lưới và kính. Do đi ra đi vào, tôi sơ ý không đóng hẳn cửa nên Bác nhắc. Đang tiếp khách, nhưng Bác vẫn chú ý những điều tưởng như rất nhỏ nhưng cũng thật tinh tế.

Buổi xem phim cuối cùng của Bác

Cứ hàng tuần vào tối thứ bảy, tại phòng khách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thường chiếu phim. Từ năm 1954 cho đến khi Bác mất, người phụ trách công tác chiếu phim là ông Thái Hữu Khang. Nội dung phim do đồng chí Vũ Kỳ chọn, sau đó ông Khang đi lấy về. Ông Khang nói: Trong phòng chiếu, các cháu hay ngồi trên cùng, bên trái thường là các cô, các chú còn Bác ngồi bên phải, lui lại phía sau một chút. Bên cạnh có bàn đặt gạt tàn và ống nhổ”. Phim chiếu trong 2-3 tiếng đồng hồ nhưng trong hàng chục năm trời, ông Khang chưa thấy lần nào Bác bỏ về sớm. Đã xem là xem đến hết. Buổi chiếu phim cuối cùng vào khoảng ngày 20-8-1969. Hơn 30 năm qua nhưng ông Khang vẫn nhớ như in những ngày cuối cùng được phục vụ Bác. Bộ phim chiếu hôm ấy là phim phóng sự: “*Bài ca anh giải phóng*” của xưởng phim Quân Giải phóng. Thời gian chiếu 40 phút, để khỏi ảnh hưởng tới sức khỏe của Bác. Sau khi mọi người đã ổn định chỗ ngồi thì Bác xuất hiện. Thời gian ấy, vì có tin Bác mệt, sợ nhân dân trong nước lo lắng nên các đồng chí bảo vệ

Bác yêu cầu phòng chiếu tắt đèn. Một bảo vệ soi đèn pin xuống lối đi, còn hai chiến sĩ đỡ Bác hai bên đi vào. Thấy vậy, Bác góp ý cứ bật đèn. Sau vài giây, phòng chiếu sáng trở lại. Theo thông lệ, trước khi chiếu phim, các cháu thiếu nhi hay hát một bài. Hoặc là “Kết đoàn”, hoặc “Giải phóng miền Nam” và Bác hoà nhịp cùng các cháu. Nhưng hôm đó, khi đồng chí Vũ Kỳ đứng lên bắt nhịp thì không ai có thể cất nổi tiếng hát. Trong tim mỗi người đều trĩu nặng niềm lo lắng đau đáu cho Bác. Bác ơi! Chẳng lẽ Bác mệt như vậy sao?... Rốt cuộc, vì không ai hát, đồng chí Vũ Kỳ phải hát thay. Anh đi khom khom, bắt hai tay sau lưng, giả làm con voi và hát một bài hài hước: “Con voi con voi, cái vòi...”.

N.T.V

BÁC HỒ ĐI CHÚC TẾT VÀ CUỘC GẶP MẶT KỲ DIỆU

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Tôi đã nhiều lần đi qua phố Lý Thái Tổ. Ở Hà Nội, trong những năm qua, có lẽ đây là một trong những phố ít thay đổi nhất. Đèn đường vẫn màu vàng giăng giăng và hàng sấu xanh rì, trầm ngâm, yên lặng qua hàng thế kỷ. Ở đâu, trong những ngõ nhỏ phố này, một đêm giao thừa cách đây 40 năm (Tết Nhâm Dần, 1962), Bác đã đến chúc Tết một gia đình nghèo nhất thành phố? Thật bất ngờ, cảm động và vĩ đại! Câu chuyện này, đồng chí Vũ Kỳ đã nhiều lần kể lại qua báo chí nhưng thời gian trôi qua, bao nhiêu biến thiên, ông không nhớ rõ ngõ nào, căn hộ ở số bao nhiêu, gia đình xưa bây giờ ở đâu, sinh sống ra sao. Nhờ một sự tình cờ may mắn, chúng tôi đã có dịp gặp lại họ - những người chứng kiến câu chuyện kỳ diệu cách đây non nửa thế kỷ.

Tối hôm 30 tháng Chạp, sau khi vui Tết cùng các cháu thiếu niên ở Cung văn hoá thiếu nhi, Bác Hồ đề nghị với đồng chí Trần Duy Hưng- lúc ấy là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để đoàn tiếp tục đi thăm và chúc Tết một số nơi trong thành phố, trong đó sẽ đến một hộ thuộc loại nghèo nhất. Tất nhiên, chuyến thăm của Bác sẽ không báo trước để tiếp xúc được tự nhiên và bảo đảm an ninh.

19 giờ 30 phút, xe dừng lại trước một ngõ nhỏ ở phố Lý Thái Tổ - ngõ 16A. “Đêm ba mươi Tết, trời rét căm căm, đường trong ngõ tối om và gập ghềnh, sâu khoảng 30 mét. Hình như bên phải ngõ có một hàng phố đã đóng cửa” - đồng chí Vũ Kỳ nhớ lại.

Năm đó, ngõ 16A Lý Thái Tổ chưa khang trang, sạch sẽ như ngày nay. Cuối ngõ vẫn còn lối thông ra Bờ Hồ để bà con trong xóm ra gánh nước ăn ở một vòi nước công cộng. Các nhà trong xóm đều đang chuẩn bị Tết, sửa sang bàn thờ, nấu nướng, dọn dẹp. Nhà ông Phúc đang sửa tấm ảnh Bác treo trước bàn thờ cho ngay ngắn thì Bác bất ngờ hiện ra trước cửa. Cả nhà chột sững sờ thấy ông cụ mắt sáng, có dáng quen quen như người trong ảnh, mãi mấy giây sau họ mới nhận ra Bác. Hồ Chủ tịch chúc Tết gia đình, hỏi thăm sức khoẻ, công tác và chia kẹo cho các cháu.

Trước khi sang nhà bà Tín, Bác nói: “Tết năm nay, chúng ta đã khá hơn ngày xưa rất nhiều. Nếu bà con gắng lao động hơn nữa thì sang năm, đời sống chắc chắn sẽ cao hơn”.

Gia đình cụ Lý Hùng - bà Tín ở trong ngõ 16A được xếp vào loại hộ nghèo nhất. Ông Hùng trước làm ở Nhà máy điện Yên Phụ và là người có công bảo vệ gìn giữ máy móc khi thực dân Pháp rút khỏi Thủ đô Hà Nội năm 1954. Năm 1957, ông qua đời vì bệnh tật, để lại cho bà Tín một nách 5 con nhỏ (3 gái, 2 trai). Bà Tín thường ngày phải xoay xở làm thuê, làm mướn vất vả để nuôi đủ 5 miệng ăn: Cô con gái đầu năm đó mới 14 tuổi, cô út tròn 5 tuổi.

Khi Bác Hồ vào nhà thì bà Tín đang đi gánh nước thuê, hai cháu trai đang chạy đi chơi. Căn nhà nhỏ

một gian, hơn chục mét vuông chỉ kê một cái phản, gần đấy là bàn thờ, trên chỉ có nải chuối xanh, hương đang thắp nhưng không thấy có bánh chưng - đồng chí Vũ Kỳ nhớ lại.

Ba cô bé thấy có khách lạ thì ngồi tùm cả lại ở góc phản. Bác Hồ hỏi:

- Mẹ các cháu đi đâu mà giờ này chưa về?

Cô lớn nhất bạo dạn trả lời:

- Dạ, thưa ông, mẹ cháu đi gánh nước thuê ở đầu ngõ ạ.

Đồng chí Vũ Kỳ xoa đầu cháu bảo đi gọi mẹ về. Cô lớn nhất tên là Lý Phương Liên chạy vụt ra gọi mẹ và hai em trai về. Hồ Chủ tịch lấy kẹo và âu yếm chia đều cho các cháu. Loại kẹo Bác thường mang theo để chia cho các cháu là kẹo vừng nấu bằng mạch nha, bọc giấy có mác Hải Hà. Bà Tín gánh nước về đến nhà, nhận ra Bác, đánh rơi quang gánh và oà khóc. Bác hỏi thăm an ủi, động viên và dặn dò phải dạy dỗ, chăm sóc kỹ càng các cháu bé. Bác nói với đồng chí thư ký lấy ra gói quà: một miếng lụa tặng cho bà Tín. Bà Tín rơm rớm nước mắt nghẹn ngào nói:

- Gia đình chúng cháu nghèo khổ, bố các cháu mất rồi, nay lại được Bác đến thăm, cho quà thật là sung sướng quá.

Hồ Chủ tịch lau nước mắt cho bà Tín rồi nói:

- Bác không đến thăm cô và các cháu thì thăm ai...

Ra về, Hồ Chủ tịch động viên bà Tín:

- Sang năm sẽ khá hơn.

Rồi Bác quay sang dặn dò cháu Liên:

- Con là lớn nhất, con phải cố gắng vươn lên giúp mẹ và các em.

Lúc này, bà con trong ngõ xóm biết tin Bác Hồ đến nên đã kéo đến khá đông. Hồ Chủ tịch chúc Tết tất cả mọi người và chia kẹo cho các cháu trong ngõ.

Ngõ 16A Lý Thái Tổ nay đã thay đổi nhiều. Sau này, căn nhà của bà Tín đã được sửa chữa lại bằng sự giúp đỡ của chính quyền địa phương. Năm 1968, bà Tín mất, anh con trai lớn của bà - anh Lý Phát - cũng đi bộ đội. Căn nhà năm xưa được Bác đến thăm vẫn như cái tổ ấm của mấy chị em, sống trong sự đùm bọc, thương yêu của bà con ngõ xóm. Chị Lý Phương Liên học hết trung học đã trở thành công nhân nhà máy điện, nổi nghiệp cha và sau này nổi tiếng với bài thơ "*Ca bình minh*"... Năm 1972, chị được chọn về công tác tại báo Nhân dân, rồi được đi học lớp lý luận, nghiệp vụ và năm 1975, chị theo chồng vào Sài Gòn, công tác tại Đài truyền hình Tp. Hồ Chí Minh, nay đã về hưu. Những người con xưa của bà Tín nay đã trưởng thành, có người đã có cháu nội, cháu ngoại. Ngôi nhà cũ của gia đình đã bán đi. Chủ mới đã sửa sang, nâng cao thành 3 tầng, nhưng câu chuyện về một vị Chủ tịch Nước thương yêu dân, đến thăm hỏi một gia đình nghèo trong ngõ nhỏ đêm ba mươi Tết vẫn còn lưu truyền mãi mãi.

Sau khi tìm được nơi ở của những người con bà Tín (chị Liên đã vào Tp. HCM), tác giả bài báo đã gọi điện báo tin cho ông Vũ Kỳ và ông tỏ vẻ vui mừng, ngạc nhiên, muốn mời những người con của bà Tín đến chơi. Ngược lại, những cô bé của tối ba mươi Tết năm xưa cũng muốn được đến thăm "bác thư ký" đã chúc Tết gia đình họ cùng với Bác Hồ kính yêu năm ấy.

Cuộc gặp mặt sau 40 năm diễn ra thật thú vị và cảm động như một bài thơ có hậu.

Có cả những giọt nước mắt và những nụ cười. Chúng tôi cùng nhau xem lại tấm ảnh xưa, hàn huyên và cùng nhau hồi tưởng lại hình ảnh Bác Hồ với mái tóc trắng bông bênh như cước đang hỏi thăm, động viên chị Tín. Bên cạnh là những cô bé năm xưa nay đã là mẹ, là bà.

Đồng chí Vũ Kỳ năm đó mới ngoài 40 tuổi thì nay đã 82 tuổi, mái tóc cũng đã bạc. Ông tiễn khách ra cửa, cảm ơn và nói: “Cứ sống cho tốt là Bác Hồ sẽ vui”.

N.T.V

CÂU CHUYỆN KỶ NIỆM TỪ NGƯỜI CHỊ CỦA BÁC

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Một buổi chiều mùa đông năm 1945, chiến sĩ trung đội cảnh vệ Bắc Bộ phủ Tạ Doãn Dịch (nay là đại tá đã nghỉ hưu) bỗng thấy một người phụ nữ miền Trung, dáng vẻ lam lũ tần tảo, trạc ngoài 60 tuổi, trong tay là một túi xách lỉnh kỉnh những hoa quả và vệt xin vào gặp Bác. Chiến sĩ cảnh vệ hỏi:

- Bà là ai và muốn gặp Hồ Chủ tịch có việc gì?

Bà khách trả lời, giọng Nghệ nặng nặng, ấm áp:

- Tôi ra thăm em, em tôi là Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Chiến sĩ cảnh vệ vô cùng ngạc nhiên vì dáng vẻ giản dị, khiêm nhường của người chị vị Chủ tịch nước - vị anh hùng của dân tộc đang dắt dẫn con thuyền cách mạng vượt qua muôn nghìn chông gai, ghềnh thác. Thông tin về vị khách quý được báo ngay lập tức và lát sau Hồ Chủ tịch trong bộ ka ki quen thuộc, gương mặt xanh gầy với đôi mắt rất sáng vội vã bước ra từ cuộc họp Chính phủ. Hai chị em đứng sững một giây rồi ôm chầm lấy nhau mừng mừng tủi tủi, mắt rơm lệ. Cuộc hội ngộ sau gần 40 năm của Bác với chị ruột của mình đã diễn ra như vậy. Ngày ra đi, anh Nguyễn Tất Thành hãy còn rất trẻ, vậy mà bây giờ, râu tóc đã phôi pha. Tổ quốc giang sơn tuy đã đòi được về, nhưng còn đó muôn ngàn trùng gian khó, vây quanh là giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm...

Trưa hôm đó, bữa ăn gặp mặt được tổ chức tại nhà ông Đặng Thai Mai (vì bà Thanh không chịu ra nhà khách Chính phủ để khỏi làm phiền em mình, và lại gia đình bên nhà ông Đặng Thai Mai với bên nhà Bác cũng là chỗ giao hảo lâu đời từ thuở Đông Du), Lúc bữa ăn dọn ra, trên bàn có nhiều món vịt, và thậm chí có cả một đôi chân vịt luộc đặt ngay ngắn trong đĩa... Hồ Chủ tịch ngạc nhiên quay sang hỏi:

- Hôm nay anh chị Mai cho ăn sang quá, toàn là vịt cả thôi...

Nghe thấy thế, ông Đặng mỉm cười trả lời:

- Đâu có, chúng tôi hôm nay cũng ăn ké thôi, đây là vịt chị Thanh mang từ trong quê ra, dọn làm để chiêu đãi Bác...

Nghe dứt câu trả lời của cụ Đặng, Hồ Chủ tịch bỗng vội đứng dậy. Người ngay ngắn đẩy lùi chiếc ghế ra sau, khoanh chấp hai tay trước ngực, hướng về phía bà Thanh nói:

- Thưa chị, 40 năm chị em ta xa cách, em sống bôn tẩu nơi xứ người, một lòng hy sinh cho quê hương Tổ quốc, đến hôm nay mới có ngày gặp lại. Chị vẫn thương em nhỏ dại như ngày nào, và nhắc em nhớ đến gia phong nhà ta thuở trước. Em vẫn nhớ lời dạy của bà, em còn nợ bà 7 roi...

Trong khi mọi người chưa hết ngạc nhiên vì câu chuyện kỉ niệm thời thơ ấu của Bác, thì bà Thanh đỡ Bác Hồ ngồi xuống, vui vẻ nói:

- Em ra đi bao nhiêu năm, rồi bây giờ lại làm Chủ tịch của cả đất nước. Thế mà không quên những món ăn quê nghèo, thú quê như thế là rất tốt. Chị mang vịt ra cho em ăn để xem em có nhớ đến những chuyện

xưa ở nhà ta không, còn giữ được cốt cách như ông bà cha mẹ mong muốn không? Chị rất vui vì đã bao nhiêu năm nhưng con người em không hề thay đổi.

Sau bữa cơm trưa hội ngộ lịch sử hôm đó, bà Thanh ở chơi Hà Nội vài hôm với em rồi nặng nặc đòi về, giữ thế nào cũng không ở. Hà Nội thì bà đã biết từ những ngày đầu tham gia phong trào Đông Du, thời kỳ ra để liên lạc với các thân sĩ. Qua nhà văn Sơn Tùng, chúng tôi được biết thêm nhiều tư liệu về thân thế sự nghiệp của bà Thanh, một tấm gương tiết liệt của người phụ nữ yêu nước. Bà đã từng đi tù 9 năm vì tội tham gia phong trào Đông Du của Phan Bội Châu. Ông Sơn Tùng đã có nhiều dịp gặp bà và được nghe bà kể những chuyện về thời thơ ấu của Bác, và câu chuyện về bữa cơm thịt vịt năm xưa. Bà Thanh sinh năm 1884 (tuổi Giáp Thân) tuy từ bé không đến trường nhưng bà được học chữ Nho qua mẹ và bà ngoại. Hai bên nội ngoại của gia đình Bác đều là những dòng khoa bảng lớn. Lúc còn nhỏ, bà hay ở với bà ngoại để trông nom mỗi khi cha (cùng với mẹ và hai em) ra Huế dự thi. Năm đầu tiên của thế kỷ 20 (Tân Sửu - 1901) gia đình Bác có một đại họa: Bà Hoàng Thị Loan - mẹ Hồ Chủ tịch mất - tuy nhiên, cũng trong năm đó đã có một tin vui đến với gia đình: ông Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng, đỗ cùng khoa với các cụ Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế... Trong những lúc ông Nguyễn Sinh Sắc làm quan phải xa nhà, bà Thanh và hai em thường tá túc ở nhà bà ngoại. Có lần trong một buổi giỗ, bà ngoại cho hai anh em Nguyễn Sinh Cung mỗi người một chiếc chân vịt (lúc này họ chừng 11-12 tuổi). Lát sau bà ngoại thấy hai anh em

đương giăng co xô đẩy nhau chiếc chân vịt, va vào chồng bát đĩa làm đổ bể. Bà ngoại hỏi tại sao thì được biết lý do bởi cậu Cung đòi đổi lấy cái chân vịt của ông anh vì nom nó có vẻ to hơn; bà lấy cây roi ra rồi nói:

- Hai cháu còn nhỏ mà đã tranh nhau vì miếng ăn, sau này lớn lên chắc sẽ còn giành nhau vì tham lam? Nếu không thay đổi tính, sau này lớn lên có giúp ích gì được cho người nghèo không? Bây giờ bà phạt mỗi cháu 10 roi, nhưng bà chỉ đánh 5 roi còn cho chịu 5 roi.

Sau khi phạt người anh, đến lượt mình, cậu Nguyễn Sinh Cung nói:

- Cháu là em, bé hơn, nên lẽ ra không phải phạt.

Bà ngoại nghe vậy bảo:

- Cháu là em, ít tuổi hơn, mà đòi tranh của anh đáng ra phải phạt nặng. Nhưng vì cháu còn bé, bà chỉ đánh 3 roi còn cho chịu 7 roi.

Cuộc gặp gỡ năm 1945 là lần gặp cuối cùng của Bác với người chị ruột của mình. Năm 1954, bà Thanh mất khi Hồ Chủ tịch đang công tác tại Liễu Châu (Trung Quốc). Sau chuyến công du trở về nước, Người mới biết tin qua báo cáo của các đồng chí ở Trung ương thì đã muộn. Hồ Chủ tịch rất đau lòng vì đã không thể về chịu tang chị mình và thậm chí không gửi kịp cả bức điện chia buồn. Mãi cho đến năm 1957, Bác mới có dịp về thăm quê và thắp hương cho những người ruột thịt của mình.

N.T.V

NĂM TẾT “KIẾN QUỐC”

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Tết năm 1946 (Bính Tuất) - một Tết đặc biệt trong lịch sử dân tộc, Tết đầu tiên giành được tự do, độc lập cho đất nước sau gần 100 năm đô hộ của thực dân. Và đây cũng là Tết đầu tiên Bác Hồ và Trung ương Đảng về đón năm mới tại Hà Nội trong một không khí dầu sôi lửa bỏng, thù trong giặc ngoài, nhà nước công nông trẻ tuổi đang đứng trước thách thức nghìn cân treo sợi tóc. Tối 30 Tết, gần giao thừa, theo như lời đồng chí Vũ Kỳ sau này kể lại, Hồ Chủ tịch cùng thư ký, hai bác cháu xuống đường hòa vào trong dòng người đi dạo trên phố như những du khách bình thường của Hà Nội để đón chào xuân. Theo mong muốn của Chủ tịch, hai bác cháu rẽ vào một ngõ hẻm nhỏ phố Hàng Khoai để thăm và chúc Tết một gia đình nghèo của thành phố. Họ đã tìm vào một căn nhà nhỏ, đồ đạc sơ sài, tiện nghi nghèo nàn và ông chủ thì vẫn đang thiêm thiếp trên giường có vẻ không biết năm mới sắp sang. Rõ ràng đây là một hộ nghèo điển hình của thành phố mà Bác muốn gặp trong dịp Tết độc lập đầu tiên. Đồng chí Vũ Kỳ sau này nhớ lại: Đó là một phu kéo xe sống độc thân, anh ta vừa kéo xong những cuộc xe cuối cùng trong năm và đương nằm nghỉ, hình như đang bị sốt. Trong ánh sáng chập choạng của đêm 30, anh ta vô cùng sửng sốt ngạc nhiên khi thấy có hai người khách lạ, một già, một trẻ đến thăm và

chúc Tết mình trong giờ phút năm cùng tháng tận đó. Có lẽ, anh ta cũng không biết đó chính là vị Chủ tịch nước đầu tiên của đất nước sau hơn một thế kỷ bị ngoại quốc đô hộ. Sau phút vào thăm anh phu kéo xe, hai bác cháu lại tiếp tục đi đón xuân và về Phủ Chủ tịch để chúc Tết các cán bộ và đồng bào cả nước - gương mặt Bác trầm tư.

Ngày hôm sau, mừng một Tết, Bác Hồ gửi thư chúc Tết chiến sĩ và đồng bào trong cả nước có những dòng sau:

Hỡi đồng bào toàn quốc,

Hôm nay là mừng một Tết, ngày Tết đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi thay mặt Chính phủ chúc đồng bào năm mới muôn sự tốt lành. Tôi riêng chúc các chiến sĩ ngoài mặt trận và các gia quyến chiến sĩ ở chốn hậu phương năm mới vui vẻ. Năm mới, đồng bào ta sẽ phấn đấu cho một đời sống mới, ai cũng góp lực lượng vào cuộc kháng chiến lâu dài để làm cho nước ta hoàn toàn tự do, độc lập. Năm mới, đồng bào ta đoàn kết chặt chẽ, đấu tranh càng mạnh, sản xuất càng nhiều.

Chúc đồng bào:

Trong năm Bính Tuất mới,

Muôn việc đều tiến tới

Kiến quốc mau thắng lợi

Việc Nam Độc lập muôn năm!

Thư chúc Tết của Bác thấm đậm tinh thần cách mạng cháy bỏng và quan tâm sâu sắc đến đời sống của đồng bào nhân dân. Bác viết bức thư này trong lúc nhiệm vụ “kiến quốc” xây dựng Nhà nước cộng hòa trẻ tuổi trước muôn vàn khó khăn, đánh giặc ngoại

xâm nhưng không tách rời việc nâng cao đời sống cho nhân dân “để ai cũng có cơm ăn, áo mặc” - khát vọng lớn lao của Bác.

Kể từ cái “Tết kiến quốc”, đêm giao thừa độc lập đầu tiên của đất nước đến nay đã 60 năm trôi qua, chúng ta đã trải qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại và công cuộc đổi mới 20 năm. Con thuyền cách mạng Việt Nam tuy còn nhiều ghềnh thác phía trước, nhưng rõ ràng giành được nhiều thắng lợi: kết thúc năm 2005 tăng trưởng kinh tế đạt mức 8,4%, tổng giá trị xuất khẩu tăng 20%, đặc biệt lĩnh vực hàng nông sản, xuất khẩu hơn 5 triệu tấn gạo, các mặt hàng khác như cà phê, ca cao, cá, tôm... đã có thương hiệu trên thế giới. Việt Nam đang vững vàng và sẵn sàng gia nhập WTO. Dự đoán Việt Nam sẽ có mức độ tăng trưởng kinh tế cao nhất ASEAN. Chúng ta đã có hơn 8 triệu người được hưởng chính sách ưu đãi có mức sống cao hơn mức trung bình ở các cộng đồng dân cư, đã sửa chữa và làm mới 315 nghìn ngôi nhà đại đoàn kết cho người nghèo, đã có 14 tỉnh, 226 huyện, 4.013 xã, phường, thị trấn được cấp bằng công nhận xóa song nhà dột nát cho người nghèo... Theo một báo cáo năm 2005 của Liên Hiệp quốc, Việt Nam cũng là đất nước có thành tích phát triển con người nằm trong nhóm ấn tượng nhất. Xuân Bính Tuất này Bác đã đi xa, nhưng những khát vọng “kiến quốc” của Người đã và đang được chúng ta thực hiện.

N.T.V
Hà Nội, tháng 12 - 2005

ĐI TÌM NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC BÁC HỒ ĐẶT TÊN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Qua nhiều năm công phu tìm tòi, tác giả cuốn sách “*Những người được Bác Hồ đặt tên*” - Ông Trần Dương cho biết, đã tìm được một số tên mà trong suốt cuộc đời hoạt động vì dân, vì nước của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt tên cho các bạn, những vị tướng, các nhà khoa học, những chiến sĩ cận vệ, thư ký, các cháu nhi đồng và một số bạn bè quốc tế... Những ai được Bác đặt tên thì coi đó là vinh dự lớn và mãi mãi mang cái tên đó suốt đời.

Qua cuốn sách, chúng ta biết một số người đã được Bác đặt tên mới như kỹ sư Phạm Quang Lễ được Bác đặt là Trần Đại Nghĩa, bà Nông Thị Trưng tên thật là Nông Thị Bằng (sau là Chánh án tỉnh Cao Bằng), đồng chí Nguyễn Vịnh được Bác đặt là Nguyễn Chí Thành, sau vì trùng tên với một anh em khác nên anh Vịnh xin Bác được đổi là Nguyễn Chí Thanh. Đồng chí Trường Chinh do tính rất cẩn thận nên được bác đặt là anh Thận (bí danh của đồng chí Trường Chinh sau này). Tướng Phùng Hữu Tài (sau đổi lại là Phùng Thế Tài). Một số người nước ngoài là bạn bè, anh em kết nghĩa cũng được Bác đặt tên như Ba-bét (Người Pháp), Việt Dũng (người Trung Quốc), Nguyễn Dân (người Áo, tên thật là Ernest Frey), Đức Nhân (người Đức, tên thật là Schroder), Nguyễn Văn Lập (người Hy Lạp, tên thật là Kotas Sarantidis), Chiến Sĩ (người

Đức, tên thật là Erwin Borscher)... Một số trong họ, sau này là sĩ quan cao cấp trong quân đội ta: Nguyễn Dân là đại tá, Chiến Sĩ là trung tá.

Đặc biệt, một nhóm những cán bộ, chiến sĩ có dịp được sống và làm việc lâu năm cạnh Bác trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp và được Bác đặt tên thành những cụm tên để nói lên ý chí, tư tưởng quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân. Đó là nhóm 8 người được Bác đặt tên mới: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi và nhóm 4 người: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Sau khi cuốn sách ra đời, tác giả Trần Dương có cho rằng, còn nhiều địa danh, những tên tuổi khác cũng được Bác đặt tên mà chúng ta chưa biết hết, vì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi qua nhiều nơi, sống ở nhiều đất nước trong suốt cuộc đời vì dân vì nước của mình.

Người viết những dòng này có một người bạn mà ông cụ thân sinh, cụ Trương Công Cân đã về phục vụ ở bộ phận hậu cần trong Văn phòng Bác từ năm 1947 và làm việc lâu năm tại đây. Cũng theo người bạn cho biết, tên thật cụ Cân là Trương Công Lạng, quê gốc ở Nghệ An, tham gia cách mạng từ năm 1945, thời thanh niên, cụ thường gánh hàng tạ gạo mua ở Thái Nguyên, đi bộ hàng trăm cây số lên chiến khu, mỗi bữa, cụ ăn hết một cân gạo nên được Bác và anh em quý mến gọi là Cân. Sau này, ở trong hồ sơ cũng như ở trong cơ quan, ông mang tên vĩnh viễn là Cân, còn tên Lạng, chỉ những người ruột thịt, bạn bè thân cận mới biết. Ông Trương Công Cân khi còn sống, nhiều lần cho biết: thời kỳ ông được phục vụ Bác, đã có một

nhóm cán bộ, chiến sĩ vinh dự được Người đặt tên là nhóm: Thu, Chi, Cân, Đối mà ông Cân là một thành viên. Người viết những dòng này có trao đổi ý kiến trên với những cán bộ đã có thời gian thân cận và ở gần Bác lâu năm như đồng chí Vũ Kỳ, Tạ Quang Chiến, Việt Phương, thì đều nhận được câu trả lời là không biết về sự tồn tại của nhóm này. Phải chăng, thông tin sai lệch hay thực tế đã tồn tại một nhóm: Thu, Chi, Cân, Đối bên cạnh nhóm: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi nhưng qua thăng trầm của lịch sử, bị lãng quên? Cụ Trương Công Cân, người phụ trách việc làm đồ mộc, làm lán cho Bác ở chiến khu thì đã qua đời cách đây 2 năm. Theo lời mách của những cụ đã được ở gần Bác từ ngày đầu kháng chiến, tôi tìm đến cụ Đình Công Quyền, năm nay ngoài 80 tuổi, một trong những lái xe đầu tiên trong nhóm lái xe của Bác. Cụ Quyền cho biết, vào năm đầu kháng chiến 1947, ở trên chiến khu đúng là có các chiến sĩ phục vụ Bác mang tên: Thu, Chi, Cân, Đối nhưng đó có phải là nhóm do Bác chủ định đặt tên hay không thì cụ không rõ. Theo chỉ dẫn của cụ Quyền, tôi đến tìm ông Thu. Tên thật của ông Thu là Trần Dương, sinh năm 1928, người Kiến Xương (Thái Bình), tham gia cách mạng từ năm 17 tuổi, cướp chính quyền ở Hà Nội, trở thành chiến sĩ bảo vệ Bắc Bộ Phủ, chiến đấu trong Trung đoàn Thủ đô và sau đó cùng đơn vị rút lên chiến khu. Năm 1947, đồng chí Thu được điều về công tác ở bộ phận Văn phòng Bác, làm công tác văn thư, thu thập tin tức, đánh máy. Tên Thu của ông là do Bác đặt vào năm 1947 và ông vẫn mang tên đó cho đến tận bây

giờ. Ông chính là thành viên của nhóm Thu, Chi, Cân, Đối.

Theo ông Thu thì ông Chi lúc đó làm cần vụ cho Bác, hiện không rõ ở đâu và hai đồng chí mang tên Đối. Một là Đối trung đội trưởng bảo vệ và hai là ông Đối chẵn ngựa cho Bác. Về ông Đối chẵn ngựa cho Bác, vốn là người ở Sơn Dương, cảm tình với cách mạng, được giới thiệu đến phục vụ, sau hoà bình ở lại chiến khu nên không ai rõ tung tích. Còn ông Đối trung đội trưởng bảo vệ thì vẫn sống ở đâu đó trong Hà Nội. Ông Thu không nhớ ai là người được Bác đặt tên, Đối bảo vệ hay Đối chẵn ngựa? Tìm được ông Đối bảo vệ không phải là điều đơn giản, nhiều năm tháng đã trôi qua. Người này chỉ người nọ, cụ này thì đã mất, cụ kia chuyển đi đâu không ai rõ, người già như chiếc lá trên cành. Cuối cùng, qua chỉ dẫn của ông Lập, cựu đại tá cảnh vệ, tôi đã tìm được gia đình ông Đối tại một phố nhỏ Hà Nội. Một ông già nhỏ bé, tóc bạc, da mồi, nói năng ngắt quãng... Chắp nối từng mẩu chuyện đứt quãng của ông, tôi được biết, ông vốn là chiến sĩ quân đội, do thành tích chiến đấu anh dũng, khoảng những năm 1947, 1948 được trên điều động về làm trung đội trưởng bảo vệ Bác. Ông chính là một trong những được người được vinh dự bảo vệ Đại hội Đảng năm 1951 tại chiến khu. Chỉ có điều, tên thật của ông cũng là Đối và người chẵn ngựa cho Bác mang tên Đối cũng là tên thật chứ không phải do Bác đặt.

Câu chuyện này xin được kết thúc như sau: theo ông Dương Trọng Thu, vào cuối năm 1949, trong một dịp tổng kết liên hoan cuối năm, khi nói về công tác

thực hành tiết kiệm, Bác hóm hỉnh nói: “ở đây có chú Thu, chú Chi, chú Cân, chú Đối, đó chính là mục tiêu mà Bác đang muốn đề ra: “Thu chi cân đối” đấy.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, vào những năm đầu kháng chiến, ở cạnh Bác có một nhóm chiến sĩ, cán bộ mang tên Thu, Chi, Cân, Đối. Hai trong số họ là do Bác đặt, còn hai người mang tên sẵn. Bác ghép tên của 4 chiến sĩ lại thành một chỉ tiêu chiến lược quan trọng cho toàn Đảng, toàn dân lúc bấy giờ: Thu - chi - cân - đối.

Ngày hôm nay, dù bao năm đã trôi qua, mục tiêu chiến lược “Thu chi cân đối” vẫn còn đó, đầy sức sống, tồn tại như một mục đích, khẩu hiệu của toàn Đảng, toàn dân ta mà Bác kính yêu đã đề ra.

N.T.V

MỪNG SINH NHẬT BÁC SAU CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

(Ghi theo lời kể của ông HOÀNG ĐĂNG VINH,
nguyên chiến sĩ Sư đoàn 312, trung đoàn 209,
tiểu đoàn 130, đại đội 306, người bắt sống
Tướng Pháp DE CASTRIE)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ ít ngày, một lần tôi bất ngờ được cấp trên triệu tập. Đến họp mới hay Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cử 5 chiến sĩ tiêu biểu có công nhất trong chiến dịch về báo cáo thành tích với Bác và dự lễ sinh nhật của Người. Đó là tôi (Hoàng Đăng Vinh), anh Bạch Ngọc Giáp - pháo binh bắn quả pháo đầu tiên vào Him Lam và ba chiến sĩ nữa. Từ Điện Biên Phủ, chúng tôi đi bằng xe Jep - chiến lợi phẩm thu được của quân Pháp trong chiến dịch, về ATK ở Tuyên Quang.

Chúng tôi đi mất 5 ngày, vì đường sá lúc đó rất khó khăn, cách trở, chưa thông suốt như ngày nay. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được ngồi trên xe Jep. Quả là một hạnh phúc lớn lao. Trước cách mạng, nhà tôi rất nghèo khổ, bản thân chỉ được học hết lớp 1. Bố tôi rất mong muốn cho tôi đi học, nhưng mơ ước đó của ông đã không thể thực hiện được.

Đi cùng xe hôm đó có trung đoàn trưởng 209 của tôi là đồng chí Hoàng Cầm. Đến Tuyên Quang, các đồng chí Tổng cục Chính trị ra đón. Mọi người được mời vào trong nhà khách, rửa mặt trong những chậu men hoa

với khăn mặt trắng tinh thơm tho. Thú thực, lúc ấy tôi hơi hoảng, vì trong quân đội, do chiến tranh, chúng tôi chỉ tắm rửa ở ao hồ, sông suối chứ đâu có chậu men hoa và khăn mặt bông. Sau đó là bữa ăn điểm tâm, có bánh mì với sữa. Lại một vấn đề: ăn như thế nào đây? Sau tôi cứ nhìn anh Hoàng Cầm để bắt chước. Anh ăn thế nào, tôi theo thế. Rồi 5 anh em được phát quần áo mới, cắt tóc và nghỉ, chờ đến ngày 19-5. Trong khi chờ đợi, chúng tôi rèn luyện cách báo cáo, nói năng cho chững chạc, vì dự lễ sinh nhật Bác còn có nhiều đồng chí cán bộ cao cấp trong Trung ương Đảng và nhiều khách quốc tế. Mỗi chúng tôi kiểm tra kỹ lưỡng các bản báo cáo của nhau, sao cho lời lẽ lưu loát, trang trọng.

Sáng 19-5-1954, chúng tôi được đưa tới gặp Bác và Trung ương Đảng.

Đi qua một cánh rừng nhỏ, từ đằng xa, chúng tôi đã thấy Bác kính yêu và các vị trong Trung ương đang đứng chờ. Thấy thế, chúng tôi vội chạy ào theo con đường tắt, qua bãi cỏ đến thẳng chỗ Bác đứng chờ gần, nhưng Người vẫy tay nói:

- Không được, các chú phải đứng đường mà đi.

Máy quay phim chụp ảnh nhay nháy. Phút đầu gặp Bác, chúng tôi thấy run quá. Người là một vị Chủ tịch nước, là người lãnh đạo toàn dân, toàn quân, bao nhiêu điều đã được chuẩn bị trước, nay đi đâu hết, lười cứ lú l lại, tay chân lóng ngóng, cuống quýt. Bác liền giơ tay, mỉm cười nói:

- Các chiến sĩ hãy ngồi lại đây với Bác. Yên tâm. Các chú định báo cáo những gì nào?

Nụ cười hiền từ của Bác làm chúng tôi trấn tĩnh lại. Đồng chí Bạch Ngọc Giáp giơ tay chào, nói:

- Thưa Bác và Trung ương Đảng, chúng cháu đã hoàn thành nhiệm vụ.

Bác khen ngợi và hỏi chuyện đời sống, chiến đấu ở Điện Biên Phủ. Lúc đó, các nhà quay phim bắt đầu làm việc liên tục. Mặt các chiến sĩ đăm chiêu, mất hết vẻ tự nhiên vì bị ức chế. Chưa bao giờ trong đời được quay phim trong hoàn cảnh đặc biệt thế này. Bác liên bảo:

- Chú nào cười tươi Bác sẽ lấy vợ cho.

Một vài chiến sĩ nhếch mép. Bác trêu:

- Chú nào cười to, Bác lấy cho vợ đẹp, chú nào cười bé, Bác lấy cho vợ xấu.

Các đồng chí trong Trung ương Đảng cười ồ. Chúng tôi cũng cười theo và từ lúc đó, mọi băn khoăn ngượng ngịu bay đâu hết. Chiến sĩ quăn quýt bên Bác như cha với con. Lát sau, Bác chia tay chúng tôi và theo kế hoạch đã định trước, chúng tôi được đưa đi nói chuyện với cán bộ trong ATK về chiến thắng huy hoàng, oanh liệt ở Điện Biên Phủ. Buổi tối hôm đó, Trung ương Đảng tổ chức buổi lễ sinh nhật Bác. Tham gia còn có các vị khách quốc tế. Sau diễn văn khai mạc, mọi người sắp vào bàn, bỗng Bác gọi: “Chú Vinh bắt De Castrie đâu?”. Mọi người đẩy tôi lên. Bác chỉ chỗ cho tôi ngồi bên cạnh. Trong bàn có vài vị khách quốc tế. Tôi lúng túng, im lặng, rụt rè ngồi xuống, không biết phải làm gì. Hai tay như thừa ra. Bác khẽ nhắc:

- Chú Vinh chào đi chứ.

Bác giới thiệu tôi với khách nước ngoài. Mọi người nhìn tôi, mỉm cười gật đầu chào.

Bữa ăn bắt đầu. Bác vừa tiếp vừa nói chuyện và gấp cho tôi. Người hỏi tôi về cuộc sống gia đình và hỏi có đủ ăn không. Tôi nói:

- Thưa Bác, nhà cháu đói lắm ạ.

Người lặng đi mấy giây rồi nói:

- Đất nước ta rồi sẽ độc lập, chắc chắn dân ta sẽ đủ ăn.

Bác hỏi lại:

- Chú Vinh học lớp mấy?

Tôi nói:

- Thưa Bác, cháu mới biết đọc, biết viết.

Bác dặn tôi phải tranh thủ học tập thật nhiều, nâng cao trình độ văn hoá. Có học mới phục vụ được nhân dân, phục vụ cách mạng.

Bữa cơm rất ngon, mới đầu bác cứ gấp cho tôi, sau thấy chẳng lẽ cứ để Bác gấp cho mãi, tôi bèn tự gấp cho mình. Một lúc, no bụng tôi đặt đũa xuống. Nhìn trong nồi cơm vẫn còn một tí cháy dính nồi. Bác nhắc phải ăn hết, đừng bỏ phí. Tôi liền vét hết chỗ còn lại cho vào bát. Bác thấy vậy, gấp thêm một miếng thức ăn cho tôi. Lát sau, Bác nhắc:

- Chú Vinh xin phép đi.

Tôi đứng dậy xin phép Bác và chào tạm biệt các vị khách quốc tế.

Gần 50 năm đã trôi qua, nhưng kỷ niệm về lần gặp Bác vẫn còn nguyên trong trí nhớ của tôi. Bác đã dạy dỗ, chỉ bảo cho tôi từng ly từng tí, như một người cha chăm chút đứa con nhỏ tuổi. Vinh dự đó, suốt đời tôi ghi nhớ mãi.

N.T.V

CHÚ LÀ HIẾU MÀ LÍNH CỦA CHÚ ÍT HIẾU

VIỆT HỒNG

Tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Chúng tôi đang chuẩn bị cho trung đoàn học tập Nghị quyết của Trung ương thì được báo Bác đi công tác qua, rẽ vào thăm đơn vị.

Bác buộc ngựa vào thân cây đầu doanh trại, bước nhanh vào “lán” của chúng tôi. Trục ban chưa kịp đánh kèn tập trung đơn vị, cán bộ chiến sĩ đã ùa ra vây quanh Bác. Những tiếng hô “Hồ Chí Minh muôn năm, muôn năm” vang dậy cả khu rừng.

Tôi là trung đoàn trưởng vội chỉnh đốn trang phục, chạy ra dẫn anh em, định mời Bác vào nhà khách. Bác ra hiệu không cần thiết, bảo anh em ngồi xuống để Bác bắt đầu nói chuyện.

Bác phân tích tình hình kháng chiến của ta, tình hình thế giới, tình hình ký Hiệp định Giơnevơ và việc thi hành hiệp định. Tuy là những vấn đề “hóc búa” nhưng Bác diễn tả cụ thể rõ ràng, “lính ta” cứ gật gù đồng tình, tỏ vẻ nhận thức được. Tôi đứng cách Bác mấy bước, thấy vậy cũng khấp khởi mừng thầm trong bụng.

Nói xong Bác hỏi:

- Có cháu nào thắc mắc gì nữa không?
- Thôi ạ, thôi ạ!

Tôi nghĩ “thôi ạ” nhiều quá thế này, ông cụ lại chất vấn cho một câu, anh nào mà “bĩ” thì chết...

Đúng lúc ấy, một chiến sĩ đứng lên, Bác khuyến khích:

- Cháu cứ nói đi.

Anh lính bỏ mũ nan lợp lá cọ, cầm tay xoay xoay vành áp a áp ứng:

- Thưa! Dạ thưa Bác! Khi Bác nói chuyện, Bác có kể về Sài Gòn. Cháu... cháu xin hỏi “Cái nước Sài Gòn” họ ở đâu ạ.

Tôi đứng chết lặng. Bác hơi thoáng buồn, Người tìm một cái que, rồi tiến ra một khoảng đất không có cỏ, Bác nói:

- Các cháu lại đây.

Bác vẽ bản đồ Việt Nam rồi chỉ dẫn:

- Đây là nước ta. Phía Bắc giáp..., phía Tây giáp... Thủ đô của chúng ta là Hà Nội, đây là Việt Bắc, Thái Nguyên ở đây, Thanh Hoá đây, Huế đây, Sài Gòn đây. Vậy Sài Gòn là của nước ta hay là của nước nào?

Bác đưa mắt hỏi lại đồng chí đã thắc mắc. Tiếng trả lời ồn ào hân lên.

- Dạ, thưa Bác, Sài Gòn là của nước ta ạ.

Bác gật đầu. Bác bảo anh em về tiếp tục học tập để Bác còn đi công tác.

Chúng tôi tiễn chân Bác xuống đồi. Tôi dắt ngựa đi theo Bác. Bác hỏi:

- Chú nào là cán bộ phụ trách ở đây?

Tôi khẽ thưa:

- Dạ, cháu ạ.

- Chú tên là gì?

- Dạ tên cháu là Hiếu ạ.

Bác dừng chân, nhìn thẳng vào mắt tôi nói:

- Tên chú là Hiếu mà lính của chú ít hiểu biết quá... Có bao nhiêu cháu chưa biết chữ?

- Dạ, có đến vài chục người.

Bác nói:

- Chú mở lớp bình dân, dạy các chiến sĩ, một tháng rưỡi sau Bác sẽ trở lại kiểm tra.

Câu nói và cái nhìn của Bác năm ấy cho đến bây giờ không sao tôi quên được và tôi cứ hồi hận mãi với Bác. Chúng tôi thật có lỗi với Người.

V.H

CÁCH SỬ DỤNG TIỀN BẠC CỦA BÁC HỒ

VĂN TIÊN

Bác sống rất giản dị, thanh bạch, ăn uống chi tiêu bao giờ cũng rất tiết kiệm, chúng tôi được ở gần Bác không thấy Bác để lãng phí một thứ gì.

Có đôi tất rách đã vá đi vá lại mấy lần thế mà Bác không bỏ, cũng không dùng tất mới. Bác nói: “Cái gì dùng được nên dùng, bỏ đi không nên...”. Có một cái tất bị rách chưa kịp vá, chúng tôi đưa đôi tất mới để Bác dùng, nhưng Bác vẫn không đồng ý, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xí xoá:

- Đấy! Có trông thấy rách nữa đâu?

Có quả chuối hơi nẫu, chúng tôi ngại không ăn. Bác bảo lấy dao gọt phần nẫu đi, Bác nói:

- Ở chiến khu có được quả chuối là quý lắm!

Lời nói và việc làm của Bác làm chúng tôi thật xúc động. Một vị lãnh tụ tối cao thế mà cuộc sống giản dị như những người dân lao động vậy!

Suốt thời gian hoạt động ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn. Để sinh sống và hoạt động, Bác phải tự lao động kiếm tiền, được đồng nào Bác đều dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè sẻn, cân nhắc từng xu. Liên hoan, thết đãi khách cũng hết sức đơn giản, Bác nói: “Chủ yếu là thật lòng với nhau”. Chúng tôi nhớ lại: Hồi ở chiến khu Việt Bắc, mừng

ngày thành lập Đảng, Bác đồng ý cho liên hoan nhưng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá. Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quân, người Trung Quốc đã giúp Bác mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng mang về, Bác cũng chỉ “khao” một món canh và hai đĩa thức ăn, có thêm chén rượu gạo, tổng cộng chưa hết một đồng bạc, thế mà vẫn đậm đà tình cảm giữa chủ và khách.

Một lần khác, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, nghe tin Hồng quân Liên Xô bắt sống 33 vạn quân Hít-le ở Xta-lin-grát, Bác vui quá muốn tổ chức ăn mừng, Bác đã “nhờ người lính gác mua giùm một ít kẹo và dầu chả quẩy sau khi phấn khởi hô mấy câu khẩu hiệu “Hoan nghênh thắng lợi của Hồng quân Liên Xô”, Bác cùng với mấy bạn tù ngồi chén tạc, chén thù rất đàng hoàng vui vẻ...”

Năm Bác về Nghệ An, khi ăn cơm chung với các đồng chí Nguyễn Sỹ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, tự tay Bác để bát ra ngoài mâm mấy món ăn rồi nói: “Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người khác ăn thừa của mình”.

Có thể dẫn ra nhiều nữa những ví dụ về cách chi tiêu, sử dụng tiền bạc, ăn uống, chắt chiu, tần tiện, những vẫn rộng rãi của Bác.

Lối sống giản dị, trong sáng, tiết kiệm và cách ứng xử với tiền bạc, với cái ăn, cái mặc của Bác là tấm gương mẫu mực sáng ngời, cho chúng ta học tập và noi theo.

V.T

NƯỚC NÓNG, NƯỚC NGUỘI

VĂN VŨ

Buổi đầu kháng chiến chống Pháp, có một đồng chí cán bộ cấp trung đoàn thường hay quát mắng, khi quá nóng còn bộp tai chiến sỹ. Đồng chí này đã từng làm giao thông, bảo vệ Bác đi ra nước ngoài trước Cách mạng tháng Tám. Được tin nhân dân “dư luận” về đồng chí này, Bác cho gọi lên Việt Bắc. Bác dặn trạm đón tiếp ATK (An toàn khu), dù có đến sớm, cũng phải giữa trưa mới cho đồng chí ấy vào gặp Bác. Trời mùa hè nắng chang chang, “đồng chí trung đoàn” vã mồ hôi, người như bốc lửa. Đi bộ đến nơi đúng giờ Ngọ, Bác đã chờ sẵn. Trên bàn đã đặt hai cốc nước, một cốc nước sôi có ý chừng như vừa rót, bốc hơi nghi ngút, còn cốc kia là nước lạnh.

Sau khi chào hỏi xong, Bác chỉ vào cốc nước nóng và nói:

- Chú uống đi.

Đồng chí cán bộ kêu lên:

- Trời! Nắng thế này mà Bác lại cho nước nóng, làm sao cháu uống được.

Bác mỉm cười:

- À ra thế. Thế chú thích uống nước nguội mát không?

- Dạ, có ạ.

Bác nghiêm nét mặt nói:

- Nước nóng, cả chú và tôi đều không uống được. Khi chú nóng, cả chiến sỹ của chú và cả tôi cũng không tiếp thu được. Hoà nhã, điềm đạm cũng như cốc nước nguội dễ uống, dễ tiếp thu hơn.

Hiểu ý Bác dạy, đồng chí cán bộ nhận lỗi, hứa sẽ sửa chữa...

V.V

BÁC HỒ RÈN LUYỆN THÂN THỂ

VĂN ANH

Trong lời kêu gọi “Toàn dân tập thể dục” Bác Hồ viết: “Tự tôi ngày nào cũng tập”. Lời nói và tấm gương mẫu mực về rèn luyện thân thể của Bác đã làm cho hàng triệu người thế hệ này qua thế hệ khác xúc động và phấn đấu noi theo.

Thể dục thể thao là một lĩnh vực khoa học, không có kiến thức khoa học về thể dục thể thao thì không thể có niềm tin vào sức khoẻ của con người, cũng không thể xây dựng cho mình một nếp sống văn minh, khoa học. Bác Hồ đã đi qua nhiều nước ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á, đã tiếp xúc với nhiều nền văn minh Đông - Tây. Ở đâu Người cũng để ý quan sát đời sống nhân dân. Những nét phong phú trong hoạt động thể thao thế giới có ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức và tình cảm của Người, cũng như lòng yêu nước nồng nàn và truyền thống thượng võ của dân tộc luôn luôn nung nấu lòng Người. Có thể khẳng định rằng, nếp sống văn minh, phương pháp giữ gìn và nâng cao sức khoẻ của Hồ Chủ tịch được hình thành từ thực tế đó.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: “Đời sống vật chất giản dị hoà hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất, đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay”.

Hầu như trong hồi ký của các đồng chí có may mắn được sống cùng Người, ít nhiều đều nói đến việc Bác Hồ

tập thể dục rèn luyện thân thể. Điều đó cho thấy việc tập luyện thể dục của Người trở thành một nếp sống, gây ấn tượng sâu sắc đến mọi người xung quanh.

Bác Hồ tập thể dục rất đều, ngày nào cũng tập, mưa cũng như nắng, hè cũng như đông. Một đồng chí cán bộ cảnh vệ lão thành cho biết: khi sống ở Liên Xô (cũ), mùa đông rất rét, có hôm xuống 30-35 độ âm, nhưng sáng nào Bác cũng tập thể dục. Bác tập đều đặn, thể dục và thái cực quyền, tập chạy.

Ngày Bác mới về nước, ở Pác Bó (Cao Bằng) vô cùng gian khổ. Hang Cốc Bó ở trên núi cao. Từ bờ suối trèo lên phải qua một quãng dốc khá dài. Cỏ cây rạp rạp vít chặt lối đi. Hễ mưa xuống là trơn lầy. Chỗ Bác ở chật chội, không khí trong hang ẩm thấp, nằm trong hang cảm thấy lạnh thấu xương. Những thanh niên nhìn cảnh đó thấy ngại. Thế mà Bác Hồ, tuổi đã nhiều, người lại gầy yếu, vẫn ung dung vui vẻ, không lúc nào tỏ ra mệt nhọc. Bác đi ngủ rất muộn, nhưng sáng lại dậy sớm. 5 giờ sáng khi sương trên núi chưa tan, Bác đã dậy, thu xếp đồ đạc rồi xuống bờ suối tập thể dục và cuốc đất làm vườn. Bác nói: “Mỗi người lúc ngủ dậy tập ít phút thể dục, ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ”.

Bài tập thể dục của Bác không chỉ là những động tác thông thường, mà còn tập tạ, tập dây chun, dây vải, khí công, quyền thuật. Bác sống nhiều năm ở nước ngoài, nhưng Bác vẫn giữ được bản sắc đậm đà dân tộc của quê hương. Thiết tha với giọng hò Huế, ví dặm Nghệ An, với những câu Kiều đầy xúc động. Bác rất thích võ thuật và phương pháp dưỡng sinh của dân tộc ta.

Chúng tôi thật xúc động, ngày đầu Bác mới về ở Phủ Chủ tịch. Bác ở trong căn phòng nhỏ của người

thợ điện. Gian phòng không rộng, bày biện đơn sơ. Một chiếc giường một trải tấm chiếu đậu trắng. Trên tường không có tranh ảnh trang trí, mà chỉ có một bản vẽ hướng dẫn tập thái cực quyền. Bác rất thích tập quyền. Bác vừa hát vừa tập. Những đêm trăng, Bác với anh em cảnh vệ cùng tập. Nếu được nhìn Bác đứng những thế “*Thái sơn áp đỉnh*” hay “*Độc cước phi thân*” trong bài “*Bát lộ liên hoa quyền*” thì ta cảm giác Bác là một ông Tiên đang dạy võ, còn anh em cảnh vệ cùng theo tập là đồ đệ vậy.

Sống cùng cán bộ chiến sĩ, Bác thường tìm hiểu những thế mới, bài mới. Bác chú ý từng thế tấn, từng thế đỡ, gạt, mỗi động tác đều vận gân cốt và tập trung tinh thần. Vì vậy, Bác đi quyền rất sinh động.

Chúng tôi nhớ, tháng 12-1961, Bác đến thăm Trường Trung cấp thể dục thể thao Từ Sơn. Bác xem các võ sinh đồng diễn bài kiếm liên hoàn. Thấy một số cháu cầm kiếm không đúng, Bác đã sửa lại tư thế cầm kiếm cho các cháu. Bác nói: “Khi đánh kiếm, cánh tay phải vững mạnh, động tác phải nhanh. Lưỡi kiếm đưa đi, con mắt phải nhìn theo. Võ dân tộc của ta rất giàu tính chiến đấu”.

Một trong những hình thức tập thể dục hàng ngày của Bác là chạy, đi bộ, leo núi. Hồi ở ngoại thành Côn Minh (Trung Quốc) có những con mương, hai bên bờ trồng những cây thông. Chạy giữa các hàng thông, Bác đếm các gốc thông làm mốc. Từng ngày, Bác lại kéo dài thêm đường chạy. Lướt về Bác đi bộ kết hợp với tập thở sâu.

Một lần khác, Bác đi công tác ở vùng căn cứ Cao Bằng, đến huyện Phục Hoà thì trời tối, phải nghỉ lại đêm trong một lán bán hàng bên đường. Trời mùa đông về

đêm rất lạnh. Cả đoàn phải đốt lửa để ngủ. Sáng hôm sau, Bác dậy trước và đánh thức anh em dậy. Nhiều người còn đang run rẩy xuýt xoa vì trời lạnh. Thấy thế, Bác hỏi thân mật: “Các chú có biết làm thế nào để đỡ rét không?”. Mọi người nhìn nhau chưa ai nghĩ ra câu trả lời. Bác nói, “Bây giờ Bác cháu mình mặc quần áo cùng chạy thi. Như vậy vừa đỡ rét, vừa tranh thủ được đường đi”. Tất cả “ồ” lên vui vẻ làm theo. Trên đường, nhiều thanh niên trẻ khỏe mà cứ tụt dần, tụt dần, còn Bác tuy đã 60 tuổi nhưng vẫn luôn chạy dẫn đầu.

Ở chiến khu Việt Bắc, Bác đặt kế hoạch tập luyện cho đội cảnh vệ. Theo hướng dẫn của Bác, tuần đầu mỗi người mỗi sáng phải leo lên dốc một lần. Tuần thứ hai, thì leo hai lần để rèn sức dẻo dai. Nhiều hôm thấy chúng tôi mỗi chân, thở dốc, Bác động viên: “Chú còn trẻ phải cố gắng đi nhanh hơn Bác chứ” và Bác kể những chuyện dí dỏm cho chúng tôi nghe nên đỡ mệt, đi khỏe hơn và thấy đường như ngắn lại.

Cố Cục trưởng Cục Cảnh vệ Hoàng Hữu Kháng có lần kể lại. Lần Bác đi Tam Đảo, anh em cảnh vệ bàn nhau chọn đường bằng phẳng dễ đi để Bác đỡ mệt. Bác gạt đi, Bác nói: “Đi núi mà chú dẫn đi đường trống trải, thế không phải là núi nữa”. Bác bước lên trước, tự rẽ đường vào rừng. Đường dốc lại có nhiều đá lởm chởm có chỗ trơn nhầy, cứ trượt chân luôn. Chúng tôi đề nghị Bác nghỉ chân, nhưng Bác không đồng ý và cứ tiếp tục theo hướng đã định.

Do rèn luyện công phu, Bác có khả năng cỉ bộ từ ngày nọ qua ngày kia không mỏi. Đã có thời kỳ do bị cầm tù đầy ải ở Trung Quốc, Bác đã phải đi bộ gần 80 ngày từ nhà tù nọ đến nhà tù kia. Ăn uống thiếu thốn, khổ sở, lại bị hành hạ. Khi bọn chúng tha Bác và quần

thúc Bác ở Liễu Châu thì mắt Bác bị mờ, chân bị tê liệt. Để lấy lại sức khỏe, ngày nào Bác cũng dậy từ tinh mơ leo núi, tập thể dục, nhìn xa luyện mắt và bơi lội. Trăm ngày như một kể cả những ngày mùa đông giá rét. Nhờ thế mà sức khỏe của Bác bình phục. Chúng ta càng khâm phục ý chí kiên cường rèn luyện đôi chân của Bác và niềm tin sâu sắc của Bác vào tác dụng của hoạt động thể dục thể thao đối với việc phục hồi các cơ năng vận động của con người.

Bơi là môn thể thao Bác ưa thích. Thời kỳ ở Liễu Châu (Trung Quốc) mùa đông rất lạnh, không có ai xuống sông tắm, nhưng Bác vẫn tắm như thường. Một hôm Trương Phát Khuê, Tư lệnh đệ tứ chiến khu của Tưởng Giới Thạch đi ngựa dạo buổi sớm nhìn thấy, Trương lấy làm lạ và phải cảm phục. Hôm sau, Trương nói với Bác: “Việc làm của Hồ đại biểu đáng để cho sỹ quan binh lính chúng tôi học tập”. Trong hồi ký “Sống bên Bác” đồng chí Ngọc Châu (cán bộ cảnh vệ) có kể rằng: “Những lúc bơi lội, chúng tôi bơi quanh Bác để giúp Người đi qua dòng nước mạnh. Một lần, có cuộc hội nghị cán bộ quân sự bàn về chiến dịch lớn. Bác hứa đến dự. Nhưng trời mưa tầm tã, nước suối chảy mạnh ngập bờ. Đồng bào địa phương cũng không dám lội qua. Bác nói với anh em cảnh vệ: Bác hứa đến thì phải đến. Bác ra lệnh cho mọi người cởi quần áo buộc lên đầu, Bác cũng làm như vậy, rồi nắm chặt tay nhau bơi xuôi dòng nước. Đồng bào thấy vậy đều lắc đầu. Tin đó làm cho hội nghị và anh em bộ đội rất cảm động và phấn khởi”.

Trong bộ ảnh tư liệu về Bác Hồ của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, có một tấm hình Bác Hồ mặc áo may ô, quần đùi đang khom mình ở tư thế đón bóng. Đó là đội bóng của

Phủ Chủ tịch và của Chính phủ mà thành viên là Bác Hồ, các bộ trưởng, thứ trưởng và các chiến sĩ cảnh vệ. Chiều chiều Bác hay đánh bóng chuyền. Bác chơi bóng rất vui. Hôm nào có Bác thì sân bãi sôi nổi hẳn lên. Bác búng bóng và phát bóng chắc chắn. Nhưng tuổi già nên chỉ đỡ được những quả nhẹ ở phía trước. thỉnh thoảng đối phương bỏ giỏ bên trái hoặc sau lưng. Những lúc như thế Bác chỉ cười và kêu lên: “A, nó trúng “tử” rồi! Kháng, Chiến, Trường, Kì đâu lại bảo vệ “tử” mau”. Cả sân bóng mọi người cười vang, không khí thật vui vẻ.

Bất kỳ sống ở đâu, môi trường nào, Bác Hồ cũng rất sáng tạo, độc đáo và rèn luyện thân thể một cách khoa học. Chúng tôi thấy Bác có hai hòn đá cuội to bằng quả trứng vịt, trừ những lúc đánh máy, tiếp khách, nếu ngồi đọc báo, xem sách là hai tay Bác cầm hai hòn đá cuội tập nắm, luyện cho cứng đôi bàn tay. Đi công tác xa Bác cũng không quên mang nó để tập luyện. Những ngày ở căn cứ Việt Bắc, Bác Hồ làm bốn cái chày bằng gỗ, hai cái kích thước vừa, hai cái to. Sáng nào Bác cũng tập giờ bốn cái chày đó ở lán Khuổi Nặm dựng ngay bên suối bên dưới là dòng nước suối chảy qua. Sống như vậy nhưng Bác vẫn làm một cây đu treo, sau giờ làm việc, Bác lại leo đu cho chân tay khéo mạnh. Khi Bác về ở Phủ Chủ tịch, Bác trồng một cây râm bụt. Bác bảo anh em cảnh vệ hàng ngày tập nhảy qua ngọn cây đó, cây lên cao bao nhiêu Bác cháu tập nhảy bấy nhiêu.

Khi ngoài 70 xuân, tuổi tác càng cao, sức khỏe càng yếu, điều đó không có gì lạ. Nhưng Bác Hồ kiên trì và chủ động tìm mọi cách chống lại quá trình già sinh lý để duy trì sức khỏe. Bác bỏ hút thuốc lá, giữ chế độ tập luyện và sinh hoạt hàng ngày. Theo đề nghị của Bác, chúng tôi mua cho Bác 20 quả bóng quần vợt.

Bác cất trong ngăn kéo. Bác đặt sọt giấy vụn cách bàn làm việc chừng 5 mét. Mỗi lúc Bác viết mỗi, Bác ngừng lại lấy bóng ra đứng dậy và ném bóng vào sọt, ném tay trái rồi tay phải. Bác nói: “Tập như vậy để rèn luyện sự điều khiển của thần kinh và tính chính xác của đôi tay”. Hôm nào ném vào sọt nhiều, Bác vui lòng, hôm nào bóng ra ngoài nhiều, Bác có vẻ không vui. Nhìn thấy Bác tập, chúng tôi xúc động quá, muốn Bác vui lòng nên lên đưa sọt giấy đến gần. Bác phát hiện thấy không chịu, tự tay mình đem để lại chỗ cũ.

Những tháng, năm đồng bào miền Nam kháng chiến chống Mỹ ác liệt, Bác nêu ý định vào miền Nam để thăm đồng bào, đồng chí. Thấy tuổi Bác đã cao, sức khoẻ không còn như trước, Bộ Chính trị đề nghị để cố gắng lãnh đạo đánh Mỹ mau thắng lợi rồi mời Bác vào. Bác nói: “Tôi muốn vào là vào lúc này, chứ thắng rồi thì còn nói làm gì”. Lâu lâu Bác lại nhắc lại vấn đề và hỏi việc chuẩn bị đến đâu rồi. Các đồng chí đành phải báo cáo là đường đi rất khó khăn, vất vả, e Bác không đi được, Bác nói: “Nếu không có đường nào khác thì tổ chức cho tôi đi bộ. Các chú đi được thì tôi đi được. Đi mỗi ngày một ít chưa chắc tôi đã thua các chú đâu”. Trong những năm cuối, tuy yếu mệt nhưng Bác vẫn tập đi bộ và vẫn quyết rèn luyện để thực hiện “ý định vào miền Nam với đồng bào đồng chí”. Bác Hồ của chúng ta là thế đó.

Vĩnh biệt chúng ta. Bác để lại một di sản vô giá cho phong trào thể dục thể thao nước nhà. Tấm gương sáng ngời về ý chí rèn luyện của Bác là nguồn cổ vũ chúng ta ra sức rèn luyện thân thể để xây dựng Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

V.A

BÁC HỒ GẶP LẠI ÂN NHÂN

NGUYỄN KIM CỘN

Tôi được vinh dự chụp ảnh gia đình luật sư Lôđơbai khi ông sang thăm Việt Nam vào ngày 26-1-1960 theo lời mời của Bác Hồ.

Gia đình luật sư có cụ ông, cụ bà và Patrixia - con gái cũng là luật sư.

Vụ án Nguyễn Ái Quốc gây chấn động thế giới năm 1931. Sau 20 tháng bị cầm tù, ốm yếu, Bác Hồ đã được luật sư Lôđơbai giải thoát khỏi nanh vuốt của thực dân Anh và Pháp, đến được Hạ Môn đúng vào ngày 30 Tết.

Nay Bác Hồ lại mời ân nhân sang thăm Việt Nam đúng vào dịp Tết.

Một sự trùng lặp đầy ý nghĩa. Sau mấy ngày thăm các bảo tàng và thắng cảnh Hà Nội, ngày 29-1-1960, đoàn đi thăm vịnh Hạ Long. Khi đoàn xe đến cảng Hải Phòng, tôi đã thấy ba tuần dương hạm, dàn hàng ngang bên cầu cảng. Hạm I mở đường, hạm III hộ tống, bát che pháo được mở ra như chuẩn bị chiến đấu. Hạm II, pháo được dỡ đi, thay vào đó là bàn ghế mây cùng đồ ăn, thức uống.

Khi đoàn xe vừa lăn bánh lên cầu cảng, thì cả ba hạm tàu cùng kéo còi chào và cầu tàu hạm II từ từ hạ xuống đón khách. Lại một hồi còi chào thành phố cảng, ba hạm tàu rùng mình rẽ sóng ra vịnh Hạ Long, để lại thành phố cảng lui dần về phía sau.

Đây hang Bồ Nâu, kia hòn Gà Chọi, ba hạm tàu lượn quanh các đảo. Patrixia - con gái luật sư - say

mê chụp ảnh những hòn đảo muôn hình đang xoay tròn trước ống kính, còn cụ luật sư thì ngồi chống cằm, thả hồn vào khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng. Thăm xong vịnh Hạ Long, ba hạm tàu lướt trên biển đưa khách về nhà nghỉ. Năm ấy ấm trời, đào thắm trên Bãi Cháy đã nở rộ. Sáng hôm sau, đoàn xe Phủ Chủ tịch đã đến đón khách về Hà Nội.

Giáp Tết, phà Bính tấp nập người qua lại, phải vất vả lắm mới đưa được hết đoàn xe xuống phà.

- Tây ở đâu về ăn Tết đây hả ông?

Nghe có người hỏi, tôi nhìn lên thấy một ông già, ngoại lục tuần, râu điểm bạc, khăn xếp, áo the, tay cầm cành đào, quần ống số, đi giày Gia Định.

- Không phải “Tây” đâu, đây là cụ luật sư đã cứu Bác Hồ năm xưa đây - Tôi trả lời.

Quay sang cụ luật sư, ông già cầm cành đào nói: “Tôi ở bên Thủy Nguyên đem cành đào này đến phố Cát Dài cho đứa cháu ngoại để cháu đón xuân, rồi tôi ra phố Cầu Đất viết câu đối Tết. Không ngờ trời đất lại run rủi cho tôi được gặp đại ân nhân của đất nước - Chũ Ân của cụ nặng lắm cụ ơi! Ngàn đời sau cháu con chúng tôi cũng không trả nổi. Vậy tôi xin kính biếu cụ cành đào này”.

Quá bất ngờ, moi cụ luật sư cứ giật giật không nói nên lời, tôi thoáng thấy cụ bà luật sư quay đi lau nước mắt.

Qua phút giây xúc động, cụ luật sư nâng ông đồ Thủy Nguyên lên rồi nói: “Không phải ta đã cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chủ nghĩa nhân đạo của Người đã cứu Người. Vì chủ nghĩa nhân đạo của Người nên các bạn tôi ở Hạ Môn, ở Hồng Công và cả trên đất nước Anh cũng đều nhiệt tình giúp tôi giải thoát cho Người. Tôi cảm ơn ông đã tặng cành đào này, tôi xin

cảm ơn nhân dân Việt Nam, một dân tộc luôn sống có nghĩa, có tình. Tôi nhận cành đào này, và cành đào này sẽ thắm mãi trong lòng tôi. Bây giờ tôi lại nhờ ông giúp tôi một việc là ông hãy chuyển cành đào này cho cháu ngoại ông và ông nói với cháu rằng đây là cành đào của luật sư Lôđơbai, người nước Anh, tặng cháu để đón xuân. Chúc cháu luôn học giỏi và xứng đáng là cháu ngoan của Chủ tịch Hồ Chí Minh.”

Khi đoàn xe về đến Hà Nội, tôi đã thấy Bác Hồ đứng đón đoàn ở chân cầu thang nhà sàn. Bác ôm hôn và hỏi thăm sức khỏe từng người trong gia đình luật sư rồi tặng mỗi người một bó hoa layơn trắng tinh khiết.

Nâng máy ảnh lên chụp hình ảnh của Bác và cụ luật sư, tôi thấy râu tóc Bác Hồ và cụ luật sư đều đã bạc trắng.

Khi tiễn khách ra xe về nhà nghỉ của Chính phủ, con gái cụ luật sư còn tần ngần đứng lại.

- Cháu có điều gì muốn nói phải không? - Bác Hồ hỏi.

- Thưa Bác, xin Bác cho cháu được ở lại Việt Nam và lấy chồng Việt Nam ạ!

Một yêu cầu bất ngờ, nhưng Bác Hồ cũng trả lời luôn:

- Bố mẹ cháu đã già rồi mà chỉ có mình cháu là con, vậy cháu phải luôn ở bên ấy để chăm sóc bố mẹ và cũng đừng quên những người nghèo khổ.

Năm 1969, nghe tin Bác Hồ đã đi xa, cả gia đình cụ luật sư để đại tang, quần áo và rèm cửa đều màu đen.

Đến lần cụ luật sư Lôđơbai từ trần thì toàn bộ tiền phúng viếng đã được Patrixia chuyển vào ủng hộ quỹ người nghèo ở Hồng Công.

N.K.C

MỘT LẦN BẢO VỆ BÁC ĐI BỎ PHIẾU

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí HOÀNG HỮU KHÁNG)

Còn gì vinh dự hơn là người chiến sĩ được bảo vệ Bác trong suốt quá trình Bác về nước cho đến khi Bác qua đời. Và đến nay chúng tôi vẫn đang bảo vệ di sản của Người để lại. Trong suốt chặng đường bảo vệ Bác, chúng tôi có thể tự hào là đã bảo vệ Bác được an toàn. Tuy nhiên, trong công tác bảo vệ không khỏi có những sai sót. Mỗi lần chúng tôi mắc phải những sai sót Bác đều phê bình nghiêm khắc và chỉ bảo ân cần cho chúng tôi quyết tâm sửa chữa.

Quên sao được lần chúng tôi bảo vệ Bác đi bỏ phiếu ở hòm phiếu Nhà Thuyền (Hồ Tây) vào tháng 4 năm 1969. Chúng tôi không ngờ đó lại là lần bảo vệ cuối cùng cho người công dân số một của đất nước. Vậy mà lần bảo vệ đó chúng tôi lại để xảy ra sơ suất khiến Bác không vui lòng. Mỗi lần nghĩ lại chúng tôi thấy ân hận vô cùng.

Hồi đó, sức khoẻ của Bác đã yếu lại bị thần kinh toạ nên việc đi lại rất khó khăn. Sắp tới ngày bầu cử Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội, chúng tôi chuẩn bị trước kế hoạch và tìm chọn nơi bỏ phiếu thuận tiện nhất để khi Bác đến bỏ phiếu, không ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ. Khảo sát vài ba nơi thì thấy hòm phiếu ở Nhà Thuyền (Hồ Tây) là tiện hơn cả vì lẽ ở đây khí hậu mát mẻ, phố xá không đông đúc,

đường đi từ nhà đến nơi bỏ phiếu lại gần và thuận tiện. Hơn thế nữa, lối đi vào nơi đặt hòm phiếu bằng phẳng, không phải qua các bậc lên xuống. Chúng tôi quyết định chọn địa điểm đó để Bác đến bỏ phiếu và bàn bạc công tác bảo vệ. Khi bàn bạc về thời gian đưa Bác đi bỏ phiếu, có ý kiến đề nghị để Bác đến bỏ phiếu trước giờ khai mạc, ý kiến này không được chấp thuận vì như vậy sẽ trái với thể lệ bầu cử. Một ý kiến khác: bố trí cảnh sát đứng sẵn, khi Bác đến thì đề nghị nhân dân dừng lại để Bác bỏ phiếu trước. Ý kiến này không ổn, làm như vậy chắc Bác không bằng lòng vì đã có lần chúng tôi bị Bác phê bình khi ngăn cản nhân dân, sợ nhân dân làm ảnh hưởng tới sức khỏe của Bác. Cuối cùng chúng tôi chọn phương án: bảo vệ Bác đi bỏ phiếu vào buổi chiều. Vì lúc đó cử tri vắng nên Bác đến bỏ phiếu bình thường, lực lượng bảo vệ được bố trí chặt chẽ nhưng không gây không khí căng thẳng.

Phương án bảo vệ bố trí xong, chúng tôi mời Bác lên xe, mọi việc tiến hành đều chu tất theo đúng kế hoạch. Bác bỏ phiếu xong ra về không gặp trở ngại nào. Khi về đến Phủ Chủ tịch, xe dừng Bác xuống xe đi bộ về nhà. Xe tôi cũng kịp đến, tôi nhanh nhẹn xuống xe và đi theo Bác. Tôi vừa đến bên, Bác quay sang hỏi:

- Chú Khang! Chú có biết vì sao Nguyễn Hải Thần bị dân khinh ghét không?

Nghe Bác hỏi, tôi hơi chột dạ, nhưng trấn tĩnh được ngay. Tôi nhớ lại năm 1945, mỗi lần Nguyễn Hải Thần đi đâu thì bọn lính bảo vệ của ông ta ngồi trên xe tay lăm lăm chìa súng ra ngoài. Một khẩu súng

trung liên được đặt trên nóc xe luôn sẵn sàng nhả đạn làm ai trông cũng chướng mắt. Nghĩ vậy tôi trả lời:

- Thưa Bác! Vì bọn bảo vệ Nguyễn Hải Thần nhớ nhãng quá.

Bác hỏi tiếp:

- Chú có biết ai bảo vệ an toàn cho Bác không?

Trong thực tế công tác bảo vệ và được Bác dạy bảo nhiên lần, hiểu ý Bác, tôi nói ngay:

- Thưa Bác! Nhân dân ạ!

Nghe Bác hỏi tôi cảm thấy cuộc bảo vệ Bác hôm nay có điều gì sơ suất khiến Bác chưa vui lòng. Tôi tự kiểm tra lại kế hoạch và phương án bảo vệ vừa thực hiện nhưng chưa thấy có gì sai sót lớn.

Mãi tới khi một đồng chí trực tiếp bảo vệ ngồi cùng xe Bác nói lại thì ra nguyên do câu chuyện là khi Bác đến nơi bỏ phiếu nhìn thấy vắng cử tri, nét mặt Bác thoáng không vui.

Khuyết điểm của chúng tôi là còn suy nghĩ giản đơn, do quá lo bảo vệ an toàn mà thiếu niềm tin vào quần chúng nhân dân, chưa gắn chặt chẽ công tác bảo vệ với quan điểm quần chúng.

Nhớ lời Bác dạy, chúng tôi càng thấm thía và nhận thức sâu sắc hơn rằng bất kỳ làm việc gì cũng đều phải tôn trọng nhân dân. Có như vậy mới được dân mến, dân tin, dân ủng hộ.

P.G.V

HAI LẦN GẶP BÁC HỒ

PHẠM BẠN

(Ghi theo lời kể của đồng chí HOÀNG THỊ KIM XÔI)

Chị em phụ nữ cảnh vệ từ trước năm bảy mươi hầu như ai cũng có dịp gặp Bác, tôi là một trong những người có may mắn đó. Mỗi khi nhớ lại những lần gặp Bác, tôi như được sống trong giây phút xúc động chứa chan tình cảm bao dung của Người. Tôi luôn nghĩ rằng môi trường công tác cảnh vệ và tập thể tổ nữ là những điều kiện đã đưa đến cho tôi vinh hạnh lớn lao vô giá ấy. Giờ đây ghi lại kỷ niệm về Bác, tôi càng nhớ tới đồng đội năm xưa và cuộc sống sôi nổi của tuổi thanh niên trong những ngày cả nước sục sôi khí thế chống Mỹ, cứu nước.

Cuối năm 1967, kết thúc khoá học ở Trường Công an Việt Bắc, tôi được điều về làm công tác cảnh vệ. Cùng lớp với tôi còn có bốn bạn nữ, chúng tôi đều ở các tỉnh miền núi Hà Tuyên, Bắc Thái, Lạng Sơn... Nghe tin về Hà Nội ai cũng mừng vì chúng tôi cùng có chung mong ước đến Thủ đô sẽ có ngày được gặp Bác Hồ. Quả nhiên, điều đó sau này đã thành sự thật.

Tổ công tác của tôi toàn nữ. Lúc chúng tôi về có khoảng hơn 10 chị, năm sau lớp mới bổ sung thêm, quân số lên tới gần ba chục người. Các chị lớp trước hơn chúng tôi vài tuổi, đều còn ở độ thanh xuân và chưa có ai lập gia đình riêng. Tôi nhận thấy ở các chị mỗi người mỗi vẻ nhưng đều có nét giống nhau là

khỏe khoắn, hoạt bát, vui tươi và đối với chúng tôi thật chân tình, đầm thắm. Tôi nhanh chóng hoà nhập với gia đình mới này, cảm thấy mình như lớn thêm lên và học hỏi được nhiều điều bổ ích.

Đơn vị tôi làm nhiệm vụ bảo vệ các cuộc mít tinh, hội nghị của Trung ương và các đoàn khách quốc tế. Sau thời gian học tập nghiệp vụ, tôi được đi công tác ở một vài nơi mà trước đó tôi chỉ được nghe qua các phương tiện thông tin: Hội trường Ba Đình, Phủ Chủ tịch, Nhà khách Chính phủ 12 Ngô Quyền, sân bay Gia Lâm... Trong cuộc mít tinh kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Bác Hồ đã đến dự, rất tiếc tôi đứng ở vị trí xa nên không nhìn rõ Bác, bạn tôi hôm ấy đứng ở hành lang được tận mắt thấy Người, phấn khởi quá về nhà cứ kể chuyện mãi. Tôi mừng cho bạn mà lòng mình cảm thấy xôn xao.

Thế rồi dịp may cũng đến. Vào khoảng trung tuần tháng 10 năm 1968, tôi được phân công bảo vệ cuộc họp Hội đồng Chính phủ ở khu Phủ Chủ tịch. Hôm ấy trời lạnh và khô, chúng tôi đến địa điểm ngay từ mờ sáng. Nơi Chính phủ họp là một ngôi nhà mái bằng được xây dựng trên căn hầm lớn, chúng tôi quen gọi là nhà hầm. Lên khỏi tam cấp là vào phòng họp, căn phòng không lớn nhưng khang trang, bài trí giản dị, xung quanh có hành lang rộng, cửa chính hướng ra đường Hùng Vương cách một vườn cây cổ thụ. Tôi được phân công đứng ở cổng bên. Tôi có nghe nói đây nguyên là cổng của một ngôi đền cổ, nên khi xây dựng công trình vẫn được giữ gìn nguyên vẹn. Tôi nhìn trên nóc cổng thấy có những hình rồng, phượng và hai bên thành cổng còn nổi rõ hai hàng chữ nho đối xứng

giống như trong câu đối Tết. Từ đây nhìn về phía trái là con đường nhựa chạy vòng tới Phủ Chủ tịch, bên phải cùng là vườn cây tiếp giáp với Bách Thảo được ngăn cách bằng một bức tường chắc chắn. Còn trước mặt tôi là con đường nhựa rộng, phẳng lỳ, thẳng tắp có hai hàng cây cổ thụ cành lá sum suê xếp hàng ngay ngắn. Bây giờ mọi người đều biết đó chính là đường xoài nhưng lúc ấy tôi chỉ biết nếu đi thẳng đường này sẽ đến nhà sàn của Bác. Bất giác một tia hy vọng chợt loé trong tôi, biết đâu hôm nay Bác ra dự họp lại đi đường này.

Các đại biểu đến đã khá đông. Ở ngoài hành lang có nhiều người đứng chuyện trò vui vẻ. Hồi chuông điện vang lên báo giờ vào họp, các vị đại biểu lần lượt vào trong hội trường. Tôi nhìn về phía đường xoài nóng lòng chờ đợi nhưng chỉ thấy con đường ngợp bóng cây xanh trong khoảng không gian tĩnh lặng. Vài phút trôi qua, tôi thầm nghĩ chắc đến giờ này Bác không dự họp. Bỗng tôi nhìn thấy một chiếc xe con màu xanh nhạt từ phía Phủ Chủ tịch hướng ra cổng Đỏ, nhưng đến ngang chừng thì rẽ ngoặt về phía cổng bên rồi dừng lại chỉ cách nơi tôi đứng độ năm, bảy mét. Bác! Đúng xe của Bác rồi, tôi như muốn reo lên và cảm thấy không tin ở mắt mình. Đồng chí bảo vệ tiếp cận nhanh nhẹn mở cửa xe, Bác bước xuống, tôi hồi hộp quá nhưng mắt vẫn không rời từng cử chỉ của Người. Hôm ấy Bác mặc bộ ka ki trắng, áo bông khoác ngoài, cổ quàng khăn len, đầu đội mũ mềm. Cùng đi theo Bác có đồng chí Vũ Kỳ và một người nữa có lẽ là bác sỹ, một tay xách túi thuốc, một tay xách chiếc phích vỏ bằng tre. Đồng chí bảo vệ đi sát bên nhưng Bác tự bước lên từng bậc cổng.

Thấy Bác đến gần, tôi vội tránh sang bên một chút, lễ phép: “Cháu chào Bác ạ!”. Nói xong tôi thấy mình vẫn còn run. Bác cười hiền hậu rồi hỏi:

- Cháu đứng đây làm gì thế?

Tôi hồi hộp quá nên chưa biết trả lời Bác như thế nào thì đồng chí Vũ Kỳ đã giúp tôi:

- Thưa Bác, cô ấy là lính của anh Kháng đứng đây bảo vệ Bác đấy!

Bác âu yếu nhìn tôi. Tôi chợt nhận thấy đôi mắt Bác rất sáng đúng như mọi người thường kể. Bác hỏi tiếp:

- Thế cháu bảo vệ Bác thì ai bảo vệ cháu?

Giọng Người ấm áp khiến tôi bớt hồi hộp nhưng vì chưa hiểu ý Bác hỏi nên tôi cứ lúng túng mãi mà vẫn chưa trả lời được, có lẽ thấy thái độ mất bình tĩnh của tôi, đồng chí Vũ Kỳ cười rất vui rồi giúp tôi lần nữa:

- Thưa Bác, cô ấy có súng và võ giỏi lắm!

Mọi người đi theo Bác cười vang, Bác cũng cười vui và tiếp luôn:

- Thế à, nếu vậy thì Bác cháu ta thử đấu võ xem ai giỏi hơn?

Nói đoạn, Bác nhanh nhẹn cúi xuống xắn gấu quần lên một cách tự nhiên trước sự ngỡ ngàng của mọi người. Tôi biết Bác đùa vui nhưng chẳng biết mình phải ứng xử thế nào nên cứ đứng ngây ra, tuy vậy mặt tôi vẫn không rời từng cử chỉ của Bác. Chợt tôi nhìn thấy trong đôi dép cao su, Bác đi đôi tất màu xám đã sờn, nhìn kỹ thì thấy có chỗ đã rách được vá lại rất khéo, bỗng dưng tôi thấy mắt mình cay cay. May quá, cùng lúc đó Bộ trưởng Phan Anh biết Bác đến đã ra chào và mời Người vào họp. Bác còn dặn:

- Thôi, Bác vào làm việc, xong sẽ đầu tiếp, cháu không được trốn đi đâu đấy nhé!

Lúc ấy chẳng hiểu tôi nghĩ thế nào mà vội trả lời như máy:

- Thưa Bác, vâng ạ!

Mọi người nhìn tôi cùng cười vui rồi nhanh nhẹn theo Bác vào nơi làm việc.

Bác vào hội trường rồi mà tôi còn như chưa tỉnh giấc mơ. Bây giờ kể lại cho tuần tự chứ thực ra thời gian gặp Bác chỉ độ vài ba phút. Tôi tự trách mình là sao không trả lời được câu hỏi của Bác và cũng không hỏi thăm sức khoẻ Người được câu nào. Sau này bình tĩnh suy ngẫm lại, tôi cảm thấy Bác hỏi vậy nhưng hình như đã biết công việc của tôi rồi và thực ra câu đầu Bác hỏi thì tôi nghĩ nhưng không nói ra được, còn câu thứ hai thì quả thật tôi rất biết ơn đồng chí Vũ Kỳ, tuy không hẳn đã đúng hoàn toàn ý Bác hỏi nhưng nhờ cách ứng phó linh hoạt ấy mà giúp tôi gỡ được thế bí và cũng là một trong những điều kiện thuận lợi cho tôi và đồng đội có dịp gặp Bác lần sau.

Tôi đi lại, quan sát, thực hiện đúng những yêu cầu bảo vệ được phân công nhưng thật ra đầu óc cứ như ở đâu đâu. Cùng lúc ấy, chị Minh tổ trưởng đi kiểm tra đến chỗ tôi. Tôi vui mừng kể vắn tắt chuyện vừa được gặp Bác và cả những điều mình còn băn khoăn. Chị mừng cho tôi rồi khuyên: “Thường ai mới gặp Bác lần đầu cũng hồi hộp và xúc động như vậy, đừng lo, nếu lần sau Bác hỏi thì em cứ bình tĩnh trả lời”.

Tôi nhìn xuống đường, chiếc xe của Bác vẫn đang còn đỗ, như vậy Bác sẽ về qua đây và tôi còn có thể gặp Người lần nữa. Tôi vui quá và dự kiến một vài

tình huống để nếu Bác hỏi thì không lúng túng như trước. Tôi nghĩ rằng chuyện đấu võ thì Bác chỉ nói vui nhưng có thể Bác sẽ hỏi việc luyện tập như thế nào, vì vậy tôi hình dung lại vài việc có liên quan. Cách đó độ vài tháng, đơn vị tôi mở một lớp võ thuật, học viên toàn nữ, giáo viên là những đồng chí nam vừa qua lớp huấn luyện do chuyên gia Triều Tiên hướng dẫn. Phải nói đợt tập ấy đối với chị em chúng tôi khá vất vả vì nhiều động tác phức tạp, yêu cầu thể lực phải có sức chịu đựng cao. Mùa hè chưa đến mà bộ đồng phục của chúng tôi lúc nào cũng ẩm mồ hôi. Mới chỉ tháng đầu mà ai cũng cảm thấy mình mất đi da dẻ mịn màng và hết khoá học thì trông dáng ai cũng như gọn nhỏ, nhưng bù lại là sự khoẻ khoắn và nhanh nhẹn hơn. Tuy chưa phải vận dụng xử lý nhiều các tình huống trong công tác nghiệp vụ nhưng chúng tôi đều thấy tự tin hơn khi làm nhiệm vụ canh gác hoặc bảo vệ tiếp cận. Điều đã xảy ra là có lúc chị em chúng tôi tự bảo vệ mình và giúp đỡ cho người khác tránh được sự bất bình. Tôi còn nhớ một hôm chúng tôi rủ nhau nhảy tàu điện đi chơi Bồ Hồ. Tàu đông nên chúng tôi nhường chỗ cho các cụ già rồi xuống đứng ở cuối toa. Có mấy chàng trai ăn mặc lơ lửng thả lời bốn cợt, sàm sỡ, liền bị chúng tôi phản đối, thế là các cậu giở thói vũ phu, lập tức bị hai bạn tôi tặng cho mấy “chưởng”, xấu hổ quá các cậu ôm đầu, nhảy tàu chuồn thẳng, bà con đi tàu hôm ấy đều khen và ủng hộ. Sau này gặp nhau, nhắc lại chuyện ấy chúng tôi lại đâm lung nhau, cười ra nước mắt. Đến nay tôi vẫn nghĩ rằng tập luyện môn võ chẳng những cần thiết cho nữ cảnh vệ mà ngay chị em phái yếu chúng ta nếu học được cũng là điều bổ ích.

Khoảng 11 giờ, hội nghị xong, mọi người ra về. Tôi đang đứng bên cổng đã nghe tiếng Bác hỏi.

- Cháu gái của Bác đâu rồi?

Tôi vội chạy lại gần Bác, bình tĩnh hơn:

- Thưa Bác, cháu đây ạ!

Bác cười hiền hậu khiến tôi tự nhiên hơn. Tôi có ý chờ xem Bác có hỏi chuyện đấu võ không, nhưng may quá Bác chỉ hỏi:

- Cháu tên gì? Bao nhiêu tuổi? Quê cháu ở đây?

Tôi lần lượt trả lời từng câu của Bác. Khi tôi vừa nói xong "Thưa Bác, quê cháu ở Lạng Sơn ạ!" thì Bác liền hỏi:

- Thế cháu người dân tộc nào?

Tôi xúc động nắm chặt cánh tay Bác, lễ phép:

- Thưa Bác, bố cháu là người xuôi, mẹ cháu là người Tày ạ!

Bác ân cần:

- Cháu học lớp mấy rồi?

Tôi trả lời có vẻ bẽn lèn, ngập ngừng:

- Thưa Bác, cháu mới học lớp năm!

Thời kỳ ấy vào ngành công an phải có văn hoá lớp 7, nhưng chúng tôi ở miền núi nên được ưu tiên hơn.

Bác hỏi tiếp:

- Các cháu học võ đạt cấp gì rồi?

Tôi mạnh dạn hơn:

- Thưa Bác, chúng cháu mới học xong chương trình sơ cấp ạ! Tôi phán đoán có thể Bác lại hỏi thêm chuyện võ nghệ, nhưng Bác chỉ dặn:

- Vậy cháu phải cố gắng học thêm văn hoá và tập bắn súng, tập võ cho giỏi!

Tôi đang định hỏi thăm sức khỏe Bác hoặc nói một câu đại ý thấy Bác khỏe cháu rất mừng, nhưng chưa kịp nói thì Bác đã hỏi:

- Chỗ cháu có nhiều cháu gái không?
- Thưa Bác, tổ của cháu có gần ba chục chị em.
- Thế thì cháu về nói chị em tập võ cho giỏi, khi nào vào nhà biểu diễn cho Bác xem.

Mọi người đứng bên Bác lúc ấy nhìn tôi cười như khích lệ, còn tôi thì bất ngờ và xúc động phải cố ghìm không để nước mắt trào ra. Tôi chỉ còn biết nắm chặt cánh tay Bác nói: “Thưa Bác, vâng ạ!” nói xong câu ấy mắt tôi nhoè đi.

Bác đặt nhẹ bàn tay lên vai tôi, Người căn dặn:

- Cháu nhớ là không được tự ti và cũng không được tự kiêu, phải đoàn kết giúp nhau học tập cùng tiến bộ.

Tôi theo Bác ra tận xe và còn nghe tiếng Người dặn đồng chí Vũ Kỳ:

- Chú nhớ nhắc Bác bố trí thời gian xem các cháu biểu diễn nhé!

Về nhà, tôi kể chuyện được gặp Bác cho các bạn nghe, ai cũng vui mừng. Tôi cũng nhắc lại lời Bác dặn chị em tập võ để biểu diễn cho Bác xem nhưng thực ra lúc ấy tôi và các bạn không ai nghĩ rằng việc đó có thể thực hiện được bởi vì Bác bận trăm công nghìn việc của đất nước, vả lại trình độ chuyên môn của chúng tôi còn hạn chế liệu có làm Bác vui lòng? Tuy vậy, từ sau hôm ấy tôi thấy mình làm việc phấn chấn như luôn có thêm nguồn động viên mới.

*

* *

Chỉ còn độ hơn mười ngày nữa là đến xuân Kỷ Dậu (1969) một vài nơi trên các phố phường Hà Nội còn ngổn ngang vết tích những trận ném bom bắn phá điên cuồng của giặc Mỹ, mặc dù vậy nhân dân Thủ đô vẫn khẩn trương, nhộn nhịp đón Tết cổ truyền. Trên đường phố, người xe đi lại tấp nập khác thường. Cuộc sống thời chiến vất vả và căng thẳng nhưng trên gương mặt mỗi người vẫn phảng phất niềm vui. Bài thơ chúc mừng năm mới của Bác vừa được phổ nhạc truyền đi nhanh chóng làm náo nức lòng người.

Đơn vị của tôi cũng tiến hành gấp rút các kế hoạch bảo vệ trong dịp Tết. Tôi được tham gia trong đội văn nghệ tập một số tiết mục để phục vụ lễ đón giao thừa ở đơn vị theo thông lệ hàng năm. Một hôm, chúng tôi nhận được thông báo: Tất cả chị em tổ nữ tập trung nghe phổ biến công tác mới. Buổi trưa hôm đó mọi người bàn tán xôn xao, có người bảo: Chắc Trung ương lại triệu tập hội nghị bất thường, người khác nói: có lẽ một đoàn khách đặc biệt nào được mời đến vui Tết với nhân dân ta. Còn tôi nghĩ rằng năm qua ta thắng lớn, nhân dân phấn khởi, các vị lãnh đạo sẽ đi chúc Tết nhiều địa phương, do vậy chị em chúng tôi có thể phải đi công tác đột xuất, hoặc thường xuyên ứng trực.

Đợi mọi người ổn định trật tự, đồng chí chỉ huy trưởng đơn vị nói vài câu mở đầu rồi đi thẳng vào nội dung công việc, đại ý: Tết này đơn vị ta được trên giao một số cuộc bảo vệ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đi chúc Tết nhân dân, việc ấy đã giao cho các đồng chí tổ nam rồi. Riêng tổ nữ thì ngoài việc tham gia văn nghệ, các đồng chí còn lại sẽ ôn tập võ thuật để cùng biểu diễn mừng lễ đón giao thừa. Nhiều tiếng

bàn tán rì rầm, có lẽ tưởng mọi người chưa rõ, đồng chí giải thích thêm vì năm nay mừng quân và dân ta thắng lợi lớn nên chúng ta vui xuân với khí thế mới. Cục đã thông báo có thể các đồng chí lãnh đạo Bộ cũng đến chúc Tết đơn vị ta.

Nghe tới đó bỗng dưng tôi có linh cảm như việc chuẩn bị này có liên quan với lời Bác dặn tôi hôm nào. Biết vậy, nhưng tôi không dám thổ lộ cùng ai, bởi vì chưa có gì đảm bảo chắc chắn, vả lại nếu không thận trọng sẽ sai nguyên tắc công tác. Phải công nhận rằng thời kỳ ấy công tác bảo vệ nhất là đối với Bác thì cực kỳ nghiêm mật, ngay trong lực lượng cảnh vệ ai làm việc gì cũng chỉ được phép biết trong phạm vi, giới hạn nhiệm vụ của mình mà thôi. Và lần ấy đến tận ngày 30 Tết, chúng tôi mới biết chính thức địa điểm biểu diễn chào mừng năm mới không phải ở cơ quan mà là Phủ Chủ tịch.

Không thể kể hết nỗi vui mừng của chị em chúng tôi như thế nào. Linh tính nghề nghiệp báo cho chúng tôi biết chắc chắn được gặp Bác rồi. Suốt cả buổi chuẩn bị tất bật mà chưa ai cảm thấy yên tâm. Nghe nói chương trình biểu diễn chọn lọc nên đơn vị tôi chỉ có tiết mục văn nghệ còn lại tập trung cho võ thuật. Tôi cũng được chuyển sang biểu diễn võ thuật nên luôn sống trong tâm trạng vui mừng, khấp khởi.

Khi chúng tôi đến cổng Phủ Chủ tịch thấy diễn viên của các đoàn cũng đang có mặt. Vì là “người nhà” nên thủ tục kiểm tra đối với chúng tôi nhanh gọn hơn. Cùng biểu diễn phục vụ Bác hôm ấy tôi thấy có Đoàn Văn công giải phóng, Đoàn Ca múa Trung ương, Đoàn Ca múa nhạc Đài tiếng nói Việt Nam, Đoàn Nghệ

thuật Công an vũ trang và một số nghệ sĩ nổi tiếng khác. Trong trang phục lộng lẫy, sắc sảo của các đoàn bạn, màu xanh đồng phục của chúng tôi lại mang dáng vẻ thể thao, gọn gàng bình dị làm cho không khí ngày hội mừng xuân, mừng thọ Bác thêm phong phú.

Đúng 6 giờ chiều, Bác xuất hiện trong tiếng vỗ tay vang dậy. Ai cũng muốn đứng gần để nhìn cho rõ Bác nên dù Ban tổ chức đã phổ biến nội quy nhưng chẳng ai chịu đứng yên trong phạm vi quy định của đoàn mình, Bác vừa ra hiệu cho mọi người ngồi xuống thì các đoàn liền cử đại diện lên tặng hoa và tặng quà Bác. Tôi nhìn thấy nhiều bó hoa tươi thắm, đặc biệt Đoàn Công an vũ trang tặng Bác những sản phẩm do chính đơn vị mình tặng gia được khiến không khí thật vui và ấm cúng. Tôi còn nhớ khi đoàn Cảnh vệ bàn mua quà tặng Bác thì yêu cầu của lãnh đạo Cục là tìm vật gì có ý nghĩa thiết thực nhất, vì thế đồng chí Sáu Đại lúc ấy là Cục phó, trong một chuyến đi công tác ở miền núi được nhân dân tặng một cây gậy trúc rất đẹp đã tự nguyện nhường cho Đoàn làm quà biếu Bác. Sau này tôi có nghe nói cây gậy ấy đã được Bác dùng trong thời kỳ sức khỏe giảm sút trước lúc Người đi xa. Hiện nay, chiếc gậy đó vẫn được Bảo tàng Hồ Chí Minh lưu giữ.

Tôi nhìn thấy Bác ngồi trên ghế tựa, bên Bác có các cháu thiếu nhi là con em của cán bộ, nhân viên phòng Phủ Chủ tịch. Cùng dự buổi liên hoan hôm đó tôi còn thấy có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn cùng rất đông cán bộ trong cơ quan và anh em ở đơn vị trực tiếp bảo vệ Người.

Các đoàn biểu diễn những tiết mục gì tôi không nhớ rõ, vì phân lo cho tiết mục của mình, phần chỉ

chăm chú nhìn Bác. Giữa đàn con cháu, Bác là người ông yêu quý, hiền từ, tóc bạc, da hồng hào, nét mặt tươi vui, lúc ấy tôi không thể tưởng tượng được đây lại là cái Tết cuối cùng của Bác với đàn cháu yêu thương.

Tôi thấy một số diễn viên khi biểu diễn xong thì Bác vẫy gọi lại hỏi thăm. Tôi không nghe tiếng nhưng chỉ thấy Bác cháu cùng vui và những tràng vỗ tay của mọi người lại vang lên. Sau đó chị Hiền Thanh của đơn vị tôi sau khi biểu diễn tiết mục hát văn cũng được Bác khen ngợi, động viên.

Đến lượt chúng tôi, có lẽ là loại hình nghệ thuật đặc biệt nên sau lời giới thiệu và khi dàn đội hình thì không khí ồn ào sôi nổi. Chúng tôi đã tập luyện nhiều và biểu diễn một vài lần báo cáo lãnh đạo Bộ và Đoàn An ninh miền Nam mà sao lúc ấy vẫn hồi hộp lạ. Bài Mai hoa quyền với những miếng đánh, đòn đỡ kín đáo, uyển chuyển đã được chúng tôi thể hiện một cách nhuần nhuyễn, thực sự thu hút được sự chú ý của mọi người. Sau này tôi được nghe đồng chí Cục trưởng Hoàng Hữu Kháng cho biết thêm là Bác rất hài lòng về sự tập luyện của chị em chúng tôi và thật ra trước đó anh Kháng cũng báo cáo với Bác là mới có thêm lực lượng cảnh vệ nữ, chính vì vậy chúng tôi mới có cơ hội may mắn này.

Chương trình đêm diễn kết thúc lúc nào tôi không nhớ rõ, chỉ biết lúc mọi người ùa về phía Bác thì tôi cũng vội chạy đến nhưng cách Bác khá xa. Lúc chụp ảnh chung thì mọi người phải dãn ra, Bác tiến lên vài bước, vừa đến chỗ tôi thì Người dừng lại, may quá, tôi vội ôm chặt cánh tay phải của Bác. Bác quay sang nhận ra tôi, Người khẽ gật đầu, mỉm cười nói “Các cháu

tập thể là tốt” rồi Bác bảo đồng chí phục vụ lấy 2 bó hoa, một bó hoa Bác tặng các cháu thiếu nhi còn một bó Bác đưa cho tôi và nói: “Bác tặng cháu gái bó hoa này”. Tôi mừng quá chỉ nói được mỗi câu “Cháu xin Bác” rồi cứ loay hoay không biết ôm hoa ở tay nào cho tiện khi chụp ảnh. Trong không khí nhộn nhịp ấy, Bác không hỏi thêm tôi câu nào nữa nhưng tôi rất sung sướng vì Bác vẫn nhớ đến đứa cháu gái của Người.

Điều bất ngờ nữa là sau này tôi có được tấm ảnh chụp chung với Bác trong đó có nhiều đồng đội của tôi. Trong tấm ảnh ấy tôi đứng cạnh Bác, tay ôm bó hoa còn bên trái Người là chị Minh Chiến nay là Bí thư phụ nữ cảnh vệ. Năm 1970, tôi nghỉ phép về thăm quê, gặp mấy đứa bạn học cũ, chúng vui mừng báo tin: “Mày sướng nhé được múa võ cho Bác Hồ xem”, thì ra họ mới được xem bộ phim tài liệu “Trung ương chúc Tết Bác Hồ xuân Kỷ Dậu” trong đó có một số hình ảnh chúng tôi biểu diễn phục vụ Bác, rất tiếc đến nay tôi chưa có dịp được xem bộ phim này. Một đồng nghiệp cũ của tôi làm công việc sưu tầm hình ảnh Bác Hồ với cảnh vệ cho tôi biết: Ngoài những hình ảnh trong đêm biểu diễn đó thì còn nhiều ảnh khác mà hầu hết chị em tổ nữ được chụp chung với Bác trong các dịp công tác khác nhưng còn ở trong lưu trữ nên chị em chưa được biết. Tôi muốn loan tin này đến cho chị em, và mong đến ngày khánh thành bảo tàng về Bác, có thể sẽ thấy những hình ảnh ấy. Thật hạnh phúc biết mấy cho chị em cảnh vệ chúng tôi.

Kết thúc đêm vui Tết, sau khi ổn định trật tự, Bác nói vắn tắt mấy lời, tôi nhớ đại ý: Bác cảm ơn các cháu đã biểu diễn cho Bác và các đồng chí Trung ương xem

một chương trình mừng xuân rất vui và hấp dẫn. Nhân dịp năm mới, Bác chúc các cháu và gia đình mạnh khoẻ, tiến bộ. Bác nghèo nên chỉ có chút ít bánh kẹo và hoa quả tự Bác trồng mời các cháu cùng ăn cho vui, nhưng các cháu trai nhớ không được tranh của các cháu gái đấy nhé.

Tiếng cười vui và tiếng vỗ tay vang dậy. Tiếp đó Bác bắt nhịp cho mọi người cùng hát bài “Giải phóng miền Nam”. Giọng hát của các lứa tuổi hoà quyện với tiếng nhạc và tiếng vỗ tay làm cho không khí thật vui và náo nhiệt. Bác cũng vỗ tay nhịp theo bài hát, gần đến đoạn kết tôi thấy Bác giơ tay vẫy chào mọi người rồi ra về nhưng vì chúng tôi vẫn vây quanh nên Bác không ra được. Bỗng tôi nghe tiếng Bác hô: “Ng nghiêm”, mọi người còn đang có vẻ ngơ ngác thì Bác tiếp luôn: “Đứng sau quay, bước đều bước” lúc ấy thì tất cả có lẽ đều hiểu ra và làm theo lệnh của Người, nhưng tôi còn thấy mọi người chân bước mà vẫn ngoảnh lại nhìn cho đến tận lúc Bác ra khỏi phòng...

Tết này là đúng hai mươi năm kể từ ngày chúng tôi vinh dự được biểu diễn phục vụ Bác. Nhớ lời Bác dạy, tôi đã học xong chương trình bổ túc lớp 10 và qua một trường trung cấp về chuyên môn. Đến nay tôi đã chuyển qua nhiều công tác nhưng kỷ niệm những lần được gặp Bác vẫn luôn là nguồn cổ vũ động viên tôi khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng với công lao dạy bảo của Người.

P.B

VINH QUANG CON ĐỨNG BÊN NGƯỜI

PHẠM GIA VỆ

Giữa Quảng trường Ba Đình lịch sử mệnh mông bốn bề lộng gió, Bác nằm yên giấc ngủ trong lòng thương mến bao la của dân tộc.

Chúng tôi, những cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 375, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ rất vinh dự được Đảng, Nhà nước, nhân dân và ngành công an tin tưởng giao trọng trách: bảo vệ thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh, công trình kiến trúc lăng, Quảng trường Ba Đình lịch sử và tổ chức tiếp đón, hướng dẫn đồng bào trong nước và khách nước ngoài vào lăng viếng Bác. Đó chính là niềm vinh dự và hạnh phúc to lớn mà mỗi cán bộ chiến sĩ đều trân trọng giữ gìn.

Đơn vị chúng tôi không có vinh dự được bảo vệ Bác lúc sinh thời nhưng có may mắn là đơn vị duy nhất thay mặt cán bộ chiến sĩ ưu tú của ngành, con em ưu tú của nhân dân để làm nhiệm vụ đặc biệt cao cả này.

Hai mươi năm qua, đơn vị chúng tôi đã bảo vệ và tiếp đón an toàn gần 15 triệu lượt người nước ngoài và nhân dân trong cả nước đến lăng viếng Bác. Trong đó có gần 40 vạn người nước ngoài gồm 113 nước và 68 tổ chức quốc tế.

Nhớ lại những ngày đầu Lăng Bác mới khánh thành và mở cửa đón đồng bào vào lăng viếng Bác. Lưu lượng người đến viếng quá đông mà đơn vị chưa

có kinh nghiệm tổ chức nên khách đến viếng Bác còn có nhiều điều chưa vui lòng. Người muốn vào viếng Bác phải xếp hàng lấy phiếu ở Câu lạc bộ Thống nhất từ ngày hôm trước để hai, ba giờ sáng hôm sau đã phải xếp hàng tập trung ở vườn Bách Thảo. Thế mà chưa chắc đã được vào viếng Bác. Vì số lượng người đến viếng quá đông, mà kỹ thuật giữ gìn thi hài Bác thì không cho phép kéo dài thời gian viếng được.

Để đáp ứng với nguyện vọng của nhân dân, công tác tổ chức tiếp đón không ngừng được cải tiến nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đồng bào đến thăm viếng Bác. Những dãy nhà chờ được xây dựng cho khách có nơi nghỉ ngơi khi chưa đến lượt vào viếng Bác và hơn thế nữa trong khi chờ đợi khách được xem phim, nghe những bài hát về Bác; thăm quan chiêm ngưỡng những cảnh đẹp của khu tập kết và được nghe phổ biến nội quy trước khi vào lăng viếng Bác.

Nghiêm túc và lịch sự vốn là đức tính của người chiến sĩ cảnh vệ làm nhiệm vụ tiếp đón, hướng dẫn đồng bào vào lăng viếng Bác. Mặc dù phải làm việc trong điều kiện rất khó khăn, phương tiện nghiệp vụ còn thiếu thốn; thời tiết khắc nghiệt; hàng ngày phải tiếp xúc với hàng ngàn, thậm chí có những ngày lễ lên tới hàng vạn lượt người, đủ các thành phần, tầng lớp, lứa tuổi, trong đó có cả Việt kiều và khách nước ngoài nhưng chúng tôi vẫn xác định rõ nhiệm vụ chính trị được giao, coi đây vừa là trách nhiệm vừa là tình cảm của những người con cháu Bác, tiếp khách cho Bác trong lúc Người đi xa.

Có biết bao hình ảnh cảm động của đồng bào trong nước và khách nước ngoài khi đến lăng viếng Bác đã gây những xúc động mãnh liệt trong lòng những chiến

sĩ cảnh vệ chúng tôi. Quên sao được hình ảnh bác Tôn cùng các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta vào lăng viếng Bác trong ngày hội thống nhất non sông, nguyện sẽ thực hiện ước mơ của Bác: “Xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”.

Quên sao được hình ảnh một cụ già quê ở Bắc Thái đã 101 tuổi, mắt mờ, chân đi không được vững. Chúng tôi dìu cụ vào lăng viếng Bác. Khi đi qua nơi Bác nằm, nước mắt cụ rơi lã chã, miệng cụ lẩm bẩm: “Dạo này Bác hồng hào”. Chúng tôi hiểu, dường như trong tâm trí cụ, Bác Hồ vẫn còn sống. Có cụ bà khi vào viếng nhìn thấy Bác, cụ xúc động quá ngất đi. Khi được chị em y tế đơn vị chăm sóc, cụ hồi tỉnh lại nằng nặc đòi vào lăng viếng Bác cho kỳ được. Một bà cụ khác, tuổi đã cao, lưng đã còng, mái tóc bạc như cước nhưng còn khoẻ mạnh. Khi ra khỏi lăng đã nói với chúng tôi: “Khi thấy mình tuổi cao sức yếu, tôi chỉ có một mơ ước cuối cùng là được về Thủ đô viếng Bác. Nay đã được gặp Bác, lòng tôi thanh thản lạ thường. Dù mai đây có nhắm mắt xuôi tay, tôi cũng không còn gì ân hận nữa”.

Quên sao được hình ảnh của các cháu mẫu giáo hồn nhiên ngây thơ và trong trắng. Được các cô giáo và các chú cảnh vệ hướng dẫn vào lăng viếng Bác, khuôn mặt các cháu cũng trở nên nghiêm nghị, cả đoàn im phăng phắc. Khi qua nơi Bác nằm, một cháu không kìm nổi và thốt lên se se: “Bác Hồ đang ngủ”.

Lúc sinh thời, hình ảnh của miền Nam Thành đồng Tổ quốc luôn luôn in đậm trong trái tim Bác. Bác đã từng nói: “Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn. Núi có thể mòn. Song chân lý đó không bao giờ thay đổi: “Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi””. Nay Bác đã đi xa

nhưng hình ảnh của Bác, hình ảnh của người Cha già dân tộc kính yêu vẫn thấm sâu vào máu thịt của đồng bào miền Nam. Hàng chục năm sống dưới thời Mỹ - Ngụy, biết bao đau thương tang tóc xảy ra nhưng nhân dân miền Nam vẫn một lòng thủy chung son sắt với Đảng và Bác Hồ. Mọi người đều mong ước miền Nam được giải phóng, nước nhà thống nhất và được ra Thủ đô thăm Bác Hồ kính yêu. Sau chiến thắng vĩ đại mùa xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, đồng bào Nam Bắc được sum họp một nhà. Lòng mong mỏi của nhân dân miền Nam được ra thăm Thủ đô, vào lăng viếng vị cha già dân tộc đã được đáp ứng. Thật khó mà nói hết những tình cảm của đồng bào miền Nam đối với Bác sâu nặng biết nhường nào. Các o, các má bao năm chịu đựng đau khổ nay được ra viếng Bác, nhìn thấy Bác yên nghỉ mà không sao cầm được nước mắt. Quên sao được hình ảnh bà má Củ Chi đất thép ghen ngào không nói lên lời, những giọt nước mắt nóng hổi chảy hoai trên gò má nhăn nheo của má. Còn má Năm thì xúc động nói với chúng tôi: “Má chỉ hiềm một nỗi xa xôi quá, nếu không mỗi tháng má đến thăm Bác một lần”.

Chị Thiều Thị Tạo nguyên là Đội trưởng đội vũ trang F10 Ba binh vận Sài Gòn - Gia Định đã viết vào sổ ghi cảm tưởng:

“Bác ơi!

Mười ba năm sau ngày giải phóng miền Nam, con mới được tận mắt nhìn thấy Bác. Nhớ lại 13 năm sau ngày cất tiếng khóc chào đời, con bắt đầu xuống đường chống bạo quyền áp bức bất công. Ngày ấy con chỉ nghe về Bác qua tên gọi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Rồi cùng với sự hiểu biết về cách mạng, sự hiểu

biết về Bác ngày càng sâu sắc, con đã không từ chối bất cứ nhiệm vụ nào, chỉ mong sao sớm giải phóng đất nước để rước Bác vào Nam.

Nhưng Bác ơi! Sao Bác lại ra đi khi con còn ở trong tay lũ giặc. Chúng con vừa thương Bác vừa giận mình, vừa tủi thân, chúng con đâu có được tự do khóc Bác. Trong tù lũ giặc hung ác dùng mọi biện pháp cấm chúng con để tang Bác. Chúng còng chéo tay các chị, cắt cả phần áo có gắn mảnh băng tang trước ngực rồi phơi trần các chị trước cửa ngục. Hàng trăm tên ác ôn gây gộc cầm tay xông vào nơi nhốt chúng con và nói: “Hai chị em chúng bay là học sinh không phải là cộng sản sao lại để tang Hồ Chí Minh, lột tang ra ngay”.

Mặt trận đã dàn ra, chúng con hiểu: chúng đang trả giá sinh mạng của chúng con trên dải tang Bác. Chúng con đã chiến đấu trên chiến trường không cân sức đó. Tuy chúng con đã đổ máu nhưng vẫn hô vang: Quyết tử để bảo vệ lễ tang Bác. Cả nhà lao nổi dậy, các má đứng lên, Hội nghị Pa-ri tố cáo, 97 phong trào tiến bộ trên thế giới cũng hô, bọn chúng không dám giết chúng con, chúng đã không thể đụng tới lễ tang Bác.

Bác ơi! 18 năm trước con 18 tuổi và em gái con là Thiếu Thị Tâm 15 tuổi đã để tang Bác với những khẩu hiệu viết bằng máu lên tường nhà tù, nơi bọn cai tù đem giấu chúng con hòng làm dịu bớt làn sóng đấu tranh.

Hôm nay được vào lăng viếng Bác, thăm nơi làm việc của Bác, con càng thấu hiểu hơn cuộc đời, sự nghiệp của Người. Chúng con nguyện sống, học tập theo gương Bác. Con thật xúc động, ghen ngào không biết viết gì hơn, con chỉ biết nói trước anh linh của Bác

rằng: Cho đến bây giờ và chừng nào máu con còn chảy trong tim, con còn mang tang Bác”.

Đoàn đại biểu dân tộc của các tỉnh biên giới phía Bắc khi vào viếng Bác đã ghi những lời cảm tưởng: *“Bác Hồ ơi! Chúng cháu thương Bác lắm, quý Bác lắm, biết ơn Bác nhiều lắm, chỉ thích Bác sống lại thôi”.*

Một cô giáo vùng cao người dân tộc Mèo viết: *“Tôi là người dân tộc Mèo, lần đầu tiên vinh dự được về Hà Nội viếng Bác Hồ. Tôi chưa thấy Bác lần nào, hôm nay nhìn thấy Bác, tôi rất cảm động. Sở dĩ người Mèo chúng tôi được như ngày nay, được cơm no, áo ấm, được có chữ, cùng tiến bộ như đại đa số các dân tộc, riêng bản thân tôi lớn lên được làm cô giáo là nhờ ơn Đảng, ơn Bác Hồ. Tôi và dân tộc Mèo chúng tôi rất ơn Đảng, ơn Bác. Tôi nguyện sẽ học tập Bác và cố gắng dạy cho các em người Mèo đời đời theo Đảng, theo Bác. Tôi sẽ kể lại hình ảnh Bác cho các em và người dân tộc Mèo chúng tôi...”*

Anh Nguyễn Văn Thao trú tại 265 C1, phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng - Hà Nội thay mặt gia đình viết lên những dòng cảm tưởng: *“Thưa Bác! Hôm nay ngày 19-9-1987 gia đình con có một lẵng hoa đến đặt trước Lăng Bác để tưởng niệm công ơn trời bể của Người. Vào lăng viếng Bác, được thăm quan nơi ở, làm việc của Bác, là một kỷ niệm quý của gia đình con...”*.

Nhiều đoàn thương binh nặng đang điều dưỡng tại trạm điều dưỡng ở Thuận Thành - Bắc Ninh đến viếng Bác, các anh đã xúc động nghẹn ngào viết: *“Thưa Bác kính yêu! Chúng cháu là những chiến sĩ đã từng vào trận chiến đấu với bọn giặc Mỹ xâm lược, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh. Chúng cháu biết cuộc*

chiến đấu nào cũng đều có sự hy sinh mất mát... Nhớ lời Bác dạy, chúng cháu xét lại mình đúng là “có tàn nhưng không phế”. Hôm nay rất vinh dự được vào lăng viếng Bác, chúng cháu thật xúc động, thương tiếc Bác không biết nói gì hơn, chúng cháu xin hứa với Bác sẽ nguyện sống học tập theo gương của Bác, thực hiện đúng lời dạy của Bác để đóng góp phần nhỏ bé của mình để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Hình ảnh vợ chồng anh thương binh quê ở Thanh Hoá ra viếng Lăng Bác cách đây đã gần 10 năm nhưng vẫn in đậm trong tâm trí những người chiến sĩ cảnh vệ chúng tôi. Đó là vào một buổi sáng mùa thu năm 1985, chúng tôi được giao nhiệm vụ đón một đồng chí thương binh nặng vào lăng viếng Bác, thăm nơi ở và làm việc của Người. Anh thương binh cụt cả hai chân và hỏng cả hai mắt. Khi gặp chúng tôi, một thiếu phụ đi cùng anh nói trong tiếng nấc:

- Vợ chồng tôi từ Thanh Hoá ra đây các anh ạ! Tôi cứ khuyên nhà tôi mãi, đã bệnh tình thế này đi xa làm chi cho tội. Mình kính Bác, nhớ Bác ể ở trong lòng, cứ chi phải ra tận nơi Bác an nghỉ?

Còn anh, anh không nói gì cả, nhưng đôi môi cứ run run như ghìim nổi xúc động sâu kín tận đáy lòng. Thông cảm với hoàn cảnh của anh, chúng tôi thật sự xúc động và nói:

- Mời anh chị vào viếng Bác!

Nói rồi, chúng tôi trực tiếp đẩy xe đưa anh và chị theo dòng người vào lăng. Chị vợ lặng lẽ bước theo sau. Lúc đẩy xe quanh nơi Bác nằm, anh hoàn toàn bất động trên xe, thỉnh thoảng người thiếu phụ vỗ nhẹ

vào vai anh ý muốn chỉ phía bên trái nơi Bác nằm và mặt anh luôn hướng về phía đó. Hai cánh mũi anh cứ phập phồng thốn thức, rồi hai giọt nước mắt từ hai hố mắt trũng sâu tội nghiệp của anh đột ngột lăn xuống đôi gò má đầy vết sẹo. Anh đã khóc. Khóc vì nỗi xúc động bao năm dồn nén trong lòng...

Ra khỏi lăng, anh thở phào nhẹ nhõm, niềm vui toại nguyện hiện rõ trên khuôn mặt từng trải chiến tranh của người chiến sĩ, anh bộ đội Cụ Hồ. Xe đẩy đưa anh vào khu vực nhà sàn của Bác. Chúng tôi cố nhớ lại và nói hết, kể hết những gì về Bác, về những kỷ niệm nơi đây trong những năm tháng Bác sống và đã tự tay Người tạo nên. Càng nghe mỗi lúc khuôn mặt anh càng xúc động hơn. Thăm nhà sàn xong, chúng tôi đưa anh dừng lại trên bờ ao cá Bác Hồ và giới thiệu. Anh soài người ra phía trước như có ý cần một vật gì đó. Chỉ có chị vợ anh hiểu được lại gần và anh nói nhỏ. Chị lấy đưa cho anh mấy viên sỏi nhỏ, tiếng cá quẫy ở bậc cầu ao làm nước bắn lên tung toé. Nét mặt anh hân hoan như trẻ nhỏ. Và lần đầu tiên từ lúc gặp anh đến giờ tôi mới được nghe anh nói trong xúc động:

- Xin cảm ơn các đồng chí đã đặc biệt quan tâm giúp đỡ để trong đời tôi được một lần đến thăm Bác.

Và nước mắt anh lại chảy.

Chúng tôi an ủi anh:

- Có gì đâu anh! Đây là nhiệm vụ và trách nhiệm của chúng tôi đối với Bác và với những người như các anh.

Trong giây lát ngập ngừng, anh kể lại cho chúng tôi nghe về quãng đời đã qua:

- Tôi tình nguyện vào bộ đội năm 1961, lúc mới 16 tuổi. Cũng như các đồng chí tuổi trẻ đầy ước mơ và khát vọng, tôi phấn đấu luyện tập với tất cả niềm say mê và sức lực của người lính để quyết tâm làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm đầu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mỹ, ngay đợt thử lửa đầu tiên ở cầu Hàm Rồng tôi đã bị bom vùi lấp. Nhờ đồng đội mà tôi đã được cứu sống. Nhưng các đồng chí thấy đấy, tôi bị mất cả hai chân và bỏng cả hai mắt. Giữa tuổi thanh xuân mà tôi đã mất hết hy vọng. Biết rằng mình chiến đấu hy sinh xương máu là vì Tổ quốc, một vinh dự lớn của tuổi trẻ. Nhưng sống làm gì trong cảnh thân tàn ma dại này, ăn bám gia đình và xã hội ư? Có lúc nghĩ quẩn, tôi muốn quyên sinh để bớt đi gánh nặng cho xã hội. Thông cảm với cảnh đời tàn phế của tôi, một cô giáo làng dạy học gần nhà đã tự nguyện đến ân cần chăm sóc tôi và người mẹ già cả đời vì tôi mà vất vả. Hàng ngày vào các buổi tối, cô thường sang nhà thăm nom gia đình, đọc cho tôi nghe dăm trang sách hoặc những tin tức trên báo. Cô càng đến, tôi càng buồn, nhưng tình cảm giữa cô và tôi ngày càng gắn bó... Một hôm cô đọc cho tôi nghe tờ báo có đăng thư của Bác Hồ gửi thương bệnh binh nhân ngày 27 tháng 7. Trong thư Bác khen ngợi tinh thần chiến đấu hy sinh của chúng tôi và Người dạy: “Thương binh tàn nhưng không phế” nên phải cố gắng tham gia công tác xã hội, lao động sản xuất theo khả năng để nêu cao truyền thống tốt đẹp của mình. Càng nghe tôi càng thấy thấm thía vô cùng. Lời của Bác như ngọn lửa hồng sưởi ấm nỗi lòng băng giá bấy lâu

của tôi. Điều mà tôi trần trở bế tắc bấy lâu đã được Bác giải đáp. Người như tôi mà vẫn còn có ích sao?

Làm theo lời Bác, tôi quyết chí học đàn bầu. Tôi đã mất đi một phần thể xác nhưng còn đôi tay và một ý chí, một tâm hồn. Mỗi tối, các em học sinh và cô giáo đến quây quần bên tôi động viên khích lệ. Tiếng hát trong trẻo yêu đời của các em hoà trong tiếng đàn bầu đã an ủi, nâng đỡ cuộc đời tôi.

- Còn cô giáo...

Một chiến sĩ trong chúng tôi chợt thốt lên nhưng biết là mình vô ý nên vội dừng lại. Chị vợ anh đứng đằng sau chúng tôi đã khóc từ lúc nào, giờ đây mới bật lên nước mắt.

- Cô ấy đó! - Anh bình thản nói tiếp: "Vì thế mà tôi quyết ra đây thăm Bác. Nỗi khát khao của tôi là được gặp Bác và thưa với Bác rằng: Lời dạy của Người năm xưa, trong thư ngày ấy đã động viên tôi sống và sống hạnh phúc như ngày hôm nay".

*

* *

Trước Lăng Bác, đã nhiều năm nay thường tổ chức các sinh hoạt chính trị có ý nghĩa sâu sắc. Đây là nơi diễn ra các buổi kết nghĩa cảm động, các buổi giao ước thi đua nghiêm trang của các cơ quan, đoàn thể, đơn vị. Nhiều đoàn tân binh đã đến đây để làm lễ tuyên thệ trước lúc lên đường. Nhiều chi bộ, chi đoàn đã chọn mảnh đất thiêng liêng này làm nơi kết nạp đảng viên, đoàn viên mới. Rồi từ đây họ lại mang theo muôn vàn tình thương yêu của Bác toả đi khắp mọi nẻo đường của Tổ quốc, hứa với Bác hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ để Bác vui lòng.

Năm tháng cứ qua đi, nỗi xúc động và tình cảm của nhân loại vẫn còn sống mãi. Hàng ngày con rồng cháu tiên từ khắp mọi miền của Tổ quốc cứ nối tiếp nhau như dòng chảy hội tụ về Ba Đình để vào lăng viếng Bác.

Thật tự hào và hạnh phúc biết bao khi nhiệm vụ Đảng giao chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc. Lăng Bác được bảo vệ tuyệt đối an toàn. Dòng người ngày ngày vào viếng Bác vẫn được chúng tôi đón tiếp tận tình, chu đáo. Đơn vị thường xuyên nhận được nhiều thư khen của nhân dân, các đoàn thể, tổ chức xã hội gửi về Ban tổ chức khen ngợi phẩm chất cao đẹp của những người chiến sĩ cảnh vệ, đang ngày đêm “giữ yên giấc ngủ cho Người”.

Trong thư ngày 20 tháng 1 năm 1976 của Văn phòng ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi về Ban tổ chức có đoạn viết: *“Với tinh thần trách nhiệm cao, với lòng tôn kính đối với Bác Hồ, các đồng chí đã tổ chức chu đáo lễ viếng Bác cho Đoàn đại biểu Quốc hội về họp thứ II Quốc hội khoá V được tiến hành trọng thể, nghiêm túc. Chúng tôi xin gửi đến cán bộ chiến sĩ và nhân viên phục vụ lời khen và cảm ơn”*.

Thư của đồng chí Trần Loát, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Đại Phúc, huyện Quế Võ, Bắc Ninh có đoạn viết: *“Đoàn đại biểu cha mẹ liệt sĩ chúng tôi được về Thủ đô viếng Bác. Thật vô cùng cảm động trước sự tiếp đón nhiệt tình chu đáo của các đồng chí cán bộ công an và nhân viên phục vụ. Trong đoàn chúng tôi có cụ già 81 tuổi là mẹ của 2 liệt sỹ, cụ rất già yếu nhưng vẫn cố gắng đi. Không may trên đường đi xe xóc, một chị là con dâu của cụ bị ngã dính đâm vào chân. Một cụ già và một chị khác bị thương ở chân. Chúng tôi băn khoăn chưa biết giải quyết ra sao thì*

được các đồng chí nhiệt tình đưa vào trong nhà. Cụ già được uống thuốc tăng lực, chị phụ nữ được rửa sạch vết thương và băng bó cẩn thận. Hành động đó, cử chỉ đó, đạo đức đó của các đồng chí không những động viên chúng tôi mà còn tạo niềm tin yêu sâu sắc đến chế độ ta, Đảng ta, Nhà nước ta. Các đồng chí đã góp phần rất lớn vào công tác động viên gia đình các liệt sĩ ở địa phương chúng tôi”.

Cụ Phan Khoan, 85 tuổi ở xã Liên Sơn, Đô Lương, Nghệ An sau 2 lần vào viếng Bác, cụ đã viết: *“Tinh thần của các đồng chí phục vụ nhân dân vào viếng Bác rất chu đáo. Hướng dẫn cụ thể nhất là đối với các cụ già, phụ nữ có thai, các cháu nhỏ, đặc biệt là đối với các đồng chí thương binh nặng, được nâng đỡ chỉ bảo hướng dẫn ân cần, dìu lên từng bậc thang, tạo điều kiện cho dân được gần Bác, thăm quan nơi ở và làm việc của Người. Các đồng chí thật xứng đáng là những người chiến sĩ cận vệ Bác, là con em yêu quý của nhân dân”.*

Và còn hàng trăm, hàng ngàn lá thư và những dòng cảm tưởng khác của nhân dân cả nước đến viếng Bác đã hết lòng khen ngợi, cảm phục và tin tưởng đối với những chiến sĩ phục vụ bên Bác. Đó là những phần thưởng cao quý, thiêng liêng mà Đảng, nhân dân và khách quốc tế ghi nhận và dành cho những chiến sĩ cảnh vệ chúng tôi, cổ vũ động viên khích lệ chúng tôi hãy giữ vững, kế thừa và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ cảnh vệ đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu.

P.G.V

BẢO VỆ BÁC HỒ

LẦN ĐẦU TIÊN SANG TRUNG QUỐC

VŨ VĂN TIÊN

Đó là mùa thu năm 1942, với tên Hồ Chí Minh, lần đầu tiên lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lên đường sang Trung Quốc để liên lạc với Đồng minh chống phát xít, tranh thủ sự ủng hộ với phong trào cách mạng của nước ta. Tình hình Trung Quốc lúc này diễn biến hết sức phức tạp. Chính quyền Tưởng Giới Thạch tìm mọi cách quyết liệt chống phá Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhiều vùng, quân của Tưởng đã chiếm đóng và kiểm soát hoàn toàn.

Để phục vụ và bảo vệ Bác trên đường qua nước bạn. Trung ương đã cử đồng chí Lê Quảng Ba chịu trách nhiệm đi cùng. Đồng chí là một thanh niên dân tộc Tày ở Cao Bằng, giỏi nhiều thứ tiếng dân tộc như: Dao, Mán, Nùng, Quan Hỏa, Trung Quốc... thông thạo địa hình và rất am hiểu phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc miền núi, kể cả một số vùng của Trung Quốc. Đồng chí sớm giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào mặt trận dân chủ, có kinh nghiệm vận động quần chúng, nên đã được Trung ương cử phụ trách việc bảo vệ Bác đi công tác đợt này.

Biết tình hình Trung Quốc rất phức tạp nên đồng chí rất lo lắng và báo cáo với Trung ương đề xuất với Bác xin cho bảo vệ cùng đi suốt cả chặng đường Bác chỉ

đồng ý cho đi cùng Bác sang đến cơ sở cách mạng của ta ở Ba Mông - Tỉnh Tây, còn từ đó Bác chủ động đi tiếp.

Ngày lên đường, Bác hoá trang trông giống ông thầy địa lý ở nông thôn, Bác mặc áo nâu chéo vạt, lưng đeo túi lưới, tay chống gậy, để râu. Đồng chí Lê Quảng Ba mặc bộ quần áo chàm, như người đi đón thầy địa lý, còn các đồng chí khác cũng ăn mặc kiểu địa phương, nhưng đi theo phương án đã định để phát hiện có vấn đề gì nghi vấn, thông báo kịp thời cho Bác. Ngày nghỉ đêm đi, nửa tháng trời ròng rã “thầy trò” đã đến được Ba Mông - Tỉnh Tây an toàn. Ở đây có các gia đình anh em kết nghĩa với Bác và các đồng chí cách mạng Việt Nam như: Từ Vỹ Tam, Vương Tích Cơ, Hoàng Đạt Hán, Hoàng Đức Quyền, Dương Đào... Bác nghỉ lại nhà Từ Vỹ Tam - một thanh niên nhà nghèo nhưng mến khách. Chỉ còn 2 ngày nữa là đến Tết Trung nguyên, đây là ngày Tết lớn của địa phương, gia đình thiết tha mời Bác ở lại ăn Tết cùng họ. Đáp lại lòng mến khách, Bác và đồng chí Lê Quảng Ba ở lại ăn Tết với gia đình Từ Vỹ Tam cùng các gia đình người Trung Quốc quen biết. Tại nhà Từ Vỹ Tam, các anh em kết nghĩa bàn bạc cử người đưa Bác đi Bình Mã rồi đi tiếp đến Trùng Khánh bằng đường ô tô, để gặp “một yếu nhân người Trung Quốc”. Dương Đào hào hứng nhận lời. Mọi kế hoạch Bác đã chuẩn bị và được anh em chuẩn bị thêm một số thứ cần thiết cho việc lên đường thuận tiện. Các đồng chí trong tổ bảo vệ về nước trước, còn đồng chí Lê Quảng Ba ở lại nhà Từ Vỹ Tam rồi về sau.

Trên đường Bác và Dương Đào đi không may gặp phải bọn tuần cảnh Quốc dân Đảng ở xã Túc Vinh huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây. Chúng kiểm tra, mặc dù Bác đã chuẩn bị các loại giấy tờ như: giấy

chúng mình thư của quốc tế phản xâm lược, Hiệp hội Việt Nam phân hội xã và giấy thông hành của Văn phòng Bộ tư lệnh Đệ tứ chiến khu, thẻ nhà báo mang tên “Tân văn ký giả Hồ Chí Minh”, một số giấy công vụ mang tên Hồ Chí Minh do Diệp Kiếm Anh - Tổng Tư lệnh quân giải phóng Trung Quốc cấp và một số giấy tờ khác do đại diện chính quyền Tưởng Giới Thạch đóng tại Quảng Tây cấp, nhưng chúng vẫn bắt giữ cả Bác và Dương Đào. Sau khi bắt giữ, chúng giải hai người đi Thiên Bảo. Chị gái của Từ Vỹ Tam tình cờ đi từ Ba Mông đến Đỗ An đã trông thấy Bác và Dương Đào nên chị tức tốc quay trở lại báo tin dữ đó cho những người anh em kết nghĩa biết.

Cuộc hội ý được diễn ra ngay lập tức, Vương Tích Cơ được cử đi nghe ngóng tình hình, vì anh có người quen làm nghề gác ngục. Sự khôn khéo, linh hoạt cũng như tình cảm quý mến Bác như người thân một nhà nên Vương Tích Cơ không quản khó khăn, tìm gặp bằng được người quen làm nghề gác ngục đó để nhờ vả, cuối cùng anh cũng đã gặp được Bác, đem cơm cho Bác và Dương Đào. Nước mắt lưng tròng, nghẹn ngào anh dặn Bác cần gì cứ nói! Bác viết lá thư tiếng Việt bằng bút chì nhờ anh gửi về cho Lê Quảng Ba. Nhận được thư, như sét đánh, Lê Quảng Ba lặng đi hồi lâu rồi chia tay vội với những người bạn nông dân nghèo Trung Quốc để lên đường về nước báo tin ngay cho Trung ương.

Trung ương tiếp tục cử đồng chí Đặng Văn Cáp sang Trung Quốc để nắm tình hình. Nhân danh “phân hiệu Việt Nam quốc tế chống xâm lược” Trung ương ta gửi điện cho Tôn Khoa, Viện trưởng Viện lập pháp của Quốc dân Đảng tại Trùng Khánh, yêu cầu thả Hồ Chí

Minh và điện đến Thông tấn xã Liên Xô Tass UPI, Rewter, AFP ở Trùng Khánh yêu cầu can thiệp.

Hơn một năm trải qua 30 nhà tù của chế độ Tưởng Giới Thạch nhưng Bác không nao núng tinh thần, luôn luôn nghĩ về cách mạng ở trong nước:

*“Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao”*

Bác luôn rèn luyện ý chí:

*“Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao”*

Trong nhà tù hà khắc của Tưởng Giới Thạch, Bác và Dương Đào đều mắc bệnh, đặc biệt Dương Đào bị lao phổi và chết trong tù. Bác dành thời gian “nhàn rỗi” viết *“Ngục trung nhật ký”* tố cáo chế độ thối nát của Tưởng. Bác ái ngại, đau xót với cảnh “cháy thành vạ lây”. Vì mình, vì sự nghiệp của cách mạng Việt Nam mà Dương Đào cũng bị bắt vào tù. Bác đã viết về anh:

*“Sáng dậy, đất bằng hỏi có sao
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết.
Nay lại thương anh mắc bệnh lao”.*

Cũng tại Liễu Châu khi Bác vừa được tha tù, Bác đã viết thư gửi cho Từ Vỹ Tam và Dương Tích Cơ, những người anh em của mình, báo tin Dương Đào đã chết: “Dương Đào là anh em thân thiết của chúng ta, chúng ta mãi mãi không quên chú ấy. Người liệt sĩ đã hiến dâng đời mình cho cách mạng Việt Nam...”.

Hơn một năm giam cầm Hồ Chủ tịch, nhưng không có đủ bằng chứng gì để kết tội Người, chúng đành phải trả tự do cho Bác, nhưng chúng vẫn vô cơ quản thúc Bác thêm một năm.

Lúc này sức khoẻ Bác giảm sút rất nhiều, chân đi không vững, mắt thì mờ, Bác phải luyện tập để nâng cao sức khoẻ. Hàng ngày Bác tập leo núi, nhìn vào bóng tối để “chân thêm vững, mắt thêm sáng”. Bác tự nhủ: “một chiến sĩ bị mắc bệnh tê thấp thì còn làm được gì?”. Mặc dù mùa đông ở Trung Quốc hết sức giá lạnh mà buổi sáng Bác vẫn thường ra sông tập bơi, khiến cho viên tướng Trương Phát Khê phải xuống ngựa cúi chào và thốt lên: “Hồ tiên sinh là An Nam, An Nam ở xứ nhiệt đới, sang Liễu Châu chúng tôi chịu được cái rét mùa đông đã không phải đơn giản, thế mà Hồ tiên sinh còn bơi được dưới dòng sông nước lạnh này.

Thật là kỳ tài!

Thật là kỳ tài!”

Vừa luyện tập để nâng cao sức khoẻ, Bác vừa tìm cách bắt liên lạc với các đồng chí cách mạng Việt Nam hoạt động tại Liễu Châu, đồng thời tìm cách chấp nối liên lạc với Trung ương ở trong nước.

Sau thời gian bị quản thúc, Bác được thả tự do và trở về nước. Người chọn 18 thanh niên Việt Nam đã được đào tạo, huấn luyện trong thời gian Bác ở Trung Quốc cùng về nước... Đồng chí Lê Quảng Ba được cử phụ trách tổ bảo vệ lên biên giới đón Bác. Hơn một năm xa Tổ quốc, Bác trở về căn cứ an toàn.

Đã gần 60 năm trôi qua, nhưng đến nay mỗi khi nhớ lại, chúng tôi cảm thấy như mình có lỗi trong chuyến công tác bảo vệ Bác lần đó. Chúng tôi ước ao giá như lúc đó có lực lượng và biện pháp khác phù hợp thì tình hình có lẽ sẽ khả quan hơn.

V.V.T
(Sưu tầm)

TỪ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CHÚNG CON VÀO LĂNG VIẾNG BÁC

TIẾN MẠNH

Trong những ngày tháng Năm lịch sử, tôi vinh dự được cùng đoàn cán bộ công an thành phố Hồ Chí Minh vào lăng viếng Bác, thăm nơi ở và làm việc của Người. Chứng kiến tình cảm và niềm xúc động của những người con miền Nam đối với Bác, lòng tôi không khỏi bồi hồi xúc động, khi được về bên Người đúng vào dịp kỷ niệm 110 ngày sinh của Bác.

Trên đường vào khu tập kết, anh Phạm Hiếu có nói với tôi: “Trước khi ra công tác tại Thủ đô, tôi dự định bằng giá nào cũng vào lăng viếng Bác, đây là ước nguyện đã nung nấu từ bấy lâu nay. mấy lần trước, tôi ra Hà Nội đúng vào dịp Lăng Bác đang tu bổ”. Theo sự hướng dẫn của các đồng chí cảnh vệ, 9 giờ ngày 9-5-2000 đoàn chúng tôi vào khu tập kết tại số 5 phố Ngọc Hà rồi cùng dòng người đi về phía Lăng Bác. Chúng tôi được sự đón tiếp nhiệt tình và lịch sự của các đồng chí Trung đoàn 375 (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), đơn vị duy nhất thay mặt cho lực lượng công an hàng ngày đón tiếp đồng bào cả nước cũng như khách nước ngoài vào lăng viếng Bác. Họ như là con, cháu tiếp khách cho Bác khi Người đi xa.

Chị Ngô Thuý Hương trong ban tổ chức lễ viếng cho chúng tôi biết: Những ngày tháng Năm này,

không khí ở đây càng trở nên nhộn nhịp, sôi động hơn bởi khách vào viếng Bác ngày một đông. Hàng ngày có khoảng hơn 11 nghìn lượt người (trong đó có hơn 700 lượt người nước ngoài) vào viếng Bác, thăm nơi ở và làm việc của Người. Càng đến gần ngày sinh nhật Bác, con số này càng tăng gấp bội. Ngày sinh của Bác năm ngoái có gần 20 nghìn lượt người (trong đó có hơn 1 nghìn lượt khách nước ngoài) vào viếng Bác. Chưa kể 1/3 số người chưa được vào viếng vì quá đông.

Sau ít phút, chúng tôi đã ra đến đường Hùng Vương. Giữa Quảng trường Ba Đình lịch sử, tràn ngập nắng vàng rực rỡ, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện ra thật trang nghiêm và tôn kính nhưng cũng rất gần gũi với mọi người. Phía bên kia của quảng trường là Hội trường Ba Đình, nơi đang diễn ra Lễ khai mạc kỳ họp thứ VII Quốc hội khoá X. Giây phút chờ đợi từ bấy lâu nay đã đến, bước lên những bậc cầu thang, chúng tôi được đến bên Người. Lần đầu tiên được nhìn thấy Người, các anh không khỏi ngỡ ngàng và xúc động. Bác vẫn nằm như đang ngủ, nước da Bác vẫn hồng hào, trái tim Bác như vẫn đang cùng nhịp đập của hơn 70 triệu trái tim Việt Nam. Sau này anh Phạm Hiếu tâm sự: “Nhìn thấy Bác, tự nhiên trong tôi có cái gì nghèn nghẹn đưa lên cổ. Tôi định bật lên gọi: “Bác ơi!” nhưng vì không khí trang nghiêm, tôi lấy hết tinh thần nén lại và dịch đi từng bước theo dòng người kính cẩn xung quanh linh cữu Bác. Sao giây phút bên Bác ít ỏi và ngắn ngủi thế! Tôi thăm ngẫm Bác thật kỹ, nhưng thời gian đã hết. Đã đi đến lối ra, nhưng tôi cố ngoái lại ngắm Bác lần nữa”.

Tôi thấy hai dòng nước mắt lăn dài trên gò má các anh trong đoàn.

Ra khỏi lăng, qua khu vườn đầy cây trái mà nhân dân cả nước gửi về kính tặng Bác, chúng tôi đến thăm khu di tích Phủ Chủ tịch.

Trước mắt chúng tôi là Phủ Chủ tịch nổi bật bởi màu vàng sang trọng và những nét kiến trúc cổ kính. Kia cây đa kiên trì, chính tay Bác đã trồng và tạo ra 3 chiếc rễ tượng trưng cho 3 miền của đất nước Việt Nam luôn đoàn kết một lòng trong sự nghiệp cách mạng mà Bác đã đặt nền móng và xây dựng.

Đây ngôi nhà 3 gian Bác về ở khi về tiếp quản Thủ đô. Qua thăm quan, các anh đều cảm nhận thấy Bác sống giản dị hơn được nghe và tưởng tượng. Vị lãnh tụ vĩ đại, đi khắp năm châu bốn biển tìm đường cứu nước, cứu dân nay về ở một ngôi nhà đơn giản như bao ngôi nhà khác.

Theo người hướng dẫn, chúng tôi được biết, sau khi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, tháng 10-1954 Bác ở và làm việc tại nhà thương Đồn Thủy, đến tháng 12-1954 thì Trung ương mời Bác về khu Phủ Chủ tịch ở. Trung ương định mời Bác về ở và làm việc tại Phủ Chủ tịch (ngôi nhà Phủ toàn quyền cũ được sửa sang, tu bổ lại sạch sẽ) để tiện chủ trì các cuộc họp Chính phủ, tiếp khách trong nước và nước ngoài. Khi nghe đồng chí Nguyễn Lương Bằng báo cáo ý định này của Trung ương, Bác đến xem nhưng không ở và đề nghị tu sửa lại căn nhà 3 gian gần bờ ao cách Phủ Chủ tịch chừng 300m để ở. Căn nhà này trước đây vốn là nơi ở của người thợ điện.

Sang bên kia bờ ao, chúng tôi đến thăm ngôi nhà sàn của Bác. Đầu năm 1958, theo nguyện vọng của Bác muốn làm một căn nhà sàn ở bên kia bờ ao để ở và làm việc cho thoáng. Theo ý của Người, sau một thời gian ngắn, Cục thiết kế cơ bản Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng đã thiết kế và thi công xong nhà sàn của Bác. Vào dịp sinh nhật năm 1958, Người đã chuyển sang ở ngôi nhà sàn cho đến những ngày cuối đời. Một lần nữa những người con miền Nam ngạc nhiên bởi cuộc sống sinh hoạt của Bác khác lạ trong gian nhà sàn đơn sơ, cũng chiếc quạt giấy nâu, quạt lá cọ, chiếc phích nhỏ đựng nước sôi, một chai nước nguội, chiếc cốc thủy tinh, chiếc radio của Việt kiều Thái Lan biếu Bác. Chính tại ngôi nhà này Bác đã ngày đêm suy nghĩ về đường lối cách mạng Việt Nam và cũng tại nơi đây Người đã viết bản di chúc lịch sử là kế sách cơ bản, lâu dài thể hiện tầm nhìn xa trông rộng của nhà chiến lược thiên tài, một vĩ nhân trong thế kỷ 20. Ngôi nhà được thiết kế theo kiểu nhà sàn của đồng bào dân tộc, có hai tầng, tầng trên có hai phòng dùng làm phòng ngủ và phòng làm việc về mùa đông, tầng dưới là nơi Người thường làm việc về mùa đông, tầng dưới là nơi Người thường làm việc về mùa hè, nơi họp Bộ Chính trị quyết định nhiều vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam, nơi tiếp khách thân mật. Các anh đứng ngắm nhìn khung cảnh ở đây như thấy Bác vẫn hiển hiện. Mỗi gốc cây, bờ ao, cây cầu, ngôi nhà và các hiện vật còn ám hơi Người, còn sâu nặng tình Người.

Theo hướng dẫn của Tiến sĩ Nguyễn Thị Oanh, chúng tôi được tham quan những hình ảnh về những

giây phút cuối cùng của cuộc đời Bác. Bác vĩ đại bao nhiêu thì cuộc sống lại giản dị thanh tao bấy nhiêu. Trước lúc qua đời, Bác không đòi hỏi một thứ gì cao sang mà luôn theo dõi chiến sự của quân và dân miền Nam đánh đuổi đế quốc Mỹ và một ước nguyện cuối cùng là được nghe một đôi khúc dân ca...

Muốn nán lại để hiểu thêm về Bác, hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Bác nhưng vì thời gian không cho phép, chúng tôi ra về trong nuối tiếc. Xin Bác hãy yên nghỉ nơi vĩnh hằng, chúng con, những chiến sĩ công an, xin nguyện suốt đời học tập và phấn đấu thực hiện tốt 6 điều Bác dạy, làm tròn sứ mệnh lịch sử mà Đảng, Tổ quốc và nhân dân giao phó.

T.M

BÁC VỀ THĂM VĨNH PHÚ

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí ĐÀO TRỌNG VẬN
- Nguyên Phó Cục trưởng - Cục cảnh vệ)

Mùa xuân năm 1960, năm mở đầu của phong trào “Tết trồng cây” do Bác Hồ phát động. Chính Bác đã mở đầu Tết trồng cây bằng việc tham gia với nhân dân Thủ đô Hà Nội trồng cây tại công viên Thống Nhất, nay là công viên Lê Nin. Nhân dân ta coi đây là tục lệ đẹp để mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc trong công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước. Xúc động biết bao khi ta đọc lại câu thơ Bác viết:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Kể từ mùa xuân năm đó, phong trào thi đua “Tết trồng cây” đã được dấy lên rộng khắp các địa phương trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Thật vinh dự cho nhân dân Hà Nội được Bác Hồ luôn ưu ái và đặc biệt quan tâm. Tự tay Bác đã trồng 6 cây đa ở Thủ đô yêu dấu. Những cây đa Bác trồng nay đều đã thành cổ thụ, toả bóng mát sum suê. Nhưng có ai ngờ, cây đa Bác trồng trên đồi cây Yên Bồ xã Vật Lại, huyện Ba Vì ngày mừng một Tết Kỷ Dậu năm 1969 lại là cây đa cuối cùng Bác đã vun trồng trước lúc Người đi xa.

Nhớ Bác, tôi bồi hồi nhớ lại kỷ niệm sâu sắc của những năm tháng được vinh dự bảo vệ Người đi thăm các địa phương lúc sinh thời. Đó là mùa xuân năm

1964, chúng tôi được lệnh của lãnh đạo Cục Cảnh vệ về Ty Công an và Tỉnh ủy Vĩnh Phú bàn chọn một địa điểm nơi có phong trào trồng cây giỏi để Bác về thăm.

Dĩ nhiên, những chuyến đi tiên trạm của chúng tôi phải bí mật không cho Bác biết, nếu Bác biết trước, Bác sẽ phê bình và có khi thay đổi kế hoạch của chuyến đi. Đối với chúng tôi, vì lo lắng tới trách nhiệm bảo vệ cho Bác được an toàn nên thường phải đi khảo sát trước nơi Bác đến để nắm tình hình và bàn bạc với địa phương cách đón tiếp, bảo vệ thật chu đáo và an toàn.

Sau khi bàn bạc trao đổi. Tỉnh ủy và Ty Công an Vĩnh Phú đã thống nhất chọn xã Vinh Quang, huyện Tam Thanh là nơi có phong trào trồng cây khá nhất tỉnh để mời Bác về thăm. Chương trình được đặt ra, Bác sẽ thăm vườn cây thả cánh kiến, thăm nhà một đồng chí chiến sỹ thi đua nông nghiệp và nói chuyện với nhân dân toàn xã.

Như kế hoạch đã thống nhất với Tỉnh ủy và Ty Công an, chúng tôi đem lực lượng xuống bổ sung cho địa phương. Lực lượng của chúng tôi được bố trí kín đáo ở một số điểm như: vườn cây thả cánh kiến; nhà đồng chí chiến sỹ thi đua nông nghiệp, nơi mít tinh của nhân dân trong xã.

Trước ngày ấn định, Đảng ủy và chính quyền xã đã được lãnh đạo cấp trên thông báo có đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước sẽ về thăm nên đã huy động nhân dân làm tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm sạch sẽ phong quang. Mọi người ai cũng náo nức phấn khởi hồi hộp chờ đợi.

Sáng ngày 26-1-1964, đúng giờ đã định Bác về thăm xã Vinh Quang. Bác yêu cầu cho Bác thăm vườn cây

thả cánh kiến trước. Được nghe các đồng chí cán bộ địa phương báo cáo về các biện pháp kỹ thuật, khả năng mở rộng quy hoạch và triển vọng về năng suất đạt được... Bác chăm chú lắng nghe và nhắc nhở cần tăng diện tích cây trồng nhưng chú ý tới năng suất hiệu quả. Bác nhấn mạnh, phong trào muốn tốt cần phải biết vận động quần chúng tích cực tham gia, trong đó phải lấy lực lượng các cụ phụ lão làm nòng cốt. Theo Bác, lực lượng các cụ phụ lão không những là người có kinh nghiệm mà còn phù hợp với sức lao động của tuổi già.

Thăm xong vườn cây thả cánh kiến, các đồng chí lãnh đạo địa phương mời Bác vào thăm gia đình chiến sỹ thi đua nông nghiệp đã được chuẩn bị trước, nhưng Bác không vào mà Bác lại vào thăm gia đình một đồng chí bộ đội đi B. Phương án bảo vệ Bác của chúng tôi bị thay đổi. Vì Bác luôn có những chủ định riêng của mình để nắm được tình hình thực tế và sâu sát hơn, chứ không theo như sự bố trí của địa phương và chúng tôi đã sắp đặt sẵn. Do vậy mà chúng tôi luôn bị bất ngờ. Những bất ngờ đó lại là những bài học rất sâu sắc và đáng nhớ. Bác vừa đến cổng, mọi người trong gia đình tíu tít chạy ra đón Bác. Vào nhà, Bác ân cần thăm hỏi sức khỏe, đời sống của mẹ con chị, việc học hành của các cháu và sự quan tâm của địa phương đối với gia đình. Câu chuyện của người vợ đồng chí bộ đội và báo cáo của địa phương có sự chênh lệch. Chúng tôi thấy Bác thoáng vẻ không hài lòng và quay lại bảo đồng chí Vũ Kỳ - Thư ký của Bác: “Chú Kỳ ghi lấy”.

Sau đó, Bác ra nơi mít tinh. Trên quảng trường Bác đi, từ người già cho đến các cháu nhỏ từ mọi ngã đường kéo ra chạy theo Bác. Khuôn mặt ai cũng phấn

khởi rạng rỡ tỏ vẻ mãn nguyện khi được tận mắt nhìn rõ Bác. Một số cháu nhỏ chạy vượt lên trước. Thỉnh thoảng chúng dừng lại nhìn Bác không rời, trông chúng thật ngộ nghĩnh đáng yêu.

Ra tới ngã ba đường rộng rãi và thoáng đãng. Bác dừng lại và đưa tay với các cháu lại gần. Các cháu tíu tít vây quanh Bác. Bác trìu mến nhìn các cháu và hỏi:

- Các cháu có chăm học không?

Tất cả đồng thanh:

- Có ạ!

Bác hỏi tiếp:

- Các cháu có chăm làm, giúp đỡ bố mẹ không?

- Có ạ!

Đến khi Bác hỏi:

- Các cháu có giữ vệ sinh không?

Có lẽ do thói quen nên các cháu đều đồng thanh trả lời:

- Có ạ!

Nhưng khi Bác bảo: “Các cháu chìa tay ra cho Bác xem nào?” thì một số cháu mặt đỏ ửng lên như người có lỗi, có cháu cố giấu tay về phía sau, một hai cháu chìa tay ra cho Bác xem.

Đứng bên cạnh Bác, tôi quan sát phần đông các cháu chưa được sạch sẽ lắm. Quần áo một số cháu đã sờn cũ hoặc phải vá. Có rất ít cháu đi dép còn thì hầu hết là đi chân đất. Bác nhìn các cháu một lượt và Người lặng đi trong giây lát. Tôi tự trách mình thật có lỗi với Bác. Lẽ ra khi làm việc với chính quyền địa phương, chúng tôi phải trao đổi kỹ với các đồng chí đó chuẩn bị chu đáo về mọi mặt thì đâu đến nỗi để Bác phải buồn khi nhìn thấy các cháu, những mầm non tương lai của đất nước còn phải chịu nhiều thiệt thòi thiếu thốn.

Tại nơi mít tinh, mọi người dân trong xã đã tề tựu đông đủ chờ đón Bác. Bác giơ tay chào mọi người và đi lên khán đài trong tiếng vỗ tay vang dậy của mọi người. Bác đưa tay ra hiệu mọi người trật tự, cả rừng người im phăng phắc và mắt hướng về phía Bác, lắng nghe lời căn dặn dạy bảo của Người.

Bác đưa mắt nhìn bao quát một lượt và thấy sự sắp xếp của địa phương chưa chu đáo, hợp lý. Thanh niên lại ngồi ở phía trên, còn các ông bà già lại ngồi tụt ở phía sau khó có thể nhìn thấy Bác và nghe rõ Bác nói chuyện. Bác đưa tay làm hiệu và mời các cụ ông, cụ bà đã cao tuổi lên ngồi ở phía trên và nhắc nhở các cháu nam nữ thanh niên hãy ngồi xuống phía dưới. Lại thêm một bất ngờ đối với chúng tôi và các đồng chí lãnh đạo địa phương. Chúng tôi ai cũng lo lắng tới sự an toàn của buổi mít tinh. Tuy nhiên, mọi người đều nhanh chóng ngồi vào đúng vị trí một cách trật tự an toàn.

Khi mọi người đã ổn định trật tự, Bác nói chuyện và khen ngợi cán bộ và nhân dân trong xã đã tích cực tham gia phong trào Tết trồng cây và hăng hái lao động sản xuất. Bác đã động viên mọi người hãy cố gắng hơn nữa trong lao động sản xuất, tăng gia tiết kiệm và luôn chăm lo tới đời sống sinh hoạt và vệ sinh trật tự trong nhân dân.

Lời động viên nhắc nhở của Bác làm chúng tôi càng thấm thía tới lời dạy của Người:

*“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây
Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”.*

P.G.V

PHẢI TIN VÀO DÂN VÀ BIẾT DỰA VÀO DÂN

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể
của đồng chí NGUYỄN THẾ TÙNG -
Nguyên Cục phó Cục Cảnh vệ)

Ngày mồng 8 tháng 7 năm 1958 Bác đi dự Hội nghị về sản xuất mùa vụ ở tỉnh Sơn Tây.

Theo kế hoạch đã thống nhất với địa phương, đúng 7 giờ 30 phút, Bác sẽ đến hội trường nói chuyện với 600 cán bộ từ tỉnh đến xã.

Chiều ngày mồng 7 tháng 7, Bác gọi tôi đến và nói: “Bác đã nghe báo cáo kế hoạch sản xuất vụ mùa của tỉnh Sơn Tây. Bác muốn biết thực tế trước khi nói chuyện với hội nghị. Chú có nắm được tình hình đường xá, dê điều, đồng ruộng của Sơn Tây không?” Tôi thưa:

- Thưa Bác! Cháu là người Sơn Tây đã vận động nhân dân kháng Nhật tham gia khởi nghĩa ở tỉnh và Bí thư Tỉnh uỷ Sơn Tây từ năm 1974. Chúng cháu nắm được tương đối tình hình chung bây giờ chắc có nhiều thay đổi.

Bác hỏi ngay:

- Thế chú định đưa Bác đi thăm dê điều, đồng ruộng theo đường nào?

Tôi lấy bút vạch đường đi trên tờ giấy và báo cáo:

- Thưa Bác! Đường từ Hà Nội lên thị xã Sơn Tây là bốn một cây. Dọc đường Bác sẽ nhìn thấy một đoạn dê từ Phùng lên phố Cao Chè. Từ đây hai bên đường

thuộc cánh đồng của tỉnh Sơn Tây. Đến thị xã Sơn Tây xe đi nhanh cũng mất 1 giờ. Từ thị xã Sơn Tây lên Trung Hà là 17 ki-lô-mét, đường xấu đi mất 30 phút. Từ Trung Hà rẽ vào đường đê ngăn nước sông Đà, sông Hồng về thị xã cũng mất 1 giờ. Từ thị xã Sơn Tây đi Trung Hà và từ Trung Hà rẽ vào đường đê về thị xã cháu chưa bố trí kế hoạch bảo vệ. Bác về dự hội nghị của tỉnh sẽ chậm trễ vì kế hoạch đã bố trí đúng 7 giờ 30 phút, Bác đã nói chuyện với hội nghị.

Bác nghe tôi trình bày rồi quyết định ngay:

- Bác cháu ta đi sớm cho mát. Đúng 5 giờ 45 phút khởi hành. Đường vắng xe đi nhanh. Kế hoạch của chú bố trí như cũ. Chỉ có chú, chú Ninh và chú lái xe biết hành trình của Bác. Phải giữ bí mật, tuyệt đối không báo cáo cho các đơn vị và địa phương biết.

Xe Bác khởi hành đúng giờ. Đường vắng, xe bon nhanh, 6 giờ 15 phút Bác thấy đông dân ở cánh đồng phía Đông vùng Cổ Đông, xã Tân Lập, huyện Quảng Oai (nay thuộc huyện Ba Vì), Bác bảo dừng xe và xuống ngay cánh đồng có bà con nông dân đang bắt sâu, cứu mạ. Nhìn thấy Bác, nhiều người sung sướng reo lên: “Bác Hồ! Bác Hồ, bà con ơi!”. Từ trẻ nhỏ đến cụ già ùa chạy về phía Bác. Bác đi qua một ruộng mạ bị sâu cắn trụi, Bác ngồi xuống xem xét và hỏi mấy cụ già:

- Mạ bị sâu cắn thế này liệu có mọc được không?

Một cụ già thưa với Bác:

- Thưa Bác! Nếu mạ được tát nước vào và bón phân có thể mọc được ạ!

Lúc này mọi người kéo đến vây quanh Bác rất đông. Bác hỏi người: “Ở đây có chỗ nào tập trung để

Bác nói chuyện với đồng bào không?”. Một số cụ già dẫn Bác đến một quả gò. Khi mọi người đã tề tựu đông đủ và trật tự, Bác thân mật hỏi:

- Các cụ, các cháu thiếu nhi và đồng bào chịu khó đi bắt sâu nhưng có quyết tâm bắt hết sâu không?

Mọi người đồng thanh đáp:

- Có ạ!

- Đồng bào có muốn được mùa không?

- Có ạ!

- Thế thì đồng bào phải cứu mạ, chú ý cày sâu, bừa kỹ và tích cực chống hạn, bón phân làm cỏ, trừ sâu.

Bác kết thúc cuộc nói chuyện, ra xe ô tô giữa tiếng hô vang: “Hồ Chủ tịch muôn năm!”.

Trên đường đi từ xã Tân Lập về thị xã Sơn Tây, Bác cho xe dừng lại xem xét hai kè đê Cổ Đô và Vũ Chu. Bác thăm và nói chuyện với cán bộ, bộ đội và đồng bào tham gia thực tập chống lụt ở hai quãng đê xã Viên Sơn.

Trên đê Cam Thượng, khi xe dừng, gần 500 cán bộ và đồng bào tham gia thực tập chống lũ lụt, hò reo chạy đến vây quanh Bác. Đến đê xã Viên Sơn, đầu thị xã Sơn Tây, hơn 2.000 cán bộ, bộ đội, và đồng bào nội, ngoại thị xã ai cũng muốn len vào trong cùng để được gần Bác, nhìn thấy Bác rõ hơn. Bác thấy nhiều cụ phụ lão đã không quản ngại tuổi già, đường trơn, hăng hái tham gia thực tập chống lũ lụt. Bác ân cần mời các cụ lên ngồi ở hàng đầu gần Bác. Chính Bác mới điều khiển được trật tự ở cuộc họp mặt đông đảo và đột xuất này.

Ở cả hai địa điểm trên Bác đều căn dặn cán bộ, bộ đội và đồng bào phải chống lũ lụt cho tốt, quyết tâm

sản xuất vượt mức kế hoạch vụ mùa. Bác khen ngợi tinh thần tích cực chống lụt của các cụ phụ lão không quản tuổi già, sức yếu hăng hái tham gia cùng cháu con và nhắc nhở anh chị em thanh niên chưa tích cực, vác cuốc đi trên đường còn dừng đỉnh là chưa đúng với tinh thần khẩn trương chống lụt.

Xe của Bác về đến thị xã và vào thẳng khu vực hội trường của tỉnh, nơi cán bộ các cấp đang nóng lòng chờ đón Bác đến thăm và nói chuyện với hội nghị. Xe dừng lại, một số cán bộ nhìn thấy Bác bèn hô to: “Bác về! Bác về!”. Thế là cả hội trường chuyển động cùng tiếng hô vang dậy “Hồ Chủ tịch muôn năm!” Bác vui vẻ giơ tay vẫy chào và hướng các đại biểu vào vị trí. Bác bước lên bục; cả hội trường im phăng phắc, lắng nghe Bác nói. Bác nói đại ý: “Trước hết Bác xin lỗi các cô, các chú vì Bác đến trễ giờ quy định. Bác đến hội nghị chậm là do Bác cần đi quan sát thực tế ở một số nơi. Bác đã xem đồng bào làng Cổ Đô xã Tân Lập bắt sâu cứu mạ; Bác đã xem xét hai kè đê Cổ Đô và Vũ Chu; Bác đã thăm cán bộ đồng bào thực tập chống lũ lụt trên đê Cam Thượng và đê xã Viên Sơn. Ở đâu Bác cũng thấy cán bộ, bộ đội và nhân dân rất hăng hái lao động, chăm lo cho vụ mùa thắng lợi”.

Nghe Bác nói, cả hội trường lặng đi, ai cũng xúc động và ngạc nhiên về hành trình của Bác. Bác nói tiếp: “Nhân dân hăng hái như vậy thì cán bộ phải tin ở sức dân. Phải đánh tan tư tưởng bi quan thiếu tin tưởng. Phải chú trọng lãnh đạo thật sát từ lúc làm đất, gieo mạ, bắt sâu, chống hạn, phòng chống lụt đến lúc thóc vào bồ”.

Bác căn dặn cán bộ phải biến quyết tâm của Đảng và Chính phủ thành quyết tâm của quần chúng nhân dân thì nhất định có được vụ mùa thắng lợi. Phải có chí tiến thủ, nghĩa là phải tiến bộ mãi, phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Sau đó Bác thưởng huy hiệu mang hình ảnh của Người cho ba xã: Cổ Đông, Tiên Phong và Ba Trại là những xã có phong trào đổi công, sản xuất khá nhất tỉnh. Bác nói tiếp: “Các cô, các chú có muốn được thưởng không? Hãy cố gắng làm tốt như nhân dân ba xã trên”. Bác cười, chỉ tay về phía các xã vừa được thưởng.

Kết thúc câu chuyện, Bác hỏi các đại biểu:

- Bác có thể báo cáo với Trung ương Đảng và Chính phủ là đồng bào và cán bộ Sơn Tây cố gắng quyết tâm thực hiện vụ mùa thắng lợi, như thế có được không?

- Được ạ! Trăm người như một đáp lại câu hỏi của Bác.

Bác cười: “Bác báo cáo nhưng các cô các chú phải phụ trách đấy.”

Cả hội trường phấn khởi ghi nhớ giờ phút lịch sử Bác về dự hội nghị và xin hứa với Bác quyết tâm làm vụ mùa thắng lợi.

Trên đường về Hà Nội, ngồi trên xe Bác nói với tôi: “Hôm nay chú và chú Ninh đưa Bác đi công tác ngoài giờ giấc, kế hoạch, các chú không vui phải không? Các chú xem: Có đi sớm mới đi được nhiều nơi, tránh được phiền hà, mất thấy, tai nghe, được nhiều việc, có được thực tế nói chuyện với hội nghị”. Ngừng giây lát, giọng Bác trầm xuống: “Các chú đã thấy đồng bào nông dân mình vất vả lắm mới có được bát cơm ăn,

manh áo mặc. Đến nơi nào đồng bào cũng tiếp đón Bác thân tình và bảo vệ Bác. Các chú nên nhớ rằng: “Giữ bí mật và bất ngờ” là kế hoạch bảo vệ an toàn nhất. Có sử dụng các biện pháp nghiệp vụ cũng phải giữ được bí mật lực lượng. Phải tin ở dân, phải biết dựa vào nhân mà làm công tác bảo vệ”. Bác nhấn mạnh: “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân ta là lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi sự đồng tâm hợp lực của đồng bào ta đúc thành bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù kẻ định hung ác, xảo quyết đến mức nào khi đụng đến bức tường đó cũng phải thất bại. Dân ta rất tốt, gặp trường hợp khó khăn, nguy hiểm nếu các chú khôn khéo thì được dân giúp ngay. Khôn khéo đây không phải là cái lối khéo bề ngoài, mà khéo có nghĩa là phải thật sự trung thành, kính trọng và thương yêu nhân dân. Công tác cảnh vệ của các chú phải dựa vào dân - sử dụng ít lực lượng để tránh lãng phí sức người. Khéo hoá trang và phải giữ bí mật”.

Lời dạy của Bác đối với chúng tôi thấm thía vô cùng.

Trong khoảng thời gian đó, tôi và anh em cảnh vệ đi bảo vệ tiếp cận Bác nhiều lần như: đi thăm trường Đại học nhân dân - trường học của các công chức cũ; Trường Nguyễn Ái Quốc cũ ở huyện Từ Liêm; thăm công trường thủy lợi Bắc-Hưng-Hải; thăm nhân dân tỉnh Thái Bình; thăm mỏ thiếc Cao Bằng; mỏ Apatít Lào Cai; thăm Nhà máy dệt Nam Định và đơn vị quân đội ở thành phố Nam Định; đi dự kỷ niệm ngày thành lập khu Tây Bắc... Lần nào Bác cũng có hành trình đột xuất. Anh em cảnh vệ rất lo lắng, lo sao bảo vệ

Bác được an toàn. Chúng tôi luôn tâm niệm rằng, dầu có việc gì xảy ra, quyết xả thân để bảo vệ Bác, bảo vệ Người Cha kính yêu của mình được toàn vẹn.

Không ai có thể phủ nhận lòng trung thành của người chiến sĩ cảnh vệ với Đảng, Bác Hồ, với nhân dân và Tổ quốc, nhưng quả thật, công tác cảnh vệ của chúng tôi lúc đó vụng về, ấu trĩ, biện pháp nghiệp vụ của chúng tôi còn nhiều hạn chế. Bác luôn quan tâm chăm lo dìu dắt chúng tôi trưởng thành. Lời dạy của Bác đã giúp chúng tôi hiểu sâu sắc về công tác của mình và quyết tâm phấn đấu để ngày một trưởng thành.

P.G.V

BẢO VỆ BÁC HỒ ĐI CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

NGUYỄN MINH SAN

(Theo lời kể của đồng chí NGỌC CHÂU)

Trên cơ sở những thắng lợi trong hai năm 1948-1949 và những thắng lợi quan trọng trên mặt trận ngoại giao, mùa hè năm 1950, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng thảo luận và đánh giá tình hình, đã đi đến một quyết định có tầm quan trọng đặc biệt: Mở Chiến dịch Biên Giới nhằm mục đích tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, giải phóng vùng biên giới phía Bắc nước ta. Bác và Thường vụ Trung ương Đảng quyết định lấy hướng Đông Bắc như ta đã thống nhất ở trên làm hướng chiến lược mở Chiến dịch Thu - Đông năm 1950. Bộ chỉ huy và Đảng ủy mặt trận biên giới được thành lập do đồng chí Võ Nguyên Giáp - Thường vụ Trung ương trực tiếp là Tổng chỉ huy đồng thời kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch.

Để nắm tình hình giúp đỡ Ban chỉ huy chiến dịch và động viên tinh thần bộ đội, hạ tuần tháng 8-1950, Bác Hồ đi chiến dịch. Lực lượng bảo vệ được Bác cho đi cùng khác tất cả những lần đi trước. Trước chỉ có 2, lần này tới 6 đồng chí. Ngoài Nhất, Định, Thắng còn 3 người nữa là Khởi, Lữ, Tô - chiến sĩ thuộc tiểu đội AD - đơn vị được thành lập từ tháng 5-1950 có nhiệm vụ bảo vệ đồng chí Trường Chinh và kho bạc của Nhà nước, là tiền thân của đoàn Tân Trào tức Trung đoàn 600 ngày

nay). Ngoài ra lần này Trung ương còn cử bác sĩ Chánh đi chăm sóc sức khỏe cho Bác và anh em trong đội.

Lần Bác đi Chiến dịch Biên Giới năm ấy, đồng chí Định được Bác phân công làm tiểu đội trưởng. Anh em trước khi lên đường đã chuẩn bị khá cẩn thận và đầy đủ: vũ khí, quân trang, lương thực, thực phẩm, gậy chống, dây thừng... Anh Trần Đăng Ninh còn phát thêm cho anh em một chiếc nồi đồng cho 7-8 người ăn và một vỏ đồ hộp bằng sắt tây dùng để đựng “ruốc Việt Minh”.

Chiều tối hôm đó, trời bỗng đổ cơn mưa rào. Cơn mưa cuối mùa trút xuống từng trận, tầm tã. Dòng thác trước nhà đục ngầu, ào ào cuộn theo cây cối xuống vực sâu, ai cũng lo lắng băn khoăn:

- Tình hình này có lẽ không xuất phát được mất?

Hiểu được tâm trạng các chiến sĩ, Định nói: “Ta cứ chuẩn bị sẵn sàng, Bác đã quyết định thì khó khăn mấy cũng phải đi, không thể trì hoãn được”.

Khoảng 20 giờ, Bác xuống họp với anh em, Bác dặn dò: “Chuyến đi này rất quan trọng. Thời gian không thể định trước, nhưng ước chừng trên một tháng. Đường đi khá vất vả, các chú đều phải cố gắng để làm tròn nhiệm vụ. Phải tuyệt đối giữ bí mật, vì nếu lộ ra sẽ hại tới việc lớn. Muốn vậy, từ việc chọn đường đi tới nơi ăn chốn ở, giao thiệp với dân, với bộ đội đều phải biết cách giữ gìn.”. Bác còn dặn tỉ mỉ cả việc phải lấy “hồ mèo” (nghĩa là sau khi đi đại tiện phải lấp kỹ) để xóa dấu vết trước khi rời một địa điểm dừng chân nào đó cho riêng 3 chiến sĩ mới nhập đội.

Họp xong, Bác bảo anh em tranh thủ đi ngủ sớm để mai lên đường. Sáng hôm sau mưa ngớt nhưng trời còn mọng nước. Bác cháu rời “Chủ tịch phủ” lên

đường. Bác mặc quân phục, đội mũ lá, quai cột bằng chiến khăn mặt bông, khi đội luôn che kín cả bộ râu, tay chống gậy, vai đeo túi dết quen thuộc. Anh em cũng được hoá trang như một đơn vị bộ đội đi công tác. Trong đoàn, Bác là “cụ bộ đội”. Các đồng chí không được phân công đi với Bác lần này tiền chân theo, quyến luyến mãi. Bác bảo: “Các chú về trông nhà cho tốt. Lần sau Bác sẽ cho đi”.

Anh em đã làm sẵn và mang theo một chiếc cang định trong bụng là sẽ vớ Bác đôi đoạn trên đường đi. Gọi là “cang” cho oai chứ thực ra chỉ là một tấm vải thô rộng, hai đầu cột vào đòn tre, biết ý định tốt bụng của các chiến sĩ, Bác bảo: “Thôi các chú cất nó đi”. Không chịu “thất bại”, đội phân công hai anh Nhất và Thắng bí mật chuẩn bị ngựa dắt đi trước. Ra đến cửa rừng, Thắng dắt ngựa lại mời Bác đi. Bác không đồng ý nói: “Chúng ta có 8 người, ngựa chỉ có một con, Bác cưỡi sao tiện?”. Anh Định cố nài nỉ: “Thưa Bác, chúng cháu còn trẻ, Bác đã nhiều tuổi, đường lại xa, công việc nhiều, xin Bác cứ lên ngựa cho”. Bác nói: “Ừ, các chú đều khoẻ, còn trẻ cả, để đi đường xem các chú có theo kịp Bác không? Thôi được, các chú đã mang ngựa, hãy để nó chở ba lô, gạo nước, thức ăn. Trên đường đi ai mệt thì cưỡi. Bác mệt Bác cũng sẽ cưỡi”. Anh em đều vâng lời, dắt ngựa theo.

Trên đường hành quân, Tiểu đội trưởng Định phân công 3 đồng chí Khởi, Lữ, Tô đi tiên tiêu. Anh Nhất đi cảnh giới phía sau, còn 3 người luôn đi bên Bác. Ra khỏi Thành Cóc, mọi người gặp con suối lớn chảy về chợ Chu. Đang cơn nước lũ, những gốc cây, những khúc gỗ mục lao băng băng... Nước réo âm âm tưởng

chúng không có cách nào vượt qua được. Các chiến sĩ tiên tiêu đã tìm chỗ nông lội thử. Nhiều chỗ lội qua nước chỉ tới bả vai. Nếu chỉ có mấy anh em bảo vệ thì sức nước thế thì chẳng có gì là khó mà phải dừng lại bên này suối. Nhưng việc phải lo là làm sao đưa Bác vượt suối an toàn? Anh em phân chia nhau men theo bờ suối xem có chiếc mảng nào để chèo sang, hoặc kiếm một cây nào chặt ngã tạm làm cầu, nhưng tìm khắp chung quanh, chẳng thấy một thứ gì cả. Anh em đành đề nghị Bác tạm nghỉ lại chờ nước rút hãy đi. Bác nói: “Trời còn có thể mưa lâu, chờ thì đến bao giờ? Phải tìm mọi cách mà qua mới được”. Bác lại hỏi: “Các chú đã tìm hết lối sang suối chưa?”

- Thưa Bác! Định trả lời thay anh em: Chúng cháu đã tìm hết rồi ạ!

- Thế vừa rồi các chú chỉ tìm ở bờ suối thôi à?

- Thưa Bác, vâng ạ!

Bác cười, anh em đều ngạc nhiên đổ dồn vào ánh mắt Bác. Bác đưa tay chỉ ra xa và ôn tồn:

- Ở đây, hai bên suối đều có ruộng nương. Chả nhẽ, những ngày mưa lũ đồng bào lại không đi nương à? Các chú tìm lối sang suối mà chỉ tìm ở dọc bờ là không biết dựa vào dân.

Lúc này, anh em mới để ý theo hướng tay Bác chỉ. Xa xa thấy ruộng nương tươi tốt hai bên bờ. Hai đồng chí vội chạy lên một bãi gần đó. Một lát hai người trở lại cho biết, cách nơi Bác đứng một đoạn, bờ bên kia có một chiếc mảng cột dưới gốc cây. Bác và mọi người rất mừng, cùng nhau đi tới đó. Tiểu đội trưởng toan bơi sang, Bác ngăn lại bảo: “Chú phải buộc dây vào thắt lưng để anh em bên này cầu, nếu nước cuốn; có thể giữ lại được.

Sang bên kia chú buộc hai dây vào mẩu để kéo qua kéo lại mới không bị nước cuốn trôi xuống thác”.

Tất cả đều làm theo lời Bác. Việc qua suối thành công, Định tự nhủ trong lòng điều Bác vừa dạy: “Từ việc nhỏ đến việc lớn đều phải dựa vào dân mới thành công được”. Tối hôm đó, đoàn tới chợ Chu, tính ra thì mới đi được khoảng 30 cây số. Để đảm bảo bí mật, các anh đề nghị Bác cho nghỉ lại ở một ngôi đình giữa đồng. Cơm nước xong, Bác lại xem bản đồ, định lại chặng đường ngày mai rồi cho tất cả đi ngủ sớm. Anh em kê cánh cửa đình ngay cạnh đồng lửa để Bác ngủ. Toàn đội nằm bao bọc xung quanh.

Ba giờ sáng anh em dậy nấu cơm. 4 giờ tiếp tục lên đường. Lại phải vượt qua con suối chợ Chu lần nữa. Khúc suối này còn rộng hơn khúc suối hôm qua. Đã có kinh nghiệm, anh em đi mượn mẩu, tổ chức vượt suối như lần trước. Qua được suối rồi, Bác bảo: “Nhờ có quyết tâm, chịu khó mà chúng mình đã qua được hai con suối lũ lớn. Nếu không giờ chúng mình vẫn còn ngồi lại bờ suối hôm qua. Từ nay, trên đường đi bất kỳ việc to hay nhỏ, chúng mình đều phải có quyết tâm mới được”. Nói xong Bác thưởng cho anh em, mỗi người một điều thuốc lá. Chặng đường rừng ngày thứ hai tương đối dễ đi. Bác luôn nhắc tất cả phải cố đi nhanh để bù lại ngày hôm qua. Chiều tối, Bác nghỉ lại một gian nhà cũ, bỏ trống gần chợ Mới. Bữa cơm hôm đó, ngoài món “ruốc Việt Minh”, còn có thêm một ít rau tàu bay luộc. Bác nói đùa: “Rau tàu bay có khác, ăn vào nhẹ cả người, lại có cả mùi xăng”.

Tiểu đội trưởng Định còn nhớ một lần đi đêm, trời đã khuya, may sao gặp một cái quán làm bằng vài tấm

tranh cột trên bốn chiếc cọc tre. Ban ngày đồng bào miền núi thường đưa sắn, chuối, khoai, mía... treo vào đó. Khách qua đường ăn hết bao nhiêu, tự tính giá cho phải chăng, rồi bỏ tiền vào một cái ống nứa để sẵn. Tối đến, chủ quán ra thu dọn số hàng còn lại và lấy tiền về. Trước quán có một cái ghế dài, làm bằng một đoạn cây cong queo, gác lên hai chân chéo chữ X bằng nứa. Bác đặt ba lô, ngả lưng trên ghế, thông hai chân xuống đất để giữ thẳng bằng, tay giữ lấy ghế cho khỏi ngã. Anh em thì nằm ngay dưới chân Bác. Một lúc sau Bác đã ngủ ngon lành. Lúc tiểu đội trưởng thay gác là hai giờ sáng. Bác vẫn nằm theo tư thế lúc bắt đầu ngủ. Tiếng thở đều đều của mọi người hoà với tiếng suối chảy, tiếng rì rầm của núi rừng. Quãng 3 giờ sáng, con ngựa của đội bỗng hí lên một tiếng, anh Thắng giật mình nói trong mơ: “Mời Bác lên ngựa ạ. Mời Bác lên ngựa ạ...”. Đó là câu nói lúc ban chiều, làm Định vô cùng xúc động. Thắng là người Mán rất ít nói, nhưng tình cảm đối với Bác rất nồng hậu, chân thành. Bốn giờ sáng, Bác đã dậy, làm mấy động tác quen thuộc cho dẫn gân cốt, rồi nói: “Thật là một giấc ngủ ngon ít thấy”.

Có đêm, đang đi giữa đường nghe máy bay địch ném bom phía trước, phía sau, như muốn chặn đường đi của đoàn, nhưng Bác nói: “Chúng chỉ ném bom lung tung để phá đường giao thông và dọa các đội vận tải của ta đây! Hôm nào trời nắng ráo, Bác cháu vừa đi vừa “ngoạn thủy du sơn” cũng thích. Những hôm nào trời mưa to gió lớn mới thật khổ. Những con vết “lợi dụng thời cơ” mà tấn công cả đội. Thêm vào đó là đường trơn, gió rét. Có những chặng đường đất đỏ, bùn lún cả mắt cá, đi một bước, trượt hai bước. Bác bảo anh

em rút dép cao su ra, xắn quần quá gối, tay chống gậy mà đi. Trong mấy anh em, bác sĩ Chánh vất vả hơn mà lại phải đi theo kịp Bác. Nhiều khi Chánh muốn nghỉ chân nhưng vẫn cố gắng đuổi kịp đoàn.

Đến đường số 4, đồng chí Võ Nguyên Giáp cho một chiếc xe Jeep ra đón, anh em mừng và khê bảo nhau: “Bây giờ khỏi cuộc bộ rồi”. Không ngờ Bác nói với một cán bộ trên xe: “Đưa xe về chỗ đồ tiếp tế cho bộ đội. Bác đi bộ quen rồi?”. Thế là Bác cháu lại đi đường tắt về Lam Sơn. Gần nửa đêm mới đến địa điểm cơ quan lãnh đạo địa phương. Bác vào làm việc với Tỉnh ủy tỉnh Cao Bằng. Anh em phân công nhau lo chuẩn bị chỗ ngủ. Nhưng làm việc xong, Bác bảo đi tiếp tới Quảng Uyên. Lúc đó đã quá nửa đêm. Trước lúc lên đường, Bác họp đội lại “đả thông tư tưởng” và phổ biến tình hình: “Sắp đến Ban chỉ huy mặt trận, địch tung nhiều do thám để dò tìm lực lượng ta, cần phải đảm bảo bí mật hơn. Nhiều chặng đường chúng thường phục kích bất ngờ, để hòng bắt cóc cán bộ, du kích. Máy bay của chúng tuần tiễu ngày đêm trinh sát hướng đánh của ta. Các chú phải hết sức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu”.

Anh em lại cùng Bác theo đường tắt đi tiếp. Nửa đêm hôm sau bỗng xảy ra một việc: Khi Bác và mọi người đang vượt qua một cái đèo nhỏ, đột nhiên có tiếng súng trên đèo bắn xuống, đạn rít chéo ngay trên đầu. Định thét lên: “Trung đội I vòng phải. Trung đội II vòng trái. Trung đội III theo tôi xung phong?”. Các chiến sĩ trong đội đều thét lên: “xung phong...”. Hò hét nghi binh vậy chứ làm gì có 3 trung đội bấy giờ? Sau khi hò hét, anh em để 3 đồng chí phục lại yền trợ, số

còn lại đưa Bác lách vào rừng. Bỗng những tiếng kêu âm ỉ vang lên, trong đó có cả giọng con gái: “Đừng bắn”. “Đừng bắn!”. “Người nhà thôi...”. Nghe vậy, tiểu đội trưởng cùng tổ tiên trạm len lên phía trước thăm dò, hoá ra là du kích ta. Định phê bình gay gắt: “Tại sao chưa hỏi mật lệnh đã bắn? Nhỡ trúng phải người nhà thì sao?” Bác cũng đã lên đến nơi. Nghe du kích trình bày là địch thường mò vào đây cả ban đêm, nên ta phải luôn luôn cảnh giác. Vừa rồi anh chị em cũng định hỏi trước rồi mới bắn, nhưng chẳng may súng bị cướp cò. Lời xin lỗi chưa dứt, anh chị em du kích đã tranh nhau xin đạn, Định trả lời: “Đáng lẽ cũng có thể cho một ít, nhưng các cô các cậu bắn ẩu lắm, không thể cho được”. Bị phê bình thẳng thắn, anh chị em du kích đứng ỉu xiu. Thấy vậy, Bác bảo: “Thôi, thưởng cho các cô các cậu ấy một ít đạn, đánh hăng nhưng phải cẩn thận mới được”. Cả đội nghe theo, mỗi người nhường lại cho họ mấy viên đạn và còn hướng dẫn thêm cách lên qui - lát sao cho khỏi bị cướp cò. Anh chị em du kích không biết “Cụ lính già” là ai, nhưng họ hết sức kính trọng Cụ, trước hết tuổi già không quản ngại đêm hôm, mưa gió lặn lội. Lại rất phóng khoáng, vui vẻ.

Khi đội về đến Quảng Uyên thì trời đã sáng. Anh em liên lạc được ngay với ban chỉ huy chiến dịch. Cuộc họp hơn 50 cán bộ chủ chốt của các đơn vị tham gia chiến dịch đang diễn ra trong một ngôi nhà sàn khá rộng. Định đưa Bác đến. Trong bài nói chuyện, Bác nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến dịch này không chỉ có ý nghĩa nhằm tiêu diệt sinh lực địch mà còn kiên quyết giải phóng từng phần đất đai Tổ quốc, nối liền căn cứ kháng chiến của Việt Nam với hệ thống các

nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc kháng chiến chính nghĩa của ta đã được các nước anh em đồng tình ủng hộ, nay sẽ có điều kiện trực tiếp chi viện của bạn bè trên thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến ngày càng phát triển đến thắng lợi. Cuối cùng Bác kết luận như một lời dặn dò, một lời động viên, vừa như một quân lệnh: “Chiến dịch lần này rất quan trọng, các chú chỉ được thắng mà không được thua. Phải có quyết tâm cao và có tinh thần dũng cảm trăm phần trăm”.

Khi Bác cùng đội bảo vệ về đến Nà Lạn gần Đông Khê, vị trí tiền phương của Ban chỉ huy chiến dịch thì ngày mở màn chiến dịch cũng sắp đến. Đêm đó, khi tới bờ sông Bằng Giang (quãng gần Phục Hoà) anh em ngắm phong cảnh đẹp kỳ lạ. Sông Bằng Giang dưới trăng như một tà áo dài trắng muốt. Gió Nam làm cho mặt sông gợn lên những đợt sóng nối theo nhau đến biên giới Việt - Trung. Anh em cùng Bác bước sải trên bờ sông. Nhìn những bóng núi in dưới đáy nước, các nhà nghệ sĩ đồng thời là chiến sĩ có cảm giác như những đàn voi khổng lồ theo chân người tiến ra mặt trận. Một chiếc cầu phao nổi bật như một tấm vải lớn ai khéo căng thẳng tắp trên dòng sông bạc. Một đoàn lừa ngựa thồ pháo trên lưng đang qua cầu. Bên kia cầu, một đoàn bộ binh đi hàng đôi vẫn đang dần bước. Nhìn những đoàn bộ binh, pháo binh qua cầu, Bác khen: “Các chú công binh khá lắm”. Khi Bác cùng anh em xuống cầu, Người dừng lại đưa tay xuống nước để ước lượng tốc độ nước nhanh hay chậm và ra tới giữa cầu, Bác dừng lại hưởng làn gió mát, rồi quay sang anh em nói vui: “Giá được ở giữa cầu này mà thả câu thì hay biết mấy?”. Bác cười, vui vẻ nói tiếp: “Ta chỉ muốn sống

một cách giản dị, thoải mái thôi, nhưng Tây nó cũng không cho. Bác cháu ta phải đuổi nó về nước đã”.

Bác vừa tới địa điểm, trời cũng vừa sáng, các anh trong Ban chỉ huy tiền phương đưa Bác và anh em bảo vệ vào một chiếc hang đá ở gần Nà Lạn. Trước cửa hang đã làm sẵn một cái lán. Bác bảo: “Chúng mình sẽ ở đây một thời gian, nên công tác giữ bí mật và giúp dân là rất cần”. Bác dặn anh em rất tỉ mỉ về cách dùng bí danh của “đoàn công tác đặc biệt”, cách tránh lửa khói ban ngày, để đề phòng máy bay giặc, nhất là tránh làm chết cỏ, để lộ rõ dấu trên lối vào hang...

Nửa đêm 15-9-1950, Định và Khởi được Bác cho đi theo, cùng các đồng chí trong Ban chỉ huy mặt trận trên một ngọn núi, đặt vị trí quan sát trận đánh Đông Khê. Đứng từ đây có thể thấy toàn bộ các cứ điểm của địch, giống như ta đứng trước một sa bàn lớn. Đúng 6 giờ ngày 16-9-1950 tiếng súng mở màn chiến dịch đã nổ. Trong lúc bộ binh tiến đánh các đồn Phĩa Khoá, Yên Ngựa, Cam Pháy thì pháo binh của ta bắn vào đồn chính để dập tắt hoả lực và phá huỷ công sự của địch. Máy bay chúng lỏng lộn trút từng đợt bom xuống những nơi nghi có quân ta. Đài quan sát rất gần trận địa, những người có trách nhiệm bảo vệ, ai cũng rất lo ngại cho Bác. Nhưng Bác như không để ý gì đến máy bay, Người vừa chăm chú nhìn xuống cứ điểm giặc vừa đối chiến với một tấm bản đồ tham mưu. Bác nghe một cán bộ của Bộ chỉ huy chiến dịch báo cáo tình hình. (Hiện còn một bức ảnh Bác ngồi, quần xắn cao, đang tập trung tinh lực quan sát trận địa do nghệ sĩ Võ Năng An chụp).

10 giờ sáng, quân ta chiếm được 3 đồn: Phìa Khóa, Yên Ngựa, và Cam Pháy mở ra con đường phía Đông nam để tấn công vào đồn chính Đông Khê. Đến xế chiều, anh em bảo vệ mới đưa Bác về hầm tạm trú. Đêm đó pháo ta bắn vào Đông Khê dồn dập, ai cũng hồ hởi trong lòng và cùng chung một nhận định: Đêm nay ta sẽ tiêu diệt Đông Khê.

Có anh đã hỏi Bác một câu tương tự như anh em đã nghĩ. Bác cười bảo: “Để chờ xem... Chú đánh giá địch hơi thấp”. Quả nhiên, qua 2 đêm và một ngày, đến 10 giờ sáng hôm sau nữa, quân ta mới làm chủ Đông Khê.

Ngày 20-9-1950, Bác viết thư gửi các chiến sĩ bị thương trong trận này.

Một buổi tối cơm nước xong, Bác bảo anh em ngồi quanh bếp lửa. Người nói rõ tình hình địch và triển vọng của ta trong chiến dịch. Nghe xong có người thắc mắc:

- Thưa Bác, tại sao ta không giải phóng Cao Bằng trước mà lại đánh Đông Khê trước?

- Các chú xem, địch đóng từ Đông Khê tới Cao Bằng thì nơi nào mạnh? Nơi nào yếu? Bác không trả lời mà hỏi lại anh em.

- Thưa Bác, theo ý cháu thì mạnh nhất là Cao Bằng, xong đến Thất Khê có quân số đông tiếp tế thuận lợi, còn Đông Khê là yếu nhất - một đồng chí trình bày trước Bác.

- Nay Đông Khê bị diệt rồi, thì Cao Bằng và Thất Khê sẽ ra sao? - Bác lại hỏi.

- Đông Khê ta thắng rồi, nay giặc ở Cao Bằng như con hổ nằm trong cũi, Thất Khê, giặc như con rắn bị ta chẹn mất cửa hang. - Mấy anh vốn quê ở Cao Bằng lúc này mặt tươi rói phát biểu.

Bây giờ Bác mới trả lời câu hỏi ban đầu.

- Kẻ địch ở Cao Bằng đông, mạnh lại có thành cố kiên cố như một pháo đài, nếu đánh vào đó ta khó dứt điểm trong một thời gian ngắn. Mà kéo dài trận đánh, kẻ địch với ưu thế tuyệt đối trên không, chúng có thể cho quân nhảy dù bịt kín các bến vượt sông, tập kích vào phía sau đội hình của ta, kết hợp với viện binh từ Đông Khê, Thất Khê kéo lên và dùng máy bay oanh tạc, ta hết đường thoát. Nguyễn Trãi nói: “Đánh thành là hạ sách”. Đánh vào Đông Khê, đánh vào nơi địch tương đối yếu nhưng đây lại là điểm xung yếu trong hệ thống phòng thủ biên giới của giặc, Đông Khê bị diệt, nhất định giặc phải tìm cách chiếm lại để giữ Cao Bằng hoặc đến đón quân ở Cao Bằng rút về. Ta sẽ dẫn quân ở những nơi lựa chọn bủa lưới thép sẵn thủ vào tròng. Khi ta đã diệt được viện quân của giặc, lúc đấy ta đánh lấy Cao Bằng không phải là việc khó nữa”.

Nghe lời Bác tận tường đến như vậy, anh em càng thông suốt về chủ trương tác chiến của Ban chỉ huy chiến dịch, phấn khởi và tin tưởng vào thắng lợi.

Tối 2-10-1950, tin báo cáo về: Tên Côngtăng Tư lệnh biên giới của Pháp đã ra lệnh cho Lơpagiơ đưa đại bộ phận lực lượng lên Quảng Liệt, Nậm Nùng đón binh đoàn Sác tông sẽ rút khỏi Cao Bằng sáng 3-10, khi gặp nhau chúng sẽ chạy về Thất Khê.

Được tin này, anh em mừng lắm. Mọi diễn biến của địch đều đúng dự đoán của ta và có vài thành viên trong đội lại bộc lộ chủ quan lần nữa. Bác giải thích: “Thấy thuận lợi lớn, ta cũng phải thấy khó khăn lớn. Lực lượng địch có tới trên 7.000 quân khá mạnh, lại là những đội quân ứng chiến tinh nhuệ, thạo về đánh

rừng. Muốn diệt được chúng, quân ta phải có quyết tâm cao, phải khắc phục cái đói, cái mệt, mới giành được thắng lợi lớn”.

Tám bản đồ trải rộng dưới tầm mắt Bác - hai binh đoàn địch đang nhích lại gần nhau. Lực lượng ta đã dũng cảm chặn đánh. Bên ta đang gặp khó khăn lớn là có đơn vị gạo đã hết, giày dép lại không đủ. Có nhiều chiến sĩ phải lấy giẻ rách quấn quanh bàn chân. Nhiều người đói lả, hai bàn chân rớm máu. Không quân giặc càng tăng cường ném bom, bắn phá, thả dù yểm hộ, tiếp tế cho quân của chúng.

Tin từ mặt trận báo về. Lúc này là chiều ngày 5-10 khi binh đoàn Sácông đang bị quân ta đánh cho tan tác thì Lơpagiơ cũng bị ta chặn đánh không thể đến được vị trí đã hẹn. Đi cứu viện, nhưng Lơpagiơ lại đánh điện cầu cứu Sácông đến giải vây. Được tin này, Bác viết ngay một bức điện gửi các chiến sĩ trên mặt trận đưa cho liên lạc mang đến Ban chỉ huy chiến dịch. Đêm đó, Bác hầu như không ngủ. Tới 7 giờ sáng ngày 7-10, Bác nhận tin tiếp quân ta đã căn bản tiêu diệt được binh đoàn Lơpagiơ, nhưng y đã cùng Bộ tham mưu chạy thoát. Ban chỉ huy mặt trận hạ lệnh, nhân thời cơ địch hoang mang, ta tiêu diệt tiếp binh đoàn Sácông. Nhưng vì quá sức mệt mỏi, nên có một số cán bộ chỉ huy đề nghị xin nghỉ một ngày để lấy lại sức rồi sẽ tiếp tục chiến đấu. Biết sự mệt mỏi là tất yếu trong anh em, nhưng trên đà thắng lợi lớn, Bác nói: “Ta mệt một, địch mệt gấp năm bảy lần. Lúc này là thời cơ tốt nhất để diệt địch. Sao các chú ấy lại nghĩ thế?” Bác liền viết thư cho cán bộ và chiến sĩ: “Các chiến sĩ yêu mến! Từ ngày kháng chiến đến nay, trận

này là trận đầu tiên bộ đội ta đánh vận động liên tiếp luôn mấy ngày. Đó là một thử thách lớn. Các chú không quản mệt nhọc đói rét, chỉ ra sức thi đua diệt địch. Các chú đã đánh tan đoàn quân tinh nhuệ của địch. Các chú đã hoàn thành cuộc thử thách bảy phần mười một cách dũng cảm. Các chú cố gắng mà tiêu diệt binh đoàn Sác tông nhé. Bác và Tổng tư lệnh đã ra lệnh khao các chú một bữa thịt bò. Bác hôn tất cả các chú”. Thư Bác gửi tới tận chiến hào, quân ta vô cùng phấn khởi quên hết mệt nhọc, nô nức tiến đánh quân thù, quyết đem thắng lợi cuối cùng về ta.

Sau khi địch tan rã, bàn xong với Bộ chỉ huy chiến dịch về chủ trương phát triển thắng lợi, Bác đi thăm thương binh. Tiểu đội trưởng Định cùng bác sĩ Chánh đi theo Bác tới bệnh viện dã chiến. Vốn dễ xúc động, Bác phải cố nén để nói rõ lời thăm hỏi từng người, còn nước mắt thì Bác không sao cầm được. Bác còn hoá trang làm một cán bộ mới bị thương, lấy vải trắng che tóc, che râu rồi đến hỏi chuyện 3 tên sĩ quan bị giữ ở một hang đá. Tên quan Tư thầy thuốc Duyntơ về chán chường chiến tranh và hồi hận nói: “Thôi, thôi... Tôi chán ngấy chiến tranh lắm rồi!!! Chính phủ Pháp đã tuyên bố láo toét. Chúng nói Việt Minh chỉ là một nhóm phiến loạn, không có quần chúng ủng hộ. Bây giờ tôi thấy rõ rồi. Nếu được tha về, tôi sẽ nói hết sự thật cho nhân dân Pháp biết”.

Tên quan Năm Lơpagiơ nhìn ra những đội dân công của ta, hàng nghìn người kìn kịt gánh gồng lương thực và đạn dược, liên tiếp nhau trên đường như những con rồng dài uốn khúc, y nói với một giọng buồn thảm: “Tôi nhận ra đó là lực lượng đã làm cho

các ông thắng lợi”. Bác nói ngay: “Ông nói đúng. Đó chính là lực lượng đã làm cho các ông thất bại”. Còn tên quan Năm Sácông, y là một tên phát xít hạng nặng. Vừa gặp Bác, nó than phiền ngay: “Chà, ông nghĩ: mấy hôm liền, râu không được cạo, giày không được đánh bóng. Nếu còn có thống chế Pêđanh cầm quyền ở Pháp thì chắc không xảy ra cuộc chiến tranh này. Nếu có chiến tranh thì quân đội Pháp cũng không đến nỗi thất bại”. Bác không ngắt lời, mời y hút thuốc và ôn tồn khơi cho Sácông nói. Cuối cùng y cũng phải thừa nhận rằng chiến tranh xâm lược là phi nghĩa. Thực dân Pháp đã thua, quân đội Việt Nam đã thắng. Rồi Sácông nói thêm: “Như thái độ của ông thì tôi nói chuyện. Còn các cán bộ trẻ tuổi của ông muốn thuyết phục tôi thì thuyết phục sao được”.

Trên đường về Bác bảo Định: “Mai chú để lại một người làm việc với Bác, còn tất cả ra bệnh viện cùng các cô, các chú hộ lý, dân công cắt cỏ gianh làm đệm cho thương binh nằm. Trời lạnh lắm!”. Ngày hôm sau, Định theo Bác đi xem xét các vùng Đông Khê và Thất Khê. Sau đó lên thăm thị xã Cao Bằng mới được giải phóng. Bác hoá trang như một chiến sĩ bộ đội già, cùng một chiến sĩ trẻ vui vẻ đi cạnh nhiều toán bộ đội, dân công.

Bác đến Hội nghị tổng kết chiến dịch. Trông Bác như trẻ ra. Bác đi nhanh nhẹn, đôi mắt nhìn luôn luôn như cười nói với mọi người. Bác ôm đồng chí Thái Dũng - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 88. Thấy Vương Thừa Vũ - Đại đoàn trưởng gầy vêu vào, Bác đứng lại hỏi han rất kỹ về tình hình sức khỏe. Anh

Trần Đăng Ninh thay mặt anh em thưa với Bác các công việc đã làm được và chúc sức khoẻ Người.

Trong buổi liên hoan, Bác đề nghị nâng cốc chúc sức khoẻ các đồng chí lãnh tụ Xô viết. Qua đó, mọi người đều hiểu sự chi viện kịp thời của Liên Xô đã góp phần vào thắng lợi lớn lao trong chiến dịch này. Kết thúc chiến dịch, anh em lại theo Bác trở về Tuyên Quang. Vẫn đi bộ như hôm nào ra chiến dịch cách đây hơn một tháng, chỉ khác là lần này đi ban ngày.

Trời lạnh dịu. Ruộng lúa hai bên đường nhiều thửa đã chín vàng. Nhiều tốp dân công cũng đang trở về gặt hái. Trên đường thật vui vẻ hào hứng, hết chuyện chiến đấu lại đến chuyện hoà bình. Bác cũng tham gia kể chuyện ngày xưa, đôi lúc xen vào chuyện tiểu lâm. Có toán dân công say sưa, rộn rã kể chuyện Bác Hồ đi chiến dịch mà chẳng biết Bác đang bên cạnh mình. Có người kể về Bác như một huyền thoại nào đó rất quen thuộc. Những câu chuyện như vậy đã làm cho Bác và anh em trong đội bật cười.

Qua khỏi Bắc Cạn, Bác cùng toàn đội vào ngủ trong một nhà dân ở đầu bản nọ. Đêm đó, đồng bào hay tin có bộ đội đi chiến dịch về ngang, nên bảo nhau đến hỏi chuyện rất đông, Sợ lộ, anh em phải nói là có đồng chí bộ đội mệt nên xin mời đồng bào về ngôi nhà to ở giữa bản. Cán bộ sẽ tới nói chuyện với đồng bào. Bà con nghe lời, kéo nhau về giữa bản. Đội cử một nhóm tới nói chuyện, bà con nghe mãi tới khuya mới chịu về đi ngủ.

Thấy bộ đội mệt, đồng bào thương lắm, đem cho cá và măng để nấu ăn cho khỏi sốt rét. Anh em đem muối đổi lại. Sớm hôm sau nấu canh cá với măng chua

ăn ngon tuyệt. Lúc đi đường Bác nói đùa: “Canh cá nấu với canh chua chữa sốt rét tài thật! Đồng chí bộ đội già hôm qua mệt, thế mà hôm nay đi bộ đến sức trai cũng không kịp”. Bác cười vang cả núi rừng.

Về tới “Chủ tịch phủ” tính ra đã hơn một tháng. Vậy là Bác đi bộ cả tháng trên 1.000 cây số. Đối với sức trai trẻ như anh em đã là một chuyện đáng kinh ngạc. Đối với tuổi 60 của Bác, quả là một chuyện thần kỳ. Sau hơn một tháng trở về, Bác lại lần giở những công văn giấy tờ mà thời gian đi chiến dịch Người chưa giải quyết xong. Bỗng bàn tay Bác run lên rồi lặng đi trong giây lát khi cầm đến một bức điện gửi từ Nghệ An quê Bác ra. Đó là bức điện báo tin anh cả của Bác đã mất. Bác bùi ngùi viết bức điện gửi về phúng viếng người quá cố: *“Nghe tin anh cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường xá xa cách, lúc anh đau yếu tôi không thể trong nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu. Than ôi! Tôi chịu tội bất lễ trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một con người đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước”*.

Nhìn Bác đau đớn buồn rầu, đôi mắt ngấn lệ, những người chiến sĩ bảo vệ bùi ngùi thương Bác chẳng khác nào thương người ruột thịt của mình và hầu như ai cũng cố nén tiếng kêu: “Bác ơi đời Bác hy sinh quá nhiều cho nước cho dân. Chúng con nguyện noi gương Người”.

N.M.S

KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí PHẠM VĂN THIẾT
là chiến sỹ cảnh vệ từ năm 1958-1960)

Năm 1954, từ rừng U Minh nơi đất Mũi tận cùng của Tổ quốc, tôi được Trung ương Cục miền Nam chỉ thị tập kết ra Bắc. Tạm biệt quê hương, ba má và những người thân yêu ruột thịt đang phải sống trong vùng địch hậu, lòng tôi không khỏi bùi ngùi thương nhớ. Buổi tiễn đưa chúng tôi lên đường ra tập kết thật là bịn rịn, lưu luyến. Ai nấy đều xúc động nghẹn ngào, không cầm được nước mắt. Các o, các má Năm Căn mừng mừng, tủi tủi nắm chặt tay chúng tôi dặn dò: “Các con ra miền Bắc mạnh giỏi, cố gắng học tập nghe? Các con chuyển lời các má và bà con nơi đất Mũi thưa với Bác Hồ rằng đồng bào miền Nam kính chúc Bác Hồ mạnh khỏe, sống lâu. Đồng bào miền Nam một lòng một dạ sát son với Đảng và Bác Hồ. Kẻ thù Mỹ - Diệm tàn ác dù có thể lấy đi con tim, khối óc của người dân Nam Bộ, nhưng không thể nào lấy được niềm tin của người dân đất Thành đồng với Đảng và Bác Hồ. Đồng bào miền Nam xin hứa với Bác quyết tâm chiến đấu để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và mời Bác vô thăm”. Các o, các má quàng lên vai chúng tôi mỗi người một chiếc khăn rằn như nhắn gửi niềm tin trong đó. Một cuộc chia ly hẹn ngày

trở lại. Chúng tôi ra đi mang theo một trọng trách lớn lao đối với bà con, cô bác quê hương.

Ra miền Bắc dưỡng bệnh ít hôm, tôi được Bộ Công an cử đi học tại Trường C500 khóa đầu tiên với gần hai ngàn học sinh tập trung từ mọi miền đất nước, trong đó có nhiều cán bộ, chiến sĩ công an Nam Bộ cùng ra tập kết với tôi. Kết thúc khóa học, thể theo nguyện vọng, tôi được điều về Cục Cảnh vệ cùng với đồng chí Hạnh phụ trách phòng cắt tóc cho các đồng chí cán bộ lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ.

Thật là một dịp may hiếm có. Cho đến nay đã hơn 30 năm rồi nhưng tôi không thể nào quên được buổi cắt tóc đầu tiên cho Bác. Hôm đó vào buổi trưa đầu năm 1958, tôi nhận được tin báo đến cắt tóc cho Bác Hồ. Ôi! Thật sung sướng và hạnh phúc biết nhường nào. Tôi là người thứ ba sau anh Mẫn, anh Hạnh được vinh dự vào cắt tóc cho Bác. Thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, lý thú. Những người được vinh dự cắt tóc cho Bác kể từ khi ở căn cứ địa Việt Bắc đến khi giải phóng Thủ đô Hà Nội lại đều là chiến sĩ công an Nam Bộ. Anh Mẫn gốc Sa Đéc, tù ở Côn Đảo về phục vụ Bác thời gian đầu, sau ảnh bị bệnh thần kinh phải đi dưỡng bệnh. Anh Hạnh, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an Vĩnh Trà, thợ hớt tóc chuyên nghiệp Sài Gòn, ảnh bị bệnh dạ dày và chết khi hoà bình lập lại. Sau các ảnh là tôi quê gốc ở thị xã Châu Đốc.

Kỳ thực, trong thời gian học ở Trường C500 tôi đã hai lần được trông thấy Bác nhưng chưa có lần nào tôi được đến thật gần Bác. Lần thứ nhất vào khoảng 7 giờ tối, chúng tôi được lệnh tập trung tại hội trường.

Vừa ổn định xong chỗ ngồi thì có tiếng hô: “Bác Hồ đến! Hoan hô Bác Hồ!”. Tiếng vỗ tay vang dậy kéo dài cho đến khi Bác bước lên bục và giơ tay ra hiệu im lặng. Mọi người ngồi xuống trật tự, hàng trăm con mắt đổ dồn về Bác, lắng nghe lời dạy của Người. Ngồi dưới hội trường, tôi như người bị thôi miên. Tiếng Bác nói sang sảng ấm áp, truyền cảm thấm thía tận đáy lòng mọi người. Bác ân cần hỏi thăm sức khỏe cán bộ, chiến sỹ, hỏi thăm nơi ăn, chốn ở của trường và Bác nói về nhiệm vụ chính trị của công tác công an. Đến bây giờ, tuy không nhớ nguyên văn nhưng tôi vẫn hình dung hình ảnh của Bác và những lời Bác dạy đại ý:

... “Công tác công an nhân dân rất khó khăn, gian khổ và phức tạp nhưng rất vinh quang, yêu cầu chiến sỹ công an nhân dân phải là người trung kiên, tận tụy, tích cực cách mạng nhất, yêu ngành yêu nghề suốt đời”. Kết thúc buổi nói chuyện, Bác nói: “Bác chúc tất cả các cháu học tập tốt, thành công, thắng lợi”. Cả hội trường đứng dậy, hô khẩu hiệu, vỗ tay chào tạm biệt. Một số người phía trước chạy ùa theo xe Bác, vừa chạy vừa lau nước mắt.

Lần thứ hai vào dịp trường bế giảng khoá học, chúng tôi lại được đón Bác đến thăm và nói chuyện. Khác với lần trước, lần này cấp trên thông báo trước cho toàn trường. Tôi được phân công cảnh giới phía hậu trường nên nhìn Bác gần và rõ hơn. Bác đi lên bục nói chuyện, tay phải chống chiếc gậy tre nâu. Cả hội trường yên lặng lắng nghe. Bác vô đề ngay: “Bác rất vui mừng được Ban giám hiệu nhà trường báo cho biết khóa học của các cháu đạt kết quả cao. Bác vui

mừng chúc các cháu phát huy triệt để thành quả đó trên đường công tác nay mai. Các cháu nhớ “Học phải đi đôi với hành”. Bác không có gì để tặng quà cho các cháu ra trường, Bác có “cây gậy tre” tượng trưng ý chí chiến đấu, tiên phong gương mẫu. Cây gậy tre tượng trưng này một là để các cháu từng bước, từng bước rút kinh nghiệm, phát minh sáng kiến xây dựng ngành nghề tinh vi, nhạy bén hơn để bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chính quyền chuyên chính vô sản. Cây gậy này còn để chống và xây phẩm chất đạo đức cách mạng tiên phong gương mẫu, cần, kiệm, liêm, chính, chí, công, vô tư trong đội ngũ công an nhân dân. Chống, trước tiên là chống cá nhân chủ nghĩa. Bác ví dụ: lúa rất cần cho nhân dân sinh sống. Lúa khó trồng dễ chết. Người nông dân phải một sương hai nắng: đất, phân, giống, quanh năm mới có hạt lúa vàng. Cỏ dại không ai trồng, mọc tràn lan, cỏ mọc đến đâu lúa chết đến đấy. Làm cách mạng để cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội, cải tạo mình. Bác mong rằng các cháu còn đầy sinh lực cách mạng, các cháu hãy ra sức diệt trừ cỏ dại, chuyên cần gieo trồng lúa vàng nặng hạt trong mọi người”... Kết thúc buổi nói chuyện Bác nói: “Bác hứa với các cháu, Bác sẽ dành thì giờ để đọc thành tích các hoạt động thi đua yêu nước của các cháu. Còn các cháu có hứa với Bác thực hiện tốt những lời Bác vừa căn dặn không?”. Cả hội trường đứng dậy đồng thanh!

- Chúng cháu xin hứa ạ!

Cũng như lần trước, mọi người tràn ra, chạy ủa theo xe Bác. Tiếng hoan hô, tiếng vỗ tay vang dậy cho đến khi chiếc xe xa dần, khuất hẳn.

Thế là nổi mong ước được gặp Bác, cắt tóc cho Bác hôm nay đã thành sự thật. Như để chia sẻ niềm vui sướng của tôi, anh em trong phòng đều chúc mừng, động viên và giúp tôi chuẩn bị đồ nghề. Từ phòng cắt tóc đến nhà Bác không xa, tôi đi bộ mang theo hộp đồ nghề lưu động với vài chiếc khăn lớn nhỏ, vừa đi vừa lo nghĩ cách tiếp cận với Bác lần đầu. Vừa đến nơi, tôi được đồng chí phục vụ chỉ cho vào một căn phòng nhỏ phía ngoài nhà Bác ở. Căn phòng tuy nhỏ chừng mười mét vuông nhưng sạch sẽ và thoáng mát. Tường nhà được quét ve xanh nhạt. Trên trần nhà mắc một ngọn đèn nhỏ. Trong căn phòng bài trí đơn sơ, vắn vện chỉ có một chiếc bàn con, một chiếc ghế tựa và một chiếc ghế đẩu. Tôi trầm nghĩ, phòng cắt tóc của Bác Hồ - vị lãnh tụ tối cao của đất nước, của dân tộc Việt Nam mà lại đơn giản như thế ư? Thế mà trên đường đi tôi cứ nghĩ, nó phải sang trọng, bài trí phải công phu, chí ít cũng phải có gương soi, có bồn rửa và nước hoa hảo hạng. Giờ thì cái thực tế hiển nhiên đã xua tan suy nghĩ nông cạn của tôi. Chợt nhớ đến công việc phải làm, tôi để hộp đồ nghề lên chiếc ghế đẩu rồi nhanh nhẹn lấy chiếc khăn lớn trải lên mặt bàn sắp sẵn các đồ nghề lên đó. Sau đấy tôi lấy chiếc khăn nhỏ hơn lót trên mặt ghế tựa để Bác ngồi khi cắt tóc. Đứng ngắm “công trình” của mình, tôi thoáng mỉm cười và yên tâm. Lúc đó, đồng chí Chiến bảo vệ cho Bác đi đến bên tôi nói nhỏ: “Bác giản dị lắm, đồng chí đừng nên bày biện cầu kỳ như thế, e rằng Bác sẽ phê bình đấy. Nghe đồng chí Chiến khuyên, tôi liền gấp lại chiếc khăn trải bàn và khăn lót ghế thì cũng đúng lúc Bác từ nhà trong đi ra. Bác mặc bộ quần áo màu gụ và đi đôi guốc mộc quai bằng cao su. Trông Bác hồng hào và

khỏe mạnh. Trong phút giây ngỡ ngàng, lúng túng và hồi hộp, tim tôi đập rộn lên. Tôi cố trấn tĩnh chờ Bác tới gần và lên tiếng:

- Cháu chào Bác ạ!

Chắc Bác biết tôi là người đến cắt tóc cho Bác, nên Bác hỏi:

- Chú đến lâu chưa?

- Dạ, thưa Bác, cháu đến được chừng năm phút rồi ạ! Tôi trả lời Bác.

Bác trều mền nhìn tôi rồi nói khôi hài:

- Nhờ chú làm “tổng vệ sinh” giùm Bác.

Tôi cười vui và mời Bác ngồi vào ghế. Đứng phía sau, tôi ngấm trộm Bác trong giây lát rồi lấy chiếc khăn trắng choàng qua vai Bác. Tay trái cầm lược, tay phải cầm tôngđơ, tôi tập trung hết trí lực vào việc cắt tóc cho Bác. Là một thợ cắt tóc lành nghề mà hôm nay, lần đầu tiên được vinh dự cắt tóc cho Bác tôi thấy cứ run run và hồi hộp. Trán tôi lấm tấm mồ hôi. Tuy vậy cũng chỉ chưa đầy mười phút tôi cũng đã cắt tóc xong cho Bác. Sau khi phủi chiếc khăn choàng và lấy khăn bông lau quanh cổ Bác, tôi bèn thưa:

- Thưa Bác, xong rồi ạ!

Bác đứng dậy bảo tôi:

- Bác cảm ơn! Chú sang phòng bên uống nước trà, hút thuốc rồi hãy về nhé.

Không hiểu sao lúc đó tôi chỉ kịp thưa:

- Dạ, vâng ạ!

Bác bước đi chậm chậm về phía nhà trong nơi Bác ở và làm việc. Đến cửa phòng gặp đồng chí bảo vệ còn rất trẻ, Bác nói vui:

- Chú xem, bữa nay Bác “thanh niên” ghê chưa?

Rồi Bác cười to làm đồng chí bảo vệ và tôi cũng cười theo. Tôi thầm nghĩ có lẽ Bác có ý khen tôi một cách tế nhị. Bỗng nhiên trong lòng tôi trào dâng một cảm xúc lâng lâng như đang bay vậy. Ôi! Thật sung sướng và hạnh phúc biết nhường nào.

Những người bạn, người đồng chí cùng các o, các má ở miền Nam nơi đất Mũi thân yêu của tôi chỉ ao ước sao được gặp Bác Hồ dù chỉ là một lần, rồi có chết cũng thoả lòng. Vậy mà tôi, còn gì vinh dự hơn, hạnh phúc hơn là được gặp Bác và còn được cắt tóc cho Người.

Bác đi vào nhà, đồng chí bảo vệ vào theo. Còn lại một mình, tôi trải chiếc khăn tay hớt gọn nhúm tóc của Bác làm kỷ niệm.

Từ buổi cắt tóc đầu tiên đó cho đến hết năm 1959, mỗi tháng một lần tôi lại được gặp Bác để cắt tóc, rửa râu cho Bác. Mỗi lần được vào cắt tóc cho Bác Hồ là một vinh dự lớn và là một kỷ niệm sâu sắc không bao giờ quên trong đời tôi.

P.G.V

NHỚ BÁC, HÃY CỐ GẮNG HƠN

PHẠM GIA VỆ (Ghi theo lời kể
của đồng chí NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN
- Nguyên Phó Cục trưởng Bộ Tư lệnh Cảnh vệ)

Hạnh phúc lớn nhất của đời tôi là được làm người học trò nhỏ của Bác, được Bác luôn chăm lo và ân cần dạy bảo. Nay Bác đã đi xa, nhưng hình ảnh của Người vẫn luôn in đậm trong tâm trí tôi.

Nhớ lại những ngày đầu nước nhà vừa giành được độc lập. Tôi có vinh dự và may mắn được học lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cốt cán mà giảng viên lại chính là Bác Hồ, anh Lê Duẩn và anh Trường - Chinh. Lớp học đặt ngay tại Bắc Bộ phủ (nay là Nhà khách Chính phủ) giờ học vào buổi tối, thời kỳ đó, tình hình chính trị và trật tự xã hội hết sức phức tạp, bọn Tưởng và bọn Quốc dân đảng luôn quấy nhiễu hoành hành và thường tổ chức bắt cóc cán bộ. Vì vậy khi đi họp hoặc đi học vào buổi tối là chúng tôi phải mấy người cùng đi. Nghe tiếng ô tô đằng sau phải nhanh chóng nhìn lại, kịp thời phán đoán là người hay kẻ gian để có biện pháp đề phòng, ứng phó. Những khi gặp tình huống như vậy tôi và cả chị Hà Giang thản nhiên và rảo bước không hề nao núng. Với tình cảm sục sôi cách mạng của tuổi thanh niên, với sự ham muốn học hỏi lý luận, với sự tự hào là người đảng viên mới có dịp may mắn được dự lớp học hiếm có này, lòng tôi tràn đầy phấn khởi.

Đến lớp học, tôi dành được chỗ ngồi ở hàng ghế trên cùng, nên được ngắm nhìn Bác và nghe lời Bác rõ hơn. Bác và anh Ba, anh Năm giảng về tình hình cách mạng và năm bước công tác, lời giảng của Bác và anh thật ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu và dễ nhớ. Chính bài học ban đầu này kết tinh của trí thức cách mạng với kinh nghiệm thực tiễn đã thấm đậm trong tôi về công tác vận động quần chúng trong suốt những buổi học, tôi chăm chú nghe Bác giảng như uống lấy từng lời. Hình ảnh của Nguyễn Ái Quốc trong cuốn "*Parti Cominunistecl Vochinoc*" mà tôi được đọc ngày nào luôn là sự ngưỡng mộ và khâm phục thì giờ đây trước mắt tôi là Bác Hồ kính yêu trong bộ quần áo ka ki giản dị, với lời giảng ấm áp và khúc chiết. Ngồi trong lớp học tôi thấy lòng mình rộn một niềm vui khôn tả. Thật cảm động biết bao khi thấy sau này Bác và anh Ba, anh Năm vẫn nhắc tới lớp học và nhận ra tôi là học trò.

Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Chính phủ và Trung ương rời lên chiến khu Việt Bắc. Tại đây chúng tôi làm lễ thành hôn. Bức ảnh in hình bác Tôn, anh Năm, anh Thọ, anh Việt (tên gọi thân mật của bác Tôn Đức Thắng, đồng chí Trường - Chinh, đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Hoàng Quốc Việt...) cùng chúng tôi trong ngày cưới in đậm tình thương yêu của bác Tôn và các anh đối với vợ chồng chúng tôi. Một kỷ niệm không bao giờ phai là chính Bác Hồ đã tự tay viết trên mảnh giấy nhỏ hàng chữ "Chúc Lương + Thanh đoàn kết chặt chẽ" và ký tên Hồ Chí Minh làm tôi càng thấm thía tình yêu thương cùng với sự quan tâm của Bác trước hạnh phúc của chúng tôi. Tôi cảm nhận lời chúc rất chân tình của Bác. Đoàn kết gia đình, nền

tảng của đoàn kết xã hội. Tôi giữ gìn mảnh giấy như một kỷ vật thiêng liêng, khắc sâu tận đáy lòng, lời chúc của Bác với tâm niệm xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng con cháu cho tốt, xứng đáng với Bác, với các anh đã vun đắp hạnh phúc cho chúng tôi.

Đầu năm 1951, anh Cả (anh Nguyễn Lương Bằng) cho tôi sang ở cơ quan Ban tài chính của anh trên một ngọn đồi có hai căn nhà lá. Tôi sinh cháu thứ hai. Tôi được biết đây là Chiêm Hoá (Tuyên Quang) nơi họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai. Đại hội này đánh dấu một mốc quan trọng trong sự phát triển cách mạng của Đảng. Nhiệm vụ chính của Đại hội là đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Một hôm, Bác qua đây nghỉ một buổi tối trước khi vào sự đại hội. Thật bất ngờ, Bác nghỉ ở nhà trên, tôi và hai cháu ở nhà ngang. Bác xuống thăm tôi và hai cháu. Nhìn thấy bữa ăn đạm bạc của tôi, Bác liền hỏi: “Bữa ăn của cháu thế này thôi à?”. Tôi cảm động quá chỉ biết thưa: “Vâng ạ!”. Bác gọi tôi ra ngoài hè, tôi loay hoay để tìm ghế mời Bác ngồi nhưng nhà tôi ở không có ghế, Bác hiểu nỗi băn khoăn của tôi, Bác ngồi ngay xuống vỉa hè bằng đất nện nhẵn thín. Bác chỉ tôi ngồi xuống bên cạnh và ân cần dặn dò tôi cùng với anh chị em trong cơ quan Ban tài chính giữ gìn sự đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau, động viên nhau khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ công tác được giao. Lời lẽ ấy như thể hiện nội dung của bài Bác giảng lần đầu tiên ở Bắc Bộ phủ. Tôi cảm nhận lời dặn dò của Bác với lòng đầy kính trọng.

Sáng hôm sau, Bác gọi cháu Minh Thu con gái lớn của tôi lên ăn xôi sáng cùng Bác. Bác lấy cái ca cùng

với thìa dùng hàng ngày của Bác đựng xôi và tự tay xúc cho cháu ăn. Cháu ngồi trong xe “cút kít” nhỏ bằng gỗ, nét mặt ngây thơ, đón nhận từng thìa xôi Bác cho ăn. Hình ảnh này được đồng chí Võ Năng An ghi vào ảnh. Bác vẫn nhớ và dặn tôi phóng to ảnh, tôi không kìm nổi nỗi xúc động của lòng mình. Tôi thầm kêu... “Bác ơi! Tám hình vẫn còn đây mà Bác đã đi xa...”

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai đã kết thúc thắng lợi, Bác trở về Tân Trào. Ít lâu sau, tôi cũng đưa hai cháu trở về Tân Trào. Tại đây, tôi còn nhiều lần gặp Bác. Mỗi lần Bác sang họp là Bác lại gọi các cháu đến cho kẹo. Bác căn dặn chị em chúng tôi trông nom, giáo dục các cháu cho tốt, các cháu là mầm non của Tổ quốc, là công dân tương lai của đất nước. Càng sau này, tôi càng thấm thía câu Bác nói “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”.

Hoà bình lập lại, sau khi tốt nghiệp đại học, tôi được điều động về Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an). Đồng chí Trần Quốc Hoàn, Nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao trách nhiệm cho tôi bảo vệ an toàn cho Bác và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về khâu ăn uống. Trước nhiệm vụ nặng nề, tôi rất lo lắng nhưng cũng thấy vinh dự và tự hào được các đồng chí lãnh đạo cấp trên tin tưởng và giao phó.

Với nhiệm vụ mới, tôi thường có dịp được gặp Bác cùng với các đồng chí lãnh đạo. Tôi đã góp phần nhỏ bé của mình để bảo vệ Bác tuyệt đối an toàn. Thật tự hào biết bao, bên cạnh những kỉ niệm của những tháng năm kháng chiến ở Việt Bắc tôi còn có những kỷ niệm sâu sắc của những năm tháng hoà bình ở miền Bắc bên Bác Hồ kính yêu.

Hôm mít tinh tại Quảng trường Ba Đình đón đồng chí Mikôian, tôi được vào gặp Bác buổi sáng sớm. Bác đang chuẩn bị ra dự mít tinh. Nhìn thấy Bác mặc bộ quần áo ka ki và đi đôi dép cao su, tôi ngạc nhiên hỏi Bác:

- Thưa Bác! Sao Bác vẫn đi đôi dép này?

Bác nhìn tôi trêu mếu và nói:

- Bác vẫn đi đôi dép này có sao đâu?

Nói rồi Bác ngồi vào bàn, tôi đứng bên cạnh. Một cốc sữa của Bác để bên, Bác chỉ cốc sữa bảo tôi: “Cháu uống đi!” Tôi ngần ngại, Bác nhắc lại lần thứ hai. Tôi run run cầm cốc sữa đưa lên miệng uống một ngụm quên cả mời Bác. Uống xong, tôi tự trách mình là vô lễ và ân hận vì Bác không có gì ăn sáng. Bác đi ra lễ đài, tôi nhìn theo băng khuâng về sơ suất của mình với bao niềm cảm xúc trào dâng, tình yêu thương của Bác thật sâu đậm như của một người Cha.

Lại một lần nữa tôi có việc vào chỗ Bác. Anh Vũ Kỳ hỏi tôi có muốn ở lại ăn cơm với Bác không?

Tôi vui mừng quá nhận lời ngay. Bữa cơm hôm đó chỉ có hai Bác cháu, nhìn mâm cơm đạm bạc mà tôi ứa nước mắt, tôi như muốn thốt lên: “Bữa cơm của Bác, của một vị Chủ tịch nước mà lại chỉ có vậy thôi ư?” Trong bữa cơm, Bác kể chuyện về các món ăn dân tộc. Bác thích ăn cà Nghệ, mắm chua nhưng các đồng chí bảo vệ chăm lo sức khỏe cho Bác không muốn để Bác dùng để phòng gây rối loạn tiêu hoá. Thấy Bác ăn ít quá tôi thương Bác vô cùng. Số thức ăn còn lại Bác chuyển sang cho tôi và động viên tôi cố gắng ăn cho hết đừng để thừa lãng phí. Sau cùng tôi thua với Bác “Cháu no lắm rồi Bác ạ!” Bác nhìn tôi cười hiền hậu. Kỳ thực, trong suốt bữa ăn ngồi bên Bác, tôi im nhưng

trong lòng nghĩ miên man tới những bữa ăn hàng ngày Bác ngồi ăn cơm chỉ một mình. Thật lẻ loi, đơn quạnh! Tự nhiên cô tôi ứ nghẹn...

Bác biết tôi được đi học chuyên ngành an ninh ở Liên Xô. Có lần gặp Bác, Bác bảo tôi: “Cô muốn học gì thì học. Đừng cho Bác ăn chuối như chuối của chú Kháng”. Tôi không hiểu thế nào bèn hỏi lại anh Kháng. Anh Kháng cười và bảo tôi rằng “anh em bảo vệ lúc đầu đánh giá địch quá cao, không dám mua chuối ở ngoài vì sợ bị đầu độc nên cứ lấy chuối trong vườn tự trồng gia để Bác dùng. Chuối nhỏ quá lại không biết cách dấm nên chuối không ngon, không đẹp mã bằng chuối ngoài chợ...” Nghe anh Kháng kể, tôi hiểu và suy nghĩ: Đây có phải là do tư tưởng sợ địch ám hại quá mức không? Hay là do không biết sử dụng biện pháp khoa học kỹ thuật nhằm phát hiện chất độc để có biện pháp chủ động đề phòng ngăn chặn? Và đây cũng có phải là chưa hiểu được lòng dân đối với Đảng, đối với Bác Hồ không?

Một lần khác, Bác đã căn dặn tôi: “Cô học những gì và làm gì tùy theo trách nhiệm, nhưng cô phải biết dựa vào chú Cẩn (anh Cẩn là người nấu cơm phục vụ Bác). Chú Cẩn là người kiểm tra trước nhất, chú Cẩn là người kiểm nghiệm gần Bác nhất”. Lời dạy của Bác làm tôi sáng tỏ: không thể sử dụng khoa học kỹ thuật đơn thuần mà phải dựa vào lực lượng quần chúng, trước hết là các đồng chí phục vụ Bác. Có như vậy, sức mạnh của nghiệp vụ an ninh bảo đảm an toàn tuyệt đối sẽ được nhân lên gấp bội. Lời Bác dạy “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” quả là thiết thực đối với công tác kỹ thuật bảo vệ của chúng tôi.

Rồi đến năm 1969, sức khỏe của Bác không được như những năm trước. Bác yếu lắm, đi lại khó khăn và ăn uống thất thường. Thấy sức khỏe Bác như vậy, anh em bảo vệ chúng tôi rất buồn. Riêng tôi có ngờ đâu cái ngày chuẩn bị lễ tang Bác đã đến. Theo chức năng và nhiệm vụ được phân công, tôi về Bộ gặp lực lượng hỗ trợ. Nhưng tôi không được phép báo cáo về tình hình sức khỏe của Bác. Khi anh Minh Tiến hỏi tôi về sức khỏe của Bác ra sao, tôi buồn quá đành nói dối: “Sức khỏe của Bác vẫn bình thường”. Tôi phải nén lại xúc động để nước mắt khỏi trào ra.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, Bác Hồ kính yêu đã ra đi. Nhìn dòng người đổ về Quảng trường Ba Đình, tập trung dưới loa phóng thanh để nghe thông báo về tình hình sức khỏe của Bác, nhìn những nam nữ thanh niên sóng đôi vui ngày Quốc khánh, tôi buồn vô cùng, muốn thốt lên: “Mọi người ơi! Đừng vui nữa, Bác Hồ muôn vàn kính yêu đã vĩnh biệt chúng ta rồi!”

Thật có ngờ đâu, Ngày vui của đất nước cũng là ngày Việt Nam mất Bác Hồ.

Trong những ngày phục vụ lễ tang Bác, chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong nước mắt và trong nỗi buồn đau, nhớ thương vô hạn. Anh Vũ Kỳ - người trực tiếp gần gũi Bác như thấu hiểu nỗi lòng của anh chị em cảnh vệ, anh xúc động nghẹn ngào và động viên an ủi chúng tôi. “Nhớ Bác! Hãy cố gắng hơn”.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, chúng tôi - những chiến sỹ cảnh vệ nguyện trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp mà Bác Hồ đã dày công vun đắp.

P.G.V

BÁC NGHỈ Ở SÂM SƠN

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí ĐOÀN ĐÌNH CẨM)

Mùa hè năm 1965, tôi và anh Kháng đi Sâm Sơn, Thanh Hoá để chọn địa điểm cho Bác Hồ về nghỉ ở đó ít hôm. Nói là Bác đi nghỉ để tĩnh dưỡng sau những ngày làm việc căng thẳng nhưng kỳ thực có bao giờ Bác được nghỉ đâu. Thường mỗi lần đi như vậy lại có một hoặc vài ba đồng chí cán bộ cao cấp đi cùng để bàn về những vấn đề đại sự của đất nước.

Trên đường đi, chúng tôi rất lo vì thời gian này đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh leo thang bằng không quân ra miền Bắc mà địa bàn khu Bốn là một trong những trọng điểm chúng đánh phá ác liệt nhất. Do vậy, chúng tôi không chỉ lo bố trí bảo vệ trên đường mà còn phải chọn địa điểm nơi Bác nghỉ như thế nào cho an toàn và thích hợp.

Đến nơi công tác, chúng tôi khẩn trương làm việc với công an địa phương để chọn địa điểm, bàn chủ trương biện pháp và bố trí lực lượng bảo vệ. Tiến hành khảo sát một vài nơi, chúng tôi thống nhất lấy đền Độc Cước ở Sâm Sơn là địa điểm cho Bác nghỉ. Ngôi đền hiện không có ai sử dụng, xung quanh không có dân, vắng vẻ nhưng thoáng mát sạch sẽ và thuận tiện cho công tác bảo vệ.

Những ngày Bác nghỉ ở đây đã để lại trong chúng tôi những kỷ niệm sâu sắc không thể nào quên được.

Đó là tình cảm thương yêu nhất mực của Bác đối với chiến sỹ cảnh vệ.

Bữa cơm chiều của ngày đầu đến đây, đồng chí phục vụ nấu cơm cho Bác và 3 đồng chí cán bộ cao cấp cùng ăn. Còn chúng tôi gồm bảo vệ, lái xe và phục vụ xuống đồn công an vũ trang Sầm Sơn gần đó ăn cơm. Trong bữa cơm chắc Bác không thấy chúng tôi nên tôi đến Bác hỏi:

- Bữa cơm chiều các chú ăn ở đâu?

Chúng tôi bèn thưa với Bác:

- Thưa Bác! Chúng cháu ăn cơm ở dưới phố ạ!

Bác không hài lòng và bảo:

- Ngày mai, các chú mượn xoong, nồi, mua củi về nấu ăn ở đây cho tiện khỏi phải xuống phố làm gì thêm phiền phức.

Nghe lời Bác, chúng tôi xuống đồn mượn xoong, nồi, mua củi về nấu ăn. Từ đó ăn quây quần đông vui ấm tình Bác cháu. Nói là mâm cho có vẻ sang trọng nhưng chỉ là mấy cánh cửa kê xuống nền nhà để bày thức ăn. Bữa cơm đầu tiên ngồi chung mâm với Bác, chúng tôi e dè và kém tự nhiên, nhưng rồi cũng bạo dạn hẳn lên. Những bữa cơm quây quần bên Bác tuy chỉ là những bữa cơm đạm bạc với vài ba món thức ăn nhưng thật ấm tình người. Chúng tôi cảm nghĩ, đây là những bữa cơm gia đình, cha con, anh em quây quần bên nhau, vừa ăn vừa trò chuyện vui vẻ, xoá đi sự ngăn cách giữa vị Chủ tịch nước với anh em chiến sỹ bảo vệ Người.

Sau bữa ăn, Bác đều bảo đồng chí phục vụ: “Chú lấy thuốc lá chia cho mỗi chú một điếu”. Hiểu ý Bác, đồng chí phục vụ lấy thuốc lá ra chia đều cho mỗi

người một điều kể từ các đồng chí cán bộ cao cấp cho đến anh em chiến sỹ cảnh vệ chúng tôi.

Mấy bữa đầu, thức ăn chỉ có rau và thịt nên Bác bảo: “Chúng ta ra biển mà lại ăn toàn thịt, đáng lẽ ra biển phải ăn cá chứ”. Thế là hôm sau, đồng chí phục vụ nhờ đồn công an vũ trang Sầm Sơn mua giúp 20 ki lô gam cá chim. Khi mang về, nhìn thấy cá chim còn tươi. Bác bảo đồng chí phục vụ:

- Hôm nay có món cá ngon, chú mang luộc cho mỗi chú một con! Bữa đó, nhìn thấy Bác ăn được ngon lành, chúng tôi nhìn nhau phấn khởi và thâm cảm ơn đồng chí phục vụ.

Cũng trong chuyến đi này, tôi được giao đảm nhận một phiên gác trong thời gian từ 3 giờ 30' đến 5 giờ 30' sáng. Đây là lần đầu tiên trong đời làm công tác cảnh vệ, tôi mới được vinh dự trực tiếp bảo vệ Bác. Tôi trộm ngắm nhìn Bác. Bác nằm ngủ trên một bộ gạch phía ngoài đền, nơi khách thập phương ngồi tế lễ. Vì gió biển thổi mạnh, không có muỗi nên Bác không nằm màn mà chỉ đắp một chăn đơn mỏng lên đến ngực. Hơi thở Bác đều đều, tiếng ngáy nhẹ nhẹ. Trông Bác ngủ một cách bình dị và ngon giấc, lòng tôi thấy lâng lâng vui sướng.

P.G.V

ĐỀ PHÒNG “ĐẠN BỌC ĐƯỜNG”

NGUYỄN MINH SAN

(Ghi theo lời kể của đồng chí NGỌC CHÂU)

Đoàn Tân Trào (nay là Trung đoàn 600, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Bộ Công an) có nhiệm vụ bảo vệ lãnh tụ, các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước. Ngày đó toàn đoàn đang tập trung để nghe giải đáp về Hiệp định Giơnevơ và động viên chuẩn bị công tác bảo vệ Bác. Trung ương Đảng, Chính phủ và Thủ đô. Hội trường làm bằng tranh tre vách nứa núp dưới tán lá rừng đã chật ních người. Các chiến sĩ trang nghiêm trong những bộ quân phục kiểu mới. Họ là những vệ quốc quân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác, là chiến sĩ thi đua ở các đại đoàn chủ lực 308, 312, 316, 320, Tiểu đoàn Thiên Đức (Bắc Ninh) và một số đơn vị khác ở Thái Nguyên được Bộ Công an và Bộ Quốc phòng tuyển chọn, thành lập.

Sau 9 năm kháng chiến gian khổ, trước thắng lợi mới của đất nước, ai cũng hớn hở, vui vẻ. Tiếng hát đang cất cao, bỗng ngừng bật, nhường cho tiếng reo hò vang dậy: “Bác đến! Bác Hồ đến, các đồng chí ơi...”

Mọi người nhìn ra, thấy Bác cưỡi ngựa vượt qua thửa ruộng trống và lên ngang sườn đồi. Đến trước hội trường, Bác kéo cương con ngựa hồng dừng hẳn lại rồi nhanh nhẹn nhảy xuống. Vừa rút khăn trên vai lau mồ hôi, Bác vừa hỏi các đồng chí phụ trách đoàn ra đón:

- Các chú đang học gì vậy?

- Dạ thưa Bác, giải đáp về Hiệp định Giơnevơ ạ. -
Đồng chí đoàn trưởng trả lời.

- Đơn vị tập trung đầy đủ chứ?

Đồng chí đoàn trưởng báo cáo quân số xong, Bác lại hỏi:

- Các chú nuôi quân cũng có mặt?

- Thưa Bác, có một số ạ!

- Có bao nhiêu đảng viên? - Đến chỗ này đoàn trưởng lúng túng, Bác hỏi tiếp:

- Tinh thần anh em thế nào?

- Dạ, anh em phấn khởi lắm ạ.

- Phấn khởi thế nào?

Đoàn trưởng im lặng, lúng túng.

Bác quay sang hỏi đoàn phó:

- Vũ khí ra sao chú?

Nghe Bác hỏi dồn dập, đủ biết công việc khẩn trương đến nhường nào. Trưởng, phó đoàn báo cáo xong. Bác bước nhanh vào hội trường, trực ban chưa kịp hô “Ng nghiêm”, tất cả đã đứng dậy vỗ tay vang trời. Tiếng vỗ tay vang vào vách núi đá vọng lại kéo dài không dứt. Bác giơ tay ra hiệu cho tất cả im lặng. Những người ngồi sau nghiêng ngó để nhìn Bác được rõ hơn. Hàng trăm cặp mắt hướng về Bác không chớp. Nhiều chiến sĩ lần đầu được gặp Bác, xúc động ngồi ngây cả người ra.

Chờ cho trật tự đã ổn định, Bác đưa tám bản đồ Đông Dương cho một chiến sĩ treo lên phía trước sân khấu, rồi Bác đi xuống cuối hội trường... Bác đi đâu anh em hút mắt theo đấy như các mẫu kim loại

chuyển theo viên đá nam châm. Đến cuối hội trường, Bác nói:

- Các chú trông thấy rõ chứ?

- Rõ ạ! Cả hội trường đồng thanh đáp lại. Bác lại trở lên phía bản đồ, tay cầm một chiếc que nữa, hỏi:

- Các chú có nghe được cả không?

- Dạ, được ạ!

- Hôm nay Bác nói chuyện về ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Ginevơ. - Tiếng hoan hô trời dậy, Bác dặn: “Thời gian ít, Bác nói chuyện chỉ hơn hai giờ, không nên vỗ tay nhiều”. Nói xong, Bác chỉ tiểu đội trưởng Phúc:

- Chú có biết Gionevơ ở đâu không?

Phúc lo quá, mồ hôi toát ra lâm râm trên trán. Nhiều người lo bị Bác hỏi. Một số biết thì mỉm cười. Bác giục Phúc:

- Trả lời đi chứ? Phúc đành nói ào:

- Dạ thưa Bác, Gionevơ ở bên Pháp ạ. Cả hội trường rộ lên. Đồng chí Tùng Văn Thư nói đỡ: “ở Thụy Sĩ ạ!” Bác gật đầu và hỏi tiếp:

- Đây tới đó bao nhiêu cây số? Anh em ai cũng ngơ ngác. Bác quay về phía chỉ huy đoàn hỏi:

- Chú đoàn trưởng đâu? Đoàn trưởng đã lo ngồi lẫn giữa hàng ghế với chiến sĩ, chưa kịp trả lời, Bác đã giải thích:

- Gionevơ là một thành phố của Thụy Sĩ, nước đó gần nước Pháp. Vừa là nơi thắng cảnh của châu Âu vừa là nơi gặp gỡ của những nhà chính trị, kinh tế thế giới. Đường từ đây tới đó chừng 18.000 cây số.

Bác nhìn quanh, gọi đồng chí Ngọc Châu - Chính trị viên đoàn lại gần và hỏi: “Anh em không hiểu

những điều đó thì không thể hiểu được nội dung những vấn đề lớn”. Nói xong, Bác hỏi anh em ở hàng ghế đầu:

- Các chú nghĩ thế nào? - Anh em nhìn nhau cười trừ. Bác cũng cười vui rồi tiếp:

- Rồi đây các chú phải coi trọng việc học văn hoá mới được - Bác nói chuyện nhiều về Hiệp định Giơnevơ. Sau khi giải thích tình hình, Bác dự kiến những diễn biến về tâm lý của anh em:

- Các chú sợ rồi đây Pháp phản bội, hoặc Mỹ xúi giục bọn tay sai gây lại chiến tranh phải không? Đế quốc thì bao giờ cũng muốn chiến tranh, muốn chiếm cả nước ta, nhưng vì ta mạnh nên chúng bắt buộc phải cùng ta ký Hiệp định. Pháp đã thua rồi. Trước sau nó cũng phải rút khỏi nước ta thôi. Kẻ thù chính của nhân dân ta bây giờ chính là đế quốc Mỹ. Nếu quân và dân ta tiếp tục truyền thống đấu tranh anh dũng, nhất trí một lòng, Đảng và Chính phủ ta lãnh đạo khéo thì đế quốc Mỹ dù giàu có, tham vọng đến mấy ta cũng không sợ. Bác nói như chỉ thị:

- Bây giờ bộ đội các chú phải thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ. Ngừng bắn, tập kết, chuyển quân đúng hạn. Chiến trường ta rộng, liên lạc khó khăn, nếu bộ đội làm đúng được chỉ thị của Đảng và Chính phủ là một thành tích rất tốt. Nghiêm nghị nhìn bao quát cả hội trường một lượt, Bác hỏi: “Hoà bình lập lại, nhiệm vụ các chú sẽ làm gì?”

Đồng chí Tân cán bộ đại đội đáp:

- Thưa Bác! Bộ đội nói chung phải tiếp tục cùng nhân dân trừ gian, tiêu phỉ, sản xuất và tích cực học

tập quân sự, chính trị, văn hoá. Riêng đoàn của chúng cháu có nhiệm vụ bảo vệ Trung ương Đảng. Chính phủ tại Hà Nội.

Bác gật đầu:

- Chú nói đúng đấy, nhưng chưa đủ. Các chú còn phải cùng nhân dân đấu tranh thực hiện cải cách ruộng đất, chia ruộng cho dân cày, tăng gia chống đói, chống lụt... Phải ra sức xây dựng quân đội lớn mạnh bằng cách học tập chính trị, quân sự, văn hoá cho giỏi và sẵn sàng chiến đấu. Phải đề phòng mọi âm mưu của địch.

Bác đột nhiên chỉ vào một chiến sĩ điển trai, ăn mặc có vẻ đom dáng nhất hỏi:

- Các chú rồi đây về thành phố đề phòng cái gì nhất?

Chiến sĩ được Bác hỏi là Văn. Văn lúng túng nhìn quanh. Mấy đồng đội ngồi cạnh nhắc luôn: “Nhớ gia đình”. Văn nói theo:

- Dạ, nhớ gia đình ạ! - Bác cười, mọi người cùng cười. Bác nói:

“Có người nhớ nhà mà nâng cao được tinh thần cách mạng như thế là tốt”. Điều Bác muốn căn dặn các chú là: Phải đề phòng “đạn bọc đường”. Loại “đạn” này lúc đầu ai bị bắn dù có trúng cũng không biết đau, còn khen ngọt là khác, đến khi ngã rồi, hồi lại thì đã muộn. Ví dụ: Chuẩn bị vào thành phố, có chú nghĩ lâu nay gian khổ đã nhiều bây giờ là lúc hưởng thụ những thứ ngon, của lạ dần dần quên mất tác phong gian khổ, giản dị. Từ đó rất dễ đến tham ô, hủ hoá. Như vậy là mình đã tự biến thành cái bia rất tốt cho “đạn bọc đường” ngắm bắn. Đoạn, Bác chỉ bảo cho các chiến sĩ những kinh nghiệm về thành phố. Người

nhắc nhở tỉ mỉ cả cách ăn ở trên tầng nhà gác, cách giao thiệp với quần chúng nhân dân thành thị...

Kim đồng hồ đã chỉ 17 giờ. Mặt trời buông lại những tia nắng nhẹ. Chiều. Đợt máy bay B26 của giặc đi sục sạo một cách găng gượng lượn qua ngay trên nóc hội trường làm cho lá rừng lay động xào xạc. Chờ cho tiếng động cơ máy bay giặc bớt đi, Bác mới nói:

- Cho nó bay đi hết ngày hôm nay.

- Thưa Bác! Chắc nó tiếc lắm? - Một chiến sĩ trẻ ngồi hàng ghế trên đánh bạo nói.

- Nhân dân ta và các chú không cho thì dù có tiếc cũng chẳng làm gì được. - Sau khi khẳng định sự thất bại tất yếu của địch, Bác hỏi:

- Các chú có biết hát bài “Kết đoàn” không? Cả hội trường đáp lại: “Có ạ”. Thế là Bác bắt nhịp cho mọi người cùng cất cao tiếng hát: “Kết đoàn chúng ta là sức mạnh...” Tiếng hát hùng tráng vang động cả một góc rừng. Anh em hát, đất trời hát. Người vỗ tay đập bàn, kẻ dấm nhẹ vào lưng nhau nhắc giữ nhịp... Bác lệ làng rời khỏi hội trường. Bác và đồng chí Nhất lên ngựa. Nhân dân ở gần đó bấy giờ mới biết có Bác về, họ vui mừng chạy đến. Bà con cùng hát “Kết đoàn” với bộ đội kéo dài cho đến khi Bác khuất sau rừng cây...

N.M.S

NHỮNG LẦN BẢO VỆ BÁC HỒ ĐI CHÚC TẾT

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của các đồng chí
cảnh vệ lão thành)

Lúc sinh thời, kể từ Tết Bính Tuất (1946) cho đến Tết Kỷ Dậu (1969) năm nào cũng vậy, Bác Hồ thường đi thăm và chúc Tết các cơ quan, đoàn thể và các gia đình cơ sở cách mạng, cán bộ, công nhân, trí thức, bộ đội, thương binh, các cháu trẻ mồ côi... ở Thủ đô Hà Nội hoặc các địa phương. Đây là một thông lệ truyền thống của Bác đối với nhân dân Thủ đô và địa phương trong những ngày Tết cổ truyền của dân tộc. Công tác bảo vệ hầu như không chuẩn bị trước ở các địa điểm vì Bác không cho biết trước nơi đến thăm. Nhưng các chiến sỹ bảo vệ đã linh hoạt, sáng tạo, biết dựa vào quần chúng nhân dân, phối hợp thống nhất với các lực lượng bảo vệ, chính quyền địa phương nên đã đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Bác và đạt được yêu cầu về chính trị.

Vào dịp Tết Bính Tuất (năm 1946), Tết độc lập đầu tiên của nước Việt Nam mới ra đời, đồng bào cả nước rất vui mừng phấn khởi, riêng Thủ đô Hà Nội, nhân dân tổ chức Tết mừng cách mạng thành công nên đường phố nhộn nhịp đông vui khác thường.

Chiều 30 Tết, Bác ở Bắc Bộ phủ về nhà ở số 8 Lê Thái Tổ sớm hơn mọi ngày, Người đã có kế hoạch đến thăm một số gia đình ở Hà Nội xem việc chuẩn bị Tết

độc lập như thế nào? Đến 7 giờ tối, các chiến sĩ bảo vệ gồm Nguyễn Văn Lý (tức Hoàng Hữu Kháng), Nguyễn Hữu Tạ (tức Tạ Quang Chiến), Vũ Long Chuẩn (tức Vũ Kỳ) cùng Bác lên chiếc xe ô tô con do đồng chí Hà Ngọc Nguyên lái đưa Bác đến thăm một số gia đình ở ngõ Hàng Dừa thuộc phố Sinh Từ (nay là phố Nguyễn Khuyến), phố Hàng Lọng (nay là phố Lê Duẩn) và phố Hàng Vôi. Sau đó Bác trở lại nhà số 8 Lê Thái Tổ. Quần áo và đồ dùng hoá trang do đồng chí Nguyễn Lương Bằng chuẩn bị mang đến từ sớm theo yêu cầu của Người.

Sắp đến giờ giao thừa, Người và đồng chí Vũ Long Chuẩn hoá trang như một ông đồ nho và một môn sinh cùng đi bộ hoà vào dòng người đến thăm đền Ngọc Sơn đón giao thừa với đồng bào Thủ đô.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trên đường trở lại chiến khu Việt Bắc, tối ngày 30 Tết Đinh Hợi 1947), tại xã Cần Kiệm (Thạch Thất, Sơn Tây), cơ quan Phủ Chủ tịch bố trí xe ô tô đưa Bác đi họp Hội đồng Chính phủ tại Sài Sơn, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Quốc Oai - Hà Tây). Các đồng chí bảo vệ Nguyễn Văn Lý và Vũ Long Chuẩn đi cùng xe bảo vệ Người. Đồng chí Phạm Văn Nến lái xe. Trên đường đi, trời mưa to đường trơn lầy lội lại hẹp nên ô tô vừa chạy được một quãng thì sa một bánh xe xuống ruộng. Các đồng chí cùng đi phải vào xóm gần đó liên hệ dân quân du kích địa phương ra kéo giúp đưa xe lên an toàn. Khi đó Người hoá trang như một cụ già bình thường, khăn quàng kín cổ che lấp bộ râu nên mọi người đi lại trên đường đều không nhận ra Bác.

Đến 9 giờ tối, xe mới tới được địa điểm họp. Đây là cuộc họp tất niên của Hội đồng Chính phủ. Phát biểu với Hội đồng, sau lời chúc mừng năm mới, Người nhấn mạnh ba công việc chính cần xúc tiến gấp là tổ chức tốt việc tản cư, di cư, công tác động viên nhân dân và đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Họp xong đúng 10 giờ 30 phút, Người lên xe đến Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam đặt tại chùa Trầm ở Chương Mỹ, Hà Đông (nay thuộc huyện Hoài Đức, Hà Tây). Mưa nặng hạt hơn, đường trơn lầy lội, nhiều lúc xe không đi nổi phải xuống đẩy. Gần đến giao thừa xe mới tới nơi. Đúng giao thừa, Người vào buồng máy đọc bài thơ chúc Tết gửi đồng bào cả nước nhân dịp đón xuân mới. Đọc xong, Người nói chuyện thân mật với anh chị em cán bộ, nhân viên Đài phát thanh và cảm ơn sự cù trù trì tại chùa Trầm, chúc nhà chùa sang năm mới luôn “Cầu Phật” cho kháng chiến chóng thành công.

Ở Việt Bắc, mặc dù điều kiện kháng chiến gian khổ, khó khăn thiếu thốn nhưng Tết năm nào Bác cũng đi thăm và chúc Tết các cơ quan, đoàn thể, các đơn vị bộ đội và đồng bào các dân tộc.

Tết Kỷ Sửu (1949), đúng giao thừa, anh em bảo vệ đưa Bác đến thăm và chúc Tết cán bộ, nhân viên Văn phòng Phủ Chủ tịch lúc đó đang đóng ở Sơn Dương, Tuyên Quang. Anh em đốt lửa liên hoan. Nửa bển lửa nổ lộp bộp như pháo. Không khí đêm liên hoan đón giao thừa thật vui vẻ. Chúc Tết mọi người xong, Bác lấy cam mừng tuổi mỗi đồng chí một quả và nói:

- Quà Tết của đồng bào tặng Bác, Bác biểu các chú.
- Mọi người cầm quả cam Bác trao mà xúc động nghẹn ngào không nói lên lời.

Hoà bình lập lại trên miền Bắc vào dịp Tết Nguyên Đán, Bác vẫn giữ nếp truyền thống tốt đẹp đó. Các đồng chí Phạm Lê Ninh, Phan Văn Xoàn, Nguyễn Tùng, Tăng Văn Soát, Nguyễn Tất Liên, v.v... luôn được Cục cảnh vệ bố trí bảo vệ Bác trong các chuyến đi này. Những nơi Bác đến thăm và chúc Tết thường nhiều hơn và xa hơn, không chỉ riêng ở Hà Nội mà ở các địa phương khác nữa.

Tết Kỷ Mùi (1955) Bác thăm thị xã Bắc Giang và Thái Nguyên. ở đập Thác Huống, Bác chúc Tết cán bộ, công nhân và dân công ở lại ăn Tết tại công trường. Bác tặng công trường một số huy hiệu của Người để làm phần thưởng thi đua.

Tết Bính Thân (1956), Bác lên thăm và chúc Tết cán bộ, công nhân Việt Nam và các chuyên gia Trung Quốc, công nhân Âu Phi đang xây dựng cầu Việt Trì.

Tết Ất Tỵ (1965), Bác đi thăm và chúc Tết cán bộ, công nhân Nhà máy điện Uông Bí và mỏ than Vàng Danh ở Quảng Ninh. Người nhắc nhở. “Phải giữ gìn tốt máy móc vì đó là do mồ hôi máu thịt của nhân dân ta mà ra”.

Tết Bính Ngọ (1966), Bác thăm và chúc Tết cán bộ chiến sĩ đại đội 27 bộ đội công binh quân khu 3. Người thăm nơi ăn ở, hỏi thăm tình hình ăn Tết và chụp ảnh chung với bộ đội. Trước khi về, Người căn dặn: “Năm nay là năm Ngựa, chúng ta phải biết phi nước đại, tiến nhanh như Thiên Lý Mã của Triều Tiên, lập nhiều chiến công to lớn hơn nữa”.

Mồng 1 Tết Đinh Mùi (1967), Bác đến thăm và chúc Tết Trung đoàn không quân tiêm kích 921 (Đoàn Sao Đỏ). Người tặng quà Tết cho cán bộ chiến sĩ và

chúc không quân nhân dân: “Đoàn kết, học tập tiến bộ, đánh giặc, đạt nhiều thắng lợi mới”.

Tết Kỷ Dậu (1969) Bác đến thăm và chúc Tết nhân dân xã Vật Lại (Ba Vì, Hà Tây). Người cùng nhân dân xã Vật Lại khai xuân trồng cây trên đồi Vật Lại. Buổi trưa dưới bóng cây bạch đàn trên đồi Vật Lại, Người thân mật nói chuyện và chúc Tết nhân dân địa phương. Người nói: “Các cụ thì biết chuyện cũ, chuyện mới, nhưng các cháu ngày nay chỉ biết chế độ dân chủ cộng hoà. Đất nước bây giờ là của ta cho nên cần phải thi đua sản xuất giỏi trồng cây giỏi”.

Đối với lực lượng cảnh vệ, vào những dịp Tết thật bận rộn, anh em không những lo bảo vệ Bác và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đi thăm và chúc Tết các địa phương mà còn cả các đoàn khách quốc tế sang thăm. Bởi vậy cứ vào khoảng 26 hoặc 27 Tết là anh em cảnh vệ thường tổ chức ăn Tết trước. Bác rất quan tâm thăm hỏi tình hình chuẩn bị Tết của anh em cảnh vệ. Bác thường nhắc nhở các đồng chí chỉ huy đơn vị phải lo Tết cho anh em chu đáo và vui vẻ. Nhiều lần Bác cho tiền nhuận bút của Bác để anh em sắm Tết. Do vậy Tết năm nào anh em cũng có bánh chưng, giò chả và có cả bánh kẹo, hoa tươi đón Tết, không khí thật vui vẻ và ấm cúng.

Nay Bác đã đi xa, nhưng hình ảnh của Bác luôn in đậm trong trái tim các thế hệ cán bộ chiến sĩ cảnh vệ. Cứ mỗi độ xuân về, lòng mọi người lại nhớ Bác không nguôi.

P.G.V

NHỚ MÃI MÙA THU NĂM ẤY

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí NGUYỄN XUÂN GIAO
nguyên Phó Cục trưởng Cục Cảnh vệ)

Cuối mùa thu năm 1962, tôi được trực tiếp phụ trách phân đội đến địa điểm khu vực Đá Chông, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây để bảo vệ nơi Bác đến làm việc. Đây là một khu rừng đẹp, thoáng mát. Giữa rừng nổi lên một ngôi nhà nhỏ. Phía trước là con sông lớn nước chảy trong xanh. Bác sẽ làm việc ở đây.

Buổi sớm hôm ấy, trời hơi lạnh, chim rừng hót líu lo, cả phân đội chúng tôi vừa bố trí xong công việc thì có tin Bác lên. Anh em chúng tôi xếp thành đội ngũ để đón Bác. Ai nấy đều hướng cả về phía cổng chính để đón chò xe của Bác. Nhưng chúng tôi lại được cấp trên thông báo cho biết hôm nay nước to, Bác đi bằng máy bay trực thăng. Thế là tất cả chúng tôi lại vội vàng, hướng mọi đôi tai, cặp mắt lên nền trời trong xanh chờ đợi. Bỗng trong hàng, một đồng chí reo lên: Đúng rồi! Đúng rồi! Có tiếng động cơ từ dãy núi bên kia vọng lại. Tiếng động cơ mỗi lúc một rõ dần, rõ dần. Cả phân đội hướng về phía có tiếng động cơ.

- Kia rồi!... Đúng máy bay của Bác kia rồi.

Tôi vừa chỉnh đốn lại hàng ngũ, thì trước mặt chúng tôi, trên khoảng trời thu, một chiếc máy bay trực thăng màu xanh nhạt có in hình cờ đỏ sao vàng,

từ từ hạ xuống. Cánh cửa máy bay vừa mở, tôi chưa kịp nhìn rõ Bác thì trong phân đội đã có tiếng reo.

- Bác!... Bác!...

Chúng tôi và các đồng chí cơ quan đứng đón Bác cũng reo lên: Bác Hồ... Bác Hồ!...

Tiếng hoan hô, tiếng vỗ tay cùng một nhịp hoà thành một âm thanh vang vọng cả núi rừng. Lòng chúng tôi càng rộn lên khi nhìn thấy Bác bước xuống cầu thang máy bay. Bác giơ tay vẫy vẫy, dáng hiên hoà nhưng nhanh nhẹn. Tôi vừa kịp hô phân đội:

- Nghiêm... chào! - Tôi nhanh nhẹn quay lại phía Bác. Đứng cách Bác chừng năm bước, tôi giơ tay chào, định báo cáo nhưng chưa kịp nói thì Bác đã vẫy tôi lại. Lúc này tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì được gặp Bác, thấy Bác khoẻ mạnh. Lo vì không biết Bác vẫy tôi lại để làm gì, tôi vội chạy tới cách Bác chừng hai bước, Bác tiến lại gần:

- Đồng chí xắn tay áo lên cho gọn!

Bác vừa nói vừa đưa tay cầm lấy cổ tay tôi. Nhẹ nhàng, Bác xắn lại cho tôi cái tay áo len mặc trong thò ra dài hơn tay áo cảnh phục mùa đông mặc ngoài. Khi đó tôi mới nhận ra là tôi có lỗi. Trong đời tôi, đây là một kỷ niệm, một bài học sâu sắc. Tôi tự nghĩ: “Tôi đã được Đảng và cấp trên dạy dỗ từ cách xưng hô hai tiếng đồng chí, cách đi đứng, ăn mặc, đến cách chào hỏi, cách xếp gấp quần áo, ba lô, phơi cái khăn mặt, để từng đôi giày, đôi dép sao cho gọn gàng, thẳng thắn. Tất cả những cái đó đã được trong ngành Công an dạy dỗ từng ly, từng tý. Giờ đây trước Bác Hồ, vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của cả dân tộc, của Đảng, tôi lại được Bác trực tiếp dạy bảo. Tôi vô cùng sung sướng

và ân hận”. Sửa tay áo cho tôi xong, Bác dắt tay tôi đi bên cạnh, Bác tươi cười vẫy mọi người đứng đón Bác. Bác đi qua phân đội, tiếng hoan hô, tiếng vỗ tay đón Bác sôi nổi rộn ràng. Bỗng Bác hỏi tôi:

- Đơn vị chú anh em có khoẻ không? Công tác và học tập có tốt không?

- Dạ thưa Bác, anh em trong đơn vị cháu vẫn khoẻ ạ - Tôi tiếp tục báo cáo với Bác về tình hình học tập của anh em.

- Thưa Bác, đơn vị cháu năm nay học xạ kích, bắn đạn thật đạt loại giỏi ạ!

- Học xạ kích là gì? - Bác hỏi lại.

Đây là bài học sâu sắc thứ hai đối với tôi. Tôi biết Bác không hay dùng tiếng nước ngoài, những từ khó hiểu khi nói chuyện với mọi người. Tôi còn nhớ lần một đồng chí cán bộ trung đoàn và báo cáo với Bác về kết quả trồng cây. Đồng chí báo cáo “Tết trồng cây đã trở thành một mỹ tục của toàn dân ta”, Bác sửa lại: “Tết trồng cây đã trở thành một tục lệ tốt đẹp của nhân dân ta” và Bác dặn thêm: “Tiếng nói và chữ viết của dân tộc ta vốn rất giàu, đẹp, tại sao các chú không dùng?... chúng ta chỉ nên dùng tiếng nước ngoài khi nào tiếng nước mình không có”.

Tôi còn đang lúng túng chưa kịp báo cáo lại với Bác thì Bác cười và hỏi tiếp: “Bắn ở cự ly bao nhiêu?” Lúc này tôi đã hiểu ý Bác muốn kiểm tra tôi xem có còn quen dùng tiếng nước ngoài nữa không, nên không nói “khoảng cách” mà lại nói “cự ly”. Hiểu được ý Bác, tôi báo cáo: “Thưa Bác, chúng cháu bắn bia xa hai trăm mét ạ”. Bác cười và khen: “Các chú học đạt kết quả như thế là tốt”. Bác căn dặn tiếp: “Phải chịu khó

học tập, không ngừng nâng cao cảnh giác, đoàn kết thương yêu nhau, chăm lo giữ gìn sức khỏe, cố gắng cải thiện đời sống cho đơn vị ngày một tốt hơn”.

Đã tới phòng làm việc của Bác, tôi đứng nghiêm chào Bác và xin phép Bác trở lại đơn vị, Bác tươi cười nói: “Bác gửi cho mỗi chú một điếu thuốc lá”. Hai tay tôi đưa ra đỡ lấy phần thưởng của Bác, lòng xốn xang và cảm động.

P.G.V

MUỐN BẢO VỆ TỐT PHẢI BIẾT DỰA VÀO DÂN

PHẠM GIA VỆ (Ghi theo lời kể
của đồng chí NGUYỄN THẾ TÙNG)

Tôi được lãnh đạo Bộ Công an điều về làm Cục phó Cục Cảnh vệ từ năm 1956 đến năm 1959. Thời gian tuy ngắn ngủi nhưng tôi có vinh dự được bảo vệ Bác đi thăm các địa phương ở miền Bắc nhiều lần. Mỗi lần đi như vậy đều đọng lại trong tôi những kỷ niệm sâu sắc không bao giờ phai.

Vào dịp cuối năm 1957 đầu năm 1958, Bác đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa về, được nghe báo cáo tình hình hạn hán nghiêm trọng ở một số tỉnh mà trong Bộ Chính trị chưa đồng chí nào đi địa phương theo dõi và chỉ đạo chống hạn, Bác phê bình và Bác chủ động yêu cầu cho Bác đi thăm tỉnh Phúc Yên. Bác yêu cầu cho đi ngay. Thế là tôi và đồng chí Phạm Lê Ninh được đi bảo vệ sát cạnh Bác. Hôm đó, khi xe đến giữa cầu Long Biên thì gặp một xe tải của bộ đội bị chết máy. Nhiều xe ô tô ùn lại trước và sau xe của Bác. Một tình huống thật bất ngờ, đồng chí Ninh nhanh nhẹn xuống xe đi xem xét và quay lại báo cáo: “Thưa Bác! Đồng chí lái xe bộ đội này bướng lắm, chẳng nghe ai giúp đỡ cả?”

Bác quay sang bảo tôi:

- Chú Tùng đi giải quyết xem sao?

- Vâng ạ!

Tôi đáp và vội ra khỏi xe bước nhanh về phía chiếc ô tô bị chết máy. Lúc đó, tôi mặc bộ quần áo bộ đội chuyển ngành cấp sư đoàn, đầu để trần. Gần đến chỗ chiếc xe bị chết máy, tôi nghe nhân dân mách bảo đồng chí lái xe: cách đây khoảng 100 mét có chỗ tránh, cho đẩy xe đến đó mà chữa. Tôi đến chỗ anh bộ đội lái xe, vỗ vai nói nhỏ: “Đồng chí lên cầm lái, tôi vận động bà con đẩy xe đến chỗ tránh mà chữa để xe nhân dân đi và nhất là xe cán bộ đi công tác gấp”. Đồng chí bộ đội lái xe thấy tôi thân mật, nhất là nhìn bộ quần áo “cấp sư đoàn” của tôi, đã vui lòng lên cầm lái, tôi vận động mọi người cùng tôi đẩy xe đến chỗ tránh. Thế là cầu được thông, các xe lại đi tiếp. Tôi quay lại xe lên ngồi cạnh Bác. Bác hỏi: “Ban này chú Ninh nói không được, chú làm thế nào mà họ lại nghe”. Tôi bèn thưa với Bác: “Cháu vỗ vai và thì thầm với anh bộ đội lái xe cho xe đến chỗ tránh mà sửa để cán bộ đi công tác gấp. Trông thấy cháu mặc quần áo bộ đội cấp sư đoàn, chắc anh ta tưởng cháu đi công tác cùng với anh Văn nên thì hành ngay”. Nghe xong, Bác khen: “Chú giỏi lắm. Khéo giữ bí mật, lại công khai, biết vận động quần chúng vào công tác”.

Được Bác khen, tôi rất phấn khởi nhưng thoáng giật mình về tình huống bất ngờ trên cầu Long Biên trong chuyến công tác đột xuất này.

P.G.V

“CẢ NGÀY CHẴNG MUA ĐƯỢC GÌ”

TIẾN MẠNH (Ghi theo lời kể
của Thiếu tướng PHAN VĂN XOÀN
nguyên Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an)

*Xuân Canh Thìn nhớ Bác Hồ, nhớ buổi được đi
chợ Tết với Bác 37 năm trước, Thiếu tướng Phan
Văn Xoàn kể lại.*

Cứ mỗi độ xuân về, khi những cánh hoa đào bắt đầu khoe sắc, báo hiệu một năm mới đến, tôi lại bồi hồi xúc động nhớ lại kỷ niệm sâu sắc nhất của đời mình. Đó là vào dịp Tết cổ truyền năm 1963 (năm Quý Mão), tôi vinh dự được bảo vệ Bác Hồ đi tham quan chợ Tết ở khu vực Bắc Qua - Đồng Xuân.

Trước Tết khoảng một tuần, Bác Hồ trực tiếp nói với đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an Trần Quốc Hoàn bố trí để Bác đi tham quan chợ Đồng Xuân, một trung tâm buôn bán sầm uất ở Hà Nội. Mục đích tham quan chợ Tết của Bác là để biết được sức mua, khả năng nguồn hàng bán ra của nhân dân. Cũng qua đó Bác biết được quan hệ giữa người mua và người bán, phần nào nắm được thực tế cuộc sống và mối quan hệ tốt đẹp của nhân dân ta.

Theo sự chỉ đạo của cấp trên, Cục Cảnh vệ (Bộ Công an) phải có kế hoạch và phương án bảo vệ an toàn tuyệt đối chuyến tham quan chợ Tết của Bác. Chúng tôi và các đồng chí lãnh đạo Cục rất lo lắng, cử anh em khẩn trương đi nắm tình hình khu vực chợ. Dịp Tết người tứ xứ dồn về khu vực chợ Đồng Xuân.

Nếu biết Bác đi tham quan chợ thì mọi người sẽ chen lấn xô đẩy gây khó khăn cho công tác bảo vệ. Một phương án tối ưu đã được cấp trên đồng ý, và khi báo cáo lên được Bác khen ngợi.

Sáng ngày 24-1-1963 (ngày 30 Tết năm Quý Mão), Bác rất vui nên khi hoá trang Người làm rất khéo. Bác đội chiếc mũ cát trắng, đeo kính trắng, mắt kính hình tròn, gọng nhỏ giống kính mà các cụ đồ nho ngày xưa thường dùng. Bác mặc bộ quần áo gụ đã bạc màu, ngoài khoác chiếc áo mưa vải bạt đã sờn vai, chân đi dép cao su, cổ quàng khăn nhiều vòng vừa che kín bộ râu, vừa làm cho khuôn mặt khác đi. Theo phương án, ba Bác cháu cùng đi tham quan chợ được hoá trang bằng mối quan hệ gia đình. Bác là “Bố”, tôi là “con”, đồng chí Phạm Đình, cán bộ tiếp cận của Bác là “cháu”. Người cháu theo ông đi chợ, tay xách chiếc làn mây đựng vài củ hành, mấy củ cà rốt và một ít rau thơm. Người đi ô tô theo đường Phan Đình Phùng đến phố Hàng Đậu, sau đó đi bộ theo đường Nguyễn Thiên rồi rẽ vào Hàng Khoai. Đến cổng phía sau chợ Đồng Xuân, bỗng Bác dừng lại, ngắm nhìn quang cảnh nhộn nhịp ở chợ Bắc Qua rồi rẽ trái đi thẳng vào chợ. Tôi hơi lo, vì trong kế hoạch, Bác không đi chợ Bắc Qua, nên tôi vội mời:

- Bố con mình vào đây đã!

Vừa nói tôi vừa giơ tay chỉ về phía cổng chợ Đồng Xuân. Bác nhìn tôi mỉm cười rồi cầm tay tôi khẽ nói:

- Bố con mình vào đây đã!

Chợ Bắc Qua hôm đó ngổn ngang, chật chội. Tôi vượt lên trước, rẽ lối mời Bác đi. Khi đến chợ Đồng Xuân, Bác quan sát rất kỹ, tìm hiểu thái độ, quan hệ giữa người mua với người bán và giá cả từng loại hàng. Người mua đông như nêm, vài người sơ ý chạm

nhẹ vào tay Bác, họ quay lại lễ phép xin lỗi. Bác gật đầu đáp lại và cười độ lượng. Đồng chí Đình đi sau Bác không rời nửa bước.

Tham quan chợ Đồng Xuân xong, tôi mời Bác đến tham quan chợ hoa ở gần đó. Quang cảnh chợ hoa ngày Tết thật tấp nập và đủ màu sắc rực rỡ. Đến một góc phố, bỗng Người dừng lại ngắm nhìn mấy cụ đồ nho ngồi viết câu đối, người mua và người xem đứng vòng trong, vòng ngoài chuyện trò râm ran. Tôi thoáng nhìn thấy vầng trán của Người hơi nhíu lại. Rồi Bác đi tiếp. Đến hàng bán hoa huệ. Bác ngồi xuống chọn một bó huệ tươi và hỏi chị bán hàng.

- Bó huệ này bao nhiêu tiền?

- Dạ thưa cụ, 5 hào một bó.

Tôi lo Bác bị lộ nên nhanh miệng trả luôn 2 hào, dĩ nhiên chị hàng hoa không thể bán được để mời Bác đi. Hiểu ý tôi là vì trách nhiệm bảo vệ, nên Người đứng dậy đi và nói nhỏ để tôi đủ nghe:

- Trả giá như chú thì đi chợ cả ngày cũng chẳng mua được gì!

Thấy Bác không vui, tôi cũng buồn nhưng không hiểu tại sao? Sau này tôi nghĩ ra thì đã muộn. Bác rất thích hoa huệ, thế mà tôi thì thật vô tâm!

Cho đến bây giờ, cứ mỗi lần ra Hà Nội, tôi lại vào Lăng viếng Bác, thăm nơi ở và làm việc của Người. Nhìn thấy những bông hoa huệ ngát hương cắm trên bàn làm việc của Người là lòng tôi lại tê tái vì điều ân hận xa xưa.

T.M

NHỚ LẠI MỘT LẦN CHÚC TẾT BÁC HỒ

PHƯƠNG THANH

(Theo lời kể của bác NGUYỄN VĂN LỪ)

Hàng năm, Tết Nguyên Đán nào cũng vậy, chúng tôi - những chiến sĩ trực tiếp bảo vệ Bác - đều tìm mọi cách để đến chúc Tết Bác Hồ.

Những năm được sống bên Bác, chúng tôi càng thấy rõ đức tính rất giản dị và khiêm tốn của Bác. Bác không muốn làm phiền ai bao giờ, nhất là những nghi thức dành cho Bác. Chúng tôi bàn nhau: phải tìm cách thật khéo làm như tình cờ thì mới có dịp chúc Tết Bác được.

Sáng mừng một Tết năm Nhâm Thìn (năm 1952) tại “Phủ Chủ tịch” ở chiến khu Việt Bắc, từ sớm tôi, đồng chí Hoàng Hữu Kháng, đồng chí Tạ Quang Chiến, đồng chí Hoàng Quốc Trung... đã đứng đợi trước cửa nhà Bác ở, anh nào cũng quần áo chỉnh tề trên ngực lấp lánh huân chương vừa chờ Bác vừa trò chuyện vui vẻ.

Đã đến giờ Bác dậy, chúng tôi im lặng và hồi hộp chờ đợi vì chúng tôi biết Bác dậy rất đúng giờ và hàng ngày cứ đến giờ này dù trời ấm hay trời lạnh, dù mùa hè cũng như mùa đông Bác bao giờ cũng có thói quen đi bách bộ trước khi vào làm việc. Đối với chúng tôi đó là giây phút hạnh phúc nhất trong ngày. Nhưng hôm nay lại là sáng mùng một Tết, không biết Bác có giữ lệ thường ấy hay không.

Bổng cửa mở, Bác khoan thai bước ra sân với chiếc áo bông giản dị khoác trên người, nét mặt hồng hào sáng khoái vui tươi.

Chúng tôi sung sướng hô to:

- Năm mới, chúng cháu kính chúc Bác mạnh khỏe sống lâu.

Chúc Tết Bác xong, chúng tôi phấn khởi ùa đến xung quanh Bác. Bác tươi cười vẫy tay chào chúng tôi và nói:

- Chúc các chú mạnh khỏe, công tác tốt.

Rồi Bác hỏi tiếp:

- Năm nay gia đình các chú ăn Tết thế nào?

Chúng tôi tíu tít đáp lại.

Bác nhìn chúng tôi. Cặp mắt hiền từ của Bác lướt nhanh qua từng đồng chí, thấy nhiều anh trên ngực lấp lánh huân chương, đồng chí thì Huân chương Lao động, Huân chương Kháng chiến, đồng chí thì Huân chương Chiến thắng, Huân chương Quân công... Bác thân mật hỏi thành tích của từng người và từng loại huân chương được thưởng với vẻ hài lòng, Bác nói:

- Các chú ai cũng có huân chương như vậy là có nhiều thành tích nên Đảng, Chính phủ và nhân dân tặng vinh dự này cho các chú. Các chú cần phải phát huy ưu điểm đó. Tuyệt đối không được tự kiêu, tự mãn mà phải khiêm tốn, khắc phục khuyết điểm, luôn luôn học tập để lập nhiều thành tích hơn nữa.

Chúng tôi lắng nghe như nuốt lấy từng lời dạy bảo ân cần của Bác.

Dặn dò chúng tôi xong, Bác vui vẻ nói tiếp:

- Các chú trông đều oai cả. Ai cũng có huân chương còn Bác không có cái nào.

Mọi người đều cười trước câu nói vui của Bác, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước, giờ đây vẫn bộ quần áo giản dị, khoác trên mình chiếc áo bông đã bạc màu, ngực không một tấm huân chương; bất giác chúng tôi nhớ lại giờ phút vô cùng cảm động khi Quốc hội nước ta có ý định tặng Bác Huân chương Sao vàng, huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta. Bác đã nói: “Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Tổ quốc hoà bình, thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà. Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi huân chương cao quý đó”.

Chừng như không nén nổi xúc động, một đồng chí lễ phép:

- Thưa Bác, vì Bác nhường cho chúng cháu và cho tất cả mọi người ạ.

Sợ ảnh hưởng đến thời gian của Bác, chúng tôi xin phép Bác ra về, đem theo hình ảnh và những lời dạy bảo ân cần của Bác, lòng thầm nghĩ phải cố gắng nhiều hơn nữa để xứng đáng với tình thương bao la của Bác.

P.T

BẢO VỆ BÁC HỒ NHỮNG NGÀY TIẾP QUẢN THỦ ĐÔ

*PHƯƠNG THANH**

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi, Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo cao cấp cùng các cơ quan Trung ương, Chính phủ rời căn cứ địa Việt Bắc về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, tiếp tục lãnh đạo nhân dân ta làm cách mạng.

Kế hoạch bảo vệ Bác Hồ về tiếp quản Thủ đô được Trung ương chỉ đạo thống nhất và hết sức chặt chẽ. Trung ương giao cho đồng chí Lê Thanh Nghị, ủy viên Trung ương Đảng, Chánh văn phòng, thành lập một tổ công tác tiền trạm để gấp rút tiến hành những công việc chuẩn bị đón Bác, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cơ quan Trung ương, Chính phủ về Hà Nội. Đồng chí Lê Thanh Nghị trực tiếp chỉ định những đồng chí trong tổ công tác tiền trạm gồm: đồng chí Tạ Quang Chiến (Văn phòng Phủ Thủ tướng, phụ trách thanh niên xung phong), đồng chí Phan Văn Xoàn và đồng chí Quách Quý Hối (Cục Cảnh vệ), đồng chí Nông Đức Chiến (Bộ Tổng tham mưu), đồng chí Tạ Đình Hiến (Chính ủy Trung đoàn 600). Tổ công tác nhanh chóng xây dựng kế hoạch bảo vệ trên đường về, tính toán từng trạm nghỉ dừng chân trên đường, phối hợp với Ban tài chính quản trị Trung ương lo địa điểm nơi ở và làm việc của Bác, bố trí lực lượng trinh sát và

phối hợp với công an địa phương có liên quan kết hợp bảo vệ.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tổ công tác tiền trạm được lệnh quay lại chiến khu Việt Bắc để đón Bác Hồ về Hà Nội. Đoàn bảo vệ Bác và một số đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng ngay từ đầu tháng 8-1954 đã chuyển địa điểm từ Yên Sơn (Tuyên Quang) về thôn Vai Cây, xã Văn Lãng, huyện Đại Từ, Thái Nguyên theo đường mà tổ công tác tiền trạm chuẩn bị trước. Tại đây Bác đã triệu tập toàn bộ cán bộ, chiến sĩ bảo vệ và phục vụ để căn dặn trước khi về thành phố Hà Nội. Người nói: “Bác cháu ta từng quen chịu đựng gian khổ, nay về Hà Nội địch chiếm đóng lâu năm đầy rẫy những cảnh sống xa hoa, truy lạc nên dễ nảy sinh tư tưởng thêm muôn hưởng thụ. Vì vậy, Bác dặn các cô các chú phải vững vàng, đừng sa ngã trước “viên đạn bọc đường...”. Lời dạy của Bác có ý nghĩa giáo dục vô cùng to lớn đối với lực lượng công an nói chung và lực lượng cảnh vệ nói riêng.

Trong những ngày lưu lại ở thôn Vai Cây, các đội viên bảo vệ đã bảo vệ Bác đến thăm Đền Hùng tại xã Hy Cương, huyện Lâm Thao (nay là huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ). Bác đã đến thăm và nói chuyện với Đại đoàn quân Tiên phong (tức Sư đoàn 308 - lực lượng chủ lực về tiếp quản Thủ đô). Tại buổi nói chuyện, Bác đã dặn cán bộ chiến sĩ: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Nói chuyện xong, Người thăm Đền Hùng và sau đó Người trở lại Vai Cây, nơi dừng chân cuối cùng ở căn cứ địa Việt Bắc trước khi trở về tiếp quản Thủ đô.

Ngày 12-10-1954 đơn vị trực tiếp bảo vệ Bác rời Đại Từ, Thái Nguyên về thị xã Sơn Tây. Đoàn dừng chân ở thị xã Sơn Tây trước khi về Hà Nội. Tại thị xã Sơn Tây, Bác ở và làm việc trong một trạm thủy lợi ngay chân đê thuộc thôn Phù Xa, xã Viên Sơn. Địa điểm này là ngôi nhà cấp bốn nhưng rất thoáng mát, bảo vệ sát nơi nghỉ của Người gồm đồng chí Hoàng Hữu Kháng, Long Văn Nhất, Nguyễn Văn Dũng, Phạm Văn Nền kiêm lái xe.

Ngày 14 tháng 10 năm 1954, Bác rời thị xã Sơn Tây về Hà Nội. Những ngày đầu ở Thủ đô, Bác ở và làm việc tại ngôi nhà trong nhà thương Đồn Thủy (nay là Bệnh viện Trung ương Quân đội). Phòng Bác ở và làm việc là một gian đầu hồi trên tầng hai có cửa sổ nhìn xuống cổng phía đường Trần Khánh Dư, ở vị trí này rất dễ quan sát khi có động tĩnh mà lại thoáng mát. Vì là địa điểm đã được chuẩn bị trước nên công tác bảo vệ không những đảm bảo chặt chẽ mà còn có nhiều thuận lợi. Lực lượng vũ trang của Trung đoàn 600 có một trung đội bảo vệ vòng ngoài, các lối đi, cổng ra vào đều bố trí trạm gác, tuần tra; bên trong do lực lượng bảo vệ tiếp cận canh gác thường xuyên 24/24 giờ. Bác ở và làm việc tại nhà thương Đồn Thủy đến tháng 12-1954 thì Trung ương mời Người về khu Phủ Chủ tịch. Theo ý định của Trung ương, Bác về đây (ngôi nhà Phủ toàn quyền cũ được sửa sang tu bổ lại sạch sẽ) để tiện chủ trì các cuộc họp Chính phủ, tiếp khách trong nước và nước ngoài. Khi nghe đồng chí Nguyễn Lương Bằng báo cáo ý định này của Trung ương, Bác đến xem trước. Khi xem ngôi nhà, Người khen to và đẹp nhưng quyết định không ở và đề nghị

dọn vệ sinh, tu sửa lại căn nhà hai gian gần bờ ao cách Phủ Chủ tịch khoảng chừng 300 mét để ở. Căn nhà này vốn là nơi ở của người thợ điện làm việc cho chế độ cũ, nay bỏ không. Người nói: “Một mình Bác ở như vậy là vừa rồi, lại gần Phủ Chủ tịch nên khi hội họp, tiếp khách đi bộ sang cũng tiện”.

Ngày 19-12-1954 Bác chính thức làm việc tại khu Phủ Chủ tịch. Công tác bảo vệ Bác tại khu Phủ Chủ tịch thời gian này có nhiều thuận lợi, được bố trí gồm hai lực lượng: lực lượng vũ trang của Trung đoàn 600 triển khai các vọng gác và tuần tra; vòng trong lực lượng cảnh vệ lập các trạm gác hoá trang, có bảo vệ tiếp cận ngày đêm nơi Bác ở và làm việc.

Mặc dù tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội ở Thủ đô Hà Nội những ngày mới giải phóng hết sức phức tạp, bọn phản động tay sai đế quốc Mỹ và Pháp như Đại Việt, Việt Nam quốc dân đảng, Phục quốc.. tích cực chống phá ta, tìm cách cài lại bọn tay sai để thực hiện âm mưu phá hoại ta, chúng tìm mọi cách ám hại lãnh tụ, nhưng với sự chỉ đạo thống nhất và chặt chẽ của Trung ương và trực tiếp là Bộ Công an, lực lượng cảnh vệ đã phối hợp với các lực lượng có liên quan bảo vệ an toàn Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng những ngày về tiếp quản Thủ đô Hà Nội.

P.T

NHỚ LỜI BÁC CHÚC XUÂN NĂM ẤY

VĂN CHẤN

Thông thường Bác Hồ có thư chúc mừng năm mới từ Tết dương lịch, thư gửi đồng bào cả nước, thư gửi cho từng ngành, từng giới, nhưng đọc lời chúc xuân Bác chỉ dành vào lúc giao thừa của Tết ta. Vào lúc thiêng liêng thấp nén hương lên bàn thờ tổ tiên, tiễn biệt năm cũ đón năm mới cũng là lúc chờ mong nghe lời Bác chúc xuân.

Ở miền Nam thời kỳ Mỹ - ngụy chiếm đóng, chúng lùng sục gắt gao và cấm đoán đồng bào nghe lời chúc Tết của Bác, thế nhưng không ai có thể ngăn được tấm lòng của đồng bào miền Nam đối với Bác Hồ, cũng như tấm lòng trọn vẹn của Bác Hồ đối với đồng bào miền Nam.

Chuyện kể rằng Tết Đinh Mùi (1967), anh em trong đặc khu Sài Gòn (T4) có kế hoạch đi chúc Tết một số gia đình cơ sở cách mạng nội đô, trong đó có gia đình cụ Dương Minh Thới. Cụ là một nhà giáo yêu nước tiêu biểu ở miền Nam lúc bấy giờ. Gia đình cụ có năm người con thì bốn người con gái đều làm nghề y, người con trai duy nhất thì bị Mỹ - ngụy giết hại. Quà xuân năm đó của các anh khu ủy chỉ có ít trà, thuốc lá và một băng cát - sét ghi lời chúc xuân của Bác. Các anh đến bất ngờ không báo trước nhưng cụ Thới rất vui. Anh Tám Cần (người phụ trách công tác trí vận) thừa với cụ là có mang theo băng ghi lời chúc xuân

của Bác Hồ, mời cụ nghe. Nghe đến đây, cụ sung sướng, mắt sáng lên, giơ tay ra hiệu tạm ngưng giây lát để cụ vào nhà chuẩn bị một việc. Mấy phút sau trở ra, cả cụ ông và cụ bà đều mặc bộ quần áo dài, khăn đóng mới nhất. Hai cụ trịnh trọng ngồi trước chiếc radio để nghe lời chúc Tết của Bác Hồ. Lúc đầu có người tỏ vẻ lo ngại sợ bị lộ, thấy vậy cụ liền trấn tĩnh ngay:

- Phong ba bão táp thì diễn ra ở bên ngoài, ở trong nhà rồi thì không còn gì phải sợ.

Các anh mở đài, lời Bác Hồ đầm ấm đầy truyền cảm vang lên:

*“Xuân về xin có một bài ca
Gửi chúc đồng bào cả nước ta
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi
Tin mừng thắng trận nở như hoa”.*

Hai cụ ngồi nghe một cách trang nghiêm, trịnh trọng, thể hiện sự cung kính tin tưởng Bác Hồ.

Nghe xong cụ ông xúc động đứng lên thay mặt gia đình cảm ơn đoàn thể đã dành cho gia đình cụ một món quà xuân đặc biệt và cụ còn nhờ đoàn thể chuyển ra Bắc lời chúc Bác Hồ mạnh khỏe, sống lâu để lãnh đạo cuộc kháng chiến mau thắng lợi. Ra về lòng ai cũng lâng lâng cảm động về tấm lòng thành kính của gia đình cụ Thới với Bác Hồ.

V.C

NGƯỜI LÍNH CẬN VỆ CỦA CỤ HỒ

VĂN CHẤN

Ở phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội có một cặp vợ chồng già, nguyên là cán bộ cảnh vệ công an nhân dân đã nghỉ hưu. Ông tên là Nguyễn Ngọc Cẩn, còn bà là Lưu Thị Tính. Hai ông bà trước đây mỗi người một nhiệm vụ, nhưng cả hai đều có vinh dự là được bảo vệ tiếp cận và chăm sóc sức khỏe Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt 14 năm, từ 1955 đến 1969.

Mười bốn năm, tuy là một quãng thời gian ngắn ngủi nhưng đã lưu giữ lại nhiều kỷ niệm đẹp đối với vợ chồng ông Cẩn. Hiện giờ, trong chiếc tủ tường phoóc-mi-ca có lắp cửa kính trong suốt như pha lê (tài sản có giá trị nhất của gia đình), ông bà Cẩn đặt những tấm ảnh Cụ Hồ chụp chung với các chiến sĩ cảnh vệ ở vị trí trang trọng nhất. Trong số các tấm ảnh đó, có nhiều ảnh vợ chồng ông được chụp chung với Cụ Hồ. Khách đến thăm nhà, sau khi ngắm những tấm ảnh quý trong tủ kính, mọi người hầu như đều có suy nghĩ giống nhau. Nhiều người bảo ông bà Cẩn là những người hạnh phúc nhất bởi trong suốt 14 năm được gần gũi bảo vệ, săn sóc Cụ Hồ, được Cụ Hồ coi như con cháu trong gia đình. Cũng có người nói vui theo lời dân dã rằng: xưa nay hiếm có trường hợp “thế gian được cả vợ lẫn chồng” như trường hợp vợ chồng ông Cẩn. Quả đúng như vậy, ông bà Cẩn là cặp vợ

chồng duy nhất từ trước đến nay trong lực lượng cảnh vệ Công an nhân dân có vinh dự được bảo vệ Cụ Hồ.

Theo ông Cẩn, để được đứng vào đội ngũ những người bảo vệ, tiếp cận các vị lãnh tụ, nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản thân ông phải tự giác phấn đấu, rèn luyện không ngừng về phẩm chất chính trị, phong cách, lối sống, năng lực công tác... mới lọt được vào “mắt xanh” của cơ quan tổ chức và của các đồng chí lãnh đạo đơn vị. Ông còn khẳng định chỉ khi nào người cán bộ có đủ các tiêu chuẩn cần thiết của một chiến sĩ cận vệ thì lúc đó lãnh đạo đơn vị mới lựa chọn để đào tạo, bồi dưỡng (họ) trở thành cán bộ bảo vệ, tiếp cận lãnh tụ.

Cũng theo ông Cẩn, trong hơn mười năm được sống gần Cụ Hồ, vợ chồng ông còn nhớ như in nhiều kỷ niệm đẹp về Hồ Chủ tịch. Kỷ niệm sâu sắc nhất là lần đầu tiên vợ chồng ông cùng với các đồng chí khác như bảo vệ tiếp cận, thư ký, bác sĩ, nấu ăn... đã được trực tiếp gặp Cụ Hồ. Hôm ấy ai cũng khấp khởi, vừa mừng vừa lo; mừng bởi vinh dự quá lớn lao, hàng ngày được trực tiếp bảo vệ, săn sóc Cụ Hồ; lo vì trách nhiệm hết sức nặng nề mà Đảng và ngành giao phó... Vậy mà khi gặp Cụ Hồ, mọi nỗi lo đều tan biến hết, chỉ còn lại niềm vui bởi tất cả mọi người đều được sống trong tình thương yêu của người Cha già dân tộc. Bà Tính kể: Hôm đó Cụ Hồ vui lắm. Cụ ân cần thăm hỏi từng người về hoàn cảnh gia đình, về nhiệm vụ công tác được giao... Đến lượt bà, Cụ hỏi:

- Cháu ở đoàn thể nào?

- Thưa Bác, cháu là chiến sĩ của lực lượng Công an nhân dân ạ! - Bà Tính thưa.

- Cháu làm nhiệm vụ gì?

- Dạ thưa, cháu được giao nhiệm vụ kiểm nghiệm và đảm bảo về an toàn thực phẩm phục vụ các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước ạ!

Cụ Hồ khen - Phụ nữ thường có tính cẩn thận. Cháu làm việc đó là rất hợp. Rồi Cụ quay sang hỏi chuyện người khác...

Kỷ niệm sâu sắc thứ hai là năm 1961, ông bà Cẩn tổ chức lễ cưới. Cụ Hồ tuy không tới dự được, nhưng Người đã nhờ đồng chí Vũ Kỳ, Thư ký riêng, đến tặng vợ chồng ông một đôi hài rất đẹp. Sau này ông bà Cẩn mới biết đôi hài đó là quà của Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai sang thăm Việt Nam, biếu Cụ Hồ đi cho nhẹ và khỏi lạnh chân trong những ngày mùa đông giá rét. Ông Cẩn bảo đôi hài ấy vừa như có sức mạnh tinh thần lại vừa có cả sức mạnh vật chất, giúp ông vượt qua mọi khó khăn vất vả, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Sau ngày cưới, vợ chồng ông Cẩn được Văn phòng Phủ Chủ tịch sắp xếp cho ở một căn phòng rộng chừng hơn 10m² trong khu Phủ Chủ tịch. Ông Cẩn rất ngại nên đã tìm cách từ chối. Ông giải thích với cán bộ văn phòng rằng, vợ chồng ông đã được đơn vị bố trí nhà ở rồi, xin nhường căn phòng đó cho người khác. Tuy nhiên cán bộ văn phòng lại yêu cầu vợ chồng ông cứ ở đó để tiện việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Cụ Hồ. Vợ chồng ông Cẩn đã chấp hành và ở trong khu vực Phủ Chủ tịch hơn một năm. Năm 1962, khi đứa con trai đầu lòng ra đời, vợ chồng ông xin phép và được Văn phòng Phủ Chủ tịch đồng ý cho chuyển ra khu chung cư của đơn vị cảnh vệ.

Một kỷ niệm sâu sắc khác là vào các dịp Tết Nguyên Đán, Cụ Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường tổ chức cho các chiến sĩ cận vệ, thư ký, bác sĩ, lái xe... ăn Tết cùng với mình ngay trong khu vực Phủ Chủ tịch. Những cái Tết ấy tuy đã đi vào dĩ vãng, nhưng mỗi khi nhắc lại, ông Cẩn vẫn thấy gần gũi như vừa diễn ra hôm nào. Ông xúc động kể lại, trong nhiều lần được ăn Tết với Cụ Hồ, ông và các đồng đội được Cụ Hồ thương yêu như những người con trong gia đình. Cụ đi từng bàn gấp thức ăn và sẻ từng miếng bánh chưng xanh vào bát của từng người. Cụ bảo đất nước mình còn nghèo, các cháu phải ăn cho hết, kéo lãng phí.

Từ năm 1967 trở đi, do sức khoẻ giảm sút, mỗi khi có khách đến tiếp kiến Cụ Hồ, ông Cẩn thường cùng anh em Cảnh vệ phải dìu Cụ từ nhà sàn sang phòng tiếp khách của Phủ Chủ tịch. Cụ Hồ tiếp khách xong, anh em lại dìu Cụ về nhà sàn. Trong hoàn cảnh như vậy, Cụ Hồ vẫn rất lạc quan và hình như Người không muốn làm phiền các chiến sĩ cảnh vệ. Ông Cẩn cho biết, những lúc dìu Cụ đi đến chỗ bằng phẳng. Cụ bảo: Các cháu cứ để Bác tự đi cho gân cốt khoẻ ra để Bác còn vào thăm đồng bào miền Nam...

Quả thật, đồng bào miền Nam luôn ở trong trái tim Bác. Mong ước cháy bỏng của Người là được vào thăm đồng bào miền Nam tuy chưa toại nguyện nhưng con đường cách mạng mà Người vạch ra đã được toàn Đảng, toàn dân biến thành hiện thực kể từ ngày 30-4-1975 - ngày đất nước hoàn toàn thống nhất.

Suốt mười bốn năm làm người lính cận vệ của Cụ Hồ, vợ chồng ông Cẩn đã học được ở người Thầy, người

Cha kính yêu rất nhiều điều bổ ích. Trước hết đó là về phẩm chất đạo đức cách mạng, về phong cách làm việc khoa học, về lối sống thâm trầm chất nhân văn và giàu lòng nhân ái... Học tập đạo đức cách mạng của Cụ Hồ đã giúp ông bà Cẩn vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Giờ đây dấu trong cuộc sống đang còn bộn bề những nghĩ suy, trăn trở... song vợ chồng ông Cẩn vẫn chẳng hề gợn lên một chút tính toán, đòi hỏi thiệt hơn gì về quá trình cống hiến, về chế độ đãi ngộ với riêng mình. Họ vẫn luôn vững tin vào con đường cách mạng mà cụ Hồ và Đảng ta đã lựa chọn, bởi họ là những người lính cận vệ của Cụ Hồ.

V.C

KỶ NIỆM TRƯỚC BỮA ĂN CHIỀU

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí NGUYỄN VĂN LỢI -
nguyên Chính ủy Trung đoàn 600)

Như thường lệ, đến bữa ăn, đồng chí trực ban đơn vị tập hợp đưa anh em vào nhà ăn trước, chúng tôi vào sau. Vừa ngồi xuống thì thấy một số đồng chí ngồi ở ngoài nhốn nháo hẳn lên.

Bỗng có tiếng reo:

- Bác đến!

Mọi người hướng mắt nhìn ra sân đã thấy Bác đang đi vào. Bác mặc bộ quần áo nâu và vẫn đi đôi dép cao su quai to quen thuộc. Bác vui cười niềm nở nhìn về phía chúng tôi:

- Các chú đang ăn cơm à? Chà, may quá! Các chú cho Bác ăn với!

Tôi vội đứng dậy chạy ra định báo cáo thì Bác ngăn lại và bảo:

- Cứ để anh em ăn cơm tự nhiên.

Bác vào nhà ăn, đi đến từng bàn xem anh em ăn uống thế nào? Đến giữa nhà, Bác dừng lại, nhìn chung tất cả một lượt rồi hỏi:

- Các chú ăn có đủ không?

Cả đơn vị đồng thanh trả lời:

- Thưa Bác, đủ ạ!

Một đồng chí đứng ở gần Bác nhất, được Bác hỏi:

- Chú ăn mấy bát?

- Thưa Bác, cháu ăn bốn bát ạ!

Bác cười và hỏi tiếp:

- Thế có no không?

- Thưa Bác, cũng vừa no ạ!

Bác nhìn chúng tôi, thấy người nào da dẻ cũng hồng hào, khoẻ mạnh, Bác cười:

- Béo khoẻ cả đấy chứ!

Lúc này chúng tôi không ai bảo ai, cùng cười vui vẻ và trả lời Bác:

- Thưa Bác, chúng cháu khoẻ lắm ạ!

Bác lại đi về cuối nhà ăn, Bác bảo anh em cứ tiếp tục ăn cơm đi, nhưng ai nấy đều chạy ùa theo Bác. Bác vào nhà tiểu đội nuôi quân, xem xét chỗ ăn ở của anh em rồi Bác đi thẳng vào nhà bếp. Thấy Bác vào, anh em nuôi quân đứng nghiêm chào Bác. Bác hỏi một chiến sĩ trẻ:

- Thế nào, ở đây có nhiều ruồi không?

Tôi thay mặt anh em trả lời:

- Thưa Bác... dạo này ít rồi ạ! Vì sau bữa ăn chúng cháu đều dành mười lăm phút để diệt ruồi.

Bác gật đầu và khen:

- Như thế là tốt, phải đánh cả những giờ khác nữa. Khi đi làm việc, học tập, ở nhà, mỗi chú đều phải đem theo vỉ ruồi, hễ thấy nó đâu là đánh đó. Ta phải phòng bệnh hơn chữa bệnh.

Bác còn căn dặn chúng tôi việc tổ chức ăn ở sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp trong nhà cũng như ngoài doanh trại. Chúng tôi lắng nghe những lời Bác dạy và thấy Bác quan tâm săn sóc chúng tôi rất nhiều. Bác ra đến

giữa sân chột nhìn thấy hai cột gạch cao đứng trơ trọi giữa đường, chắn ngang lối đi vào nhà đơn vị ở (hai cột này đã có từ lâu), Bác dừng lại nắm lấy tay tôi và nói:

- Chú xem ta có nên hạ hai cột ấy xuống đặt vào gốc cây kia làm ghế ngồi mát được không?

Hai cột gạch kia rõ ràng để đó rất chướng mắt lại còn vướng cả lối đi lại của anh em. Ấy thế mà chúng tôi vẫn không nghĩ ra việc sử dụng nó. Bây giờ Bác gợi ý làm ghế ngồi mát cho anh em, tôi thấy đúng quá bèn thưa với Bác:

- Dạ!... Làm được ạ!

Bác tiếp tục hỏi tôi về tình hình đơn vị, đảng viên, đoàn viên và hiện nay đơn vị đang học tập gì, trình độ văn hoá của anh em ra sao, đồng chí học cao nhất là lớp mấy? Bác chăm chú lắng nghe tôi báo cáo, thỉnh thoảng Bác lại gật đầu tỏ ý hài lòng về sự tiến bộ của đơn vị. Chợt Bác quay sang hỏi một đồng chí đứng bên cạnh:

- Chú tên gì? Đi bộ đội lâu chưa?

Bị Bác hỏi bất ngờ, đồng chí đó đứng nghiêm lúng túng chưa biết trả lời thế nào. Tôi liền báo cáo với Bác:

- Thưa Bác! Đồng chí ấy tên là Hiếu, đi bộ đội từ năm 1952, hiện nay phụ trách chiến sĩ. Bác cười hân hậu, chòm râu rung rung:

- Sao lại phụ trách chiến sĩ? Làm chiến sĩ chứ!

Anh em đứng xung quanh cười ồ cả lên làm tôi lại càng lúng túng. Cái bệnh “hay nói chũ” đã được Bác sửa chữa cho nhiều, nhưng lần này không hiểu sao tôi lại báo cáo với Bác như vậy. Đối với sự dạy bảo của Bác, bao giờ cũng thế, tôi thấy thấm thía quá. Lòng yêu thương trù mến của Bác đối với chúng tôi còn hơn

người ông, người cha dạy bảo con cháu từng lỗi nhỏ. Tôi đang suy nghĩ đôi với thiếu sót của mình thì Bác lại hỏi tôi:

- Gia đình chú hiện nay ở đâu? Cháu lớn bao nhiêu tuổi, học lớp mấy rồi? Lương bổng chú bao nhiêu, hàng tháng chú ăn tiêu ra sao?

Niềm sung sướng, nỗi xúc động tràn ngập lòng tôi. Tự nhiên tôi rưng rưng nước mắt vì sự quan tâm của Bác đối với việc rưng rưng tư của mình. Nhưng rồi tôi bình tĩnh lại và báo cáo với Bác. Nghe xong Bác gật đầu vui vẻ:

- Chú nhớ viết thư về nhà, cho Bác gửi lời thăm thím và các cháu nhé. Cả các chú ở đây nữa! - Bác chỉ tay sang các đồng chí đứng bên cạnh rồi nói tiếp:

- Thôi các chú về ăn cơm đi! Bác cũng về ăn cơm đây!

Bác ra về. Chúng tôi đi theo tiễn, Bác khoát tay bảo chúng tôi trở lại. Mấy ngày sau chúng tôi mới biết, sau khi Bác làm việc xong, Bác muốn đến xem tình hình ăn uống của đơn vị. Cũng như nhiều lần được theo Bác về thăm các cơ quan hay địa phương, đến đâu Bác cũng xem xét hỏi han tình hình sinh hoạt, ăn uống của nhân dân, của bộ đội, của các cơ quan. Và bao giờ Bác cũng dặn đi dặn lại là cán bộ lãnh đạo phải thực sự quan tâm đến việc đó.

P.G.V

NHỚ LẦN BÁC VỀ THĂM TRƯỜNG

ÁNH HỒNG

(Ghi theo lời kể của bác VŨ THẾ NGỌC -
nguyên cán bộ Cục Cảnh vệ)

Trong thời gian còn là học viên khoá I Trường Công an Trung ương, tôi đã vinh dự được gặp Bác Hồ. Đó là vào mùa hè năm 1951, tôi được cấp trên cử đi đón Bác về thăm trường. Kỷ niệm đó đến nay đã tròn 50 năm mà vẫn in sâu trong trí nhớ tôi.

Hôm đó vừa ngủ dậy, tôi được đồng chí Hiệu trưởng Trần Dung cho gọi lên nhận nhiệm vụ. Đang băn khoăn không hiểu cấp trên giao cho nhiệm vụ gì, nên tâm trạng tôi hơi lo lo. Vừa vào phòng, đồng chí Trần Dung chỉ vào điện thoại và nói:

- Đồng chí ngồi đợi lệnh của cấp trên:

Lúc sau, chuông điện đổ, tôi nhấc ống nghe. Đầu dây bên kia, đồng chí Lê Giản - Tổng giám đốc Nha Công an Trung ương giao nhiệm vụ:

- Đồng chí ra đồn công an Cầu Cả đón đoàn khách đặc biệt.

Đồng chí còn chỉ thị cho tôi tìm một nhà kín đáo, yên tĩnh, cách trường không xa để đoàn nghỉ 1 ngày 1 đêm.

Tôi khẩn trương chuẩn bị rồi lên đường. Ra đến đồn công an Cầu Cả, tôi đã thấy đồng chí Luân - Trưởng đồn, đồng chí Kim Đa và đồng chí Nghiêm Đình Hải cán bộ Đại đội 123 đang chờ tôi. Vì nguyên

tắc giữ bí mật, tôi cũng không dám hỏi chỉ đoán là các đồng chí cán bộ ở miền Nam ra họp. Sau khi hội ý, chúng tôi bàn bạc cụ thể và chọn nhà ông Vàng để đón khách. Khoảng 9h30' vừa chuẩn bị xong thì chúng tôi nhìn thấy từ đằng xa có 4 người đang đi đến. Đi giữa là một cụ già mặc bộ quần áo gụ, đội mũ cát. Tôi hơi ngỡ ngợ, rồi khẽ reo lên: “Bác Hồ! Các đồng chí ơi!”. Tất cả chúng tôi chạy ra đón Bác.

Cùng đi với Bác hôm đó có đồng chí Long Văn Nhất, cán bộ Văn phòng Thủ tướng, đồng chí Kinh Chi (sau này là Cục trưởng Cục bảo vệ quân đội), đồng chí Cao Phòng (sau này là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an).

Theo như kế hoạch, chúng tôi đưa Bác nghỉ ở ngôi nhà sàn của ông Vành, cách đồn công an Cầu Cả 200 mét, còn mấy đồng chí trong đoàn nghỉ tại một nhà khác ở gần đó.

Một buổi chiều, Bác sang thăm trường. Hồi đó học viên của trường là những cán bộ cốt cán ở các địa phương được cử đi học, chủ yếu là trưởng phòng, trưởng công an huyện. Ra đón Bác ở cửa rừng hôm đó có đồng chí Trần Duy Hưng, đồng chí Lê Giản, đồng chí Nguyễn Văn Ngọc và đồng chí Trần Dung Hiệu trưởng nhà trường. Đồng chí Lê Giản mời Bác lên hội trường. Mọi người nhìn thấy Bác, không kìm nổi xúc động reo lên:

- Chúng cháu chào Bác ạ!

Mặc dù đã qui định nhưng mọi người bỏ cả chỗ của mình kéo đến vây quần bên Bác như đàn con lâu ngày mới được gặp cha. Bác giơ tay ra hiệu cho mọi

người im lặng, cả hội trường bỗng im phăng phắc. Bác hỏi đồng chí Lê Giản:

- Lớp học có bao nhiêu người? Có bao nhiêu nữ?
- Thưa Bác! Có 185 người, trong đó có 2 học viên nữ.

- Thế là chưa tốt, nam nữ chưa bình đẳng, bình quyền. Thế công an đối với dân như thế nào?

- Thưa Bác! Công an là bạn của dân.

- Bạn của dân thôi à! Chưa đủ. Công an phải làm đầy tớ của dân, phải kính trọng lễ phép với dân, phải bảo vệ và một lòng phục vụ nhân dân. Các chú là công an nhân dân, phải tuyệt đối trung thành với Đảng, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải không ngừng rèn luyện để nâng cao nghiệp vụ. Tuyệt đối không được bắt oan.

Tiếng nói của Bác ấm áp, truyền cảm. Ở dưới chúng tôi như nuốt lấy từng lời nói của Người. Ai cũng muốn Bác nói chuyện nhiều hơn. Không khí thật ấm áp và gần gũi. Nói chuyện xong, chúng tôi xin phép Bác được chụp ảnh cùng với Người, ai cũng muốn đứng gần Bác. Sợ ảnh hưởng đến thời gian của Bác, đồng chí Lê Giản ra hiệu cho chúng tôi đưa Bác về.

Thời gian vừa qua, tôi có dịp trở lại trường Công an Trung ương, đến thăm nhà ông Vàng, ôn lại kỉ niệm những ngày được gần Bác, tôi vô cùng xúc động, như thấy hình dáng Bác trước mặt và tiếng nói ấm áp của Người bên tai.

Á.H

NHỮNG NGƯỜI NẤU ĂN CHO BÁC

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của bà Lê Thị Thanh
và các đồng chí cảnh vệ lão thành)

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, Bác Hồ về Thủ đô Hà Nội. Lúc đầu Bác ở và làm việc tại Bắc Bộ phủ (12 Ngô Quyền) cùng với anh em bảo vệ. Thời gian này Bác ăn cơm cùng với các đồng chí trong cơ quan và anh em bảo vệ do người bồi bếp của tên Thống sứ Pháp trước đây phục vụ. Vì nước nhà mới giành độc lập, nền kinh tế của ta vô cùng khó khăn nên cuộc sống còn rất thiếu thốn. Tiền ăn mỗi người đều phải đóng 200 đồng 1 tháng kể cả Bác và các đồng chí cán bộ cấp cao khác. Tuy vậy so với những năm tháng sống kham khổ nơi rừng núi, điều kiện ở đây được đảm bảo hơn và vệ sinh ăn uống rất sạch sẽ nên sức khỏe của Bác có khá hơn trước. Cứ đến giờ, chúng tôi mời Bác và anh em bảo vệ đi ăn. Bác và các đồng chí cán bộ cao cấp, anh em chúng tôi cùng ngồi ăn một bàn, thức ăn như nhau. Bữa ăn thường duy trì đều đặn có 3 món: Cá hoặc thịt kho, rau xào và canh. Thỉnh thoảng mỗi người được thêm quả chuối tráng miệng. Trong khi ăn chúng tôi không hề thấy Bác phê phán và đề nghị điều gì. Tôi còn nhớ, có lần trong bàn ăn, một đồng chí trong cơ quan, sau khi dùng bữa xong đến bên đĩa chuối cầm lên một quả định bóc ăn nhưng thấy quả chuối hơi bị nấu bèn bỏ lại đĩa và chọn một quả khác. Thấy vậy,

Bác lặng lẽ đến bên đĩa chuối lấy quả chuối nấu chín lên và bóc ăn bình thường. Tuy Bác không nói gì nhưng làm chúng tôi day dứt mãi.

Đến khi Chính phủ liên hiệp được thành lập, nhà 12 Ngô Quyền cũng được sắp xếp lại chỗ làm việc, nhà ăn ở đó cũng giải tán. Bác và anh em bảo vệ chuyển về căn nhà số 8 phố Lê Thái Tổ. Anh Nguyễn Lương Bằng được Trung ương phân công phụ trách về tài chính của Bác và phụ trách cả việc chăm sóc sức khỏe cho Bác và một số đồng chí cán bộ cao cấp khác. Anh Cả (tức Nguyễn Lương Bằng) đã chọn về một số người nấu ăn cho Bác mà trước đây đã ở tù cùng với anh trong nhà tù Sơn La. Đó là đồng chí Tiêu Văn Khương. Đồng chí Khương cũng có thời gian làm bồi bếp cho Pháp nên nấu ăn không được hợp với ý muốn và khẩu vị của Bác.

Cuối tháng 12 năm 1946 tình hình ở Thủ đô Hà Nội hết sức căng thẳng, Bác và các cơ quan Trung ương, Chính phủ rời Thủ đô trở lại Chiến khu Việt Bắc lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Bác bảo với anh Cả cho đồng chí Khương đi công tác khác. Thấy anh Cả còn lưỡng lự, Bác nói vui:

- Khi ra khỏi Hà Nội và lên rừng thì chả có cái gì cho Khương nấu cả?

Anh Cả thưa lại với Bác:

- Nếu Bác không cho đồng chí Khương đi, thì ai nấu ăn phục vụ Bác.

Bác trả lời:

- Chú khỏi lo! Bác sẽ bảo các chú bảo vệ nấu ăn cho Bác.

Thế là từ đó, trên suốt chặng đường gần 3 tháng trời trở lại chiến khu Việt Bắc và những năm sau đó,

anh em bảo vệ và phục vụ thay nhau nấu ăn cho Bác nhưng người phục vụ chính là chị Lê Thị Thanh (tức Ngô Thị Ngọc). Chị là người của Ban công tác đội được bổ sung vào tổ bảo vệ và phục vụ Bác. Những năm đầu trở lại Tân Trào (Tuyên Quang) cuộc sống của Bác cũng như anh em bảo vệ vô cùng khó khăn thiếu thốn, bữa ăn chủ yếu là ngô và sắn. Hãn hữu lắm mới có gạo, nhưng gạo cũng đã bị ẩm mục. Anh em bảo vệ thường nấu cơm riêng cho Bác nhưng Bác không bao giờ chịu ăn một mình mà thường chia đều cho anh em. Thấy vậy chị Thanh bèn tìm cách, khi cơm chín, chị nắm thành từng nắm nhỏ chim chim đưa cho Bác nhưng Bác cũng không đồng ý và tự tay Bác chia phần đều cho anh em cùng ăn.

Khi cơ quan chuyển sang huyện Định Hoá (Thái Nguyên) cuộc sống cũng vẫn thiếu thốn trăm bề. Thức ăn chủ yếu là măng luộc chấm muối. Thỉnh thoảng chị Thanh mua của đồng bào dân tộc một ít nếp cum về nấu cháo cho Bác ăn. Thật là “cái khó ló cái khôn”, khi cơ quan di chuyển đến đâu, anh em lại tích cực bắt tay vào trồng rau xanh. Một số anh em săn bắn và bắt cá giỏi như Kháng, Nhất, Ngọc Hà thường được phân công đi săn bắn thú rừng hoặc xuống suối bắt cá để cải thiện thêm bữa ăn. Thấy anh em bảo vệ phục vụ làm những việc đó, Bác thường động viên khuyến khích và Bác cũng hằng hái tham gia như một thành viên.

Hoà bình lập lại, Bác trở về Thủ đô Hà Nội. Trung ương điều về một đồng chí nấu ăn phục vụ Bác. Đó là đồng chí Cẩn. Đồng chí Cẩn là người nấu ăn rất giỏi và hợp với khẩu vị của Bác. Đồng chí được phục vụ nấu ăn cho Bác kể từ đó đến khi Bác qua đời (2-9-1969). Tuy vậy, Bác ăn uống vẫn rất thanh đạm bữa

cơm của Bác chỉ có ít món: Dưa giá muối xối hoặc cà muối, một bát canh thêm đĩa cá nhỏ (nếu đã có món cá thì Bác không dùng thịt và ngược lại). Anh em phục vụ thấy Bác ăn uống như vậy sợ không đảm bảo sức khoẻ nên đề nghị Bác cho tăng thêm các món nhưng Bác không đồng ý. Và chỉ khi nào có khách, Bác mới cho giết gà. Nếu muốn bồi dưỡng cho Bác thì các đồng chí phục phải nói rằng: Giết một con gà nhưng đã chia làm ba, bốn phần gửi biếu các đồng chí khác trong Bộ Chính trị, còn lại phần nấu phục vụ Bác. Có như vậy Bác mới đồng ý.

Vì tình thương và lòng kính trọng, anh em phục vụ luôn tìm cách chế biến sao cho bữa ăn của Bác tuy thanh đạm nhưng phải bảo đảm chất để Bác có sức khoẻ làm việc. Tuy vậy, nếu có món ăn ngon bao giờ Bác cũng cho mời anh Tô (tức Thủ tướng Phạm Văn Đồng), Hoàng Thân Xu Va Nu Vông hoặc các anh khác trong Bộ Chính trị đến ăn cùng.

Bác đi thăm địa phương thời gian dài ngày, anh em phục vụ thường mang bếp đi theo để nấu ăn cho Bác. Trường hợp đi trong một ngày, Bác không dùng cơm ở địa phương đó. Trước hôm đi, Bác bảo anh em bảo vệ nấu xôi từ chiều hoặc nấu sớm từ ba giờ sáng. Bác nói: “Các chú lái xe, bảo vệ thì cho ăn xôi thịt, còn Bác vẫn ăn bình thường (do đồng chí Cẩn nấu mang theo). Buổi trưa đem cơm theo đến quãng nào sơn thủy hữu tình thì Bác cháu ta dừng nghỉ ăn cơm”. Bác còn nói vui: “Bác để tỉnh chiêu đãi thì họ cho mình ăn một nhưng sẽ hết cả con bò? Nếu Bác đến thăm bốn tỉnh như vậy thì kinh tế sẽ lạm phát”.

P.G.V

NHỚ LẠI NHỮNG THÁNG NĂM BÊN BÁC

KIỀU ANH

Đại tá Nguyễn Việt Dũng, nguyên Cục trưởng Cục CSBV, Bộ Công an vinh dự được bảo vệ Bác Hồ trong những tháng năm đầy biến động của cách mạng Việt Nam, Kỷ niệm về những ngày được ở bên Bác mãi mãi ghi sâu trong ký ức của ông.

Ngày ấy, ở một làng quê trung du cảnh vật sơn thủy hữu tình, có cánh đồng rộng thẳng cánh cò bay, xa xa có con sông hiền hoà chảy qua bồi đắp phù sa cho cánh đồng. Làng quê ấy thuộc xã Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Cạn. Thiên nhiên ưu đãi nhưng cuộc sống của người dân rất đói khổ vì giặc ngoại xâm đô hộ. Chứng kiến tất cả nỗi tủi hờn, cơ cực của dân làng, Nguyễn Đức Tây (Việt Dũng sau này) cố gắng học để có ngày giúp ích cho cách mạng. Bởi vậy, Nguyễn Đức Tây theo một người lái buôn về ở trọ tại Thụy Khuê (Hà Nội) để học trường Thăng Long. Giữa năm 1945, Nguyễn Đức Tây bỏ lớp học hoà vào đoàn giải phóng quân cách mạng về giải phóng quê hương. Vui sao những ngày đầu được sống trong độc lập, Nguyễn Đức Tây tham gia vào tổ chức Việt Minh của xã, hằng hái đi tuyên truyền cách mạng. Một sáng, anh giao thông xã ghé qua nhà đưa tờ giấy cuộn nhỏ bằng ngón tay. Mở ra đọc, anh lặng người vì sung sướng: giấy gọi Nguyễn Đức Tây đến làng Tổng Quán gặp đồng chí Hoàng Văn Thái. Đến Tổng Quán, anh được phân

công vào đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân làm công tác tuyên truyền.

Nhằm hợp nhất lực lượng, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân hành quân sang Định Hoá, Thái Nguyên. Trên đường hành quân qua đèo So (giáp ranh Bắc Cạn, Thái Nguyên), đồng chí Hoàng Văn Thái bảo đổi tên để tránh giặc Nhật biết sẽ đốt nhà. Đồng chí đặt tên Nguyễn Đức Kinh là Việt Cường và Nguyễn Đức Tây là Việt Dũng. Tại Định Hoá, Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân sáp nhập thành Việt Nam giải phóng quân. Trường quân chính được mở ở Tân Trào, Việt Dũng được cử đi học. Các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái, Quang Trung giảng các bài quân sự. Mỗi học viên đều được phát một khẩu súng khai hậu. Khoá học kết thúc, đồng chí Hoàng Văn Thái gọi Việt Dũng cùng 2 đồng chí nữa đến nhận nhiệm vụ mới.

Lo không được đánh giặc, Việt Dũng xin đánh vài trận rồi sau đó làm gì cũng được. Đồng chí Hoàng Văn Thái giải thích: “Đây là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Cấp trên đã chọn mặt gửi vàng ở các đồng chí rồi”. Cả 3 người đều xúc động trước vinh dự quá lớn: Tham gia vào đơn vị vũ trang bảo vệ Bác Hồ.

Chòi bảo vệ được dựng bằng vài thanh gỗ dưới gốc cây to, cách nhà Bác ở chừng 100m. Tổ bảo vệ gồm có Việt Dũng và 2 người nữa làm nhiệm vụ canh gác, phân biệt dân trong bản ra suối rửa chân và những người được Bác hẹn đến làm việc. Trường hợp có người lạ định xâm nhập, tổ bảo vệ gõ 1 tiếng mõ cho đồng chí Trường (là người nấu ăn cho Bác) được biết. Từ bếp ăn cách lán chừng 10m, đồng chí Trường phát tín

hiệu báo động cho Bác. Gác ban đêm không có đèn dầu nên mỗi người mang theo 2 nén hương, đốt từng nén một đến khi hết hương thì thay đổi phiên gác. Do thương bạn, nên nhiều người tự nguyện gác luôn cả đêm. Hàng sáng mọi người ngồi tập trung trước lán nghe Bác giảng về Điều lệ Việt Minh, nói về tình hình thời sự. Trước khi giảng sang điều mới, Bác thường gọi một vài đồng chí nói lại nội dung hôm qua đã học. Sau buổi học, mọi người xuống suối rửa mặt rồi vào rừng lấy gỗ, nứa làm thêm lán, trại. Một sáng, không thấy Việt Dũng dậy, Bác đến chỗ ở thấy đang sốt cao liền bảo: “Chú dậy đi để Bác chữa bệnh cho”. Mỗi bữa Bác cho uống 3 viên thuốc chống sốt rét. Khi khỏi ốm, Bác dặn: “Mình có bệnh. Mình phải chống lại nó, chứ không để nó lấn mình”. Một lần, dưới xuôi mang biếu một hộp mật ong của Ôxtrâylia, Bác gọi đồng chí Trường lên mang hộp đến đổ thêm nước đun sôi rồi chia cho mọi người. Trưa hôm đó, ai cũng cầm cái ca làm bằng ống tre luồng để nhận phần quà của Bác.

Làm bảo vệ gần được 2 tháng, Việt Dũng có lệnh nhận nhiệm vụ mới. Trước lúc lên đường, Bác tặng 1 khẩu súng các-bin, bi-đông đựng nước và la bàn. Bác dặn: “Chú cầm lấy để dùng trong công tác, nhớ lập nhiều chiến công đấy!”

Bước vào năm 1946, chính quyền cách mạng non trẻ ở vào tình thế ngàn cân treo sợi tóc. Quân Tưởng kéo về Hà Nội, quân Anh đổ bộ, thực dân Pháp quay lại xâm lược Nam Bộ. Trong khi đó, miền Bắc bị giặc đói và giặc đốt hoành hành. Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ của dân tộc Việt Nam đang chèo chống con thuyền cách mạng vượt qua bão táp. Quân đội của

Tưởng, Anh, Pháp luôn tìm cách để hãm hại Bác. Ban ngày, Bác làm việc tại Bắc Bộ phủ. Ban đêm về nghỉ tại một trong nhiều ngôi nhà ở Hà Nội. Đồng chí Việt Dũng được giao nhiệm vụ bảo vệ ngôi nhà ở phố Hàng Hành, ngôi nhà nằm gần nhà Thủy Tạ và đường tàu điện nên nhộn nhịp người qua lại, mật vụ địch khó phát hiện mỗi khi Bác về đây nghỉ. Bảo vệ vòng ngoài là Công an Hà Nội. Trong nhà có một tiểu đội gác, đồng chí Việt Tử làm tiểu đội trưởng. Để nguy trang, ngoài cổng nhà cấm cò Tưởng, Anh, Pháp như trụ sở của các cơ quan làm việc lúc bấy giờ. Khi xe ô tô đón Bác từ Bắc Bộ phủ về sẽ đi vòng qua nhà mấy lần để kiểm tra. Thấy an toàn, đồng chí lái xe bóp 1 tiếng còi báo cho bảo vệ gác cổng biết. Sau 2 tiếng còi, cổng được mở ngay và xe lập tức đi thẳng vào trong. Nơi Bác ngủ có bố trí một cửa thoát qua mái nhà đi sang phố Hàng Gai (lối thoát này chưa bao giờ sử dụng). Lúc bấy giờ, miền Bắc đang chống chọi với nạn đói. Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào cả nước mỗi tháng nhịn ăn 3 bữa để có gạo cứu đói. Bản thân Bác hàng tuần nhịn ăn một ngày vào thứ sáu: Hàng ngày, Bác dậy làm việc rất sớm, sau đó xuống dưới lán cùng ăn một bát cháo loãng với bảo vệ. Thương Bác làm việc vất vả, chị Thanh (người nấu ăn cho Bác) đã đập trứng giấu xuống dưới lòng bát cháo. Bác ăn thấy vậy liền bảo: “Lần sau đừng làm thế! Các chú bảo vệ ăn như thế này mà Bác ăn như vậy là không được?...” Mỗi bữa Bác dặn chị Thanh luộc 3 củ khoai trừ vào phần cơm. Cuối năm 1946, Bác cùng cơ quan đầu não kháng chiến về ở Hàm Long. Đại đội của Việt Dũng án ngữ ở phía Bắc để bảo vệ.

Năm 1951, đồng chí Việt Dũng cùng đồng đội bảo vệ Bác ở an toàn khu (ATK). Tiểu đội bảo vệ Bác lấy ký hiệu AC. Lúc này quân ta đang thắng lớn ở Chiến dịch Biên Giới và hàng loạt các chiến dịch trong cả nước. Dịch diên cuồng muốn tiêu diệt cơ quan đầu não cách mạng. Chúng dùng mật thám xâm nhập vào ATK để dò la nơi ở của Bác. Có lần địch ném bom cách nơi Bác làm việc chừng 2 đến 3km... Khi Bác đến thăm lớp học chính trị hay một đơn vị vũ trang thì tổ bảo vệ cử người đến trước nắm tình hình và dựng lán trại làm chỗ ở. Nhưng thường Bác không nghỉ ở nơi đó...

Khi Nhà nước quyết định thành lập Cục Cảnh sát bảo vệ, đồng chí Nguyễn Việt Dũng được đề bạt là Phó Cục trưởng. Sau này kiêm Phó Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ông nghỉ hưu khi ở tuổi 68.

Một con người dành trọn đời mình theo Bác, ông rất xứng đáng với lời khen của cố Bộ trưởng Bộ Nội vụ Trần Quốc Hoàn: “Đây là người đã từ lâu đi theo Bác. Chọn người bảo vệ phải như đồng chí ấy...”

K.A

SINH HOẠT NGÀY THƯỜNG CỦA BÁC HỒ

TRẦN VĂN

(Ghi theo lời kể của đồng chí HOÀNG HỮU KHÁNG,
người cận vệ của Bác, nguyên Cục trưởng
Cục Cảnh vệ Bộ Công an)

Tôi trực tiếp bảo vệ Bác Hồ từ năm 1954 đến năm 1959, tiếp đó tôi gián tiếp bảo vệ sau khi tôi được đề bạt làm cán bộ lãnh đạo cảnh vệ Bộ Công an. Tôi xin cố nhớ hết về sinh hoạt của Bác để kể lại cho các đồng chí trong lực lượng công an biết và học tập.

1. Về phân bố thời gian hằng ngày của Bác:

Bác thức dậy lúc 5 giờ sáng, đánh răng, rửa mặt, làm vệ sinh, tập thể dục; 6 giờ dùng bữa lót dạ, 15 phút sau bắt đầu làm việc. Bác thường tự giải quyết mọi việc, văn thư ngắn thì viết tay, dài thì đánh máy chữ, nghĩ đến đâu đánh máy đến đó, nghĩ chưa ra thì lên vông nằm nghĩ rồi viết. Trước khi Bác làm việc, đồng chí thư ký trình bày chương trình công tác hàng ngày và đọc tài liệu để Bác nghe. Việc lớn thì Bác tự giải quyết sau khi xem văn thư, 9 giờ Bác nghỉ làm việc, xem báo chí trong và ngoài nước. Bác đọc cả báo chuyên ngành, gạch bút đỏ những đoạn đáng chú ý để giải quyết; 10 giờ rưỡi Bác dùng cơm trưa, ăn xong Bác lại đọc báo, 11 giờ Bác nghe đài phát thanh 1 tiếng đến 12 giờ trưa thì nghỉ nửa tiếng, rồi tiếp tục làm việc, đến 17 giờ Bác đi tăng gia sản xuất. Trong kháng chiến, chỗ làm việc của Bác có 15 người. Cứ hết giờ là kéo hết đi

tăng gia theo lời Bác gọi “Các chú ơi, đi tăng gia!”, sau đó đánh bóng và đi bơi. Về Hà Nội, Bác vẫn tăng gia và nuôi cá: cá trắm, cá mè, cá rô phi, trong ao cá của Bác có con cá trắm nặng đến 25 kg. Bác gõ mõ gọi cá cho cá ăn cám là chúng bơi đến xúm xít để đớp mồi. Vào những năm cuối đời Bác bị thấp khớp nên Bác tập quyền và đi bộ. 18 giờ Bác dùng cơm tối, sau nửa tiếng là giờ các cán bộ đến đọc các bản tin cho Bác nghe. 21 giờ, Bác nghe đài rồi đi ngủ. Thời khoá biểu này rất đều, không hề thay đổi, trở thành thói quen, bất kể mùa nóng, mùa rét, khoẻ hoặc ốm. Chúng tôi ở gần Bác nên cũng theo thói quen sinh hoạt của Bác.

2. Về rèn luyện thân thể:

Bác thích nhất là đánh bóng chuyên và đi bơi. Khi chơi bóng chuyên chúng tôi cũng cay cú ăn thua cho nên chúng tôi hay “chõm” chỗ Bác đứng mà gõ. Lúc thua, Bác nói đùa: “Tôi không thua, tôi đánh ngoại giao”.

Bác bơi theo lối bơi nghiêng, chân đập tùm tùm nên chúng tôi đặt tên cho kiểu bơi đó là “bơi dưỡng lão” hoặc “kiểu máy bay Đacôta”. Bác mê bơi lắm. Bác biết quyền Trung Quốc. Tôi chỉ thêm cho Bác bài “Bát bộ liên hoa quyền”, sáng nào Bác cũng tập. Những ngày mới giành được chính quyền, Bác động viên cả Hội đồng Chính phủ ra tập, người già như cụ Phan Kế Toại cũng ra tập. Sau này khi sang Trung Quốc nghỉ, Bác tập thêm Thái cực quyền. Khi Bác bị thấp khớp nặng, không tập quyền được nữa nên phải chuyển sang tập đi bộ, tập rất đúng thời gian tự quy định, không hề thay đổi, Bác đi rất nhanh, rất tích cực, rất đều, khi ốm tập ít và nhẹ.

3. Tác phong giản dị:

Về ăn: Năm 1945 về Bắc Bộ phủ. Bác ăn tập thể với Chính phủ. Khi có Chính phủ liên hiệp, Bác phải ăn ở nhà riêng. Anh Nguyễn Lương Bằng và Lê Đức Thọ chọn cho Bác một đồng chí nấu bếp Tây để nấu các món Tây, Bác không chịu; đến khi đi lên chiến khu, Bác cho đồng chí đó đi chỗ khác và giao cho cảnh vệ nấu lấy và ăn chung. Để giữ sức khỏe cho Bác, anh em tìm mua sữa hộp, Bác tiết kiệm 7 ngày ăn một hộp. Biết Bác thích ăn gà luộc, anh em chặt miếng to riêng cho Bác, Bác không chịu, yêu cầu cứ chặt đều để chia đều. Sau này vì phải thay đổi chỗ ở luôn luôn nên phải dùng “muối Việt Minh” thường xuyên (gồm 1kg thịt, 1kg muối và ớt trộn đều). Bác thích ăn cà, dưa, không bỏ hai món này bao giờ.

Về mặc: Từ khi tôi đến bảo vệ Bác, Bác chỉ có 2 bộ kaki, 2 bộ bà ba; khi đi nước ngoài thì thêm một bộ dạ. ít khi Bác dùng sơmi. Trong kháng chiến, Bác dùng nón và dùng được rất lâu. Về Hà Nội, Bác dùng mũ cát. Khi muốn thay đồ dùng cho Bác phải có ý kiến của Bác, không ai được phép tự ý.

Về ở: Vì bí mật, nên Bác phải ở nhà riêng, Bác dặn phải làm nhà đơn giản và tự làm, để giữ được bí mật và dễ di chuyển. Bác dặn chúng tôi chọn địa điểm có thiên thời, địa lợi và nhân hoà, dân tốt, tiến thoái thuận tiện, thoáng khí, “thoáng và kín”, có núi làm hầm, có nước sinh hoạt. Nhà làm nhỏ bốn bề với tay được, tiết kiệm nguyên vật liệu. Sau này rút kinh nghiệm, chúng tôi làm nhà nhỏ hẹp có hàng hiên cho

Bác đi lại. Đồng chí Léo Figuerre của Đảng Cộng sản Pháp lúc đến thăm nhà Bác trên chiến khu Việt Bắc rất kinh ngạc. Nhà của Bác không có gì quý cả. Trong kháng chiến, Bác chỉ có chiếc máy chữ xách tay. Về Hà Nội, nhà sàn có hai gian: một gian để làm việc có một bàn để tài liệu, còn làm việc đều làm ở nhà sàn. Có một đèn, một radiô.

Đi lại: Trong kháng chiến, Bác có một con ngựa, nhưng phần lớn Bác đi bộ. Về Hà Nội có xe Zil nhưng không bao giờ Bác chịu đi, kiên quyết chỉ đi xe Pôbêđa thôi; xe gì đưa cho Bác cũng từ chối, bắt đem trả.

Tinh thần cảnh giác: Trong kháng chiến, bao giờ Bác cũng chọn sẵn địa điểm có lối tiến, lối thoát. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Bác đã ba chục lần di chuyển nhờ đó mới chống được những lần địch nhảy dù xuống tập kích. Địa điểm Bác ở được giữ bí mật nghiêm. Giấy tờ Bác tự đốt. Khi đi công tác bao giờ cũng hoá trang, đi ít người, chống lối cảnh giác lơ đãng làm mất lòng dân như Nguyễn Hải Thần.

Gần gũi quần chúng: Khi gặp dân, trước hết Bác hỏi về đời sống, học tập, sản xuất, gia đình, con cái và cho quà. Xuống địa phương bao giờ Bác cũng gặp anh chị em phục vụ, bảo vệ, vì thế ai cũng mến. Ra nước ngoài, nhờ tác phong đó nên Bác được nhân viên bảo vệ, phục vụ nước ngoài rất quý mến khiến cho công tác bảo vệ lãnh tụ của ta rất thuận lợi. Bác thường cho các nhân viên phục vụ ảnh, chữ ký.

Tinh thần khắc phục khó khăn: Có những lần Bác ốm, sốt rất cao nhưng không bao giờ rên. Đi xa

không bao giờ kêu mệt hay tỏ vẻ mệt, ngược lại Bác còn tìm cách động viên người khác như đọc Kiều, Chinh phụ ngâm... vì thế mà quên cả mệt. Năm nay Bác ốm mà vẫn không để ai trông thấy, kể cả những người quen Bác: “Ai ốm mà chẳng mệt đau, nhưng kêu ích gì? Lại ảnh hưởng đến người khác”. Chưa bao giờ Bác kêu “Ôi trời ơi” hoặc “Chết rồi”, ai nói như thế Bác phê phán.

T.V

CHÚNG TÔI BIỂU DIỄN MAI HOA QUYỀN Ở PHỦ CHỦ TỊCH

ÁNH HỒNG

(Ghi theo lời kể của đồng chí LÊ THỊ THỌ,
cán bộ Cục cảnh vệ)

Cứ mỗi độ xuân về, tôi lại bồi hồi xúc động nhớ lại kỷ niệm sâu sắc và thiêng liêng nhất trong đời tôi, đó là đêm giao thừa Tết Kỷ Dậu năm 1969 tôi cùng đội quyền nữ của Cục cảnh vệ vinh dự được vào chúc Tết Bác Hồ và biểu diễn Mai hoa quyền⁽¹⁾ phục vụ Người và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta.

Hôm ấy vào trung tuần tháng 11 năm 1968, sau khi tham gia hội thảo ở Bộ về, chúng tôi lại trở về đơn vị công tác. Được ít hôm thì lại có lệnh tập trung, đồng chí Phạm Văn Long, phụ trách đội quyền, triệu tập hai mươi chị em chúng tôi lên chỉ thị:

- Theo sự chỉ đạo của cấp trên, đội quyền của chúng tôi tiếp tục đi vào luyện tập.

Nghe đến đây, mọi người xì xào không hiểu hội thảo xong rồi còn biểu diễn gì nữa mà tập luyện, chúng tôi đang băn khoăn thì đồng chí Long nói tiếp:

- Bài “Mai hoa quyền” của chúng ta được tham gia vào chương trình văn nghệ mừng xuân trong đêm giao thừa.

(1) Mai hoa quyền: Môn võ Trung Quốc nhưng đã vào Việt Nam từ lâu, thành bài quyền truyền thống của Cục cảnh vệ.

Thế là những ngày sau đó chúng tôi lại lao vào luyện tập không biết mệt mỏi. Chỉ có điều mọi người chưa ai biết biểu diễn ở đâu, cho ai xem. Lúc đầu chúng tôi đoán chắc biểu diễn cho lãnh đạo cục và cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị xem.

Một hôm, như thường lệ sau buổi tập, đồng chí Long tập trung đội hình, nhận xét về kết quả buổi tập và động viên chúng tôi. Đồng chí còn dặn riêng tôi:

- Là người biểu diễn đơn một lần trước khi cả đội vào biểu diễn nên đồng chí Thọ cần phải cố gắng hơn.

Cuối buổi nhận xét, đồng chí Long mới tiết lộ:

- Bài quyền của chúng ta được chọn làm một tiết mục biểu diễn phục vụ Bác Hồ trong lễ mừng xuân vào đêm giao thừa.

Nghe đến đây, chị em chúng tôi mừng quỳnh cả lên, ai cũng phấn khởi vì sắp được gặp Bác, được vào chúc Tết Bác.

Những ngày sau đó, chúng tôi càng say mê luyện tập hơn, quên cả không khí Tết mà nhân dân Thủ đô Hà Nội đang phấn khởi, tất bật chuẩn bị, mặc cho ngồn ngàng vết tích của những trận bom bắn phá mà giặc Mỹ vừa gây ra.

Sắp đến ngày biểu diễn, chúng tôi được vào tập trung trong phòng gương của Phủ Chủ tịch. Vì xung quanh đều có gương nên vừa tập chúng tôi vừa nhìn thấy mình, như thế rất tiện cho việc sửa chữa, uốn nắn các thế võ và các động tác trong bài quyền.

Tối hai mươi chín Tết, đồng chí Cục trưởng Hoàng Hữu Kháng thay mặt Đảng ủy và lãnh đạo cục đến đội của chúng tôi ở 192b Quán Thánh động viên và giao nhiệm vụ cho chúng tôi:

- Bác Hồ rất quan tâm đến lực lượng cảnh vệ, nhất là công tác nghiệp vụ và rèn luyện sức khoẻ...

Quả vậy, tháng 2 năm 1962, với tình cảm đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Cục Cảnh vệ tại hội nghị tổng kết công tác năm. Người căn dặn một số vấn đề về công tác bảo vệ. Đến nay lực lượng cảnh vệ lấy đó làm đường lối, biện pháp trong công tác. Trong những vấn đề đó, Người có nhấn mạnh: “Muôn bảo vệ tốt thì người bảo vệ phải biết võ giỏi”. Sau lúc đồng chí Cục trưởng xuống giao nhiệm vụ, chúng tôi vừa mừng vừa lo, mừng vì ngày mai được gặp Bác, được chúc Tết Bác, lo vì biểu diễn thế nào đạt kết quả tốt nhất để khỏi phụ lòng tin của Bác với lực lượng cảnh vệ. Đêm hôm đó chúng tôi không sao ngủ được, cứ thao thức mãi. Ngoài trời những cơn gió lạnh cuối đông đang vội vã ra đi nhường chỗ cho màn mưa xuân rơi nhẹ nhẹ.

Sáng 30 Tết, chị em chúng tôi được nghỉ để chuẩn bị cho tối biểu diễn. Ăn cơm chiều xong, chúng tôi được lệnh đến Phủ Chủ tịch. Tắt qua vườn hoa Mai Xuân Thuởng đi vào cổng Đỏ, vì là “người nhà” nên thủ tục kiểm tra đối với chúng tôi nhanh gọn hơn.

Phủ Chủ tịch tối nay thật lộng lẫy và tràn đầy không khí Tết, những cây quất, cây đào, những luống hoa hồng, hoa thược dược... đua nhau khoe sắc cùng những chùm đèn điện màu, sáng lung linh, rực rỡ. Cùng biểu diễn phục vụ Bác hôm ấy còn có các cháu thiếu nhi quận Ba Đình, Đoàn Văn công giải phóng, Đoàn ca múa nhạc Trung ương, Đoàn ca nhạc Đài tiếng nói Việt Nam, Đoàn Nghệ thuật công an vũ trang và một số ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng khác. Trang

phục của các đoàn bạn lòng lấy mang đậm màu sắc dân tộc, màu xanh đồng phục của chúng tôi lại mang dáng vẻ thể thao khoẻ khoắn làm cho không khí ngày hội mừng xuân chúc Tết Bác phong phú hơn. Đúng 18 giờ, Bác vừa bước vào cửa hội trường, tiếng vỗ tay vang dậy, Bác mặc chiếc áo bông trông thật giản dị. Mặc dù Ban tổ chức đã phổ biến nội quy nhưng chẳng ai chịu đứng yên, ai cũng muốn gần Bác. Biết mình thấp, tôi liền len lên phía trước để nhìn Bác được rõ hơn. Bác giơ tay ra hiệu cho mọi người ngồi xuống, còn Bác ngồi ở chính giữa hàng ghế khán giả. Cùng dự buổi biểu diễn đó còn có Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta. Tất cả vừa ổn định trật tự thì các đoàn cử đại diện lên tặng Bác những bó hoa rực rỡ. Tôi nhìn thấy nhiều hoa tươi thắm, đặc biệt đoàn công an vũ trang tặng Bác những sản phẩm do chính đơn vị mình tặng gia được. Bác rất vui, sau mỗi tiết mục của các đơn vị, Bác tặng hoa cho các diễn viên, làm cho không khí đêm liên hoan thật sôi nổi, hào hứng, ấm cúng.

Đến tiết mục múa quyền đơn, tôi rất hồi hộp. Sau động tác chào kiểu nhà võ, tôi thấy Bác vỗ tay nhìn tôi mỉm cười. Tôi nhanh chóng bình tĩnh lại và tập trung cao độ để các thế võ được khoẻ, các động tác di chuyển được mềm mại uyển chuyển hơn. Dù đang biểu diễn nhưng mắt tôi không rời Bác.

Đến lượt cả đội biểu diễn, hai mươi chị em chúng tôi đều tăm tắp, những cánh tay chém vào không khí phân phát. Khi biểu diễn xong bài quyền cũng là lúc kết thúc chương trình văn nghệ. Bác đứng dậy tặng hoa cho chị em chúng tôi. Tặng hoa xong, Người nói:

- Bác cảm ơn các cháu đã biểu diễn cho Bác xem một chương trình mừng xuân rất hấp dẫn. Bác thấy mình trẻ lại. Nhân dịp năm mới, Bác chúc các cháu mạnh khỏe, cố gắng hơn nữa trong công tác của mình.

Bác vừa nói dứt lời, một tràng vỗ tay vang dậy. Mọi người ai cũng muốn gần Bác để được chụp ảnh với Bác. Cho đến nay, bức ảnh mà chúng tôi được chụp chung với Bác mãi mãi là kỷ niệm sâu sắc nhất của đời tôi. Chụp ảnh xong, Bác bắt nhịp cho mọi người hát vang bài *Kết đoàn* và bài *Giải phóng miền Nam*. Giọng hát của các lứa tuổi hoà quyện vào nhau làm cho không khí tung bừng náo nhiệt. Bác cũng vỗ tay theo nhịp của bài hát.

Bây giờ, cứ mỗi khi nhìn lên bức ảnh, tôi lại hình dung buổi biểu diễn phục vụ Bác như vừa mới diễn ra hôm qua. Lòng tôi xúc động nhớ tới công ơn dạy bảo của Bác và tự hứa với bản thân phải cố gắng vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Á.H

NHỚ LẦN BÁC ĐẾN THĂM NHÀ MÁY

PHƯƠNG THANH

(Theo lời kể của bác VŨ VĂN MÙI

- nguyên cán bộ Nhà máy xe lửa Gia Lâm)

Cứ đến ngày sinh nhật Bác, tôi lại bồi hồi xúc động nhớ lại kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời. Đó là vào ngày 19-5-1955, tôi cùng anh chị em công nhân Nhà máy xe lửa Gia Lâm vinh dự được đón Bác Hồ về thăm và nói chuyện. Từ đó đến nay đã 46 năm qua đi, mà kỷ niệm đó vẫn in sâu trong trí nhớ của tôi.

Đầu giờ chiều hôm ấy, tôi đang hướng dẫn anh em công nhân tổ pittông cơ khí đầu máy làm việc. Đang mải mê công việc thì đồng chí Lương Xuân Dục, quản đốc phân xưởng đến nói với chúng tôi:

- Chào các đồng chí! Chiều nay các đồng chí cứ làm việc bình thường, khi nào có lệnh thì ra tập trung ở sân điện.

Thấy dáng vội vã của đồng chí Dục, chúng tôi ngạc nhiên và linh cảm có điều gì quan trọng sắp xảy ra. Nhưng vì kỷ luật và năng suất của nhà máy, chúng tôi quay lại làm việc bình thường.

Lúc sau, nhìn ra cổng nhà máy, tôi thấy một đoàn người đang đi về phía phân xưởng. Đi đầu là một ông cụ mặc bộ quần áo kaki, đầu đội mũ cát, dáng đi nhanh nhẹn. Tôi hơi ngờ ngợ rồi thốt lên:

- Bác Hồ!

Đúng Bác rồi, trong tôi trào dâng niềm xúc động. Tôi cuống quýt gọi anh em:

- Bác Hồ! Bác Hồ các đồng chí ơi!

Mọi người phấn khởi vội vàng chạy đến vây quanh Bác, không ai bảo ai tất cả đồng thanh:

- Chúng cháu chào Bác ạ! Bác Hồ muôn năm!

Bác gật đầu mỉm cười, bắt tay và hỏi chuyện từng người. Thấy chúng tôi còn phải lao động trong môi trường nóng nực, Bác chưa hài lòng. Người quay sang dặn đồng chí giám đốc nhà máy quan tâm hơn nữa đến điều kiện làm việc của anh chị em công nhân.

Sau khi đi thăm các phân xưởng, nhà ăn... của nhà máy, Bác cho gọi tất cả công nhân tập trung nghe Người nói chuyện. Như kế hoạch, chúng tôi kéo về sân điện của nhà máy. Sân điện rộng mênh mông thế mà hôm nay như nhỏ lại. Mặc dù được phổ biến nội quy nhưng ai cũng muốn đứng gần Bác để nhìn Bác được rõ hơn. Có đồng chí vội quá tay vấp dẫm đầy dầu máy. Tôi thì mãi ngấm Bác quên cả bỏ mũ.

Bác khoan thai đi lại gần, ra hiệu cho mọi người trật tự. Sau giây lát, cả nhà máy im phăng phắc. Hàng trăm cặp mắt hướng về Bác, tôi có cảm tưởng như nghe rõ từng tiếng đập của trái tim mình. Bác âu yếm nhìn mọi người rồi mỉm cười, Người nói đại ý:

- Nhà máy này trước kia thực dân Pháp chiếm của ta, các cô các chú phải làm thuê cho Pháp. Bây giờ nhà máy là của ta, các cô các chú hãy thi đua làm nhiều, làm nhanh, làm tốt. Muốn thi đua có kết quả tốt thì phải đoàn kết, phổ biến kinh nghiệm cho nhau, phải bền gan và cố gắng học tập.

Dưới cái nắng đầu hè vàng xuộm, tất cả chúng tôi lắng nghe như nuốt từng lời Bác dạy. Thay mặt toàn thể cán bộ công nhân nhà máy, đồng chí Giám đốc Anh hùng lao động Ngô Gia Khảm đứng lên xúc động nói:

- Thưa Bác! Anh chị em công nhân Nhà máy xe lửa Gia Lâm chúng cháu xin hứa với Bác khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm làm theo lời Bác dạy. Hôm nay, nhân ngày sinh nhật Bác, chúng cháu xin kính chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu.

Vừa dứt lời, những tràng pháo tay kéo dài tưởng chừng như không ngớt. Ai cũng phấn khởi, Bác cũng rất vui. Một nữ đồng chí công nhân lúc trước được Bác tặng huy hiệu của Người vì đã có thành tích trong lao động, vinh dự được cử lên tặng hoa Bác.

Sau ngày Bác đến thăm, cán bộ công nhân nhà máy chúng tôi phấn khởi ra sức thi đua lao động sản xuất. Phong trào nhân điển hình tiên tiến, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật từ đó đã đi vào cuộc sống hàng ngày của những người công nhân Nhà máy xe lửa Gia Lâm chúng tôi.

Ngày Bác đến thăm đã được ghi vào truyền thống vẻ vang của nhà máy. Còn chúng tôi, mỗi khi có dịp trở lại nhà máy lại được nhìn thấy tấm ảnh Bác đang nói chuyện với anh chị em công nhân được treo trang trọng giữa hội trường. Tôi lại xúc động nhớ Bác, như thấy hình dáng Bác trước mặt và tiếng nói ấm áp của Bác bên tai.

P.T

MỘT LẦN LÁI XE CHO BÁC

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí TRẦN HỮU DIỆT)

Vào những năm 1966-1967, máy bay Mỹ tăng cường bắn phá ra miền Bắc, Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước khi đi thăm và làm việc ở các địa phương chủ yếu là bằng xe ô tô. Tôi là chiến sĩ lái xe của Cục Cảnh vệ có vinh dự được lái xe làm nhiệm vụ dẫn đường hoặc tiếp cận xe sau cho Bác Hồ và các đồng chí trong Bộ Chính trị. Cũng có lần tôi được trực tiếp lái xe cho Bác Hồ. Đó là lần Bác đi thăm nước bạn Trung Quốc về, Cục Cảnh vệ nhận nhiệm vụ đưa xe lên đón Bác tại biên giới Việt - Trung. Chuyển đi bảo vệ đó có anh Hoàng Hữu Kháng - Cục trưởng Cục Cảnh vệ, anh Vũ Kỳ - Thư ký và anh Mùi lái xe cho Bác. Tôi làm nhiệm vụ lái xe tiếp cận xe sau cùng đồng chí Phú.

Đến điểm hẹn thì trời đã ngả về chiều. Chúng tôi đón Bác lên xe. Bác cùng đoàn đi theo đường quốc lộ 1B qua tỉnh Bắc Thái và trở về Hà Nội. Khi qua đèo Đình Cả đến một địa điểm đoàn dừng lại để nghỉ và dùng cơm bữa tối. Địa điểm này do Tỉnh ủy Bắc Thái bố trí ở nhà một đồng chí cán bộ ẩn khuất trong một khu rừng gần đường quốc lộ. Đến nơi, các đồng chí trong đoàn vào cả trong nhà, còn Bác vẫn đứng ở ngoài. Bác nhìn bao quát xung quanh rồi chỉ vào khoảng cỏ trống gần đó nói với anh em bảo vệ và lái xe:

- Bác cháu ta ngồi ngoài bãi cỏ này cho đàng hoàng.

Thế là mấy anh em chúng tôi ngồi quây quần bên Bác. Trong giây phút đó, chúng tôi thấy lòng lâng lâng và quên hết cả mệt nhọc. Bác nói với anh Vũ Kỳ:

- Chú Kỳ mang thức ăn đi theo ra đây, Bác cháu ta cùng ăn. Các chú lái xe nhớ ăn cho no để có sức đưa Bác về.

Vâng lời Bác, anh Vũ Kỳ quay về xe và mang lại một bịch thức ăn. Bữa ăn rất đơn giản, gọn nhẹ chỉ có xôi với thịt kho và vài quả chuối ăn tráng miệng.

Chừng 30 phút sau, Bác cùng đoàn lên đường. Lúc này anh em bảo vệ bố trí Bác chuyển sang chiếc xe Gát 69 do tôi lái. Bởi vì đoạn đường từ đây tới cầu Gia Bảy (Thái Nguyên) là địa bàn trọng điểm thường có máy bay Mỹ đến oanh tạc. Chiếc xe Gát 69 do tôi lái được cấu tạo đặc biệt có khả năng chống đạn và mảnh bom tốt. Chả là qua thực tiễn, anh em lái xe chúng tôi đã nảy ra sáng kiến, dùng những tấm thép mỏng lát vào thành và thùng xe dày khoảng 0,7 đến 1 cm. Chúng tôi thử nghiệm bằng cách bắn đạn vào mà không thủng. Bởi vậy nếu tình huống xảy ra thì chúng tôi vẫn bảo vệ Bác được an toàn.

Lần đầu tiên được trực tiếp lái xe cho Bác nên tôi thấy hồi hộp vô cùng. Bác đã ngồi vào xe mà tim tôi vẫn đập rộn lên tưởng chừng như bật ra khỏi lồng ngực. Tôi hít một hơi dài để trấn tĩnh và mạnh dạn thưa:

- Cháu chào Bác ạ!

- Chào chú! Chú có khoẻ không? Có buồn ngủ không?

- Nghe Bác hỏi, tôi bèn thưa:

- Dạ thưa Bác, cháu không buồn ngủ ạ, cháu lo Bác đi xa sợ Bác mệt.

- Bác khoẻ rồi, chú cứ bình tĩnh lái đi. Lời động viên của Bác như có luồng sức mạnh truyền cảm sang tôi. Tôi luôn ý thức tập trung hết tinh lực vào tay lái để bảo vệ an toàn cho Bác. Suốt đoạn đường, sợ Bác mệt nên tôi không dám hỏi chuyện Bác. Khi qua cầu Gia Bảy, anh em bảo vệ lại mời Bác chuyển sang chiếc xe do anh Mùi lái. Xe của tôi lại đi phía sau để bảo vệ.

Đêm đó, chúng tôi bảo vệ Bác cùng đoàn trở về Hà Nội an toàn.

Sau này có một số lần tôi được lái xe bảo vệ tiếp cận xe sau của Bác nhưng lần lái xe trực tiếp cho Bác qua cầu Gia Bảy (Thái Nguyên) vẫn là kỷ niệm sâu sắc, để lại dấu ấn không bao giờ phai mờ trong cuộc đời tôi.

P.G.V

BÁC HỒ LÀ TẤM GƯƠNG VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM

Đối với Bác, lời nói luôn đi đôi với việc làm. Trong cuộc sống hàng ngày, Bác thực sự là tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm.

Sau đây là một số mẫu chuyện của các chiến sĩ cảnh vệ kể về nếp sống giản dị và tiết kiệm của Bác:

Hãy mang đến cho các chú thương binh

Thời gian Bác ở tại ngôi nhà của người thợ điện phục vụ trong Phủ toàn quyền cũ. Căn phòng ở hẹp nên mùa hè rất nóng. Bác thường dùng chiếc quạt bằng mo cau do Bác tự làm. Anh em ở Bộ Ngoại giao thương Bác ở nóng bức nên đã mua biếu Bác chiếc máy điều hoà nhiệt độ do nước ngoài sản xuất. Nhân một hôm Bác đi công tác, anh em phục vụ lắp máy điều hoà vào phòng của Bác. Mọi người rất hồi hộp chờ đợi xem Bác có ý kiến gì không? Vừa về đến nhà, khi bước vào phòng, Bác đứng lại hỏi tôi: “Chú ơi, hôm nay nhà mình có mùi gì “hôi” quá” (chả là chiếc máy điều hoà có một bình bơm nước hoa tự động. Khi máy vận hành thì nước hoa bay ra nên trong phòng lúc nào cũng phảng phất mùi thơm). Biết không giấu được Bác, các đồng chí phục vụ phải trình bày lý do về chiếc máy điều hoà. Không thấy Bác nói gì, mọi người ai nấy đều vui mừng, phấn khởi. Nhưng chỉ đến buổi chiều, Bác cho gọi các đồng chí phục vụ đến, Người

nói: Các chú hãy đem chiếc máy điều hoà này cho anh em thương binh ở Hàng Bột. Hôm Bác đến thăm thấy các chú ấy ở nóng lắm. Còn Bác thì chưa cần. Các đồng chí Trung ương khác còn chưa có sao Bác lại được dùng.

Thế là ngay chiều hôm ấy chúng tôi lại phải chuyển chiếc máy điều hoà cho anh em thương binh theo yêu cầu của Bác.

Ai thích sang thì lấy xe mới

Chiếc xe Pôvêđa là quà của Liên Xô tặng Bác, từ ngày về tiếp quản Thủ đô Bác vẫn dùng. Chiếc xe đã cũ, anh em phục vụ định đổi chiếc xe khác mới và tốt hơn. Thấy vậy, Bác hỏi: “Xe đã hỏng chưa”. Đồng chí lái xe phải báo cáo thật với Bác rằng xe chưa hỏng nhưng muốn đổi xe khác tốt hơn để đi nhanh cho đỡ mệt. Bác nói: “Thế thì chưa đổi; ai cần đi nhanh thì dùng xe khác, ai thích sang thì lấy xe mới, còn Bác thì vẫn dùng xe này vì nó chưa hỏng”.

Tuy vậy, chúng tôi vẫn muốn đổi xe mới cho Bác. Một hôm chúng tôi bàn với đồng chí lái xe, lúc đánh xe đưa Bác đi công tác thì cố ý làm cho xe trục trặc chưa phát máy được. Đồng chí lái xe trình bày lý do vì xe cũ nên máy nóng không chạy nhưng Bác vẫn không đồng ý đổi xe mới. Bác ân cần dặn đồng chí lái xe: “Lần sau chú phải sửa chữa cho cẩn thận kẻo nhờ việc của Bác”.

Thế là vẫn chiếc xe Pôvêđa cũ kỹ, Bác vẫn dùng cho đến ngày Bác đi xa.

Ai cho các cháu may thêm

Bác mặt rất giản dị, người chỉ có hai bộ quần áo ka ki dùng khi tiếp khách. Ở nhà Bác thường mặc bộ bà ba. Có lần Bác đi thăm nước bạn, nhân dân yêu quý Người họ tung hoa làm áo quần Bác bị ố, giặt là không kịp. Các đồng chí phục vụ đã may thêm một bộ giống như loại Bác đang dùng nhưng không cho Bác biết. Tuy đã giặt nhiều lần cho cũ đi nhưng khi mặc Bác vẫn phát hiện ra đó là quần áo mới may. Bác phê bình ngay: “Ai cho các chú may thêm. Bác chỉ cần hai bộ. Nhân dân ta còn đang thiếu vải mặc. Bác dùng như vậy là đủ rồi”. Anh em phục vụ phải trình bày rõ lý do. Nghe xong, Bác bảo: “Thế thì các chú phải nói cho Bác biết chứ không được may trộm”.

Thấy trời nóng mà khi tiếp khách Bác vẫn mặc áo bằng vải kaki, anh em phục vụ đề nghị Bác cho may hai chiếc áo sơ mi dài tay và hai chiếc ngắn tay để Bác dùng thay đổi cho đỡ nóng. Bác nói: “Tiếp khách mà mặc áo đại cán là tôn trọng khách rồi, không cần dùng áo sơ mi nữa”. Quả thật Bác không có áo sơ mi. Ngoài hai bộ ka ki quen thuộc Người chỉ còn một bộ bằng len dạ do Chính phủ Tiệp Khắc tặng. Bác thường dùng khi đến thăm các nước ở xứ lạnh mà chúng ta vẫn thấy trong bộ phim tài liệu Bác đi thăm bè bạn trên thế giới.

Vấn đề không phải là hai đồng rưỡi

Đôi dép cao su của Bác quá cũ đã phải sửa lại nhiều lần bằng cách đóng đinh. Sợ Bác dùng dễ bị xây sát chân nên chúng tôi đề nghị Bác cho thay bằng đôi dép

mới. Chúng tôi còn nói thêm, đôi dép mới cũng chỉ với giá tiền hai đồng rưỡi nhưng Bác vẫn chưa đồng ý cho thay. Người giải thích: “Vấn đề không phải là hai đồng rưỡi mà xem nó có còn dùng được không và đã cần thay chưa. Đôi dép của Bác còn dùng được thì chưa cần thay. Và chỉ đến khi đôi dép thực sự hỏng Bác mới đồng ý cho đổi đôi dép khác.

Khi Bác đến thăm các nước, đôi dép của Người đã gây sự chú ý cho hàng trăm phóng viên báo chí và dư luận rộng rãi của nhân dân. Đôi dép bình dị đã nâng tầm cao vĩ đại của Bác. Nhân dân thế giới vô cùng kính trọng và cảm phục tác phong, đức độ của Người.

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU	5
HỎI CHUYỆN NGƯỜI LÁI XE CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	7
NGƯỜI CHỤP ẢNH LINH CỬU BÁC KỂ CHUYỆN	10
THẮM ĐĂM LÒNG YÊU THƯƠNG CỦA NGƯỜI	14
CÂU CHUYỆN VỀ CHIẾC ÁO CỦA BÁC NGÀY 2-9-1945	18
CUỘC GẶP GỠ LỊCH SỬ	22
MUÔN NGÀN TÌNH THƯƠNG YÊU CHO NÔNG DÂN	25
NGƯỜI PHIÊN DỊCH LUẬT SƯ LÔĐƠBAI KỂ CHUYỆN	29
BÁC VIẾT BÁO VÀ QUAN TÂM PHONG TRÀO TIẾT KIỆM	33
NÔNG DÂN QUẢNG AN HAI LẦN ĐÓN BÁC	38
BÌNH RƯỢU QUÝ CỦA BÁC HỒ	41
NGHÌN THU NHỚ BÁC	45
BÁC HỒ ĐI CHÚC TẾT VÀ CUỘC GẶP MẶT KỶ DIỆU	49
CÂU CHUYỆN KỶ NIỆM TỪ NGƯỜI CHỊ CỦA BÁC	54
60 NĂM TẾT "KIẾN QUỐC"	58
ĐI TÌM NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC BÁC HỒ ĐẶT TÊN	61
MỪNG SINH NHẬT BÁC SAU CHIẾN THẮNG ĐIÊN BIÊN PHỦ	66
CHÚ LÀ HIẾU MÀ LÍNH CỦA CHÚ ÍT HIẾU	70
CÁCH SỬ DỤNG TIỀN BẠC CỦA BÁC HỒ	73
NƯỚC NÓNG, NƯỚC NGUỘI	75
BÁC HỒ RÈN LUYỆN THÂN THỂ	77
BÁC HỒ GẶP LẠI ÂN NHÂN	84
MỘT LẦN BẢO VỆ BÁC ĐI BỎ PHIẾU	87
HAI LẦN GẶP BÁC HỒ	90
VINH QUANG CON ĐỨNG BÊN NGƯỜI	104

BẢO VỆ BÁC HỒ LẦN ĐẦU TIÊN SANG TRUNG QUỐC	116
TỪ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
CHÚNG CON VÀO LĂNG VIẾNG BÁC	121
BÁC VỀ THĂM VĨNH PHÚ	126
PHẢI TIN VÀO DÂN VÀ BIẾT DỰA VÀO DÂN	131
BẢO VỆ BÁC HỒ ĐI CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI	138
KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN	155
NHỚ BÁC, HÃY CỐ GẮNG HƠN	162
BÁC NGHỈ Ở SẦM SƠN	169
ĐỂ PHÒNG "ĐẠN BỌC ĐƯỜNG"	172
NHỮNG LẦN BẢO VỆ BÁC HỒ ĐI CHÚC TẾT	178
NHỚ MÃI MÙA THU NĂM ẤY	183
MUỐN BẢO VỆ TỐT PHẢI BIẾT DỰA VÀO DÂN	187
"CẢ NGÀY CHẴNG MUA ĐƯỢC GÌ"	189
NHỚ LẠI MỘT LẦN CHÚC TẾT BÁC HỒ	192
BẢO VỆ BÁC HỒ NHỮNG NGÀY TIẾP QUẢN THỦ ĐÔ	195
NHỚ LỜI BÁC CHÚC XUÂN NĂM ẤY	199
NGƯỜI LÍNH CẬN VỆ CỦA CỤ HỒ	201
KỶ NIỆM TRƯỚC BỮA ĂN CHIỀU	206
NHỚ LẦN BÁC VỀ THĂM TRƯỜNG	210
NHỮNG NGƯỜI NẤU ĂN CHO BÁC	213
NHỚ LẠI NHỮNG THÁNG NĂM BÊN BÁC	217
SINH HOẠT NGÀY THƯỜNG CỦA BÁC HỒ	222
CHÚNG TÔI BIỂU DIỄN MAI HOA QUYẾN Ở PHỦ CHỦ TỊCH	227
NHỚ LẦN BÁC ĐẾN THĂM NHÀ MÁY	232
MỘT LẦN LÁI XE CHO BÁC	235
BÁC HỒ LÀ TẤM GƯƠNG VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM	238

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
Số 62 Bà Triệu - Hà Nội
ĐT: 04 9439364 - 04 9434044
Fax: 04 9436024



CÔNG TY THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐÌNH TỊ

ĐC: Số 8 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04 2192869 - 04.9334889 - 093 689 6688

Fax: 04 9334943. Email: dinhhti@fpt.vn

NHỮNG NĂM THÁNG BÊN BÁC HỒ KÍNH YÊU

Chịu trách nhiệm xuất bản
MAI THỜI CHÍNH

Biên tập : MINH HIỀN
Bìa : LƯƠNG TÂM
Kỹ thuật vi tính : ĐÌNH TỊ

In 1000 bản - Khổ 13 cm x 20,5 cm - Tại Nhà in Báo thể thao Việt Nam
Giấy chấp nhận ĐKKHXB số: 198 - 2007/CXB/20 - 11/TN
In xong và nộp lưu chiểu Quý 1/2008.

NHIỀU TÁC GIẢ

Tổ chức
Đảng Nhân
HỒ CHÍ MINH

NHỮNG NĂM THÁNG BÊN BÁC HỒ KÍNH YÊU



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
VĂN HÓA VINH

Những năm tháng bên bác hồ kính yêu



2120081079172

NCC: 0031 32,000 VND

Giá: 32.000đ